**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phát biểu cảm nghĩ về con người và sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Truyện ngụ ngôn** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. (1)  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. (2)  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. (3)  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. (4)  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. (5)  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. (6)  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. (7)  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. (8) | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc); thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 20 | 40 | 30 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao* **đề**

**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)**

Đọc câu chuyện sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**Lừa và ngựa**

*Người nọ có một con lừa và một con ngựa. Một hôm, có việc đi xa, ông ta cưỡi ngựa, còn bao nhiêu đồ đạc thì chất lên lưng lừa. Dọc đường, lừa mang nặng, mệt quá, liền khân khoản xin với ngựa:*

*- Chị ngựa ơi! Chúng ta là bạn đường. Chị mang đỡ tôi với, dù chỉ chút ít thôi cũng được. Tôi kiệt sức rồi.*

*Ngựa đáp:*

*- Thôi, việc ai người nấy lo. Tôi không giúp chị được đâu.*

*Lừa gắng quá, kiệt lực, ngã gục xuống và chết bên vệ đường. Người chủ thấy vậy bèn chất tất cả đồ đạc từ lưng lừa sang lưng ngựa. Ngựa bấy giờ mới rên lên:*

*- Ôi, tôi mới dại dột làm sao! Tôi đã không muốn giúp lừa dù chỉ chút ít, nên bây giờ phải mang nặng gấp đôi.*

*Theo* Lép Tôn-Xtôi(*Thuý Toàn dịch*)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**: Truyện "*Lừa và ngựa* " được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyền thuyết B. Cổ tích

C. Ngụ ngôn D. Thần thoại

**Câu 2**: Nhân vật chính trong truyện trên là ai? (2)

A. Lừa B. Ngựa

C. Ông chủ D. Lừa và ngựa

**Câu 3:** Trong câu chuyện trên, lừa khẩn khoản xin ngựa điều gì? (1)

A. Đi chậm lại, chờ tôi với! B. Mau lên chị, sắp trễ rồi!

C. Chị mang đỡ tôi với, dù chỉ chút ít thôi cũng được. D. Chúng ta nghỉ một lát đi chị!

**Câu 4**: Chủ đề của truyện "*Lừa và ngựa"* là gì? (3)

A. Chia sẻ B. Đoàn kết

C. Trung thực D. Giản dị

**Câu 5:** Câu nói của nhân vật ngựa:"*Tôi mới dại dột làm sao!"*thể hiện ý nghĩa gì? (4)

A. Hối hận vì đã không giúp lừa B. Than thở vì quá mệt

C. Đau khổ D. Buồn bã

**Câu 6:** Vì sao nhân vật ngựa từ chối giúp đỡ lừa? (5)

A. Vì ngựa quá mệt B. Vì ngựa ích kỷ

C. Vì ngựa bị đau chân D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 7:** Phó từ "không" trong câu *" Tôi không giúp chị được đâu."* bổ sung ý nghĩa gì? (6)

A. Mức độ B. Sự phủ định

C. Quan hệ thời gian D. Sự tiếp diễn tương tự

**Cậu 8**: Nghĩa của từ *"kiệt sức"* là gì? (6)

A. Chán nản B. Mệt mỏi

C. Không còn sức lực D. Yếu ớt

**Câu 9:** Em rút ra bài học gì từ câu chuyện trên? (7)

**Câu 10:** Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật ngựa qua câu nói: *"Thôi, việc ai người nấy lo." (*Hãy trả lời 2-3 *câu).* (8)

**II. Viết (4 điểm)**

Viết bài văn phát biểu cảm nghĩ về một hoạt động trải nghiệm mà em đã tham gia.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | C | 0.5 |
| **2** | D | 0.5 |
| **3** | C | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | A | 0.5 |
| **6** | B | 0.5 |
| **7** | B | 0.5 |
| **8** | C | 0.5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.  - Bài học về sự chia sẻ, biết quan tâm, giúp đỡ lần nhau trong cuộc sống.  - Chúng ta không nên sống ích kỉ chỉ biết nghĩ cho mình, đến lúc cần sẽ không có ai giúp đỡ ta. | 1.0 |
| **10** | HS nêu được nhận xét về tính cách nhân vật ngựa.  - Câu nói trên thể hiện sự ích kỉ của ngựa  - Ngựa chỉ biết nghĩ và sống cho riêng mình, không biết quan tâm giúp đỡ con vật khác dù là lúc cần thiết  - Cuối cùng ngựa phải gánh chịu hậu quả | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Phát biểu cảm nghĩ về một hoạt động trải nghiệm mà em đã tham gia* | 0.25 |
|  | *c. Phát biểu cảm nghĩ*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.  - Tình cảm trong bài văn phải chân thật, trong sáng.  - Người viết có thể bộc lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0.25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

1. **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) Đọc văn bản sau:**

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn …. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7**

**Thời gian: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.  - Phân tích được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 4 TN | 4 TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)  **Vận dụng:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện cảm xúc của bản thân trước sự việc cần bàn luận.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | 4 TN | 4 TN | 2 TL | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):**

**HS đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

***… Trái đất thân yêu của chúng ta đang nóng lên trong khoảng mấy thập kỉ gần đây. Sự ấm nóng ấy đã, đang làm ảnh hưởng đến Đại dương và bầu Khí quyển bao la. Người ta ví Đại dương giống như người mẹ vĩ đại và Khí quyển là người cha khổng lồ cao vời vợi. Đại dương và Khí quyển – người mẹ, người cha thiên nhiên đó gắn bó thân thiết, thủy chung hàng triệu triệu năm không thể tách rời. Nếu với con người “Biển cho ta cá như lòng mẹ/ Nuôi lớn đời ta tự thuở nào” (Huy Cận), thì Khí quyển lại cho ta nguồn oxy quý giá vô cùng, chỉ vài phút thôi không có oxy, sự sống của con người có thể không tồn tại. Người cha khổng lồ đã dang rộng vòng tay yêu thương, lấy thân mình che chở Trái đất bớt đi những tia tử ngoại của Mặt trời để muôn loài được bình an. Vậy mà loài người đang làm Đại dương và Khí quyển bị tổn thương nặng vì sự ấm nóng lên của Trái đất dẫn đến biến đổi khí hậu…***

***Những hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra khắp nơi không từ một đất nước, dân tộc nào, ảnh hưởng tới nhiều mặt của cuộc sống muôn loài. Đó chính là do sự thay đổi của một vài yếu tố thiên nhiên nhưng nguyên nhân chính vẫn là do các chất khí CO2, metan, … vào bầu khí quyển do các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người đang làm bề mặt Trái đất nóng lên, dẫn đến đại dương nóng lên…***

*(Trích sách “Luyện kĩ năng đọc hiểu theo đặc trưng thể loại” quyển 2 – Nguyễn Thị Hậu chủ biên – NXBĐHQG Hà Nội, trang 79 và 81)*

**Câu 1.** **Văn bản** trên thuộc thể loại gì?

A. Nghị luận

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Biểu cảm

**Câu 2.** Nguyên nhân nào làm Trái đất nóng lên?

A. Con người thiếu oxy

B. Đại dương rộng lớn

C. Các chất khí CO2, metan, ... từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người vào bầu khí quyển

D. Loài người đang làm Đại dương và Khí quyển bị tổn thương nặng

**Câu 3.** Theo em, nhan đề của văn bản trên là:

A. Con người với thiên nhiên

B. Mẹ thiên nhiên

C. Cần bảo vệ cuộc sống của em

D. Biến đổi khí hậu với đại dương và khí quyển

**Câu 4**. Văn bản trên bàn về vấn đề gì trong cuộc sống hiện nay?

A. Giá trị của thời gian

B. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng xấu đến trái đất

C. Giá trị của tri thức

D. Con người và thiên nhiên

**Câu 5**. Câu văn nào sử dụng phép so sánh trong văn bản trên?

A. Sự ấm nóng ấy đã, đang làm ảnh hưởng đến Đại dương và bầu Khí quyển bao la.

B. Trái đất thân yêu của chúng ta đang nóng lên trong khoảng mấy thập kỉ gần đây

C. Những hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra khắp nơi không từ một đất nước, dân tộc nào, ảnh hưởng tới nhiều mặt của cuộc sống muôn loài.

D. Người ta ví Đại dương giống như người mẹ vĩ đại và Khí quyển là người cha khổng lồ cao vời vợi.

**Câu 6.** Hai từ “Đại dương” và “Khí quyển” thể hiện phép liên kết câu nào?

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Tất cả đều sai

**Câu 7**. Bầu khí quyển giúp ích gì cho đời sống con người?

A. Không giúp ích gì cả

B. Cung cấp nước

C. Che chở Trái đất bớt đi những tia tử ngoại của mặt trời

D. Giúp ta học hành, vui chơi

**Câu 8.** Bầu khí quyển rất quan trọng với con người vì cho ta nguồn oxy quý giá vô cùng, chỉ vài phút thôi không có oxy, sự sống của con người có thể không tồn tại. Nhận định này đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 9.** Em hiểu gì về tác hại của biến đổi khí hậu đến cuộc sống con người ngày nay*?*

**Câu 10**. Từ văn bản trên, em nhận thấy mình cần phải làm gì để bảo vệ môi trường em đang sống?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

*------------- Hết -------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| 1 | A | 0.5 |
| 2 | C | 0.5 |
| 3 | D | 0.5 |
| 4 | B | 0.5 |
| 5 | D | 0.5 |
| 6 | A | 0.5 |
| 7 | C | 0.5 |
| 8 | A | 0.5 |
| 9 | Học sinh lí giải hợp lí, thuyết phục. Dưới đây là gợi ý:  Biến đổi khí hậu làm trái đất nóng lên, băng tan, nước biển dâng cao. Ảnh hưởng xấu đến con người.  - Khô hạn kéo dài, bão lũ, sóng thần, động đất  - Sinh vật biển hao hụt  - Thời tiết khắc nghiệt, cháy rừng  - Hao hụt lương thực, chỗ ở bị thu hẹp  - Sức khỏe suy giảm | 1.0 |
| 10 | **HS trả lời những việc làm của bản thân để bảo vệ môi trường mình đang sống. Sau đây là định hướng:**  - Tiết kiệm điện.  - Sử dụng các vật dụng tái chế, hạn chế dùng bao nylon.  - Bỏ rác đúng nơi quy định.  - Thường xuyên vệ sinh phòng và nhà ở.  - Giữ gìn cây xanh.  *(HS trả lời đúng 2 ý được 0,5 đ, đúng từ 3 ý trở lên được 1,0 đ)* | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | ***a. Đảm bảo bố cục bài văn tự sự gồm 3 phần:*** MB, TB, KB. | 0,25 |
|  | ***b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*** Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0,25 |
|  | ***c. Nêu ý kiến, quan điểm của bản thân.***  HS trình bày ý kiến về vấn đề mình quan tâm, cần đảm bảo các ý sau:  - Giải thích những từ ngữ, khái niệm quan trọng  - Trình bày được quan điểm, ý kiến của em  + Khẳng định ý kiến tán thành hoặc phản đối  + Đưa ra lý lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình.  + Nhắn gửi thông điệp về vấn đề trong đời sống  - Khẳng định lại ý kiến và nêu bài học nhận thức của bản thân | 3,0  *0,5*  *2,0*  *0.5* |
|  | ***d. Chính tả, ngữ pháp***  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
|  | ***e. Sáng tạo:*** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0.25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Tản văn, tùy bút | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Tản văn, tùy bút | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phép liên kết.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa chức năng liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh dùng để giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. Giải thích được rõ ràng các quy định về một hoạt động, trò chơi/ hướng dẫn cụ thể theo đúng một quy trình nào đó đối với một trò chơi hay một hoạt động. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề đười sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phép liên kết.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa chức năng liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề đời sống | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện khoa học viễn tưởng | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện khoa học viễn tưởng | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

(In trong *100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

A. 1 cách chơi

B. 2 cách chơi

C. 3 cách chơi

D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 6:** Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 7:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“*Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”*

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 8:** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh.  - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử.  - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử  - Một số giải pháp | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

MÔN: NGỮ VĂN

(Lưu hành nội bộ)

**GIỚI THIỆU MỘT SỐ MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MINH HỌA**

**MÔN NGỮ VĂN**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Truyện đồng thoại, truyện ngắn. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học từ văn bản.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Truyện ngắn, truyện đồng thoại | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**SỰ TÍCH TRẦU, CAU VÀ VÔI**

*Ngày xưa một nhà nọ có Tân và Lang là hai anh em ruột, đặc biệt dáng người và mặt mày giống nhau như đúc, đến nỗi chính người nhà cũng nhiều phen nhầm lẫn. Cha họ là một người cao to nhất trong vùng đã từng được vua Hùng triệu về Phong-châu ban thưởng và đặt tên là Cao. Từ đó gia đình lấy tiếng "Cao" làm tên họ.*

*Hai anh em lớn lên thì cha mẹ nối nhau qua đời. Cả anh lẫn em quyến luyến nhau không chịu rời nửa bước. Người cha trước khi mất có gửi gắm Tân cho một đạo sĩ họ Lưu. Nhưng khi Tân đến theo học thì Lang không chịu ở nhà một mình, chàng cũng cố xin cùng được học với anh một thể. Nhà họ Lưu có một cô con gái cũng cùng lứa tuổi với họ. Để tìm hiểu người nào là anh người nào là em, một hôm cô gái họ Lưu bày ra một mẹo nhỏ. Giữa lúc họ đang đói, nàng chỉ dọn cho họ một bát cháo với một đôi đũa. Đứng sau khe vách, nàng thấy người này nhường cháo cho người kia ăn. Nàng lẩm bẩm: - ''À, ra anh chàng vui tính kia là anh!".*

*Từ đó giữa Tân và cô gái có nhiều cuộc gặp gỡ. Tình yêu giữa hai người mỗi ngày một khăng khít. Thấy thế, đạo sĩ họ Lưu vui lòng gả con cho Tân. Sau khi cưới, hai vợ chồng đến ở một ngôi nhà mới, có Lang ở chung.*

*Từ ngày lấy vợ, Tân tuy vẫn chiều chuộng em nhưng không âu yếm em như trước nữa. Trước kia Lang thường được anh chăm sóc nhưng bây giờ thì chàng có nhiều ngày cô đơn. Lang nhận thấy nhiều khi Tân muốn lánh mình. - ''Phải rồi, anh ấy mê vợ quên ta". Trong lòng Lang đầy chán nản buồn bực.*

*Một hôm Lang và Tân cùng lên nương đến tối mịt mới về. Lang về trước. Chàng vừa bỏ chân lên ngưỡng cửa thì vợ Tân từ trong buồng chạy ra ôm chầm lấy mình. Lang kêu lên. Cái nhầm của chị dâu làm cho cả hai người cùng ngượng nghịu xấu hổ. Giữa lúc đó thì Tân bước vào nhà. Từ đây Lang lại biết thêm một tính tình mới của anh. Tân ghen em. Cái ghen làm tăng thêm sự hững hờ của Tân đối với chàng. Lang vừa giận vừa thẹn. Chàng muốn bỏ nhà ra đi cho bõ ghét. Một hôm trời mới mờ sáng, Lang quyết định khởi hành. Chàng cứ theo con đường mòn đi mãi, trong lòng đầy bực bội oán trách. Đi luôn mấy ngày đường, Lang tới bờ một con sông lớn. Thấy nước chảy xiết, chàng lấy làm ngại ngùng. Xung quanh không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Nhưng Lang quyết không chịu trở lại. Lang ngồi cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nức nở. Sáng hôm sau, Lang chỉ còn là một cái xác không hồn. Chàng đã hóa đá.*

*Tân thấy mất hút em thoạt đầu không để ý. Mãi sau vẫn không thấy em về, Tân bổ đi tìm các nhà quen nhưng cũng không thấy tăm dạng. Biết là em bỏ đi vì giận mình, chàng lấy làm hối hận. Hôm sau nữa, cũng không thấy về, Tân hoảng hốt để vợ lại nhà, cất bước đi tìm. Sau mấy ngày, chàng đã đến bờ một con sông rộng. Không có cách gì qua được Tân đi men dọc sông, cuối cùng thấy em đã hóa thành đá. Tân đứng bên cạnh hòn đá khóc mãi cho đến lúc chỉ còn có tiếng nước cuồn cuộn chảy dưới bờ mà thôi. Tân chết và hóa thành một cây thân mọc thẳng lên trời, bên cạnh hòn đá.*

*Vợ Tân chờ mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm. Nhưng cuối cùng con sông nọ cũng ngăn cản bước chân của nàng. Người đàn bà ấy ngồi lại bên cạnh cây, khóc cạn cả nước mắt. Và sau đó nàng chết hóa thành một cây dây quấn quanh lấy cây kia.*

*Đợi mãi không thấy ba người về, vợ chồng đạo sĩ nhờ mọi người chia nhau tìm kiếm. Trước hòn đá và hai cây lạ, họ chỉ còn biết dựng miếu thờ cả ba người trẻ tuổi ở ven sông. Nhân dân quanh vùng gọi là miếu "anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa".*

*Về sau, một năm nọ trời làm hạn hán rất dữ. Mọi cây cỏ đều khô héo cả. Duy hai cây mọc bên cạnh hòn đá trước miếu là vẫn xanh mượt. Mọi người cho là linh dị. Vua Hùng một hôm ngự giá qua xứ đó. Khi đi qua trước miếu, vua hơi ngạc nhiên vì cảnh lạ cây lạ:*

*- "Miếu này thờ vị thần nào? Mấy loại cây này ta chưa từng thấy bao giờ?".*

*Để trả lời câu hỏi của vua, Lạc tướng cho gọi mấy cụ già ở quanh vùng đến hỏi. Hùng Vương càng nghe, không ngăn được sự cảm động. Vua vạch lá trèo lên nhìn khắp mọi chỗ. Đoạn, vua sai một người trèo cây hái quả xuống nếm thử. Vị chát không có gì lạ. Nhưng khi nhai với lá cây dây thì một vị là lạ đến ở đầu lưỡi: nó vừa ngon ngọt, vừa thơm cay.*

*Tự nhiên có một viên quan hầu kêu lên: - "Trời ơi! Máu!" Mọi người giãn ra kinh ngạc. Thì ra những bãi nhai quả và lá của hai thứ cây đó một khi nhổ xuống đá bỗng đỏ ối ra như máu. Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng người thấy nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi sắc mặt hồng hào tươi đẹp. Vua bảo:*

*- Thật là linh dị! Đúng là họ rồi! Tình yêu thương của họ thật là nồng nàn thắm đỏ.*

*Từ đó vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải gây giống cho nhiều hai loại cây ấy. Điều đáng chú ý là luật của nhà vua bắt buộc trai gái khi kết hôn thế nào cũng phải tìm cho được ba món: trầu, cau và vôi cho mọi người nhai nhai nhổ nhổ một tý để ghi nhớ tình yêu không bao giờ phai lạt. Vì thế từ đó dân Việt mới có tục ăn trầu.*

(Nguyễn Đổng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*,

Tập 1, tr.90-92, NXB Trẻ 2019).

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Truyện *Sự tích trầu, cau và vôi* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Thần thoại.

**Câu 2**. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật Lang. B. Lời của người kể chuyện.

C. Lời của nhân vật Tân C. Lời của vua Hùng.

**Câu 3.** Vì sao Lang theo anh đến học nhà đạo sĩ họ Lưu sau khi cha mẹ qua đời?

A. Vì muốn được học hành, đỗ đạt.

B. Vì quyến luyến không muốn xa anh.

C. Vì muốn giúp anh học tập.

D. Vì chưa thể sống tự lập.

**Câu 4**. Thành ngữ nào sau đây diễn tả đúng tình cảnh của Lang khi chị dâu nhầm lẫn?

A**.** Ba mặt một lời.

B. Một mất mười ngờ.

C. Một duyên hai nợ.

D. Tình ngay lí gian.

**Câu 5**. Tại sao Lang lại bỏ nhà ra đi?

A. Vì vừa giận anh vừa thẹn bởi sự nhầm lẫn của chị dâu.

B. Vì Lang ghen với hạnh phúc của anh và chị dâu.

C. Vì Lang muốn tìm nơi khác để lập nghiệp.

D. Vì Lang vừa đố kị với anh và giận chị dâu.

**Câu 6**. Điều gì khiến vua Hùng cảm động khi nghe các cụ già kể chuyện về ba nhân vật Tân, Lang và cô gái họ Lưu?

A. Số phận oan khuất của ba nhân vật.

B. Trí tuệ hơn người của ba nhân vật.

C. Tình cảm gắn bó giữa ba nhân vật.

D. Tình cảm của dân làng với ba nhân vật.

**Câu 7**. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Sự tích trầu, cau và vôi* ?

A. Giải thích các hiện tượng thiên nhiên.

B. Ca ngợi tình cảm cộng đồng bền chặt.

C. Thể hiện sự cảm thương cho số phận người phụ nữ.

D. Giải thích nguồn gốc tục ăn trầu của người Việt.

**Câu 8**. Tại sao cả ba nhân vật đều bỏ nhà ra đi và gặp nhau ở một điểm?

A. Vì họ theo dấu chân của nhau để tìm nhau.

B. Vì cùng gặp một con sông và không thể qua.

C. Vì họ mỏi mệt không muốn đi tiếp.

D. Vì họ sợ không dám đi tiếp.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

**Câu 10**. Em có nhận xét gì về sự hóa thân (thành đá, cau, trầu) của mỗi nhân vật trong tác phẩm?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Bằng trí tưởng tượng hoặc bằng trải nghiệm thực của mình, em hãy viết bài văn kể lại một giấc mơ đẹp.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
|  | **10** | - Nêu lí do dẫn đến sự hóa thân của các nhân vật, những hình ảnh hóa thân: thành đá, cây cau, dây trầu.  - Đánh giá ý nghĩa, giá trị tư tưởng, nghệ thuật của chi tiết này. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể về một giấc mơ đẹp* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại giấc mơ*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được giấc mơ.  - Các sự kiện chính trong giấc mơ: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm giác sau khi tỉnh giấc. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đối tượng mà văn bản hướng đến.  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học; trình bày được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị của văn bản theo quan niệm của cá nhân. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| 3. Hồi kí hoặc du kí | **Nhận biết:**  - Chỉ ra được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, dựng chân dung con người trong kí.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất trong kí.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tác dụng của giọng kể, ngôi kể, cách ghi chép về con người, sự việc.  - Phân tích, lí giải được vai trò của cái người kể chuyện, người quan sát ghi chép trong hồi kí hoặc du kí.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. |
| 4. Thơ và thơ lục bát | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
|  |  | 3. Tả cảnh sinh hoạt | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là miêu tả; tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những thông tin chính về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt. |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Đi để con được choáng ngợp trước đại dương mênh mông… rung động trước một cánh đồng xanh mướt… hồi hộp nín thở trước những rặng núi hùng vĩ… Đi để con biết mùi mặn của mồ hôi, mùi gió ngai ngái trước cơn dông… đi để con biết kết nối với người lạ, thử những món chưa từng ăn. Đi để con biết cách leo núi, lội ruộng, luồn hang, đốt lửa, nấu cơm, sơ cứu vết thương… Đi để khi trở về con thấy yêu thêm cái nhà nhỏ của mình.*

*Tại sao người ta phải bỏ cả đống tiền, khổ sở đày ải để leo lên đỉnh Everest? Tại sao người ta phải luyện tập thể lực cả tháng trời rồi đáp máy bay tới Việt Nam, mò mẫm trèo đèo lội suối để tới hang Sơn Đoòng? Cảnh đẹp chỉ là một phần. Quan trọng là cái thú vị của quá trình chinh phục và khám phá. Sống là phải được nếm trải cảm giác sung sướng không thể diễn tả của khoảnh khắc “A ha, ta đã làm được!”. Nó đã lắm. Không ngôn từ nào tả được!*

*Mấy mùa Tết gần đây nhà mình sắm Tết chỉ khoảng vài trăm ngàn. Dọn tủ lạnh và thùng rác thật sạch để có thể đi 10 ngày về không bị bốc mùi. Lên đường!*

*Những chuyến đi, luôn luôn tốt hơn! Nước chảy là nước trong, nước đọng là nước bẩn. Có câu nói rằng: “Nếu con người sinh ra chỉ để ở chết dí ở một chỗ, thì người ta đã không cần đôi chân làm gì”. Dù với ngàn năm văn hoá lúa nước, ông bà mình khá lười dịch chuyển thì cũng phải công nhận “đi một ngày đàng học một sàng khôn” mà.*

(Trích *Con nghĩ đi, mẹ không biết!*, Thu Hà,

NXB Văn học, 2016, tr. 198-199)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Đoạn trích mang hình thức là lời tâm sự của ai với ai?

A. Lời của mẹ tâm sự với con.

B. Lời của một người tâm sự với bạn mình.

C. Lời của tác giả tâm sự với độc giả.

D. Lời của con tâm sự với mẹ.

**Câu 2.** Dòng nào sau đây nêu đúng được một trong các mục đích của những chuyến đi?

A. Đi để tìm kiếm cơ hội lập nghiệp.

B. Đi để không choáng ngợp trước đại dương mênh mông.

C. Đi để tránh xa những đau buồn.

D. Đi để thêm yêu ngôi nhà của mình khi trở về.

**Câu 3**. Theo đoạn trích, điều quan trọng nhất của việc trèo lên đỉnh Everest hay tới hang Sơn Đoòng là gì?

A. Rèn luyện sức khoẻ.

B. Niềm vui vì được chinh phục khám phá.

C. Nhìn ngắm cảnh đẹp.

D. Giải trí, thư giãn.

**Câu 4**. Câu “Nước chảy là nước trong, nước đọng là nước bẩn” có hàm ý gì?

A. Là lời khuyên không nên sống quẩn quanh với không gian hạn hẹp.

B. Là lời khuyên về kinh nghiệm chọn nguồn nước.

C. Là lời khuyên nhủ phải bảo vệ môi trường.

D. La lời khuyên về kinh nghiệm làm sạch nguồn nước.

**Câu 5**. Điệp từ “đi” trong đoạn trích có tác dụng gì?

A. Thể hiện thái độ lên án gay gắt với những người thiếu nghị lực vượt khó.

B. Thể hiện thái độ đồng tình với lối sống ham hưởng thụ.

C. Thể hiện niềm say mê khám phá những điều mới lạ, làm mới mình.

D. Thể hiện thái độ lên án lối sống buông thả, thiếu mực thước.

**Câu 6**. Việc dẫn câu tục ngữ “*Đi một ngày đàng học một sàng khôn*” trong đoạn trích có tác dụng gì?

A. Thể hiện thái độ ca ngợi những người được đi nhiều nơi.

B. Tăng tính thuyết phục cho lập luận.

C. Bổ sung dẫn chứng về ý nghĩa của những chuyến đi.

D. Tăng tính biểu cảm cho văn bản.

**Câu 7**. Ngoài việc thuyết phục bằng lập luận, người viết còn thuyết phục người đọc bằng yếu tố nào?

A. Nêu những yếu tố khách quan của cuộc sống.

B. Tình yêu thương, sự mong muốn của người mẹ với con.

C. Tình cảm của người cha dành cho con.

D. Tình cảm của người con dành cho mẹ.

**Câu 8**. Ngụ ý của tác giả trong câu "*Nước chảy là nước trong, nước đọng là nước bẩn"* là gì?

A. Phê phán lối sống quẩn quanh, tù túng; khuyên nhủ con nên đi nhiều để mở rộng hiểu biết, nuôi dưỡng tâm hồn.

B. Phê phán cuộc sống an nhàn, không đua chen, khuyên nhủ con nên có ý chí phấn đấu trong cuộc sống.

B. Nêu lên những kinh nghiệm về nhìn ngắm dòng nước, nâng cao nhận thức của con về môi trường.

D. Cổ vũ cho lối sống an nhàn, trong sạch; khuyên nhủ con nên đi sống trong sạch như nước.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9**. Em có đồng tình với quan điểm sống của tác giả được nêu trong đoạn trích? Vì sao?

**Câu 10**. Qua đoạn trích, em học được gì về cách lập luận trong văn nghị luận?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Giả sử ở nơi em đang sống vẫn còn hiện tượng vứt rác bừa bãi, gây ảnh hưởng môi trường. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về hiện tượng này.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | - Khái quát được quan điểm của tác giả trong đoạn trích.  - Nêu được quan điểm: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần.  - Lí giải được lí do lựa chọn quan điểm của bản thân. | 1,0 |
| **10** | - Nhận xét chung về cách lập luận của tác giả trong đoạn trích.  - Nêu được những điều học được ở cách lập luận từ đoạn trích. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Hiện tượng vứt rác bừa bãi.* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
| - Mô tả thực trạng hiện tượng vứt rác bừa bãi; thể hiện thái độ phê phán hiện tượng này.  - Lí giải nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng vứt rác thải bừa bãi.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN , LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện truyền kỳ | **3** | **0** | **2** | **1** | **0** | **1** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện truyền kỳ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện trong truyện truyền kì.  - Nhận biết được những chi tiết, sự việc đặc trưng trong truyện truyền kì  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Hiểu được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản,  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. Nêu được căn cứ để xác định chủ đề.  **Vận dụng**:  Rút ra được bài học cho bản thân do văn bản mang lại. | 3 TN | 4TN 1TL | 2 TL |  |
| 2. Truyện thơ Nôm | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa những yếu tố quy phạm của văn học trung đại và yếu tố bình dân trong truyện thơ.  - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện thơ Nôm.  **Thông hiểu**:  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của truyện thơ.  - Phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật trong truyện thơ.  - Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.  - Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp.  **Vận dụng:**.  - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản. |
| 3. Thơ song thất lục bát, thơ tám chữ. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố về luật của thơ song thất lục bát, thơ tám chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.  - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản.  - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.  - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ.  **Vận dụng**:  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.  - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản  - Phân biệt được sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát. |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận xã hội | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | 4TN 1TL | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 9**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm; Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.*

*Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ, đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ̉trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.*

*Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:*

*- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên một hôm.*

*Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:*

*- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.*

*Dương Trạm nói:*

*- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng[[1]](#footnote-1) . Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.*

*Tử Hư nói:*

*- Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yểu của con, thầy có được rõ không?*

*- Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.*

*- Vậy thế thầy giữ về việc gì?*

*- Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ*

*Tử Hư mừng mà rằng:*

*- Nếu thế thì tiền trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?*

*- Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu thành thực; có điều lúc thiếu thời thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cài nết ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thẻ trước của Mông Chính[[2]](#footnote-2) , lặt cỏ rác của Hạ Hầu[[3]](#footnote-3) phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để đi thi; hễ trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngáo, tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dắt dẫn rèn cặp phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng, mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.*

(Trích *Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào, Truyền kỳ mạn lục,*

Nguyễn Dữ, NXB Trẻ 2011, tr 111-112)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện.

B. Lời của Tử Hư.

C. Lời của Dương Trạm.

D. Lời của Đế Quân.

**Câu 2**. Đoạn trích kể về cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa những nhân vật nào?

A. Giữa những người bạn của Tử Hư.

B. Giữa Dương Trạm với Đế Quân.

B. Giữa Tử Hư với Dương Trạm.

D. Giữa Tử Hư với Ngọc Hoàng.

**Câu 3**. Nhân vật Dương Trạm được đức Đế Quân giao cho công việc gì?

A. Trông coi việc thờ cúng của nhân gian.

B. Trông coi việc thọ yểu sống chết của nhân gian.

C. Trông coi việc thi cử của học trò trong thiên hạ.

D. Trông coi việc họa phúc của học trò trong thiên hạ.

**Câu 4**. Khi còn sống, Dương Trạm là người có những phẩm chất gì?

A. Dũng cảm, cương trực không sợ cường quyền.

B. Giàu lòng tự trọng, hay giúp đỡ người nghèo.

C. Ham tiêu dao, yêu cảnh đẹp của thiên nhiên.

D. Quý trọng thầy và bạn, coi trọng người có học.

**Câu 5**. Theo lời của Dương Trạm, tại sao đến năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn không đỗ đạt?

A. Vì Tử Hư không chí thú học hành.

B. Vì Tử Hư không ham công danh.

C. Vì Tử Hư học hành kém.

D. Vì Tử Hư có tính kiêu ngạo.

**Câu 6**. Điều gì khiến Dương Trạm quý trọng Tử Hư?

A. Trung hậu, hiếu nghĩa với thầy.

B. Kiên trì, quyết chí trong khoa cử.

C. Bộc trực, thẳng thắn trong ứng xử.

D. Tài hoa, uyên bác về học thuật.

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 7.** Sắp xếp các chi tiết, sự kiện sau đây theo đúng trình tự cốt truyện.

B. Dương Trạm chết, Tử Hư làm lều ở cạnh mộ thầy ba năm chịu tang.

A. Tử Hư là học trò của Dương Trạm.

D. Tử Hư được nghe Dương Trạm luận bàn về đạo lí sống.

C. Dương Trạm sau khi chết đã thành thần, hiển linh gặp Tử Hư.

**Câu 8**. Chỉ ra và nêu tác dụng của một yếu tố hoang đường, kì ảo trong đoạn trích.

**Câu 9**. Em rút ra bài học gì từ lời bàn về kẻ sĩ và khoa cử của Dương Trạm ở cuối đoạn trích?

**Câu 10**. Nếu ở vào tình huống của nhân vật Tử Hư trong đoạn trích, em sẽ hỏi Dương Trạm điều gì? Vì sao?

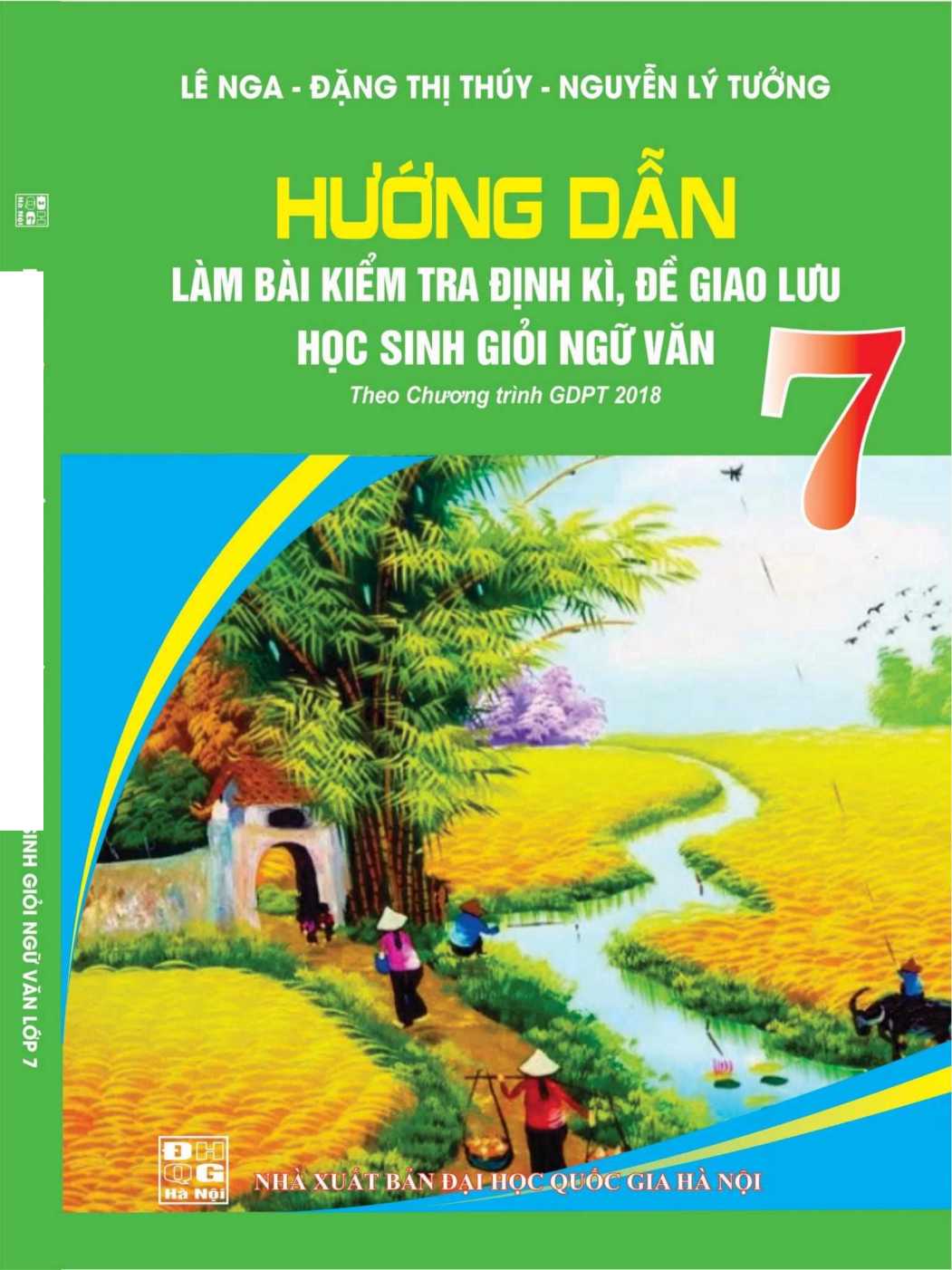
**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn nước ngọt hiện nay.

**ĐÁP ÁN**

**Môn: Ngữ văn lớp 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D |  |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B-A - D - C. | 0,5 |
| **8** | - Chỉ ra yếu tố hoang đường: cuộc gặp gỡ giữa Tử Hư với Dương Trạm.  - Nêu được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố hoang đường: tạo ấn tượng li kì, tạo sức hấp dẫn với người đọc; đồng thời mượn các yếu tố kỳ ảo để phê phán những thói tật của giới nho sĩ đương thời; đề cao sự khiêm cung, hiếu hạnh. | 1.0 |
| **9** | - Tóm tắt nội dung lời bàn của Dương Trạm ở cuối đoạn trích: phê phán kẻ có tài nhưng kiêu ngạo; phê phán việc đổ lỗi quan chấm thi nếu trượt và thói ngông ngạo khi thành danh; phê phán thói vong ơn của những kẻ ngôi cao, thành đạt; đề cao đức hạnh của con người.  - Nêu được bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học. | 1.0 |
| **10** | - Nêu được điều muốn hỏi Dương Trạm.  - Trình bày lí do hỏi điều đó. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn nước ngọt hiện nay* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.5 |
|  | - Thực trạng nguồn nước ngọt đang khan hiếm, ô nhiễm.  - Lí do dẫn tới ô nhiễm và hậu quả của hiện tượng này.  - Ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn nước ngọt.  - Giải pháp để bảo vệ nguồn nước ngọt. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |



HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIEM tra định kì, đề giao lưu học s

**LỜI .MỞ DÀ(I**

*Kinh thưa quý thầy cò đồng nghiệp, quý phụ huynh và các em học sinh thản men!*

Nôi tièp cuòn *Huang dằn làm bài kiêm tra định ki, đề giao lưu học sinh gioi Ngữ vàn 6* chúng lôi tiếp tục biên scan cuón sách *"Hướng dẫn làm bài kiềm tra định kì. dể giao lưu học sinh giòi Ngữ vàn 7"* đè hướng dàn kĩ năng kim các dang de giũa ki, CUÕI ki, đề giao lưu học sinh gioi; giúp học sinh chuãn bị VC nòĩ dung kiến thức và định hình ki nâng làm bài. nâng cao chut lương bài làm trong mòn Ngữ vãn. Cuốn sách dươc cầu true góm 3 phàn:

Phán A: Tìm hiẽu chung về đãc trưng the loại vá các kiêu vãn ban.

Phản B: Rèn luyện kỹ nũng làm bài gồm:

* Cầu trúc de Idem tra dinh kỳ và de giao lưu hoe sinh gioi
* Kỹ nâng làm phán Đoc hièu
* Kỹ năng vict đoan vãn

\* Kỹ năng Viet bài vãn.

Phan C: Hè thòng đé thưc hành

* Đe kiêm ưa dinh ki.
* Dê giao lưu hoe sinh gioi. (Hệ thông đê dươc sap xcp theo the loai cua Chương tnnh lớp 7 đê giảo viên va hoe smh thuãn tiên cho việc ỏn luyện, cung co. nâm vững kicn thức va kỹ nãng làm bái).

Cuồn sách lá tàm huyct cua cãc tác gia trong mót khoang thơi gian dãi trân tro. tim lõi. Tuy nhiên những nôi dung trong cuón sách chi mang tinh dinh hương de quý thày cô giáo, các em hoe sinh tham khao, khi vãn dung con phai linh hoat và sáng Lạo cho phú hợp VỚI dổi tương vá tinh huống cua de thi. Hơn nửa. cuốn sách có nhiều diều mới mang tính mơ dương vì the chắc chẩn không ưanh khoi những thiều sỏt

Chùng tói rat mong nhãn nhận được ý kiên dóng góp. phan bồi cua quý thây cỏ dông nghièp. cãc bác phu huynh vá các em hoe sinh... VỚI tinh thân xày dung, de dưa con tinh thán cua chúng tôi dươc hoàn thiên hơn'

Trong cuồn sách này chung tòi có sư dụng, trich dàn một sổ bãi viềt. tác phàm hay. giau ỷ nghĩa cua các trang báo mang, cua cá nhãn các tác gia mã chủng tủi chưa có cơ hòi gãp gỡ. Nhàn dip nãy. chủng tôi xin dược bày to lòng biết ơn chân thành đền quỷ vi!

**NHÓM TẢC GIA**

PHANC^ thốhc dể thực hành

**I. Bộ ĐÊ K1ÉM TRA DỊNII KỈ**

**DÈ KIỀM TRA GIỮA HỌC Kl »**

l)T SÔ I

**PHẢN 1: DỌC MiÉU** (6.0 (liềm)

Dục % ân ban sau sà thực hiện theo yêu cầu bên dưới:

**MẢ LA**

Tinh má tói rất hay la. Dãc biệt khi di đâu vể, má thay nhã cưa chưa qucL quân ào chưa mang phơi, chén ương thau còn chát nguyên si, the náo má củng vừa làm sứa la sang sang ca xóm đêu nghe. Diet lĩnh ma. tui tói củng ráng lam nhá cưa tươm tẩt. dâu ra dỏ dè khống bi má la.

Đen lũc tui tôi. ba dứa con cua ma. làn lươt lén Sài Gòn di hoe. di lãm. chi côn má với ba ờ nhã. Vé thảm nhà, má không bãl chững tôi làm vice nhà như hòi xưa mà toan tranh làm hết moi thứ tư đi chợ, nấu cơm. don dcp, giãi giủ. Kỳ la hơn nữa. má chảng con la ray chung tôi vi cái tời làm biêng, ham chơi hơn ham làm.

Mót buỏt sáng, tói vẽ thâm nhá. Má đã di tãp the due rói di chơ chưa vẻ. chi con ba ơ nha lui cui quét sân. Ba bao sáng nao cũng quét sân, rưa chèn, giạt dơ. lam xong trước khi ma đi chơ ve. rỏi hoi: “ùa. ba sơ ma ỉa hay sao má phai lam?". Tay ba vẳn câm cái chỏi quct san sat, đãp: “Má máy giã rồi, cón sữc dâu ma la. Ba không lãm thi ma may phai làm. chứ ba con mong ma may la om som cho ba biCt ma may cón khoe?".

(Nguổn: <https://tuoitre.vn>)

Câu I. *(0,5 ílìẽnt)* Vãn ban ưên thuốc thè loại

1. Truyên ngằn B Truyẽn cổ tich

c. Truyện đổng thoai D. Truyện ngu ngôn

Câu 2. *(0,5 diêm ị* Nhãn vát người má trong cảu chuyện dược làm bát nói qua mày thời điểm?

1. **Mõi B Hai**

**c. Ba D. Bổn**

Câu 3. *(0,5 điếm)* Dựa vào vãn ban trên hãy sap xcp cãc sự vice sau theo

(I > Người cơn hoi li do vì sao sáng nào người ba cũng sáng nào cũng quét sàn. rua chén, giật dồ. làm xong trườc khi mả di chơ vể.

1. Người con nhản ru mỏt diều ki la la khi đã lớn lén. di lảm. mã chảng còn la rây chủng tỏi vi CÕI tội lam biêng. ham chơi hơn hum làm.
2. Người ba ưa tời cơn: "Mu mảy già rói. cờn sức đâu mà la. Ba không lãm thi mả mây phai làm. chữ ba còn mong má mày la om sòm cho ba biẽt má máy còn khoe?”

(41 Người con kc VC vice hối nho khi không chiu làm vice nhá. má toán La.

A. 1-2-3-4 B. 4-3 2-1

c. 1-3-2-4 D. 4-2-1-3

Câu 4. *(0,5 diêm/* Vãn ban trên Viet ve chu đè gì?

A. Tình cam gia đinh B. Tình yêu que hương dát nước

c. Tình thây trô D. Tinh yêu thương con người

Cảu 5. *(0.5 diêm* I Khi những người con lơn lên. đi làm ơ Sãi Gòn, mòi lẩn trơ về. người má thường:

1. Tiếp tục la con như khi cỏn be.
2. Thinh thoang lại la khi con không lam vice nha.

c. Vừa làm việc nha vưa la con

D. Không bát Làm việc nha như hổi xưa mà toán ưanh lãm het moĩ thứ và cháng còn la rầy vì cái tôi làm biêng. ham chơi hơn ham làm.

( àu 6. (tf,5 *dièm/* Phò lư ưong càu ~Tinh má tôi rất hay la” là:

A. Rat B. Hay

c. La D. Tôi

Câu 7. *(0.5 diem)* Câu vãn “BiCt tinh ma. tụi tôi cũng rang lam nhà cừa tươm tất, đàu ra đó dẻ không bi má la” có sổ từ đia phương là:

A. Môỉ lử B. Haĩ từ

c. Ba tử D. Bổn từ

Câu 8. (0,5 *diem)* Trạng ngữ trong cảu: “Vể thãm nhi. má không bãt chúng tôi làm vice nhà như hoi xưa mã toàn tranh làm het moi thử tư di cho. nàu cơm. don dcp. giãt giũ'\*:

A. Má B. Chúng tôi

c. về thăm nhả D. Di chơ. nàu cơm. don dcp. giãi giũ

Câu 9. *(1.0 dièm)* Tứ cảu tra lời cua người ba: “Má mây già ròi, cỏn sức đâu má la. Ba không làm thi má may phai làm. chữ ba còn mong ma máy la om sòmcho ha biết má mày còn khoe ỉ", an hiêu đưoc điêu gì về người ba vù linh cam gia đinh’'

Càu 10. *(Ị.o diem)* Viet đoan vãn (khoang 7-10 câu) cam nhân người má ■‘hay la"' trong văn ban

PHẢN 11: VIẺT VÃN (4.0 diêm) Có ý kiến cho rang: Trong gia đinh, moi người cần bièt yèu thương, se chia còng vice VỚI nhau. Lảm vice nha không phai lã vice neng cua người vơ. người me. Em có dồng linh với ỷ kièn trên hay không? Hủy viềt bai vãn bày lo suy nghỉ cua em.

PHÁN I: IM.X HIẾU (6.0 diêm)

Dục sàn han sau và thực hiện theo yêu cẩu bi n dưới:

NƠI Tl ƠI THƠ EM

Có mol dỏng sóng xanh Bãl nguõn từ sủa me Cô vầng trâng ưón thé Lưng lơ khom tre lang

Có canh đông xanh tươi Ảp yêu đan cỏ trăng Có ngay mưa ihang nàng Dọng trên âo me cha

Cô bay sãc câu võng

Cỏ mòt khúc dãn ca Thơm lửng hương co dại Cỏ luói thơ đẹp mãi Lã dát trời quẽ hương.

Bae qua dồi xanh biếc

Cô lời ru iha thiết

Ngot ngáo mãi vánh nôi

(Nguồn: https: .'[WWW.thn](http://WWW.thn) icn.nct/Nguyên-Lâm-Thang Nơi tuôi thơ em)

( àu ỉ. *(0,5 diềm)* Bài thơ trẽn dươc Viet theo thè thơ:

A. Lục bat B. Bần chừ

c. Nãm chừ D. Sáu chữ

Câu 2. *(0,5 diem)* Các phương thức biêu dai dươc sứ dung trong bài thơ:

A. Miêu ta. biêu cam. tự sư B. Biêu cam. tự sư

1. Miêu ta. lự sự D. Biêu cam. miêu ta

Câu 3. *(0,5 diêm* Biên pháp tu tứ nghé thuàt nòi bàt dưoc sứ dung trung bãi thơ ưên mà em dã dươc học lã:

A. So sánh B Nhãn hóa

c. Diép ngũ D. Ản du

Câu 4. *(0,5 dì ém)* Xác đmh phó từ trong hai dòng thơ: “Cỏ lời rư tha thict1' Ngot ngào mãĩ vành nói"

A. Cỏ B. Tha thict

c. Ngọt ngao D. Mãi

Câu 5. *(0,5 dièm]* Bai thơ có bao nhiêu tử láy?

A. Mót tử B. Hai tử

c. Ba tử D. Bổn tử

Cảu 6. *(0,5 diẽmị* Có bao nhiêu hinh anh thiên nhiên trong đoạn thơ sau

"Cò môt dòng sòng xanh

Bẳt nguồn tư sữa mc

Có vầng trảng tròn thề

Lưng lơ khòm tre láng

Có bày sac càu vồng

Bắc qua đồ! xanh biếc

Cỏ lời ru tha thict

Ngoi ngào mãi vánh nòi"

A. lỉai hình anh B. Ba hình anh

1. Bôn hình anh D. Nảm hình anh

Cáu 7. *(0,5 diêm)* Tác dưng cua hình anh so sánh: “Có tuồi thơ đcp mãi' Lá đát ỪỜ1 quẽ hương".

A. Làm cho càu thơ them gơi hình gơi cam.

Đ. Tuói thơ gân với những hình anh quê hương thàn thuóc, binh di. lươi đcp. c. Gơi cam xúc yêu thương, trân trong VỚI tuói thơ. VỚI que hương.

1. Tàt ca các đáp an trên,

C âu 8. *(0,5 dìêmị* Cum tứ “Dong trên ảo me cha" la cum.

A. Tinh từ B Dộng từ

c Danh tử D. Chu - vi

( âu 9. *(Ị,0 diêm)* Bài ihơ muôn nhãn gưi tới chung ta bức thông điêp gi?

Càu 10. *(ỉ,0 diem)* Viet đoạn vãn (khoang 7-10 câu) ghi hi cam xúc cua em sau khi doc bai thơ.

PHẢN II: \ IÉT VÃN (4,0 diêm) Trong dai dich Covid 19 vưa qua. cò bièt bao tằm gương các chiền si ảo tràng nơi tuyển dâu chồng dịch. Em hãy kè mòt sư việc ve mót người chiên sĩ áo tràng má em vỏ cúng trân trong.

**DẺ klÉM TRA ct ÓI HỌC KÌ I**

Dí SÔ 3

PHÀN I: Dl.x IIIÉl' (6.0 điềm)

Dọc vỉa ban sau và thực hiện theo yêu cẩu bên dưới:

DÔI BÀN TA\

Ngây cỏn nho. con thích nhát lã cầm đói bản tav cun me úp VBO má. vuốt lèn lóc con. Lỏn them chút nữa. khi con bãt dâu nhản thức dươc the giới xung quanh thi dõi bàn tay ày dã chai sàn với những kíp nám đen. phía dưới lớp da lã những vét chai cứng ngãi. Vây mà con vàn khóng thay me than phiên khi con hoi: "Mẹ ƠI me không ỉo lãng gi vé đòi tay chai sán cua minh sao'.’\*'. Me diu dảng bao: "Tay me chai đê đỏi lầy tay con mịn đấy!”. NÓI rồi me lai òm con váo lòng.

Không quan ngại kho khăn, dỏi tay ũy lam du moi chuyên lư nâu cơm. dan théu quan ao den băm chuỗi nâu chao cho beo ôn. cuõc đãi. làm ruông. Vét chai náy not tiep vet chai khac lám tay mẹ ngáy càng day hơn. thô hơn Me biet không, nhiêu luc con ganh 11 vởi nho ban khi đôi tay cua me bạn trông vá dep hơn tay mẹ. Nhưng thòi gian dã làm con lơn khôn, tinh yêu thương cua me đã nuôi con trương thanh, và cuối cung con cũng nhũn thức dươc đỏi ban tay chai sần cua mẹ lã dôi ban tay đcp nhát vã ấm ap nhai.

Lằn đẩu tiên đi hoe. dõi tay me đã dắt con. lúc cơn bi vấp ngã cũng lã đôi ban tay ấy nâng con dày. khi cơn Ồm thi chinh dòi bàn tay nhoc nhan sơm hõm ẩy dã thức suốt đèm chườm khôn nong, sờ trán con. và khi con hư thỉ dói bàn tay cua me dã day con nên người. DỎI bàn tay ẩy dù lá ỏm con. dù la nàng mu con nhung không bao gĩơ bao che cho nhũng loi Lâm cua con. ĐÒI bàn tay cua mẹ dã dạy cho con each yêu thương, cách sông tự lập. cách dương dầu với khỏ khản thư thách dù là trong cô dóc. Chinh dôi bân tay cua mẹ dã àm thâm dứng phía sau tiềp thèm sức manh cho con. giúp cơn vươt qua moi trơ ngai

Khi con thài bai. đói bón tay cua me luôn ơ bén canh cơn. dõng viên khích lệ: “Một lần ngã là mót lần bớt dai con à!”. Khi cơn thành cóng, dôi bàn tay cua me ỏm ãp con và nói: "Cô lên con nhẽ!”.

Du chưa mót lần me nót yéu con nhưng bẩy nhiêu dó thòi con cũng bict rang me yêu con nhiều lắm. Bui thời gian cỏ the làm phai mỡ di tầt ca nhưng làm sao cỏ thè làm vơi di nòi nhoc nhãn vàt va dã in hãn lên đòi bàn tay ày phai không me? Con sẽ cổ gang, cỗ gang that nhiêu dè đal dươc thành công trong hoe tàp và trong cuỏc sổng. Con sẽ không làm me phai thải vong. Con hứa VỚI me la con sê lamđươv Chãc chân la thê phai không me. bơi con đã đưoc thửa hương tinh nhàn nai vả kiên cường tử me!

(LÊ VẢN PHONG (Lớp 1IB7. TIIPT Ngô Gia Tư. P.Phú Lâm. TP

Tuy Hòa. Phú Yen. Nguồn: <https://tuoitrc.Mi>)

Câu 1. *(0,5 diêm/* Các phương thửc biéu dal có trong vãn ban trên là:

A. Biéu cam. tư sư B. Bicu cam. miêu la

c. Tư sự. micu ta D. Biêu cam. tư sư. mièu tá

Câu 2. *(0,5 dìèmị* Trang ngữ trong càu: “Ngay còn nho, con thích nhãt là câm đòi ban tay cua mẹ ap vao má. vuốt len loe con” là:

A. Ngày cõn nho B. Con thích nhắt

c. Dôi bàn tay cua mẹ D. Ap vào má, vuồt len tóc con

( àu 3. *(0,5 diêm Ị* Bien phap tu tu noi bát trong đoan vãn dưới day lá:

“DỎI ban tay áy dù la òm con. du lã nâng mu con nhưng không bao giờ bao che cho những lồi lâm cua con. Doi ban tay cua me dã dạy cho con cách yêu thương, cách sống tư láp, cách dương dầu VỚI khó khăn thư thách dù lá trong cô

dóc”.

A. So sanh, nhãn hoa c. So sánh, diẽp ngữ

B. Nhàn hỏa. diệp ngữ

D. Nhán hõa, diệp ngữ. so sanh

( âu 4. *(0.5 dỉèmị* Người con trong bài thơ bày to cam xúc về:

A. Tinh cam yèu thương gia dinh B. Tinh cam yêu thương cua người mẹ

D. Những hi sinh vàt va cua người me

c. DÔI bàn tay mẹ

Càu 5. *(0,5 diêm ì* Câu vãn “Bui thơi gian cỏ thê làm phai mờ di tất ca nhưng Làm sao cõ thê làm voi di noi nhoc nhan Vầt và dã in han lèn đói bán tay ấy phai không mẹ?” dùng đè:

1. De hoi me.
2. Dè khàng đinh bui thói gian cò thé làm VƠI đi nồi nhoc nhãn vat va in han trên dôi tay me.

c. Đè khảng dinh bui thin gian không thê làm vơi di nói nhoc nhãn vát vá ih hãn trên dôi lay me.

D. Dê bày lo niêm thương cám. lòng biẽt ơn cua con vi những vàt va hi sinh cua me dành cho con in han lên đòi ban tay me

Câu 6. *(0,5 diêm/* Có bao nhiêu từ láy trong đoan vãn sau:

“Ngày còn nho. con thích nhát là câm đòi ban tay cua me ap vào ma. vuòt lèn tóc con Lờn thêm chút nữa. khi con bát dâu nhân thưc dươc thè gioi xung quanh ihi đòi bán tay ầy đã chai sân VỚI những lóp nam đen, phía dưới lop da lá những vetchai cưng ngái. Vày ma con vàn không thấy me than phiên khi con hoi. “Mẹ ƠI mc không lo lãng gi về dôi tay chai sân cua minh sao’”. Mẹ diu dáng bao: “Tay mẹ chai dè đòi lấy tay con mm dẩy\*’’- Nôi rồi me lai ỏm con vào lóng”.

A. Mỏt tứ B Hai tử

c. Ba từ D. Bốn tử

Câu 7. *(0,5 (liêm ỉ* DÔI bàn tay me dã giúp con:

A. Lần đau tiên di hoe. bàn tay me dã dãt con.

B Khi con 5 ấp ngã. bàn tay ẩy nâng con dày.

c. Khi con Ồm. bán tay chườm khản nóng, sớ trán con.

D. Tất ca các dãp an trên

Câu 8. *(0,5 (liềmị* Bức thông diẽp mà vãn ban muôn gưi tỡi chửng ta.

1. Người me hl sinh vất va vì con.
2. Đói bàn tay me chiu bao vất va. nhoc nhẩn.

c. Ngưữi con cẩn thầu hiêu những vất va. hi sinh, yêu thương in dâu trên bàn tay me. tư đỏ cò gắng hơn de thành công trong hoe làp và cuõc sông

D. Người me không nôi yêu con nhưng những vice lãm cua me nói lèn tàt ca tinh yèu thương ây

Cáu 9. *(1,0 diêm)* Vì sao người con nói lãng: “Dù chưa mòt lùn me nói yêu con nhưng bẩy nhiêu đõ thỏi con cũng bict răng me yêu con nhiêu lốm'\*.’

Câu 10. *(1,0 dìêmf* Viet đoan vãn (khoáng 7-10 câu) cam nhân tinh yéu thương cua ngươi con trong vãn ban danh cho người me kính yêu cua minh-

PIIÀN II: \ IẾT VÂN (4,0 diem) Viet bái vãn bày lo cam xúc cua em vê mỏt ngươi thăn trong gia đinh - người ma em có the se chia moi nồi mem. người lĩcp thêm cho cm mem tin. vững bước ưong cuóc sóng

íí DÉ SÔ 4

PHÀN I: ĐỌC HIÉII (6.0 diêm)

Dọc doạn trích sau và thực hiện theo yêu cầu bên dinri:

...Váo thăng chap, tháng giêng, tức lá vão cái cữ rét dãi. ret lóc. không khi cỏ lúc hanh hao. khỏ ráo làm cho má vã mói người dep ne ra thanh những vet chân chim bẽ nho. Dền cái rét náy thì khãc hãn: tư nó dã dẹp và nên thơ. nỏ lại còn làm cho má va môi cua dan bã con gái cũng ne. nhưng da không nứt ran ma chi ưng hồng lèn như thê da mót trái đào tơ min màng mơn mơn. làm cho chinh Lieu Ha Hue có sồng lại củng phai bắt thèm...

Co cây mây nước thấy người ta. trong thang ấy, tự nhiên đẹp rưc rô lèn, đcp não nùng, hình như hờn giãn vã cò ganh dun dê cho xanh bảng người, thâm bâng người.

Tử thăng giêng, cây CỎI bàt dâu nay lộc nhưng den thang hai lá non mới bãl dâu ló ra và hoa cũng bất dấu hè mơ nhuy thơm không cỡn ngâm ý. giàu linh như trước nữa. Dó là mua “la bàng tai trâu, sâu dàu chôn chõ'': tròn các cành bâng, lá non hè mơ vá cuốn lai, chưa bung ra hèt. y như the tai trâu, còn cây dầu dâu thì vào khoang này cùng trô lã non nhưng chum lai với nhau thành mỏt hình tròn tròng giống het vet chán con cho de lai trên mãt dàt. sau mót dem mưa tuyét.

Cùng như người con gái dãy thi lờn lên vã đcp không ai bĩcL chi váo khoang cuỏi tháng hai. dáu tháng ba thi lá báng, lá sâu dàu nơ bung ra. Nhìn lén. la non xanh mau cồm giót dun dây du dưa mòt cách da tình, làm cho người da cam lương tương như cây cối giơ những khăn tay be nho xanh xanh, vang váng ra cháo mưng, vây goi... Dén cuối tháng ba. lá bang sum sê che kin ca dường di học. Doc theo con sõng dao chay ngang cách thôn xóm ơ Vu Ban. liai 1 lâu...những cày bang dửng SOI bong xuõng sông dáo chay dái tít tãp hãng chuc cây sổ trỏng như thê mót cái tan bat tuyệt không lỗ. Dưng ơ dưới nhìn lên. minh cam thây đứng ơ trong mõl cái hang kêt báng lá non va không thê không nhơ lại iũc nho cón di học. sán nhá trường chi chít gỗc bong...

(Trích *Thảng ba, ra nang Bàn - Thương nhờmuin hai* - Vù Bảng. Nguồn: https:. V nthuquan.net ưuyen)

Câu I. *(0,5 diêm)* Đoạn trích bày to cam nhân cua người viết ve:

1. Rét tháng Ba - rét nàng Bán
2. Ve dẹp cua co cây, hoa la tháng giêng.

c. Ve dep cua cây bảng váo múa xuân.

D. Ve dẹp cua canh sãc thiên nhiên, con người trong cói rét nàng Bân tháng ba, dãc biệt lá lá non cua cày sâu dâu. cây bóng.

Câu 2. *(0,5 diêm)* Rét nàng Bàn vào tháng náo trong nãm ‘

A. Tháng giêng B Thõng hai

c. Tháng ba D. Tháng tư

Câu 3. *(0.5 diem)* Ret thăng giêng còn đưov tác gia goi hăng mót cái tên khác lá:

A. Rét dái. rét tộc B Ret nàng Bàn

c. Rét cóng D. Rét cất da cat thít

Cảu 4. *(0,5 diềmị* Cảu vãn “Nhìn len, lá non xanh mâu cốm gĩót dún dây du dua mòi cách da tinh, lam cho người đa cam tương tương như cây CÒI giơ những khàn tay be nho xanh .xanh, vàng vàng ra chào mừng, vầy goi...M sử dung biên pháp nghé thuàt:

A. So sánh B Nhân hóa

c. Diep ngừ D. So sánh, nhân hóa

Câu 5. *(0,5 diềmi* Cảu vãn sau miêu ta lá gi khĩ tháng ha về?

“...tro lá non nhưng chum lai với nhau thành mót hình tròn trỏng gióng hêt vét chân con chỏ đè hi trên mãt dẩL sau mót dem mưa tu yet”

A. Lá bàng B. Lá sâu đáu

c. Lá màn D. Lá dào

C âu 6. *(0,5 diềniỊ* số từ láy có trong đoan vãn sau:

“...Vào thang chạp, tháng giêng, tức là vao cái cữ rct đài. rét lòe. không khi có lúc hanh hao. khô ráo lam cho ma và mòi người dcp ne ra thành nhửng vét chân chim bé nho. Đen cái rét nãy thi khác hãn: lự nó đã đep vá nen thơ. no lại con làm cho ma vá mỏi cua dan ba con gái củng ne. nhưng da không nứt ran ma chi ưng hóng lên như thê da mõt trai dào tơ min mang mơn mơn. lam cho chinh Lieu Ha Huệ cô sông lại cũng phai bãl them...

Co cây mây nươc thay người ta. trong thang áy. tư nhiên đcp rực rỡ lẽn. đẹp não nung, hình như hớn giận và cồ ganh dua de cho xanh bảng người, thãm bâng ngưỡit

A. MỎI từ B Hai từ

c. Ba từ D. Bồn tử

c âu 7. *(0,5 diêm)* Trang ngữ trong câu vân “Vào tháng chap, tháng giêng, tửc là váo cãi cữ rét dài. rét lòe. không khi có luc hanh hao. khô ráo Làm cho nu và mói người dẹp ne ni thánh những vet chàn chim bé nho” là:

A. Vào thang chap, tháng giêng. B. Không khi có lúc hanh hao tữc là vào cái cũ rét đãi. rét lộc

c. Tức là vảo cái cữ rét dãi rét lộc D. Vào tháng chạp, tháng giêng

C âu 8. *(0,5 diént)* Tác dung cua biên phap nhàn hóa trong câu vãn “Co cây mây nườc thầy người la. trong tháng ấy, tư nhiên đep rvc rỡ len. dcp não nùng, hình như hớn giàn và cô ganh dua đê cho xanh bâng ngươi, thăm bảng người'’ lã:

A. Làm cho càu vãn thèm smh dỏng, giàu sức gơi.

B Thòi hồn vảo co cây mày nước khiến chúng cỏ linh hồn. cam xúc như con ngươi muôn bứng lèn sức sông.

C- Gơi cam xùc yèu men canh sãc mùa xuân.

D. Tảt ca các đáp án trẽn.

( ầu 9. *(1.0 diêm)* Qua dòng cam nhân cua Lie gia vẻ thang ba - rét nâng Bán. an hièu đươc gi VC tài nâng và tàm bồn lác giá?

( âu 10. *(ỉ,0 diêm)* Viết đoan vãn I khoang 7-lơ càu) ghi lai cam xúc cùa em sau khĩ đoc đoan tnch trên.

PHẤN II: VIẾT VÃN (4.0 diêm) Có ỷ kicn cho rang: Hày mơ rông tàm hôn de cam nhàn thiên nhien. ban sẽ thây cuôc sòng xung quanh thài tươi dcp. sẽ lang nghe được bao thõng dièp có ỷ nghĩa. Em cỏ đông tinh với ỷ kiên ưẽn không'? Hãy viết bài vãn ngân trinh bày quan đièm cua em.

~ỊđÉ KìE.M tra giữa HCK KI II

PHÀN I: IMM HIÊl' (6.0 diêm)

Đọc vin ban sau và thực hi(n theo yêu cẩu bên duửi:

III ỪNG NHẢN

Hảng nãm mua nhãn chín

Anh em vẻ thâm nhâ

Anh tréo lẽn thoãn thoãt

Tay VỚI những chúm xa

Em ngồi bẽn bán hoe

I lương nhãn thơm bay dẩỵ

Ve kèu rưng trơi sao

Mót trời sao ban ngáy

Năm nay mua nhãn dèn Anh chưa V C thâm nhá Nhân nhá la bom giòi Vần dậy váng sac hoa

Vườn xanh bice tiêng chim Dơi chiêu khua chang vang Ai dãi õng trâng V áng Tha chơi trong lùm nhản

Mấy ngàn ngây bom qua Nhãn vần về dung vu Cúi nhân vừa vào sữa Vo tham vãng nâng pha

Đêm. Hương nhãn dác lại Thơm ngoài sàn trung nhã Me em nam thao thức Nhớ anh dang đi xa...

(Nguòn: Trằn Dâng Khoa, *(ỉóc* rân võ *khoang trời.* NXB Vàn hóa dàn lộc. 1999) Câu 1. *(0,5 điềm)* Bài thơ trên thuòc the thơ:

A. Lục bát B. Bay chữ

c. Bón chữ D. Nảm chữ

Câu 2. *(0,5 dìếmf* Các phương thức biêu dat cỏ ương bai thơ:

A. Tự sự, miêu ta B. Miêu ta. nghi luân

c. Biêu cam, tư sự. miêu ta D Biêu cam. miêu ta

Cáu 3. *(0,5 diêm}* Ycu tố tư sư dược sư dung trong bãi thơ de bày lo cam xúc Li

1. Ké vẽ người anh hàng nãm vé thăm nhá
2. Ke về múa nhãn nãm nay bi bom dõi.

c. Ke VC người me hang dèm thao thức nhơ anh

D. Tát ca các dáp án trẽn

Câu 4. *(0,5 diếmị* Bài thơ có số từ láy lã:

A. Mót tử B. Haĩ từ

c. Ba từ D. Bồn tử

Câu 5. *(0,5 diêm ị* Hình anh trong hai dòng thơ “Ai dãt ông trâng vàngThii chơi trong lúm nhãn” sư dung biên pháp tu tù:

A. So sánh B. Nhàn hóa

c. Diep ngũ D. Nói giam nói tranh

Câu 6. *(0,5 diemf* Càu thơ: "Ve kêu rung trời sao Mót trơi sao ban ngay”

muòn gơi La:

A. Những VI sao trên bâu trơi.

B Tiêng ve kêu lo làm rung ca sao ươi.

c. Ban ngay trân trói vàn xuat hiện những vi sao.

D. Tĩcng ve lay đỏng những chum hoa nhãn như những chum sao.

Càu 7. *(0,5 điém)* Em hiểu thê nao VC cáu thơ: “Dem. Hương nhãn đặc lại"

1. Hương nhân dâm dâc
2. Buói dèm mui hương nhân không bay dược trong không gian

c. Mán dém hao trùm múi hương nhãn

D. Mui hương nhãn về dèm nồng nản như ướp ngot ca không gian

Câu 8. *(0,5 dìèmị* Nhân vật trữ tmh vã người me trong bài thơ đều hướng nồi niềm về:

A. Hương nhãn dèm B. Mùa nhãn chín

c. Người anh di xa nha dâ mày nãm D. Dem trâng nơi vườn nhãn

Câu 9. *(1,0 điềm)* Vi sao người me trong bài thơ lai nam thao thúc khóng ngu được?

( âu 10. *fỉ,ữ diêm)* Viểt đoan vân (khoang 7-10 cảu) trinh bày cam nhàn cùa em sau khi đọc bai tho

PHẢN II: VIẾT VÀN (4.0 điềm) cỏ ý kiến cho rang “Neu khi còn tre ta không chiu khó hoe iâp thi lởn len sẽ chảng iam đươc việc gi cỏ ích”. Em có dỏng tinh vời *ý* kiến trên không? Hãy Viet bái vãn bây tó quan diêm cua mink

PHÀN I: DỌC HIỂU (6.0 điểm)

Dọc vãn ban MU và thực hiện theo yêu cẩu bền dưới:

CON CẢO VẢ CHÍ M NHO

Mót ngây no. Cáo ta xuong then nin và phãt hièn ra phía trước có mỏt vườn nho. Dưới tán lá xanh, từng chũm nho câng tròn mong nước, dưới ánh sáng mãt trời trông lai cáng hâp dan Những chum nho này khiến ngươi ta thèm thuóng. Cáo them lới mữc bước bot cứ trào ni hai bên mep

* Ái chà cho. ngon quá di màt!

Cáo ta nhin trước ngõ sau thay chảng có oi. nho Lai nhieu the này. cũng muổn chèn ngay mây chúm. Cào dưng thảng ngươi, vươn tay hãi nho. Nhưng giản nho thi cao quá. Cáo ta dú co vươn người den dâu củng không thê ten đươc.

* Náo! CÓ len náo. cồ lên!

Cáo nhanh tri nghỉ ra mỏt each, thư nhay len xem sao.

* Mót, hai. ba. Nhay nao...

Nhưng cố làm cũng chi VƠI tới lã nho ma thói. Cao ta không dành lóng rơi khơi vườn nho khi chưa chen dươc qua nào. Nò noi mỏt minh:

* lỉứ! Không the bo đi dè dàng như vậy dươc!

Thê là nó lươn mày võng quanh vườn, cuối cùng củng phát hiên ra mót cây nho kha thâp. Cáo ta lại nhay lén. khòng tỡi dươc chúm nho. Lai găng sức nhay lên lần nữa. van không hái dược qua nho nào. Câo ta lại lươn xung quanh gián nho. Vá kia. sau môt tan lã. Cáo ta phát hiện ra mót chùm nho cõn tháp hơn chùm lúc nãy. Thích chí quá. Cáo tư dãc:

* Không có vice gi có thê lâm khó ta được, lỉa ha! Lần nãy thi ta có nho ãn ròi!

Nườc dãi trong cô hong cứ trào ra. lúi lai mẩy bước lấy dà. Cão nhay lẽn.

* Hai. ba. Nhay não!

Nhưng hỡi òi. vần chảng với tới đươc.

* Hừ. tữc thàt. Lãm thè náo bày giờ?

Cão ta dú cò làm thé não cũng không the hải được nho. thơ đánh thươt mòt cái rồi nòi:

- Lâm sao mã minh lai cử phai cỏ ôn mây cai chùm nho nay nhi? Vo thì xanh thể. chác chãn là chưa chửi rồi. Khủng biết chưng còn vira chua vừa chát không nuòt dưoc. có khi cỏn phai nhỏ ra. đúng iá cha ra làm sao ca. Nói xong. Cáo rau ri rời khoi vườn nho.

(Nguòn. httpsy/truyendangian.com con-cao-va-chum-nho)

Câu l. *(0.5 diếm)* Vân ban trên thuòc the loại:

A. Truyện ngẩn B. Truyện cổ tích

c. Truyên ngu ngôn D. Truyền thuyết

Cảu 2. *(0.5 diềm)* Truyền có mầy nhân vậí?

A. MỎI nhàn vài B lỉai nhân vàt

c. Ba nhàn vát D. Bồn nhân vât

Câu 3. *(0.5 diếm)* Vi sao con Cáo lai rùu ri ra khoi vườn nho?

1. Vỉ chùm nho cỏn xanh, vừa chua V ưa chát.
2. Vi có hai dươc chùm nho thi nho vưa xanh, vưa chát, không nuól đươc.

c. Vi chùm nho cao quá.

D. Vi mảc du nó lự bao biện răng nho còn xanh, cò hai cùng không ân được nhưng sự ihãt lá nó dã cổ găng hêt sức nhưng vần khòng thê hái đươc.

Cáu 4. *(0.5 diêm)* Trong đoan vãn sau có hao nhiêu tứ láy?

‘\*Lam sao mả nunh lai cữ phai cồ ãn mày cái chum nho nay nhi? Vo thi xanh the. chác chân lá chưa chín rồi. Không bict chưng con vừa chua vừa chat, không nuõt đươc. có khi con phai nhó ra. dung lá cha ra làm sao ca. NÓI xong. Cáo rau ri rơi khoi vườn nho”.

A. Một từ B. Hai từ

c. Ba lừ D. Bốn từ

Câu 5. *(0,5 diêm)* Bõ phàn trang ngữ trong cáu vãn: “Mót ngáy no, Cáo la xuống tnền nùi sà phái hiên ra phía trước có mòt vưưn nho” là:

A. Một ngày nọ B. Xuống triền nủi

c. Cáo D. MỎI vườn nho

Cảu 6. *(0.5 diem)* Biên pháp tu lữ nôi bàt trong vãn ban trên là:

A. Diep ngữ B. Nhàn hóa

c. So sánh D. Ản dụ

Cảu 7. *(0,5 diêm)* Vi ngữ trong càu vãn: “Những chùm nho này khiên người la thèm thuồng’’ là.



A- Cum đóng từ B. Cum tinh tư

c. Cụm danh từ D. Cưm chu - vị

( ảu 8. *(O.ĩ diemf* Pho tữ trong câu vân "Cảo ta lai lượn xung quanh gián nho" lá:

/V Lại B. Lươn

c. Xung quanh D. Giàn nho

( âu 9. *(1,0 diém)* Em rút m cho minh bai học gì tứ cảu chuyện trên?

Cảu 10. *(1,0 diêm ị* Khi không hai dươc chùm nho. Cảo tu bao biên: “Làm sao má minh lai cứ phai cổ ãn may cãi chũm nho này nhí'? Vó thi xanh the. chẩc chan lã chưa chỉn rói. Khòng biết chừng còn vưa chua vừa cháu không nuót được, có khi còn phai nhô ra. dùng là cha ra làm sao ca".

Em cỏ dong tinh VỚI thái đõ cua Cáo hay không? Hãy vĩèt đoan vãn (khoang 7 -9 cãu| bày to suy nghĩ cun em?

PILkN II: VIẾT VÀN (4.0 diétn) Viet bãi vãn phát biêu cam nghĩ cua em vê nhân vâl Cáo trong câu chuyên.

DE KIÊM IRA Cf ÔI HỌC KÌ II

4.

>«. DE Sô 7

PHẤN I: IKK IIIÉI1(6.0 diêm)

Dọc vãn ban sau và thục hiện theo yêu cẩu ben dirới:

KHI CON NHO VẢ KHI CON LỞN

Khi con còn xiu XIU. con cữ chơi mót chãp lai ra thơm, thơm mãi váo ma me. Khi con lờn lên. mòi lãn dưa con ra xe di hoe. con “quy ước": Me con minh chi nàm lay nhau thôi nhé, đũng thơm!

Khi con nho. mẹ mong con ãn nhanh Khi con lớn. me mong con ãn châm.

Khi con nho. me lo thưc đơn cho con mồi ngây, nao thít bo. nao cá. náo lỏm rồi sữa. rói hoa qua. ca ngày quay cuồng trong vù diéu xay xay giã giả. Khi con lớn. con tim mua sữa chông loãng xương dành cho phu nữ ngoái 50. tim mua gia M dê công doan nâu ãn ãn trơ nen dơn gian.

Khi con nho. me sơ nhầt lá mòi khi phai óm con từ nha dền bênh V ĩên. con dường đõ thãt dái. dái khung khiếp. Kill con lớn. con giục mẹ đi bệnh viên khám ngưc. con tim hiẽu thông tin dê giục mẹ di tiém phòng ung thư cò tư cung.

Khi con nho. con toct miệng cưới khi me can nhan. Khi con lớn. mồi khi me cãn nhản, con cũi mát buón thiu.



Khi con nho me ngâm nghía quân ào mỏi khi con ra khoi nha Khi con lờn. con chọn mua quân ao cho mẹ.

Khi con nho. con luôn ao ước những món do choi. Khi con lớn. con thu gom dồ chơi de dành cho các em nho khác.

Khi con nho... Khi con lớn... Qua nhiều diều khác biệt, vá me luôn mong con lớn mồi ngày’

Nhìn chung, c hèm. tở không thích bát này lãm vì each tòng két không dược toán diên cua me. Nhưng dièu khác biẽt của tớ khi nho vá khi lớn len dàu chi cỏ thè này. Và nừa. ngay ca me cũng khác nữa. Neu Li lỡ. tớ sẽ viết thè này:

Khi con nho. me ôm con vào lòng hang dem. khi con lỡn. mẹ không hải lòng néu con cứ nhẩt dinh dòi ngu cùng me.

Khi con nho. me di làm về lã cử ôm chải lây con. thơm tới táp. khi con lờn lèn. me hoi: chang trai, ư nha dã giúp đươc me gi rói.

Khi con nho. me đoc sách cho con nghe trước khi di ngu. khi con lớn. me hói: Con đoc dươc sách gi? Kẽ cho me nghe di.

Khi con nho. me chào dón tẩt ca các ban cua con den chơi nhá. khĩ con lỡn. mồi lần ban đen chơi, me dèu nhãc con dã goi dièn xin phép bỗ me ban chưa, ban sẽ đen bâng gi. vể bảng gi. có dam bao an toàn khòng và ràt rat nhiêu câu hoi khác.

Khi con nho. con khen món ân me nâu ngon là me mừng VUI hêt hick khi con lớn, nêu con khen ngon me lập tức day con cỏng thức nầu mòn ản đó.

Khi con nho. mẹ chi noi VC mem VUI. khi con lớn. mẹ kè VỚI con ca vè những nồi buồn.

Khi con nho. me nòi VỚI con về những ihuãn lơi. khi con lớn. mẹ chia se vé những kho khản.

Khi con nho va khi con lơn... va con luôn mong minh lơn thát nhanh, thát nhanh mca...

(Trích “Bò mẹ dã cưa dó tớ" - Dồ Nhật Nam, NXB Lao Dòng. 2016, ư 102 - 1041

Khoanh trón váo mỏt phương an tra lời đúng cho mòi cáu hoi (tữ câu I den câu 8)

( àu I. *(0,5 diêm)* Vãn ban trên thuộc thè loại:

A. Nghi luận B Truyèn ngan

c. Tru yen viên tương D. Tùy bũl

( âu 2. *(0,5 diemỊ* Vãn ban ưên bàn về vấn để:

1. Nhừng điêu đác biẽt khi coo còn nhơ
2. Nhừng điêu dầc biCt khi cơn đà lớn

c. Nhưng điêu khác biẽt khi coo con nho vá khỉ con đã lỡn

D. Những điêu giồng nhau khi cơn cỡn nho va khi cơn đã lờn

< ảu 3. *(0.5 diêm*> Biên phap nghe thuãt nòi bật trong ván ban:

A. So sanh B. Nhản hóa

c. Án du D. Đổi láp

Ciu 4. *(0.5 dĩèmị* Thành phần trang ngử trong câu ván \*’Khi con nho. me chi nõi vẽ mõm VUL khi con lớn. me kẽ VỚI con ca vẻ nhửng nỗ! buôn" lá:

A. Khi cơn nho B. Khi con lơn

c. Khi con nho. khi cơn lom D. Nhửng nỗ! buôn

Câu 5. *(0.5 diêm\* Dâu chấm lưng trong cảu vản “Khi con nhó va khi con lớn... vả con luôn mong minh lơn thãt nhanh, thãi nhanh me a...” co tãc dung:

1. Dùng đê to V nhíẽu sư vát hiên tương chưa đươc ỉiêt kẽ.
2. Thê h»ẽn lõi nôi bo dơ hay ngảt quàng

c. Chưãn bt cho sư xuât hiên cua một tữ ngủ biêu thi nôi dung bát ngơ.

D. Chuãn bi cho sự xuất hiện cùa môt từ ngử biêu thi nôi dung hiu hưoc.

Cầu á. *(0.5 diêmị* Chì ru phép hen kết hinh thức trong đoan vản sau:

\*\*Khi con nho. me lo thực dơn cho con mải ngáy, não thít bõ. náo cả. náo tõm rỏi sữa. rồi hoa qua. ca ngáy quay cuồng trong vũ diêu xay xay giả gkà. Khi con lớn. con tim mua sừa chồng loăng xương dành cho phu nừ ngoài 30, tim mua gia VỊ dê cõng đoạn nâu ản an trơ nên đơn gián”.

A- Phép lảp B. Phep nổi

c. Phép the D. Tải cacãc dãp án trẽn

Cân 7. *(0,5 diêm ị* Dièu khác biệt khi con cỡn nho và khi con đả lờn trong đoan vàn sau thẻ hiên diều gi?

“Khi con nho. me chi nòi vẽ mõm VUI. khi con lởn. me kẽ VỚI con ca vẽ nhủng nỗi buôn

Khi cơn nho. me noi VỚI con về những thuãn lơi. khi con lớn, me chia se ve nhừng khò khản”.

A. Con mong minh lớn khôn B. Me mong con mài bé như ngáy náo

c. Me mong con lớn khòn D. Me đà cô die sẽ chia cung con mơi

nỗi niêm như mò< người bon

Câu 8. *(0,5 diêm}* Điêu khác biêt khi con cõn nhó va khi con đã lơn trong đoan vàn sau thê hiên điéu gi?



IN

“Khi cun nho, cun loci Iiucng CUUI kill me cản nhân. Khi con lớn. mồi khi me cản nhin. cun CUI mâỉ bisãn thiu”

A. Cun đủ Innmg thanh hơn. đả hiêu nhũng lòn mmh Lầm cho me buón phicn. hue hời

B. Cun buờn bô khi bl me cắn nhân

c. Khi COI ccm nho vi khi cun đã lún thi bièu hiên thu đỏ khoe nhau

D Con chua hiẻu V1 sao me cân nlvãn

**(ầu 9.** //,ử *ciifHi/* VI sao người cun lai co mong miMXi Khi con nhó vả khi cun làn... vi con luiin mong minh lun Ihát nhanh. Ihũl nhanh me

Cân 10. *(Ị.tl diemị* Vici Joon xán Ikhoang "Mo câu) cam nhàn vê ngum cun trung vãn ban?

**PHÁN tl: VIÉ.I VÃN 1**4.0 dirni) Co y kiên cho ràng "Cang lun, con cai cang xa rin. có kluKing each vài bo me mmh bun”. Em co đũng tinh VỚI *ỳ* kiến trẽn hay khùng? Ilsy viet bar vin bay lo suy nghỉ cua em.

bEnóm

**PHẤN I: ĐỌC Hlí.l (M dĩêml**

**l)yK ván han sau va thục hiện theo yen cáu bền duứi:**

**IỈẢV BÍNH IĨNII Kill BẠN B| CHỀ BAI**

Ngay xưa. có mũt hoa sĩ lẽn La Ranga. mót nguui sièu V lèt vỉ dư IX rât nhiêu kaẽt lúc đàng ghi nhơ khiên ai cũng, đê u khen ngơi (>ng mơ mót lớp hoe mỹ thuũi đẽ day nghe cho mot nguin vu cũng đẽ tim dé tu nôi nghiẽp. Inxig mõl \*ó lương lun hoe trò, Raieci lú mót nguui co tái nhái, chôm chi. sang tao. nên anil tu tiẽp thu nhanh hun nhiều Mớ voi các ban dong mủn

Ông Ranga tai hai long vẻ Raters MỐI ngây kia. Rajeev dưix ùng Ranga gpi đèn vá not:

* 'ĩa rát tu hao vẽ những liên bỏ ma con đà dai duưv Biy gia La thơi đỉẽm con lam bòi tiu cum cung tnruc khi ta công nhãn cun thux su là mũi hoa sĩ lai nàng. Ta mixm con vẽ mô< bức tranh má ai cũng phai thay đcp. phiu klacn ngơi Rajeev lam V1CC ngay đèm vá dem dẽn trinh thây mót bưc tranh luyvt diêu. Thầy Ranga xem qua rói noi:
* Cun hãy đem btrc tranh nay ra dát *a* quang Irưvmg chinh, đẽ Lil ca moi ngưưi cú Ihẽ chiêm ngưỡng Hãy V let hen dum buc tranh La lac gia sỉ ral biết un ncu ai có thê dũ ra bắl ky so sot náo trên bức tranh vá đanh mõl dau X váo cho ỈỒ1 đó.

Rajccv lãm theo lời thày: đãt bữc tranh ơ quang trường lớn vói mól ihóng điép để nghi moi người chi ra những sơ sót. Sau hai ngày. Ranga bao Raịccv lay bức tranh vê. Rạieev rất thất vong khi bửu tranh cua minh đầy dàu X. còn thầy Ran ga tớ ra binh tĩnh và khuyên Rajccv đừng that vong, cỏ gàng lãn nửa. Rajccv vê mòl kiét tâc kháu, nhưng thây Ranga bao phai thay đôi thòng điêp dưới bức tranh. Tháy Ranga nói phai đẽ màu vè và bũt ngay canh bức tranh ờ quàng trường vả đe nghi moi người tìm nhừng chồ saĩ trong bức tranh vá sữa chùng lại bâng những dung cụ đẽ vè ấy.

Hai ngây sau. khi láy tranh vể, Rajccv rát vut mưng khi thây bức tranh không bi sưa gi hẻt vã tư tin đem dẽn chỏ thay Ranga. Thầy Ranga xem xong vã nôi:

- Con dà thảnh công vào ngày hỏm nay. Bơi vì nêu chi thành thạo ve mỹ thuát thôi thi chưa đu, mà con cỡn phai biết rang con người bao giứ cùng đảnh giá bừa bài ngay khi có cơ hôi đầu liên, cho dù họ chảng bièt gi về điều đó ca Neu con luôn đé ca thế giời đánh giả minh, con sè luôn thất vọng. Con người thích đánh giá người khác mù không nghỉ đến trách nhiệm hay nghiêm lúc gi ca. Mọi người đánh nhừng dấu X lèn bừu tranh dâu tiên cua con vì họ không có trách nhiêm gì mà Lại cho đõ là việc không cần dóng nâo. Nhưng khi con đề nghi ho sưa những sai sót thi khòng ai làm nừa, vi họ sợ bộc lộ hiểu biếl - những thữ mà họ có thè không cỏ. Nên họ quyết đinh tranh di lã hơn.

Thày Ranga nôi tiép:

- Nhưng thứ má con phai vài va đè làm ra dược, đừng dễ dâng bi anh hướng bới đanh giã của người khãc Hây tư đánh giá minh. Vả tát nhiên, củng đừng bao giỡ dành giá người khác quá dẻ dàng.

(Nguỗn: hltps. 7truycndangian.com hay-bmh-tinh-khi-han-bi-die-bai )

Câu I. *(0,5 đì êm)* Văn ban trẽn thuõc thè loại:

A. Từy bút B Vãn nghi luận

c. Truyện ngắn D. Truyện vièn lương

Câu 2. *(0,5 diêm)* Truyện có so nhãn vật chinh lã:

A. Một B. Hai

c. Ba D. Bốn

Câu 3. *(0,5 diêm)* Phó tữ ưong cầu vãn “Hây lư đánh giá minh" là:

A. Hây B. Tự

c. Đành giả D. Minh

Câu 4. *(0,5 dí em/* Truyện xây dưng mây tinh huông dê tứ dó người thay giup câu hoc tro nhãn ra chân li cua cuôc sòng?

A. Mót tì Hai

c. Ba D. Bốn

( âu 5. *f0,5 di ém* > Dưa váo vãn ban trẽn, hãy sắp xêp các sự việc trong càu chuyên theo trinh tư hop lí.

11 > Giới thiêu ve người hoa sĩ tài ba lẽn lá Ranga. mỏt ngươi siêu viẽt vè dươv rât nhiêu kiẽt tác dáng ghi nhớ khiên ai củng déu khen ngơi và câu hc| trò Rajeev là mỏt ngươi có tái nhảt chăm chi. sáng tao.

(2> Ihẩy Ranga dãn hoe ưõ dê mau vẻ va bút ngay canh bức tranh ơ quang trương va dẻ nghi moi ngươi tim những chỗ sai trong bưc tranh va sưa chung lại bảng những dung cu dê vê áy nhưng không mỏ< ai sưa bức tranh

Thay yêu cầu hoe trò vẽ mót bức ưanh thật dep va hãy dem bức tranh này ra dát ơ quang trường chinh, đẽ tải ca moi người có thê chiêm ngưỡng vã hãy viết bẽn dưới bức tranh lá tac gia sc rat btet ơn nêu ai cò thê chi ra bãt kỳ sơ sót não ưẽn bức tranh vã dành mót dấu X vào chỗ lỗi đo

1. Raiccv rãt vui mưng khi tháy bức tranh không bi sưa gi hẽt vá tư tin đem den chồ thầy Ranga. thay dã khen ngơi vá khuyên câu: “Nêu con luôn đé cá thê giơi dành giã minh, con sè luôn thát vọng"\*.
2. Rajeev rât thãi vọng khi bưc tranh cua minh dãy dâu X. con thày Rang a to ra binh tĩnh va khuyên Rajeev dung thát vong, co gang lan nửa\_

A. I-2-3-4-5 tì 1—2-<4

c. 1-3-5-2-4 D. 5-3-2-4-1

( âu 6. *(0,5 diêm)* Bức thông diêp câu chuyên muon gưi tới chung ta là

1. Hây luôn kiên tn. chăm chi. ban sẽ dat tới thành công.
2. Hây luôn chủ ý tới thái dô danh giá cua người khác dồi VỚI minh.

c. That bai không nên nan chi ma cân cổ gàng lam lai dê dat thánh cõng.

D. Những thứ ma chúng ta phai vất va dê lãm ra dươc. dửng dễ dáng bi anh hương bơi dành giá cua người khác. Chúng ta hãy tư dành giá minh vã cũng dưng bao giơ danh gia người khau qua dễ dang.

Câu 7. *(0,5 diêm ị* Ihánh phân trang ngữ trong càu "Hai ngày sau. khi lả) tranh ve. Rạjecv rát VUI mừng khi thây bức tranh không bi sưa gi het va tư tin dem đen chả thảy Ranga” la;

A Hai ngây sau B. Khi thây bức tranh không bi sưa gi het

c. Hai ngáy sau. khi lắy ưanh về D. Tự un dem den chỗ thẩy Ranga



( iu X. *(tí,Ị ứiémt* Phcp liên kủl cỏ bung đoan vin sau lú

“Cun người lhn.il danh gui ngưìn khác nu khung nghỉ đèn bách nhiêm hay nghiêm rức gi cá. Mui người đanh nhũng dâu X Lén bức tranh đau nén cua cun 14 ho không cỏ trách nhnhn gi nu lai cho dó la V lêv khừng càn dùng não. Nhưng khi cun đe ngỉu bu sưu nhùng sai sut thi khùng ai lâm nữa. vĩ liu su bóc lù hiẻu biét - nliửng thứ ma hu cỏ thê khúng củ- Nên hu quyêt dinh tránh đi lả ÍKm“

A. Phép lãp B. Phép thê

c. Pfacp nứ D. Cầ 3 dap an trên

< âu 9. *U,0 ihrrtì)* Vi sao ngưuì thầy bi yêu cầu hue tru cua minh vê bưc tranh vả đẻ ờ quang truứng chu mut nguưi nhãn xét?

**( ỉu 1».** *H.o iỉíémt* Viẽt duan vân (khuâng 7-10 câu) bay tử cam nhan cua em sê ngưm thảy trung cảu chuy en trên.

**PHÀN II: Vlt I VÂN (4.0** di rin) Người thày trung cảu chuyện cú BÓI **VỚI** câu hue trú ring: “'Những thư rru cun phai Vat Vú de lãm ra đuưc. dửng de dang hi anh huimg bui đánh gia cua ngưui khae" Em cò đùng tmh vớt ỳ kiên trên hay kỉiùng \* Hây vièt hải V ân bây iủ suy nghi cua nunh.

IE BỌ ĐÈ GIAO LVI IIỌC SINH <;IÒ1

**BÍ SÔ i HSG**

**PHẤN I: DỌC HIÉI1 (l<M> dirm>**

**!>ọc vàn ban sau VÀ thựv hiện theo yên cáu bên dtrời:**

**CẢI CHIívỆn NHCNG NGỜN tay**

Mủi hũiiL nliửng ngón cay tranh lull! ven nhau lem những ngon nao lú quan trung hun cà. Thoai tièn. ngùn tay giữa 1ÙM.

— Tiu chiềrn VI tn bung tarn cua ban tay. không cu **Um** thi hán lay chàng ra han tay nữa.

Cảc ngon khac đêu cài ráng.

— Tuy cáu o V| in bung tâm Va cao him ta! ca nhưng chi ngói do cho cu VI thúi, chà cử giup đưix: việc gi cho tun tay dế càm nãm đàu'

Ngùn tay đcv nhần vênh mãi nút mót cách tư háu ráng hãn đung vai trù quan trưng ideal chinh hân ỉa người mang dau luẽu tư<mg bung cho sư truung thanh cua cliu. tức la deu nhan cưùv

Nhưng cảe ngun tay khac đcu CUUỈ vá nlián .lét ràng.

Tha câu un đi can hem. Chièc nhản cưỡi iy ảng chu cát trong tiu nhiêu hau, cot lie càc cò gai tre lương õng ẩy chua iip gia dmh. chu cú deo diu Ngoai ra câu co lam dươc V ICC gi khac dâu?

- Quan trung nhát làn La lot! - Ngoe lay tro noi Ai la ngươi chi dương? Ai lá nguơi vach ra nhùng thiêu sót cua co quan' Chinh lá tót. Thu nghe õng chu thướng noi: Các Kin. nguyên nhãn su châm tiên cua chủng ta chinh lã à dây.... mơi ngu en đêu vơ tói tru VI không ai muôn nunli lá nguyên nhìn chàm tiên cua ca tãp thê

Ban nhom rua. ban thân men a Ngón 6\*y cai phan dối không phai ch\* minh hail biCt chi TỎI cũng chu nhưng ch mõi cách kheo lẽo. tẽ nhi hơn cơ. Tỏt không chi thảng váo ngươi ta ma lai chi qua hen phai, qua sau lung, nhưng V ản trung thu pharn nhu thương Hơn nửa. trong tnỡl sỗ trương bơp. khi muôn thoái thác truck nhiêm. tôi giup õng chu du cho khách sang cua khác, gap ngươi khác ma càu ưn. phan dot...

Tu nãy chi cỏ ngôn tay út un lãng Va lau no con biẽt khoe khoang gi nữa no vẩn la ngùn tay bé nhãt Nhung

Kia, tai sao chu ut không noi gi? Nhũng ngôn tay khác hói.

Em củng het du day chu Vi em vồn nho be cho nén trang những luc õng chu càn tu phê binh, õng ầy dùng em chi vão ngưc minh thi chẳng HI trùng thây ca. Ngoai ra. em con duơc viẽc trang nhũng khi cân moc ngoãc: nêu thoa thuũn vm 01. dn cân nới .vong ngay. The lã ca hai ngươi dcu chia em ra mõc yỏi nhau.

iNguỏn httpa: topỉist.vn top-lul truven-ngon hay nhoi'danh cho-lua tuui'thicu- nhi)

(iu *l.tỉ.Otiâụ*

1 a Trưyẽn trẽn thuỡc thê k\D'.

A Truyẽn cò tích H Truyên truyền thuy Ct

c. Truyẽn cươi D. Truyén ngu ngùn

I -b Xac dinh ngó\* ke cua truycn

A. Ngôi thứ nliãí B Ngỏi thư 2

c. Ngôi thữ 3 D. Kèt hơp ngài thu nhát vá thu 3.

Cảu 2. *Ịl,Q đi em)* Lua chon o (dungl. s Isail điền váo ỏ trong cuối mòi dong MU cho phú hơp

A. Tư “Những’\* trong “Những ngon tay khảc hoi ~ la pho tu

B Tu “Nhưng" trong “Những ngùn tay khac hoi " b số tu



c. Tử "công” trang \*\*■ Em cũng bkt cha đá) chu” la quan hê tu

D. Tú "cũng” trung ~ Em cũng bíét chi đây chu” la pho tư

Cảu 3. *fỉjfi iỉiẽmi* Nót tứ ơ cõt A VƠI tư ngữ ơ cũt 0 chu phu hop đẽ tao thanh trang ngũ duoc mo rông hàng cam tứ ròi dảl *2 câu* vẻn trang ngữ mơ rông

| A Tú |  | B Tà ngũ |
| --- | --- | --- |
| 1 mót  2. hõm | n-ầy   1. đi ba. 2. ngay kia Đãt câu:   1 X |

đo.

< iu 4. *(1,0 điếm)* Lun chon tứ ngũ điên vào chỏ trông ơ mỏi díiaạ MU cho phũ hop.

A- Tu \*lranh lain” trung truyên trân co nghìn lã...

B. Tư “trang tim” trung truyẽn Iran co nghĩa ln

Cảu 5. *ụ.fi Jicmf* Theo cm. Lal MO cac nhãn vát trung truy én khủng phai la nguới ma lá những ngón lạy?

Cảu 6l *n.o iỉiémt* Trung tru y en trẽn. CHI thích nhái nhãn VÔI nau? Vi san?

Ciu 7. *f2.fi iỉirnN)* Nêu suy nghĩ cun em về each inp luân vẽ VUI trà cun mới nsetj uy. Tứ dứ bẽn bẽ Y« Um lề iWv wng,

Cnu H. *f2.fi Jiiffli* Hue thõng diẽp co ý nghĩa má em cóm nhõn duvc tu truyẽn trẽn

PHÁN II: VIẺT VĂN (10.0 diêml. Hãy vrâl bai vàn phán tich dac diêm mét nhan vil trung truỵvn ngu ngôn nu em yêu thách.

**Jri pfe sò 2 HSG**

**PliÃN I: D(,M IIIEl 110.0 diêm I**

**Dọc vãn ban vnu va thực hiỹn theo yêu CMII bẽn dưoi:**

**CÂl < 111 Yặ-N BÓDÍA**

Ngay xua. *o* mũt gia dinh kia. có hai anh em. Luc nho. anh em rắt hoa thuàn. Klu lơn lên. anh cù vu. em cỏ chàng, tuy mồi ngươi mót nha nlnmg vàn hay va cham.

Thầy cac COD không yẽu thương nhau, nguơi cha rãl buôn phiên Mỡt bỏcn. ỏng dát mót hư dũi VA mốt túi lien trên ban. rời goi các con. ca Imi. gai. dâu. rè lai vú hoa:

A1 be cây đuưc bo đũa náy thi cha thương túi tiền.

Bòn ngươi con LŨI lươl be bó dũa Ai củng co bet sũc na không sao bc gày đucK Ngươi cha ben củi bo dũa ra. rỗi thong tha be gày tung chiec mêl each de dang

Thấy vây, bốn ngươi can cúng noi

Thưa cha. úy tưng chiẽc IM be thi co kho gi1

Ngươi cha hen bao

- EXing. Như the lã cac cun đẽu tbằy ráng chia k ra thi you. hop lai thi manh Vậy các con phai biCt yêu ihưtMig. dum hoc lan nhau. Có đoan kẽt till mới cỏsũc nanh.

*(ĩrich* Tiêng Viet tip 2, Sach giao khoa Lóp 11

Câu l. *(1,0 iíièmi*

] a. Nôi dung chinh cun trưyẻn trẽn La;

A- Tsnh cam anh em li Tinh thân đoan kêt

c. Tinh cám hò con D. Tinh cam vơ chõng

1 h. Nghe thuãi nói bõt đưvc lư dung trung ván ban A- An dư B. So vanh

c. Nhãn hoa D. Hoan du

(âu 2. (Aữ dỉém) Lưa chem Đ IJungk s I vaiI điền vao ỏ trong tau mỏi câu tau cho phú hop

1. \* Bốn ngươi cun Ian lưirt be bo đũa" la càu mơ ràng thanh phân tang ngử □

B “ Bắn ngươi con Lãn luơt be bo đũa” la câu mơ rung thanh phân chinh cua càu

c. •\* MÓI hõm” lá đanh tư 01

D. \* Mõt bỏm- la cưm danh tu Q

Câu 3. *í 1,0 ưữiui* NÒI tứ ngũ o cứt A vm phin guu thích nghía *a* cõt B cho phu hop

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Tứ |  | B. Ciiu thkh nghĩa |
| l Đoan kẽt | • Nghĩa cun yểu lõ ~doan”: a. bơp lai.  b lõ chức lũp the |



|  |  |
| --- | --- |
|  | c. sum hop Nghĩa cua yèu lô “hoi”:  a. ca. tãt ca |
| 2- Hoa thuãn | b kbũng tranh chũp. không xích mích c. ki két, giao ưoc |

('iu 4. *((,0 diêm)* Lua chun tử ngũ điên váo chỏ trông *o* mồi doạg sau cho

phu hợp.

A Mư rông thanh phân chinh và trang ngừ cua câu hằng mót cum tư cỏ thề púp cáu cung cấp duoc nhiêu ..... .— —

H Cac tlixnh phân chinh va trang ngữ cua câu thương dưcc n\*7 rũng bàng cum tư chinh phu như.

Câu 5. *(/.0 diêm)* Tai sau nhũng ngươi cun trong truyẽn lai khung be gãy duơc đũa còn ngươi cha loi be gày dưoc?

Câu 6. *(Ị,0 diêm)* Qua câu chuyên. ngươi cha muôn khuyên oc cun điêu ri.

(iu 7. *(2,0 diêm)* Nẽu nhãn xet cua cm vê ngươi cha vá 11 giai h do era nhãn xỡ như vây.

< iu 8. *(2.0 £ẽm)* Bái hoc cii ý nghĩa nhai má em ru! ra chu ban thân tư câu

rtuiyrn tnrw

THAN II: MÍT VÃN <10.0 diésnk Lm bày lưa chun va phân tích dâc daếra ***mội* nhản vôt trrirír tn»v\*\*w nf’' ngớn ,r,n /\*’T1 H1Ỉ<4» <(~n tkr lu nhnn vol Imnj vnn** ban a ngủ liêu phân đoc hréu hoác à ngoai Ị.

**rilÁA I: DỌC HUI (I0J diem)**

**Bọc viu ban sau vá thqrr hiện thru yêu cầu bêu dirừỉ:**

**(Ạt BÍ( IIÀNÍ i ì**

Ngay xua. ơ mõt ngôi tang no co mót câu be chán cưu. Mồi ngay, cãu đêu nám trẽn canh dồng ngâm dan cứu binh yen ạõm co xung quanh.

Càu clu vice canh chung đan cưu khơi lù SOI dói vã lua cửu vé tang kill troi Mjp lôi.

Ngáy DO. câu be cam thây buòo chùn nên qưyét dmh hra moi ngươi ương lang mát vổ chơ VUL Truúc dơ. mợi người trong Ians đản câu be ràng nxn khi tháy SOI đèn thi hãy het to lẻn đẽ ho chay den giup câu

**- Sõi! Cõ soi’**

The la cáu đung lẽn vũ chay dến bia canh done, hẽt km:

* Sou? Co sôi!

Nghe thay vậy, những ngươi đán ỏng tnms Ung bo dơ V lẽc dang lãm, chay ngay đèn đề pup cảu duỗi soa.

Câu he thích thu khi thảy moi ngưcn hốt ha chay toi, tay cầm khiên. cuõc. gãy eõc vá bct lư de đuũt sót.

Khi den not, mpi ngươi nhìn quanh nhung chảng thây so\* dâu ca. Ho vê nha sau khi dã đếm lai đan cưu • á chác rang không en cun náo bi mắt-

Ho nghĩ ring *có* lẽ «>1 dà hoang so bo di khi nghe tỉữy beng ổn tu xa

Trung khi do. câu bẽ cưoi ngai nghẽo xa nghĩ minh thil thòng minh kh> lua dươc moi nguoi trong lang

Ngay hỏm sau. cáu be lai taẽp tục lua moi ngươi

Có sói! Cưu chau vời! Soi sẽ Àn thít cữu cua chau mắt.

Cõu het len va chay về phía lang

Cò SOI?

Cưu chau xen'

Mót tần nửa, mot ngươi tai chay đèn giup cãu be duói sót. Ho nghĩ con sin luc nay dang rát dơ: nẻn ho cố gang chay nhanh hem va tao ra nhiêu beng ồn hơn.

Càu be cưới ngãi nghèo khi ohm thay mo\* ngươi vưa hoe ha chay, vưa La hct dê lũ SÓI *Mơ.* Nhưng chong cò con SÓI nao ca!

Khi nhtn thầy câu be CUƠ1, những ngum trong lang hicu ra ráng càu be dang lứa bo.

Nãy thảng be kia, hãy COI chưng dãy. Ròi sê co luc may phai kêu cưu ma chàng cử ni đèn diu’

Nghe bo nôi thè. cáu bẽ chi cưoi to

Mỡt ngay no. cử mix con SỎI hung dữ ben xuồng canh dõng mỡt con sú\* that su. Nó nhìn thầy đan cữu dang gãm co bẽn xông vão

Càu be chua bao gio trông Lhắy mõi con SÔI nao lơn den nhu vây Va khàng beet phai lam gi dê bao vé dan cứu cun nunh Càu chay thát nhnnli về láng, hct lòn.

* SàỀĨ Co sót!

Du nghe rắt rò tiêng cua câu be đang la lơn ”Soi? cỏ mõi con SÓI diãt dang den ? " nhưng moi nguơi chang them quan tâm va vẩn ticp tuc trò chuyên VÓI nhau

Du cãu bẽ cồ gang thuyẽt phuc moi ngươi ráng lần nay la mờt con SÓI tha: nhưng bo chi cưến vã bao nhau;



- Chác thăng nhòe lai dang lưa chúng ta nữa dã>

The là câu bé dành bo cuôc vã quay lại canh dóng. Vé den nơi. cậu bè thây dan cứu cua minh dã biên mat. Vảy là SOI dã ãn thít het ca dan cửu cua câu.

Càu bẽ ngói xuóng đắt vá bật khoe. Câu biCt rang tầl ca la lải tại minh. Câu dã lứa moi người trươc vã khóng ai con tin mót ke noi dỗi ca thám chi ngay ca khi ke do dang noi thât!

(Nguôn: https^< giadinh.lv truyen-cau-be-chan-cuu )

Cảu *\.(l.() điềm ị*

I .a. Đẽ tài chinh cua truyẽn trên là-

A. Tre em B. Người nông dàn

c. Nông thôn D. Mien núi

l.b. Còng dung cua dau gach ngang trong câu: “Mộ( ngày nọ. có một con SÓI hung dữ lien xuòng cánh dỏng - một con sõi thát sụ” dung dê\*.

1. Danh dàu lới thoai cua ngưỡĩ ké chuyên.
2. Liệt ké.

c. Dánh dâu phán chú thich. giai thích.

D. NÓI các tư trong mót liên danh.

Câu 2. *(í.o dìémf* Lưa chon D (dung), s (sai) diên vào ỏ trỏng sau mỏi câu sau cho phú hop.

1. Nhản vàt chinh trong truyén lá càu bé chân cừu.
2. Nhãn vát chinh trong truyẽn là những người dàn óng trong làng.
3. Truyên đưoc kể theo ngòi thứ nhát
4. Truyên dươc kê theo ngôi thứ ba

Ciu J. *(1.0 diêm)* Tim các tứ ngữ trong truycn diẻn váo còt B lương ứng với từ ngừ ơ cót A. Sau dỏ. nôi từ ớ cót A vói từ ngừ ơ côt B cho phù hơp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A Các yèu tó trong truyên |  | B Từ ngữ thè hién |
| 1. Thời gian 2. Không gian | a -  b- |

Câu 4. *(1,0 diêm)* Lưa chon tư ngữ dicn váo chỗ tròng trong mỏi dong dưới dây đé hoan thiên các càu lục ngừ sau:

1. Ản...(l).\_ noi...(2).....
2. A1 mâ nói dỗi VỜI ai

Thi tròi giáng hạ cây giữa dồng.

Câu 5. *(1,0 dicmf* Tim và giai thích nghĩa cua mót thanh ngữ tương ưng ven nôi dung câu chuyện trẻn.

Câu 6. *(ỉ.o diẽml* Tóm tảt câu chuyên trên bảng mòt đoan vân ngàn < *lư 6-8 dứnfif*

Câu 7. *(2,0 íiiêini* Nhàn xét về tinh cách cua nhãn vật câu bé chán cứu trong truyẽn. tinh cách đó đã đẽ lai háu qua gi?

Cảu X. *(2.0 diém)* Từ câu chuyên cua câu be chán cưu. cm hây Viet đoan ván í tử H-10 dỏng I chia sè bát hoc cuõc sõng vớ] rnoi người.

PHAN II: VIỀT VÃN (10.0 diêm). Tứ vàn bon ỡ phân Đoc hiẽu, cm hày phân rich dâc diêm nhãn \ãt "Cảu bẽ chân cừu”.

ĐE SÒ 4 HSG

PHÀN I: ĐỌC I1IEII (10.0 diềm)

Dọc bãi thơ sau vã thực hiện theo yêu cầu bin dưới:

CỐ MỘT M£ THÔI

cỏ hao nhiêu hoa thăm

Có hao nhiêu tiếng chim Có bao nhiêu gwt ning Trai vãng bỡ thao nguyên?

Cò bao nhiêu cã lòi

Cò bao nhiêu sóng lay Có bao nhiêu giot nước Chữa ưong biên hô dằy?

Cử hao nhiêu khuôn màt Có bao nhiêu nu cười Co mòt diêu un chác Em cỏ mõt me thôi.

Có bao nhiêu giỏ lõng

Cỏ bao nhiêu vi sao

Có bao nhiêu mây trảng Bông bênh trẽn ưới cao?

(Nguõn: https:.. WWW thivien.netNguyễn-Làm-Thàng)

Câu I. *(1.0 diẽm)*

I-M. Người bay to cam xúc. suy nghĩ trong hai tho lã ai?

A. Ngươi bổ B Người me vá người con

1. Người con D. Người me

1 .b Bãi tho chu yêu sư dung biên pháp tu tứ.

A. So sanh B. D»ẽp ngừ

c. Nhản boa D. Àn du

Câu 2. *(1,0 diêm Ị* Lưa chun Đ (dùng), s (sai) diẻn váo ô trống sau mỗi câu sau cho phủ hop.

1. Bái thơ Li lới người con muỗn hoi có bao nhiêu sư vãt trẽn dời. I I
2. Qua những câu hoi cua ngươi con vê các sự vật trẽn dõi. người con muôn khàng dinh chi có me là duy nhãL Ị I



1. Bai thơ su dung biên pháp ru tu nôi bãt la điẽp ngữ. het kẽ
2. Bai thơ sử dung baẽn pháp tu từ nỏ< bật lu so sành, nhảu hóa. □

Cân 3. *(1.0 diêm)* Tĩm nhừng cảu hỡi tu tứ cỏ ưong bai thơ?

Câu 4. *(í.tí điẽmị* Cac câu hói tu tứ trong bãi thơ diễn ta cam xúc gi cùa ngưỡt con?

Câu 5. *(ĩ,fỉ diẻmị* Lưa chon tu ngừ điên vảo chỗ trông cuổi mỏi dong sau cho phù hop.

A Các càu hót trong bãi tho dũng đẽ...

B. Tác giã het kẽ "bao nhiêu” su vãi trong thiên nhiên, cuõc sồng, chi đê khảng dinh...

Câu 6. *(1.0 diêm ị* Tai sao tác gia Lu nôi:

“Co bao nhiêu khuôn mdt

Có bao nhiêu nu CUỚI

Cỏ mõt diêu un chãi.

Em có inõt me thôi”.

Cân 7. *(2,tí điêmị* Phân tich tác dung cùa biên pháp tu tú điêp ngừ cõ trong bãi thơ?

( âu X. *(2,0 diêm ị* Em nhãn ra bưc thõng điẽp gi chung ưong các dong thơ sau.

“Có mõt diêu tin chác

Em cỏ mót me thôi”

Vã:

"Mẹ!

Có nghĩa la duy nhải

Mõt bàu trời

-Mót mát dấỉ

Mõt vằng trầng”

(.Vgũv *xua cỏ /ne -* Thanh Nguyên I

PHẤN II: MET VÃN (10.0 dicnif Em đả đươc đoc nhiêu câu chuyên vè nhủng Uạng nguyên - "thần đổng” nho tuồi Việt Nam nhu Mac Đinh Chi. Nguyễn Hiền... Em hây kẽ câu chuyên về vị thân dõng nhõ tuõi mà em duoc biềt Uong lích sư.

DÈ SÔ 5 HSG

PHẢN I: EMM H1ỀU (10J) diem)

Dọc bãi thư sau và thực hiện theo yêu cầu ben dưới:

TRÁNG TRONG

Lãm Thi Mỳ Da

Sừu mẹ trùng ưong

Dõi lan môi con

Nghiêng ve vù me Như cây lúa nho Nghiêng về phu sa Như hương hoa thơm Nghiêng về ngon gio

Can ƠI hày uống

Rồi mai khôn lơn

Con ƠI hảy nghĩ

Nhừng diêu tràng trong.

Dôi lan môi con

Ngâm bâu vù me

Như búp hoa huê

Ngâm tia năng trời

(Nguồn *l'ứn chương một thời dè nhơ,* NXB Vân hoe, 2006)

Câu I. *ịỉ.Odĩẽmị*

1 .a. Ai lã người ngươi bày to căm xuc. SU)' nghỉ ương bãi thư1

A. Người con B. Người me

c. Người cha. D. Người me vã người con

l.b. Bái thơ sư dung chu yêu biên phap tu tư

A. Àn dụ B. Hoan du

c. Nhãn hóa D. So sánh

Câu 2. *(Ị,0 diẻmị* Lưa chon D (dùng), s (sail djen vảo ỏ trỏng sau mỗi dong cỏ chừ cãi dửng đầu duới đây cho phù hơp.

Chi ra đặc diêm cua bảr thơ *ĩrdng trong* ơ cac yếu tỏ: so tieng vá nhíp ơ các dong thơ. vãn cua bái thơ.

1. Bai thơ co nhiêu dong, mãi dóng co bỏn chừ. Cách ngửi nhíp tư do, cò thê h nhjp 22.1 3 hoảc 3/1. I I
2. Bãi thơ có so lương dông giới han. moi dõng có tón chừ. Cách ngát nhíp lã nhíp 2/2. □

c. Bãi thơ có each gieo vãn tư do

1. Bai thơ co nhiêu dong, mỏi dong co bón chử. Chu yêu lá gieo vần lung lưng va vãn

CAu 3. *diêm í* Tim những phó tứ cõ ưong bãi thơ: \_



( âu 4. *(1,0 diêm)* Tữ ‘"nghiêng'’ trong bai bái dươc hiéu theo nghĩa góc hay nghỉa chuyên? Hày giai thích nghĩa cua tư " nghiêng”.

Cáu 5. *(LO diêm)* Trong bài thơ. tóc gia đủ >ư dung nhửng câp hình anh nao đê tao nên giá tri và thõng điẽp cua hái tho'’

Cảu 6. *(LO diêm)* Tim tử ngừ cỏ ữong bái thơ hèn đê hoan thiện câu tuc ngừ sau. *...(ỉ í. .KỊỊữanh dí (2).. dai- ,.(ìi nỊỊOỜnh tai ..* .\_ AAdrt Giai thlch nghĩa

cua câu lục ngừ vữa hoãn thanh

Câu 7. *(2,0 diêm/* Chi ra vu phan rich tac dung cua mót biẽn phap tu tu nôi hãt dươc dung ương khỏ thơ dâu.

Câu X. *(2,0 diêm)* Qua lới của nhãn vật trừ tinh, “nhưng điêu trảng trong” má túc giã muôn nới đèn lã gì? Bán thân em SỀ làm gì đê gin giừ “những đ\*ều trâng trong” ?

PHÁ\ II: VIẾT VÃN (10.0 diêm) Chung ta thương đanh giá người khac theo tiêu chuân cua minh Điêu đò đùng hay sai. viét bãi vủn bay to ỹ kiên cua em

I SOb HSG

PHẤN 1: DỌC H1ÉU (10.0 diêm)

Dọc vản ban.doạn trích xau vã thực hiện theo VCU cảu bén durứũ LỞI RU CỬA MẸ

Lời ru ản nơi naơ

Giữa mênh mang ưin đãt

Khi con \ ưa ra đới

Và khi cơn đèn lỡp LỜI ru ỡ công trướng LỞI ru thành ngon cỏ Don bươc han chôn con.

Luc cun nám ấm áp

Mai rói cun lơn khôn Trẽn đường xa nàng gât LỞI ru là bóng mat Lúc con lên nin thủm LỚI ru củng gãp ghẽnh Khi con ra biên ròng LỜI ru ửuuiỉi mẽnh n>ủn{Ị.

LỚI ru la tấm chản Trung gíầc ngu êm đêm LỜI ru thanh gúic mông.

Khi con vưa tinh giầc

Thi lòi ru đi chơi

LỜI ru xuóiig ruông khoai Ra bỡ ao rau muông.

(Nguôn: *ĩhơXuản Ọuynỉi.* Kiêu Vân chu btẽn. NXB Đông Nau 1997)

€ âu *l.(l.Odỉêm)*

IUi. Bái thơ có cách ngát nhíp chu yếu A. Ngát nhíp 2'3 hođc 3'2.

B Ngát nhíp 2 3 hoác 4 1.

D. Ngà nhíp 2/3 hoác 1/1/3.

c. Ngit nhíp 41 hoâc 3/2.

1 .b. Bái thơ gieo vân A- Vãn chân c. vàn hên

B. Von each

D. Vãn hản hơp

CÂU 2. *(1,0 dièmị* Càn cư vào nõi dung bai thơ. em hây lưa chon Đ (dũng), s (sail điền váo ỏ ưống sau mòi câu sau cho phũ hop.

A Bái thơ noi vẽ giã tn cua lẽn ru trong cuộc song cùa mỗi con ngươi. Q B. Bải thơ mưon hình anh len ru đê nói vẽ tinh me tha thief, thiêng liêng, bát

c Bãi thơ gơi những niềm rung đỏng sâu xa ương lòng người đoc về tinh mảu tứ- □

D. Bãi thơ dung hình ánh lòi ru đẽ bõc tâm lòng tháo hiêu cua người con

Cảu 3. *(1,0 diêm ị* NÔI tư ơ cột A VƠI phàn giãi nghĩa ở cót B cho phú hợp

B. Phân nghĩa cua tư.

1. rông lơn đèn mức như không cỏ giới han
2. yên tỉnh, không cỡ sư xao dõng, tạo cam giác yên õn
3. rông lớn đẽn mức gãy cam giac mung lung, mó nut
4. ấm vả gảy cám giác dễ chiu (nỏi khái quatl

I. Mênh mang

1. Mênh mỏng
2. Êm dem

Cảu 4. *(1,0 diêm/* Lưa chon tứ ngừ đtẽn vào chồ tróng CUỎ1 mỏi dỏng sau cho phù hop.

A Ngươi bay to cam xúc. suy nghĩ ương bãi tho trẽn la.

B. Đỗi tương trừ tỉnh trung bái tho lã :

Câu 5. *(1,0 diêm)* Em hiẽu gi về hình anh wkn ru"\* dưoc tãc giá sữ dung trong bãi tho.

Câu 6. *(1,0 diêm)* Phản tich tãc dung cua biên pháp tu tứ so sành dươc SƯ dung ương khô tho thư hai

tâu 7. *(2,0 diêm ị* Trong sả nhùng binh anh dưoc tac gu dung đẽ khác hoa lới ru, em thích nhát hình anh não? Vi sao?

Câu M. *(2,0 diêm)* Em nhãn ru thông điẽp chung gi từ cãc dóng thơ sau:

“Khi con ra biền rông

LÔI ru thanh mênh mỏng”.

Vã: “Con dũ lơn vẫn lá con cua me

Đi hèt đòi long me vẫn theo con”. (Chê Lan Vièn)

PHÀN II: VIÉT VÃN (10.0 diêm) Co người cho ràng; Cua cho không bắng cách cho. Viet bui vãn bây to y kiên cuu em vè vấn de này.

OÈSÓ7-HSG

PHẤN 1: DỌCH1ẺI' (10.0 diíni)

Dọc bãi thơ sau và thực hiện theo yêu cảu bên dưới:

LỚP HỌC MÍ’A DÔNG

Phóng hoe lá chiếc ao Boc chúng minh *ơ* trong Cứa rô h chiêc tin

Che chiln ngon gió đông

Nhưng then cải là cue Ngân can tun mưa vao Dù V ang ren sảm set Lóp minh cỏ ngai dân'\*

Mang chung tnôt chiẽc ào Náng mèm thương ban bẽ Dầu bẽn ngoai rét buỏ< Nhung lớp minh ấm ghẽ' (Nguồn: hups [www.thivien.ncL](http://www.thivien.ncL) Cảu *ỉ. (1.0 diêm)*

1 ,a. Bái thơ cò cãch ngảt nhíp chú yêu

A. Ngãi nhíp 23 hoặc 3 2 c. Ngầt nhíp 23 hoàc 41.

B. Ngảtnhip4'l hoác *ỵo.*

D Ngát nhíp 23 hoiic L' 13

I b. Bái tho gieo vằn

B. Vằn cách

D. Van hỗn hơp

c. Vấn chân

Câu 2. *fỉ,ít diêm)* Cản cữ vao nói dung bai tho. em hày lưa chon Đ (đũng), s (sai) diên váo ỏ ưông sau mỗi câu sau cho phũ hop.

1. Bái thơ miêu ta lớp hoe mua dõng. Ị I

B. Bãi thư bay tú cam xúc vẻ top hoc ừong mua đỏng đầy âm ap. yêu thương. Q —

c. Bãi thơ got Lá hình anh lớp hoc trong mùa đông như chiếc ão ãm.l I

D. Bãi thơ chen ta cam xúc lanh lòo khi mua đông đến.

Câu 3. *(ỉ,0 diêmị* Nồí tữ ngữ ơ cõt A VỜI tữ ngừ ỡ côt B cho phũ hơp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| I. Boc chúng minh  2- Nhừng  3. ấm ghẽ | a la phó tữ   1. lã cum dộng tư 2. lá cum tinh tứ 3. là chiếc áo |

Cảu 4. *(ỉ,0 diêmi* Lưa chon tú ngừ diên vào chó ưông CUỎ1 mỏi dóng sau

cho phù hop.

1. Biên phap tu tứ nôi bát trong 2 khỏ tho đâu ta
2. Biên pháp nghê thuãi ữong 2 câu thơ cuối lã....

Câu 5. *(í.o diêm)* Em biêu the nao vẻ ý nghĩa hai dòng thơ:

'Mang chung môt chiếc Ào

Nàng niềm thương ban be”

Câu ù. *(1,0 diẽm)* Tai sao tac gia lai noi: "Dầu bên ngoai rét buốt Nhưng lơp minh ảm ghẽ’”

Câu 7. *(2,0 diêm í* Phăn tích tác dung cua btén pháp MO sánh va nhãn hoá trong hai dõng tho.

'Phòng hoc lã chiéc áo

Boc chủng minh ở trong”

Cáu N. *(2,0 diêm/* Qua bai thơ. em cam nhãn dược cam xúc gi cua ban nho trong bai thơ\*? BAng những trai nghiêm cua ban thản, em có dồng diêu VỚI cam xũc. suy nghĩ cua bạn nhò không?

PHÀN II: VIẾT VÃN (10.0 diêm) Phát biêu cám nghi cua em vé mót người thay (có) giao dà ươm mằm mơ ưòc. khơi dãy đam mê cho các ban hoe

sinh

DÈ NÔ » HSG

PILNN I: DỌC IIIEl' (10.0 diêm)

Dọc bái thư sau vã thực hiện theo yêu cầu bên dưữi: RA VVỞN NHẠT NÁNG



Ong ru vườn nhật nâng Tha thân suôt buôi chiểu Ỏng không con ưi nhở Õng chi con tinh yêu

Be khỏ mang chiếc lã

Đàt vào vét nấng vãng Ông nhát ten chiếc nàng Quảy nhe. mùa thu sang

(Nguyen The Hoảng Linh. Nguõn: d^cbuvkxvm lâ>utinplltuung >

( âu I. *(1,0 diêm/*

La. Bai tho thê hiẽn tinh cam cua ai VỚI ai?

1. Người cháu VỚI người õng B. Người ông với nguôi cháu

c. Người ỏng VỚI chiếc la D. Người châu VỚI mùa thu

I .b. Bãi tho có each ngắt nhíp chu you

A. Ngồi nhíp 23 hoấc 3/2. B. Ngút nhíp 1'4 hoâc 3'2.

c. Ngàt nhíp 23 hoác 14 D. Ngài nhíp 2/3 hoác 11/3.

Câu 2. *(ỉ.o diêm)* Lưa chon Đ (đúngh s (sai) điên vào ỏ trong sau mỗi cảu sau cho phu hơp.

1. Người ông không còn tri nhở nên thương tha thân ngoài vườn mải buòi chiêu. [
2. Người chau cùng ông choi đua mỗi buỏi chiêu, o

c. Bai thơ sư dung yen tó tư sư như đang kẽ mõt câu chuyên nho VC ngươi õng. Q

D. Hinh anh người õng ra vườn gom nhất ning ữong trang thãi thơ thãn nũl tri nhô lá tunh anh tương trưng cho sư gom nhảt mem VUI binh d| hãng ngây ữ

Cảu 3. *(1,0 dĩẽm)* Nêu ỷ nghĩa nhan đe béi thơ “Ra vườn nhồt nàng"?

Câu 4. *(Ị,0 dưm)* Lua chon tư ngừ điên váo chỗ ưông cuối mỗi dong sau cho phú hơp.

A. Cảu thơ “Óng ra vưởn nhát nâng" sứ dung biên pháp tu từ....

B Hai câu thơ “Ỏng không còn tri nhớ Ông chi càn tình yêu” sư dung biên phap nghê thuật...

(iu 5. *(1,0 diêm/* Qua bai thơ, em hiêu gi vẽ hĩnh anh người ỏng vả tinh cam cua tac gia danh cho “ người õng" ương bái thơ?

Cảu 6. *(Ị.o đi êm)* Phàn tích tãc dung cua biên pháp ân du trong câu thơ: "Ong ra vươn nhât nAng. Tha thản suỏl buỏi chiêu”.

Câu 7. *(2,0 diêm ị* Nêu cam nhãn cua cm VC câu thơ. "Quay nhc. mua thu sang”

Câu X. *(2,0 đièĩtt)* Bái thơ gưi tới chùng ta bữc thõng dièp gi? Em cỡ tint thây sư dồng ihẽu vớt bưc thông diẽp má tác giã gưi gim không?

PHAN II: \ IÉT VÃN (10.0 diêm) Viet bái văn ưinh bảy cam nhãn cua em sau khi đoc bai thơ ’Ra vươn nhát nồng" cua tác gia Nguyễn Thê Hoang Linh.

' PẼ SÒ 9 HSG

PHÀN I: DỌCIIIEC (10.0 dicm)

Dọc bài thơ sau vã thực hiện theo yêu cầu bẽn dưới:

TRỜI XANH CỦA MỎI NGƯỜI

Bâu trơi xanh cua ba

Vuông bàng khung cua sỏ Bà nhm qua mỏi chiêu Nhỡ bao lá chuyên cũ

Trời xanh cùa me cm Là vẽt dãi tit tip Khi nhâc về bó em

Mầt me nhin dám đảm

Trơi xanh cua bỏ em

Hình ráng cưa nham nhỡ Trơi xanh giừa đan bom Rách, con chưa kip vả

Trơi .xanh cua nene cm Em chưa nhin thấy bết Dãi vá rông đen dâu Ai bao giùm cm biết?

Dai va rộng dẽn dâu Lơn rồi cm sẻ btct

(Nguồn [https.WWW](https://https.WWW) thn icnjict Xuản-ỌuýTih)

Câu 1. *(ỉ,0 diêm ị*

I .a. Bái thơ sử dung chu yêu bỉẽn pháp tu tư:

1. An du B Sứ sánh

c. Nhãn hóa D. Dtép ngừ

I b. Nhíp thơ chu yểu ương bai thơ lã:

A. Ngồi nhíp 2/3 vả 3/2 B. Ngât nhíp *2J3* hoảc 4/1.

c. Ngát nhíp4' I hơâc 32 D. Ngát nhíp 2'3 hoâc I/1/3

Cảu 2. *(1,0 dĩẽm)* Lưa chon D (đung), s (sail diên váo ô ưỗng sau mỗi cảu sau cho phũ hơp.



1. Bâu trời xanh trong cam nhãn cua mỗi người có mỗi net khác nhau bới nó phu thuửc tâm trang, nỗi niêm, suy nghĩ cua người đỏ. □
2. Bâu trơi xanh thay dõi mỗi ngay, không ngây nao giồng ngày não. o

C- Bâu trời xanh cùa cm, cm chưa nhìn thây het độ dãi rông ben em còn khảt khao dươc khảm pha bao diéu mới la. I I

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| D. Trong con mit mỗi ngin Cảu 3. *(ỉ,0 diêm)* Nồi tú nj | n. bầu tròi dẽu ưong xanh như nhau. Q .’ừ ơ cõt A vời tữ ngừ ớ cột B cho phủ bơp | |
| A | >n | B |
| 1. Bãu trời xanh cua bá 2. Báu trời xanh cùa me 3. Bấu trời xanh cũa bõ 4. Bâu trời xanh cũa con   ( âu 4. *(1,0 diêm)* Lưu che | 1. dái ũt tip như con dương do nỏi nhỡ mong 2. chi be bâng khung cứa - nơi goi nhAc về bao chuyên trong qua khư 3. chưa do đươc dai vá rộng dẽn mưc não 4. lũ nhừng mánh vỡ cùa bom đan chiên tranh   lừ ngử diên váo chồ ưỏng cuỗi mỏi dóng sau |

cho phú hop

A Bai tho cỏ số tữ hy lâ..

1. “Ai bao giùm em biết?” lã câu hói...

Ciu 5. *(1,0 điêmf* Phân tich tác dung cua biên pháp diêp ngừ cõ trong bát

thơ.

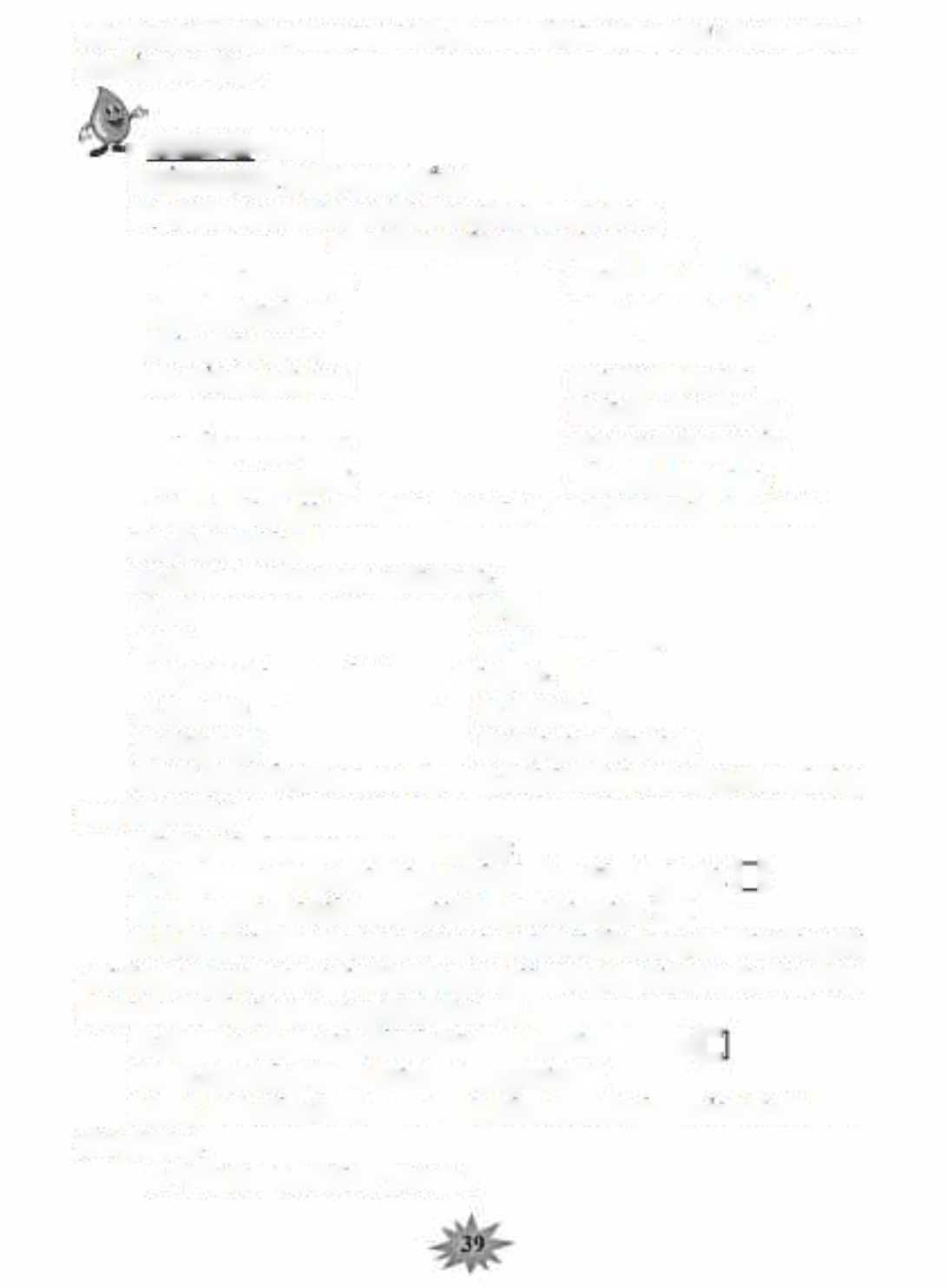
(âu 6. *(Ị,0 diem ị* Lm hiẽu thê nao ve ý nghĩa nhừng cãu they:

Trái xanh cua riêng em Em chua nhìn thấy hết Dãi vã rông đen đâu Ai bao giủm an biết?

Câu 7. *(2,0 diêmị* Đoc bái tho. đáng sau hình anh trời xanh mang dâng vẽ khác nhau trong cam nhãn cua mỗi ngươi trong gia dinh, em hiêu dươc diẻu gi ve tâm trung, nải mềm cùa mỗi nguôi trong bái thơ?

Câu X. *(2,0 diêm)* Bai thơ muôn gưi tới chúng ta bức thõng đtêp gĩ? VỚI em. trói xanh ưong mầt em như thé nào? XI sao em cỏ cam nhân đỏ?

P1IAX II: VIẾT VÂN 410.0 diêm) Co dip em dươv thâm mỏ< di tich tịch sư gân vơi tên tuỏi cua Chu tích Hồ chi Minh ( thám quẽ Bac. thàm phu chu tích, vicng Láng Bácl. em dươc nghe cô hương dẩn viên di tích lích SŨ kẽ vẻ cuòc đời cua Bác tứ những nâm tháng thua thiều thói dền nhửng tháng bỏn ba khÀp các châu iuc đẽ tim con dường giai phòng dãn tóc rồi những giây phút cuồi dơi Bac



Nơi náy ai củng quen Ngay tử ihời tâm bẽ Khi tay ba. tay me Còn dât vòng di men

Nơi nãy đà dưa tôi Buỏt dầu tiên đến lớp Nay con đường xa tàp vẫn đang chờ tói di.

vẩn wLo cho hết thây chi quen minh”. Em hây kẽ lai mót sự việc câu chuyên má em duy xúc đòng.

Nơi bỏ me ngáy đèm

Lũc náo qua củng vỏc

I Nguồn: Sach giao khoa *Thỉng Việi* lop I. tặp 2, NXB Giáo due. 2014).

Câu I. *(LO diêm ị*

I .a. Nhãn vãt trừ tinh trong bãi thơ la.

A. Đã B Bố

c. Me D. Nhản vát “Tôr

1 .b Biên phap tu tử nòi bát trong bái thơ là.

A. So sánh B. Nhãn hoa

c. Điẽp ngừ D. NÓI guun nói tranh

Câu 2. *(LO diêm)* Lưa chon D (đúng), s |sai) điền vào ỏ trổng vau mỗí dong sau cho phú hop.

Bái tho gưi tờ) chúng ta bức thõng đtẽp

1. Ngưởng cưa lá nơi ma chung ta bâi đâu bao điêu tứ tâm be I I
2. Ngưởng cưa co biẽt bao ngươi thản yêu chơ đoa ta. o

C- Luôn phai biềt ơán trong, nâng mu noi khơi đâu cua CUỐC dõi mỏ) người - đu la ngường cưa cua ngôi nhã thân quen VƠI những người thân yêu nâng đờ ta tứ khi tắm bé dê giúp ta trương thành đi xa. □

D. Ngưdng cữa lã nen ta bẳt dâu hanh trinh mởt phía tnrõc. Q

Cảu 3. *(LO diêm)* Tìm 4 pho tữ cõ trong bái tho'?

Câu 4. *(LO diêm)* Lưu chọn tù ngử diên váo chỗ ưõng CUO1 mỏi dóng sau cho phù hop

A. wvần đang chờ tỏ) di” lã cum...

> Dfc SÓ 10-HSG

PHAN I: ĐỌC HIẾU (10.0 diem)

lk>c bài thư sau và thực hiện theo yêu cầu bẽn dưới:

NGƯỠNG ÍT A (Vũ Quản Phương)

Nơi ban bẽ chay lõ)

Thường lũc náo cũng VUI

1. Xét vẽ cảu lao. “xa lảp" la tữ.\_

Câu 5. *(1,0 diêm)* Theo em nhan đẽ bài thơ “Ngưòng cưa" có ý nghĩa như the nao?

(âu 6. *(1.0 diêm)* Phân ttch tác dung cua biên phap tu tứ diẻp ngừ cồ trong bái thơ

( âu 7. *(2.0 diêm ị* Nêu có thê thay dôi nhan đẽ bãi thơ. cm sê chon nhan đe não? Vỉ sao?

( âu X. *(2,0 diêm ị* Dean thơ sau nhàn nhu tơi chung ta diêu gi?

Nơi nay đà đưa tỏi

Buôt đầu tièn đến lớp

Nay con đường xa tip Vần đang chơ tỏi đi.

PHẤN II: VIÉT VÃN 110.0 dir nil Viết bai vân trinh bày cam nhãn cua em sau khi doc hái thơ “Ngưởng cưa" cua tac gia Vũ Quân Phương



PHAN I: IXM HIẾU (10.0 diêm)

học lãn ban sau vã thực hiện theo yêu câu bên dưới:

BÀI THUYẾT GIÁNG

Tđi môt ngôi láng nho. có mõi VI giáo sư thường dền noi chuyện VC cuộc sòng, về công dồng váo mòi ngày chu nhảt. Ngoài ra. ông còn tô chức nhiều hoat đông cho nhừng càu be trong lãng cung choi.

Nhưng dên mót ngây chu nhát no. mộc cậu bé, vòn rất châm đen nghe nôi chuyện bảng nhiên kháng đèn nừa Nghe noi câu ta không muôn nghe nhừng bill noi chuyên tâm xam va cũng chửng muốn chơi vớt nhũng cỏ câu be khac nừa.

Sau hai tuân, vi giao sư quyẽt đinh đến thAm nha câu be. Câu bé dang ờ nhã mõi minh. ngói trước bép lưa.

Đoàn dưoc lỹ do chuyên Viẽng thảm, câu bẽ mõi VI giáo sư vảo nhá vã lây cho ông mõt ch ICC ghẽ ngôi bẽn bép lưa cho ãm

Vi giao sư ngồi xuỏng nhung vẫn không noi gi. Trong im làng, hai ngươi cũng ngồi nhìn nhủng ngon lúa nhay mũa.

Sau vai phút. VI giao sư lay cái kcp. cán thân nhài mỏt mắu than hống dang cháy sàng ra vá dât nẽng nỏ sang bên canh lo sưởi.

Roi ông ngồi lai xuỏng ghé. Vần im làng. Cãu bẽ cũng im làng quan sát moi vice.



Cue than đơn le chây nhử dãn. CUỎI cũng cháy them đươc mót vái giãy nửa rỏi Lit hàn. không cỡn đóm lưa nao nừa Nó ươ nên Lanh lèo và không còn sức sổng.

V) giao su nhìn đỏng bổ vá nhãn ra đã dẽn giớ õng phai đẽn thâm mót người khãc Òng châm rài đứng dày. nhit cue than Lanh lẻo vi đát lai VÀO giừa bép lừa. Ngay lập tức. nó hu bài đầu chây, toa sáng, lai mỏt lằn nửa VỚI ãnh sáng vã hơi ảm cùa những cue than xung quanh nõ.

Khi VI giao sư đi ra cua. câu bé chu nhá nảm tay õng vi nòi

- Cam ơn bac đâ đen thâm, va đàc biét cam ơn bai noi chuyên cua bãc. Tuần sau cháu sè lai đèn chỗ bác cũng moi người.

1 Nguồn https:/.truyenvicLvn bai-thuyct-giang)

Cảu 1. *(1.0 đĩêm)*

1 .a.Thẽ loai cua tniyẽn lã:

A. Truyẽn dãn gian

1. Truyẽn hiên đai

D. Tan vân

C. Tuy but

1 .b. Ngôi kẽ cua truyện lả: A Ngôi thứ nhát

C. Ngói thứ ba

B. Ngói thử hai

D. Két hơp ngôi thứ nhãt vá ngôi thứ ba

( âu 2. *(1.0 diêm)* Lưa chon Đ (đúng), s (sai) điên vãơ ô trông sau mồi câu sau chơ phũ hợp

A. Bai thuyẽt giang cua VI giáo su dà sư dung phương nên ngôn ngừ.

A Bai thuyẻt giang cua VI gião su đả sư dung phương bện phi ngôn ngừ.

1. Hình anh "cue than" lã hĩnh ãnh ân du.
2. Hình anh "cue than" là hinh anh hoan du.

Cảu 3. *(1.0 diêm)* NÔI cảu ớ côt A VỚI từ ngừ ơ cỡt B (hoõc hoán thiên nôi dung ơ cỡt BI cho phu hơp



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| 1. Từ Hán Viẽt 2. Tư Thuãn Viẽt | a- Cảu be b-Giáo sư c-Vicng thàm d-Cõng dõng e-Lò suỡt g-Ọuan sat |

Cảu 4. *(LO diêm/* Lưu chon lũ ngừ điên vảo chỏ ơỏng CUỎ1 môi dỏng sau cho phù hop VÓ! nghĩa cua cac từ.

1. Nghĩa cua yếu tồ \*\*81«)" trong tư \*\* giao sư” là
2. Nghỉu của yểu lồ "đồng” trong tử "còng đóng”U.

Câu 5. *(LO điẽm/* Trước khi VI giáo >ư dẽn thảm nhá. câu be lã ngươi thẻ não?

Câu 6. *(LO diêm/* Nêu ý nghỉu cua chi tiêt "Ông châm rài dửng dãy. nhải cue than lanh lêo vu dât bl vao giửa bép lưa. Ngay lập tức, nó bi bit đâu chay, toa sang, lai mỏt lãn nừa VỚI anh sang vá ben õm cua nhừng cue than xung quanh nó”.

Câu 7. *(2,0 diêm/* Xác dinh mõt tinh huỗng trong truyẽn vá vai trò cun tinh huõng do.

Cáu 8. *(2,0 dưm/* Len nhân gưi đen moi người tử càu chuyên trẽn ma em tâm đăc.

PHẢN II: VIÉT VÃN (10.0 diêm). Phân tích đảc diêm nhãn vật v| giao sư trong tniyẽn ’’Bãi thuyẽt giang” ơ ngừ liệu phân Đoc hiẻu cuu de bãi.

ĐÈ SÒ 12 HSG

PHẢN I: DỌC HIU (10.0 diem)

Dọc vàn han sau va thực hiện theo yêu cảu bén dưới:

ĐIẾM 10

* Thanh nháy cảng lẽn khi thày bãi kiêm tra CUÒI kỹ món toán dưoc 10 diêm. Quay sang thảy Tuân câm bãi kiêm ữa ngòi ngân ngơ nó hôi:
* May 3\*10 die? Duuv lodiêui lltd klióỉig VUI ã?
* Tao... - Tuãn ắp úng

Trẽn bang cỏ giáo doc ten nhừng ban dưuc diêm 10 vá tuyên dưong các ban "Đợt thi nãy diêm lờp ta khã cao. cỏ rát vui. Nhải lã ban Tuân, trước dãy ban hoe toan yêu nhung nay dà nỏi bũt diên hình lã ban ây dưoc 10 diêm ữong dot kiêm tra nãy. Chung ta vỗ tay cò vũ cho bạn ày nhẽ”.

Tuân cia gầm mil xuống ban. hai nu đo Lilli! lẻn khi nghe Cỡ và các ban tuyên dưong.

Gió ra VC. nó nản nã ó lai sau cúng, cỏ giáo thây nò hỏm nay hen la 50 VÔI moi hỏm.

* Sao em chưa vè há Tuân?
* Da thưa có. em\_.



* Soo? - Cỏ giõo nhin vào mit Tuân.

\* Bai kiêm ưa đó . Thát sư 10 điẽm khỏng phai la cua cm. vi an dà nlun bái cua ban Thanh. Dăng ra cm không dược 10 dtôn va không đáng dươc cô tuyên dương.

Nói xong một câu dài như thế Tuấn thày minh sÁp khóc

Cô giáo không La. cô X1X1 đàu nỏ:

* Tuấn a. Em dửng ảy nãy. lòng trung tiiưc cũa cm cón xưng đáng hơn 10 diêm nửa dó. Cò btèt sức hoc cua cm cô biCt cm chưa du súc đê hoan thanh hêt dé thi lãn nay. nhưng chinh an dâ cho cỏ thây sự quyẽt tăm cua em. Cô gâng Icn cm nhé. Cỏ Un Ún sau an sỉ tư làm bài dươc 10 diêm.

Luân thằy vai minh nhe hản. hơi thơ cua nỏ cũng nhe nháng hơn. sồng trung thưc thãt thoai mái. Tuan cưỡi.

(Nguôn: https?'tuoiưc-vntruycn-mini-dicm)

Câu 1. *(ỉ.o diêm)*

1 .a. Người kẽ chuyên ưong tru yên ưẻn la aì?

A. Cỏ giáo B. Nhãn vãi Tuấn

1. Nhãn vặt Thanh D. La mỡt nhân vãt khác ke ơ ngói thừ 3

1 -b. Truyẽn trẽn thuõc thê loai:

A. Truyện ngản hiên dai B Truyẽn vữa

c. Tuỳ bút D. Tàn vàn

Cảu 2. *U,0 íliẽmị* Lưa chon D (dũngh s (sai) diol vảo õ trung sau mỗi cảu sau cho phủ hơp.

1. Tuấn nòi that VỜI cỏ giaơ về diem 10 cua minh là không nên
2. Tuấn noi thãt VÓI cô giáo về diêm 10 cua minh lã nen

c. Chuyên cùa Tuân Ít xảy ra trong trương hoe

c. Chuyên cùa Tuân thường xây ra trong tnrờng hoe

(âu 3. *(ỉ.o diêm ị* Nối câu o côt A VỚI tư ngừ ỡ côt B cho phu hơp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Tứ |  | B. Nghĩa cua yếu tô trong tư hoác nghĩa cua rư ưong vân ban. |
| 1. Trung thưc 2. Cồ vũ | - Nghĩa cua yêu to trung  0- thảng thân   1. ở giùa 2. tnrớc sau như mõL không thay dòi.   **• NjiIim** 11 IU in nì viì  a. danh trống va mùa |

b- mua thoi xưa

c. Khuyên khích cho người la phản khới hoai động.

(âu 4. *(ỉ,0 iíiént/* Lưa chọn lữ ngừ điên vảo chó trỏng CUÕI mỏi dóng sau cho phũ bợp.

A. Dấu chăm lưng ưong câu “ Tao... - Tuấn ãp ũng.’’ đươc dùng đè -.

B Dâu gach ngang trong cáu “ Sao? - cỏ giáo nhìn vào mát Tuân.” đưoc dũng dê—

Cáu 5. *(1.0 diêm)* Khi đưoc cô giáo tuyên dương minh đat điẽm lu. Tuân cỏ nhừng biêu hiên gi? Vi sao Tuấn bu cỏ nil ừng biêu hiên như váy?

Câu 6. *(Ị,0 diêm)* Nêu cam nhân cua cm VC nhãn vật Tuân.

Câu 7. *(2.0 diêm)* Em co dõng linh vời cách ừng xư của cô giao không? Liên hẽ với thưc lè cuỏc sông hiên nay?

Câu N. *(2,0 diêm)* Tư vần ban trên, cm hây viẽt mõt đoan vần (khoang 10 dong) chia se với moi người VC y nghĩa cua song trung thưc.

PHẤN II: MÉT VÃN <10.0 diêm). Phân tich nhãn vât Tuân ở vàn ban ”Đ)ẽm 10’’ ơ phấn Đoc hiẽu nên.

Jr\* DÈ NỎ 13 -HSG

PHẢN I: oợc IHẺU (10.0 diêm)

Dọc vỉn ban sau sã thực hiện theo yêu cầu bên dưới:

SỢI DÂY THIN

Me tfli co thỏi quen cât giừ nhừng SỢI dãy thun kht mua bích nước mia, bích chc mỗi luc di chơ ve. TÒI ngac nhiên lâm cứ thâc mik tai sao me lai không vút nó di. Mòt SOI dày thun thi Lam đươc gi. Mc tói con dủn cỏ SƠ1 dãy thun nao thi đưa cho me cầL ĐÕ1 khi tôi lai quèn lửi mc. vứt sợi dây thun vảo dõng rác truck nhá- Thấy vây mc nhàt hi vã cất vảo môt chỗ.

- Con không nên phi phum vây. con không dũng lũc nãy nhưng có thê vãi bửa nửa con cân tời.

Lúc đó. lôi cũng cbt ảm ư cho xang chuyên. RỒI mõi hỏm. khi nhửng đưa con gai trong xom tôi dưoc ba mẹ mua cho nhừng SỢI dãy đẽ choi nhay dãy, tôi cũng xin tiên mẹ mua Thát hắt ngơ. mc lõi lây mõi bích dày thun mã lõi biet đo lã nhừng SOI dãy mã me dà cảl giừ trong nám qua. Tời có mõt chum dây thun dãi đẽ chơi nhay dãy. khi đó tôi rnới biCt ý nghĩa cua vice net kiêm lững vãt nho nhắt.



Hỏm qua mc vào thà in con gái. dãy buõc tóc cua me đõt ngót đưt. tòt đưa □gay cho me SƠI dã} thun ma tỏi dà cat giừ. Me nhìn tỏi mim cưỡi. Cò nhừng vice dơn gian nhưng đó la SƠI dãy tinh cam cua con ngươi.

(Nguồn - Hiền Phạm http. quehuongonhne.vn)

Câu 1. *(ì.lỉdiẽmị*

La. Xãc dinh phương thửv biêu đat chinh cua vản ban ưẽn

1. Miêu ú B. Tưsư

c Biêu cám D. Nghi luận

1 .b. Chu dê chinh cua vân ban ưên.

A Lơi ích cua uét kiêm B. Ỷ nghĩa cua dức tinh châm chi

c. Ý nghỉa cùa tinh mẩu tư D. Ý nghĩa cua nhừng ki mém mỏi thơ

Câu 2. *dièrnị* Lưa chon Đ (đúng), s (sai) đicn váo ô ưõng sau mỗi câu sau cho phũ hơp.

A. Nhân vát ’’ tôi'’ đà phan ưng dừ dòí khi thảy mẹ cât nhửng sen dày chunO

B Nhãn vải “ tỏr chi ãm ư cho qua chuyên mỏi khi me noi đẽn vice cât nhùng SỢI dây chun. r~|

1. Nguơi mẹ chi im lảng khi con bõ nhửng SOI dãy chun vao đồng rác. o
2. Người me nhe nhang, àn cằn nhăc nhơ con không nên vứt bo nhửng sơ dãy chun. (3

Cảu 3. *íỉ.o diêm)* NÔI câu ơ cột A VỚI tư ngừ ơ cột B (hoác hoán thiên nôi dung ơ cột B l cho phủ hop

a-Cữ b-Mõt

I-SỐ từ

2-Pho tư

Câu 4. *í ỉ .0 diêm)* Lưa chọn tữ ngừ điẽn vao chỏ ưông ở mồi dóng sau cho phú hơp.

c-Không

d-Đà

c-đõi (dãy chun)

g-vai (SOI dãy)

1. " Mô< SƠI dãy thun" là cum
2. \*\* dà cắt giừ trong nàm qua" lá cum

Câu 5. *f),lĩ diêm)* Em cỏ dong unh VỜI lới khuyên sau cua ngươi mẹ: "Con không nen phỉ pham vây. con không dung toe náy nhưng co the vài bùa nỪ3 con càn tờT không? Vi sao?

Cảu 6. *(1,0 diêm ị* Cam nhân cua cm vé người mc trưng cảu chuyỄn trẽn ('iu 7. *(2,0diẽmị* Chi ra tinh mach lac vã hen kẽt cùa vAn bán.

Cảu X. *(2,0 diẽmị* Tư vàn ban ưẽn em hiẽu thê nao la tiẽt kicm? Em hày chia se với moi ngươi về nhừng vice lam cua em thẻ hiên tinh Uct kiêm ương cuỏc sông háng ngáy.

PHẢN II: MÉT VÂN (10.0 diêm) Phân uch dâc diem nhãn vãí người me trưng truyẽn •• Sơi dãy than” ơ ưèn.

DẼSÒ 14- HSG

PHÀN I: DỢC IHÈU (10.0 diêm)

Dọc vãn ban sau vã thực hiện theo yêu cầu bên dutri:

CHUYỆN TỎ PHO

* Ch| nhãc thùng B1 xuóng chiêc Vespa, dàn vao quan phơ trưoc mảt chơ. Chi goi cho cưn tô phơ dác biêt tn gu bâng mầy ố banh mi cua nhùng công nhãn ơ xi nghỉẽp may dâu ngờ nhá chi- Thẳng Bi nhìn lữ phơ ngao ngán:
* Con khừng in hèt dâu. me got tỏ nho hơn đi.

Chi lâc dấu quã quựềt

* Con phai án chù thát nhiêu vão mơi khoe. Ãn tới đảu hay tới dó. không het thi bo, UCC gi!
* Nhưng bá nữi nỏi àn phung phi lã mang tÕL Bừa trươc ba dẩn con đi chua, sư thầy cũng nõi the.

Chi gat di:

* Không lõi thỏi gi hét’ Me nôi sao thi nghe vây!

Bỏng mat thing H1 dưng lai *o* thing nhoc ban V'e Ểô trạc tuoi minh đang mơí khách ơ ban kẽ bẽn. No nói VƠI me:

* Hay me sỡt nưa tỏ phờ cua con cho ban náy di. Châc la ban ẩy đòi lảm. Má con cũng không ỉn het dâu.

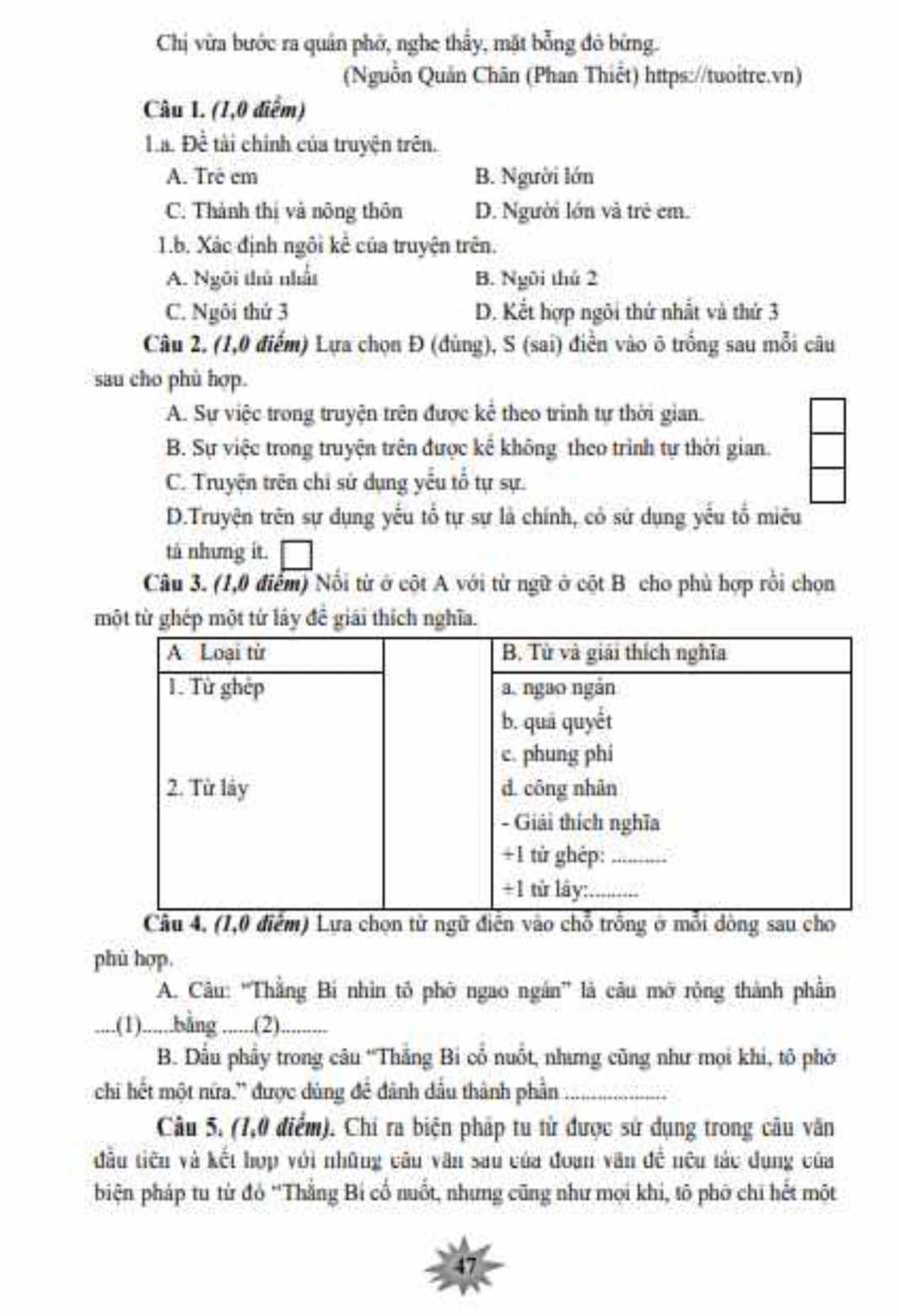
Chi ươn mắt nhin con:

* Thỏi dứng nhiêu chuyên nửa Ản nhanh len con di hoe!

Thảng Bi cố nuỏt. nhung củng nhu moi khi, tô phơ chi hét môt nưa. Bán kê ben. thăng be ban ve sò ntìin nưa to phơ con lai bi chi piiu quan dó vao ca: xo dưng phờ thưa, cáp init nỏ ticc re. Nó nuốt nước boL chân bước nhanh ra khơi quan

Bỏng thảng ban cúng hối vé sổ chay hu chia cho nò một goi xõt nhô.

* Cho mãy nê. D1 Nảm ve chai cho tao mót góL tao ủn nưa thỏL đẽ dành mày một nưa.



nứa. Bản kê bẽn, thảng bẽ bân vẽ sỏ nhin nửa lủ phơ côn lai bi chi phu quân đỏ vão cái xỏ đung pho thưa, cđp mải nó tiếc ré. Nõ nuôi nươc bot, chân bước nhanh ra khơi quan.”

Câu 6. (7.ớ *diẽữi)* Thái đô, tinh cam cua người kê chuyện trong truyện trẽn (ãu 7. *(2,0 dièmị* Em có đổng tinh với cách ứng xư cua người me không?

Vi sao?

Câu 8. *(2,0 diem ỉ* Nhừng bức thông diẽp có ỷ nghĩa mà cm cam nhãn dưoc tư truyền trẽn.

PHẢN II: VIÉT VÃN (10.0 diêm). Viết bai vàn phân úch nhãn vật ngươi mc câu bé Bi ương truyện trẽn '>£ ĐÈ SÒ 15 HSG

PHÀN I: DỌC\* HIEC (10.0 diem)

Đọc sàn ban sau va thực hiện theo yêu cẩu bên dư tri:

ẢO TẺT

Tác gia: Nguyền Ngoe Tư

Cơn bẽ Em cười tum tĩm khi nghĩ lởi cái áo đâm mâu hong mã má nó mới mua cho:

* Tct này. minh má mâc cai áo đo di chơi, đcp như tiên cho ma coi

Nõ nghĩ và nỏ muốn chia *he* VỚI con Bích, han nỏ

Con Bích ơ ừong hem. nhá nỏ nghèo, mã nõ đi bán hảp nướng ngoài đầu hèm. con bẽ Em thích con Bích VI nỏ hicn. VỚI lai ngôi kẽ nhau tư lớp mõt tới lop nảm. lãm sao mã không thân cho dươc. Hôm hai mươi sau, bọc buõi cuối nàm. hai dim non Trt qua hôi nẽn tinh Inriw nrn mnnp mnt enn hr Fm di vê ngoại thi mung hai, hai dưa di ten nha cô giao. Bây giờ con be Em tinh trong dâu. tơi bữa dò chic nhteu ban nừa. cho nên nỏ sè măc cái ảo dãm mới thát nơ. bâu viền lum tuyên cho tui bun lé con mát luôn.

Con Bkh đmg ngói nương hầp the cho mã no đi lách cân cho heo. Bé Em muôo khoe liên nhưng bảy đẢt nót giẽm:

Cón mảy ngay nừu tẽt roi hen. mảy eo đò tnởi chun?

* Cũ. uiá Lau dua VỈU chu cô Ba diu cài lủi, uui lau IMJI gân let dó uỉnẽu. dủu dồng, chác tới hai muơi tam mơi lắy đươc.
* Vày mây dưvc may bõ?
* Có mõt bõ ha.

Con bé Em ươn mảt:



* It quá vây?
* Con Út Mót VƠI Con ùt Hét dươc hai bõ. Tao kin rỏi. nhướng cho ụn no.

-Vậy ã?

Bé Em mat hững hản. nó lung khung nứa muốn khoe, nưa muốn không.

Nhưng rỏ ràng lã con Bích không quen Dỏ:

* Còn mảy?
* Bôn bõ. Má tao mua cho đù mức tư mung mỏ< tới mùng bòn. bữa náo cũng mâc dồ mới hết ươn. Trong đo có bõ đâm hỏng nỏi lảm. hét sảy luôn
* Mầy sướng rồi.

Con Bích nói xong vần cười nhưng mỗi nỏ XJU xuống, buồn hân. Nhả nó ngheo. sao bi dươc VỚI nha con bẻ Em. Hồi nho no chuyên mảc ão con tnu cưa anh Hai nu đè lai. Ào nõ thi chuyên cho mây dửa em. tới con ỦI Hẽt lã dỗ đâ cù mem. mong tang, kẽo nhe cũng rách- Đuơc cãi mày chi em nõ biẽt thân, lo hoe chớ không so do chuyện củ mới. ma no noi hoai. “Nhã minh ngheo quá ha. rang vai nảm nừa. kha gia ròi ma sảm cho”. Con bé Em nhìn con Bich lom lom roi cúi xuồng, trơ ướ ưái bàp nướng:

* Bõ đồ cua mãy chic đep lâm. bừa mung Hai mẩy mâc bõ đó đi nhá cỏ hen?

RỎI tới mùng mẬ mùng hửi. be Em hi Hỉ con Bích đi cbm Hài dứa mẳc đô bui giơug utuiu. Un ktiác lâ will **BjlIi** mac ãu Uáug bũu \*C11. vuii be Em till mac *ao* thun có in lunh meo bư\_ Cò gião tui no khen:

* Coi hai dứa lờn bet ươn rỏi. cao nhông.

Hai dũa cưỡi. Lúc dó con bé Em nghĩ thầm, minh mả mâc bõ đâm hồng, thè nao củng màt vui. Ban bẽ phai váy chớ. Đứa màc áo đep. đữa màc ão xắu COI gi đươc. vãy sao COI lá ban thân. Nhung Bich lai nghĩ khác, bé Em thương ban như Vày tot như vây, CÓ MẢC Áo GÌ BÍCH VÀN QUÝ BE EM THIET ĐO.

(Nguồn https: isach-info)

Câu 1. *(1,0 diêm ị*

I .a. Chu de cua ưuycn :

A-Yẽu thương, chia sẽ c Đoán kẽt gần bó 1 .b Nhãn vịt chinh trong truyện

1. Lanh lùng, võ cam
2. Trung thục, thát tha.

A Nhàn vát Bích B. Nhân vật bé Em

I. L ai ao Ư. L a hai nhan vat tíich va bc tin



Câu 2. *(ỉ.tí diêm)* Lưa chon Đ (dùng). s (sai) điền váo ô trông sau mỏi câu sau cho phủ hơp

A Be Em có hoãn canh dãy đu, kha gia

1. Bẽ Em cõ hoán canh binh thuỡng
2. Bich có hoan canh khó khản, vất va
3. Bích có hoán canh đay đu, khá giá

Câu 3. *(ỉ,tí diẽmị* Tim vá điên vao cỏt B nhừng cum tu cỏ trong vin ban tương ứng vài you cầu ờ CÕI A cho phũ hơp.

1-Mo rông ưang ngử bàng cum tứ

2-Mơ rông thanh phân chinh bàng cum tũ

Cáu 4. *(Ị.tí dièmị* Lưa chon tư ngừ điên váo chó trong ó môi dỏng sau cho phủ hop.

1. Cãc tir bàp, hcm.bư trong (bàp nướng), (đâu hem), I méo bu ) thuõc tứ

ngừ. ...

1. Nghĩa cua tứ ’\* bủp" lá (1 k„, nghía cua tử ”bự” lá (2)

Câu 5. *ịl.tí diêm ì* Tõm tilt nôi dung cua truy en bâng một đoan vàn ( tử 6­X dóng)

Câu 6. *(1.0 diêm ị* Chi ra vả phàn tkh tãc dung cùa biên pháp tu tữ đưoc sứ dung trong câu vàn sau: ‘'Bây gio con be Em tinh ưong đàu, tới bừa do chàc nhiêu ban nửa, cho nên no sê mÀc cai 30 đằm mơi thát no. bâu viền kim tuyên cho tui hun lr rnn mi)f luôn”

Câu 7. *(2,0 diêm!* Theo em, tai sao bẽ Em Lu nghỉ thầm: "minh má mâc bô dâm hông, thề não cũng nut VUI.’\*?

< au 8. *Ịd,a dientf* Bai hoc cuoc sóng ma em tam đác dươc rut ra tư cau chuyên ưẽn.

PHÀN II: VIẺT VÃN (10.0 dicm). Viet bài vàn phân tích die điẽm nhãn vãt be Em trong truy en trên.

ĐÈ sò 16 -HSG

PHÂN I: IXX HIẺll (10.0 dicm)

Dọc sân ban sau và thực hiện theo yêu cầu bẽn dưới:

Bl" A TIỆC DÈM TRONG NHÀ VẸ NINH

Tác ga: chu Hài Lương -TQ

Ch| lá Oshm - ngươi giup việc nha cho mót õng chu ngoai ngủ tuân, nt giau co. Đêm xuồng, xong vice, vôi vang về VỚI đưa con trai nho 5 tuôi suỏt ngay ngong đen bong cản nha tot tàn.

Hỏm ẩy. chu nhá cò le lơn. min rắt nhiều ban bé quan khách đen du bóc đem. Õng chu bão Hỏm nay vice nhiêu, chi cô thê ve muôn hơn không? Thưa dươc a, có điều đưa con trai nho quà. ớ nhã (ổi mỏ< minh lâu sỉ sơ hài Ông chu ân càn: Vây chi hảy mang châu đèn cũng nhé.

Ch| nung theo con mu đen. Di đương noi VỚI no ràng : Me sè cho con đi dư néc dent Thảng be rất hão hức. Nó đâu biẽt lả me lam Oshm ta như the náo kia chứ! Va lai. chi cùng không muôn cho tri tuẻ non nớt cua no phai sớm htéu sư khác biẽt giữa người giau ke nghẽo. Chi ảm thâm mua 2 chiêc xúc XK'h.

Khách klrira đen mỗi lúc mỗi dõng. Ai cũng bch SƯ Ngôi nhá rông vá trang lè.. Nhiêu người dam quan, di hu. trò chuyên. Chi rãt bân không thương xuyên đẽ mât đươc dẽn dứa con nhêch nhác cua minh. Ch| sợ hmh anh no lam hong buòi lễ cua moi người Cuối cũng chi củng tim Hi dươv cách : dưa nỏ váo ngồi bong phòng vệ 5inh cùa chu... dó cô ve như ta nơi yên tĩnh và không ai dùng tới trong buõi tìẽc đêm nay. Dàt 2 micng xũc xích vừa mua dê vào chiếc đìa sử. chi cô lây giong VUI vẽ nói VỚI Con : Dày lá phòng dành riêng cho con dãy. nao nẽc đêm bồi đáu’ Chi dân con cữ ngồi yên trong dỏ đoi chi don vè Thảng be nhin "cân phong danh cho nó" thãt sach sỏ thơm tho. đcp dè quá mức ma chưa tưng dươc biết Nò thich thu vỏ cung, ngồi xuồng sàn. bât đâu ản xũc xích đươL dát trẽn bán đã cò gương, vã ãm ư hat... lư mừng chư minh.

Tice dem bắt đầu. Người chu nhá nhớ đẽn con trai chú, gủp chi đang trong bẽp hoi. Chi trà 1Ỡ1 ãp ung: Không biẽt nõ dử chay đi dàng nao... õng chu nhin chi lam thuê như co ve giàu diêm khó noi Óng lảng lè di tim... Qua phong vẽ smh thầy tiêng tic con hat tong ra, óng mơ cưa. ngảy ngươi Cháu Iiâp ơ đây làm gi ? Cháu biet dây b chõ náo kliõug ? Tilling be hủ hoi . Dũy Li plióug ủng diu nhá đánh riêng cho cháu du tiõc dèm. me châu bão the, nhưng cháu muốn có ai cùng VỚI châu ngôi dãy cùng àn cơ!

Ỏng chú nhã thầy sóng mũi minh cay xè, cò kim nưởc mát chay ra, ỏng dà rò tãt ca. nhe nháng ngói xuông noi ảm áp: Con hày dơi ta nhe Rồi ỏng quay lai ban tiệc nói VỠI moi ngươi hây tư nhiên VUI ve. con õng sé bân ticp mõt ngươi khác dâc biệt cua buôi tồi bõm nay. Óng đẽ mõ< chút thức ân bẽn cãi đĩa tư. vả mang xuồng phòng vẽ sinh. Ỏng gỏ cưa phóng lích sự... Thing be mơ cưa... Ông



bước vão: Náo chúng ta cúng ân tiẽc trong càn phóng tuyẽt vời náy nhe. Thảng be VUI sướng tàm Hai người ngôi xuòng sân vừa ản ngon lành vữa chuyên trô rá nch, lại con cũng nhau nghêu ngao hat nữa chư... Mọi ngươi cũng đà biêi Liên tuc co khach đền ãn cân gỏ cua phong vê sinh, chao hoi hai ngươi rãt hch sự và chuc ho ngon rmẽng. thâm chỉ nhiều người cúng ngôi xuống iãn hat nhừng bãi hát VUI ciu trê nhó... Tằt cá đêu thảt chân thành, ẩm áp!

Nhiều nảm tháng qua đi... Câu be đã rắt thánh đat. trơ nên giàu có. vươn lẽn tang lóp thưong lưu ưong xà hôi. Nhung không bao giờ quên giup đờ những ngươi nghèo kho chàm chi. Mõt điêu quan ưong đả hình thanh ưong nhãn each cua anh: Ong chu nha nom xưa đã võ cũng nhõn ai va cân trong bao vẽ tinh cam và su tư tôn cua mõt đúa be 5 tuỏi như thế náo...

( Nguồn: https: ‘Songdep.com. vn I

Cảu 1. *(ỉ,0 diêm)*

1 \_a. Chú đẽ chinh cua truyên trẽn lã

A- Bừa tiệc cua õng chu. B. Nguơi Oshin tư trong

C- Tinh yêu thương sá lõng nhãn ải D. Cậu be dáng thương l.b. Truyẽn trẽn thuõc loai

A-Vàn ban thõng thương B. Văn bân đa phong cách

c. Vàn bán thòng un D. Vản bán thuyêt minh

(âu 2. *(ỉ.o diêm ị* Lưa chon Đ (đũngh s (sau điên váo ô trông sau mồi câu sau cho phú hợp.

1. Chi o shin lá ngươi ngheo nhưng tư trong
2. Ch| o shin lã người tham lam nen cò tinh đưa con trai di dư tiệc

c. Cách ửĩM! xư cúa õng chu xuảỉ phai từ lông tòt

D.Cảch ứng xứ cũa ỏng chu vi muc đích gia tao dê dươc moi ngươi dành giá cao vẽ ỏng r

Câu 3. *(ỉ,0 diêmị* Nõí câu ỡ cột A VƠI tữ ngừ ơ cột B cho phú hop

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A Dâu câu trong câu vàn |  | B Cõng dụng |
| 1. Dâu châm lưng trong cảu “Ngôi nhá rông sã tráng lê...” 2. Qắu gach ngang trong cảu. "’Chi là Oshin người giúp vice nhá cho mót õng chu ngoai ngũ tuân, ràt giau co” |  | A. Đánh dâu lén noi còn ngãp ngưng ngài quàng   1. Tó ý cỏn nhiêu sư vãt. sư vice chưa dươc liêt kẽ het. 2. Đanh dâu phân chu thích, giai thích. 3. Dung đẽ hẽt kê |

*e.* Đê danh dàu Im thoai.

( âu 4. *(/,(/ ítìêfifj* Lưa chon tư ngừ điên vau chỏ trông ờ mói dung MU cho phú hơp.

A. Cảu "Chi âm thâm mua 2 chiếc xúc xích” lá cảu mó rông thánh



bằng cum tù.

H Dâu ngoàc kep trong "cân phung danh cho nõ" dươc dùng dè đanh dáu

Chu 5. *fĩ,0 dièmị* Nêu nhãn xét cũa cm về câu bẻ ưong truyèn

Câu 6. *fỉ.ơ diêm)* Theo em. tai sao người mẹ ữong tiuycn Lai "không muốn cho tri tuẽ non nớt cùa nõ (dứa con trai) phai sớm biêu su khac biẽt giừa người giàu ke nghèo".

('hu 7. *í2,0 dièmỉ* Nêu ỷ nghía cua hai câu vản sau: "Mõt dtcu quan ữong đá hĩnh thanh ưong nhãn each cua anh: Ông chu nha nim xưa đủ và cúng nhãn ai vả cân trong bao vệ tinh cam vâ 5Ư tư tỏn cưa một đứa be 5 luõt như thê não.. ”

Cảu X. *(2.U diêm ị.* Cách ứng xứ cùa ông chu gm cho cm suy nghỉ gi?

PHAN II: VTẺT VÃN (!0.0 diêm). Phân tich dac diêm nhãn vút câu be trong truyẽn ”Bừa tiêc đêm trong nha vé smh".

ĐÈ SÔ 17 -HSG

PHAN I: **đọc:** HIÈII (10.0 diêm)

Dọc \ãn ban MU vá thực hiện theo yêu câu bên dưới:

(HIÉCBÃNH MÌ CHẢY

Khi tôi Icn X hay *V* tuõi gi đó. tôi nhơ thinh thoáng mẹ 101 vãn nướng bành mi cháy khét Mót tôi no. me tôi VC nha sau mỏt ngây làm Việc dái vi ba làm bửa tối cho cha con tỏi. Bã don ra bân vái lảt bánh mi nướng chay, không phai chây xcm binh thường má chảy den như than. TỎI ngôi nhìn những iát bành mi vã đoi xem co ai nhãn ra diêu bãt thường cua chủng vá lên tiêng hay không

Nhưng cha tỏi chi ản miẻng banh cua õng va hoi tôi về bai Lâp cũng như nhừng việc ư trương hoc như mọt bỏm. Tôi không còn nhõ tỏi đã nói gi VỚI õng hõm dó. nhưng tỏi nhú dà nghe me tõi xin lỗi ông vi đã lãm cháy bánh mi.

VÀ lòi không bao giờ quèn dưoc nhùng gi cha tôi nói VỜI me tỏi: "tm ã. anh thích bành mi cháy mã."

Đêm dò. tôi dên bẽn chuc cha tỏi ngu ngon va hoi Cỡ phai thưc sư õng thích hanh mì cháy Cha tôi khnác tny qua vni tôi vã nAi'



'Mc con đả lâm vice rat vát vá ca ngây vã me rảt met. Mốt lãt bánh mi cháy chàng the Làm hai ai con a. nhưng con bict điêu gi thưc sư gãy tôn thương cho người khac không'.’ Nhừng kn chê bai ưach moc cay nghiẽt đáy."

Rơi ông noi tiep "Con bict đó. cuộc dơi dầy rẫy những thư không hoán hao và nhừng con ngưỡi không toan ven. cha cũng khá tẽ trong rất nhiêu vice, chảng han như cha chảng thê nhờ dưoc sưih nhải hay ngây ky niêm như mõt 50 người khác.

Điêu má cha hoe đươc qua nhiêu nảm tháng, đò lã hoe cách chảp nhãn sai sót cua ngươi khac va chon each ung hỏ nhừng khãc biẽt cua ho. Do Là chia khoã quan ưong nliắt dê tao nên mót moi quan bẽ lanh manh. trương thanh va ben vững con a.

Cuõc đới rắt ngàn ngu đẽ thức dãy với nhùng hổi tiếc vã khó ch|u. Hây yêu quỹ nhùng người cư xư tot VỚI con. vã hây cám thông VỚI nhùng người chưa lam đươc điêu đõ."

(Nguõn: https, sachhay24h.com nhung-eau-chuyen-qua-tang-cuoc-song)

Khoanh tròn vào chừ cái tnrov dóng em cho lã dung (tử cảu I - câu 2) Câu I. *(Ị,ờdìẽti/*

1 .a. Ai lã người kẽ chuyên trên?

A. Người bỏ B. Người con

c. Người me D. Ngưỡi ngoái cuỏc ké ờ ngôi thư 3

1 .b. Chu de chinh cua tmyẽn trẽn.

A Gia dinh B. Tré em

c. Gia đinh vả xâ bôi D. Mầu tú.

Cảu 2. *(l.(f điẻmị* Lưa chon D (dung), s (sai) điên váo ỏ trũng sau mồi câu sau cho phủ hơp.

1. Truyền ưên chưa dam bao tinh mach lac vã liên két
2. Lơi kẽ cua người kẽ chưa co sư thay dõi theo tưng SƯ vice

c. B. Len kẽ cua ngươi kẽ dả cỏ sư thay đỏi theo timg sư viẽc

Đ. Truyền trẽn dã dam bao tinh math lac va liên kẽt

Câu 3. *í 1,0 dĩẽitiị* Tĩm câu trong ván bán theo kieu câu ờ cỏt A điên vào cột tỉ lỏa uời tù ngủ **ưũhA** WI LŨU u tôi B diu pỂiũ bơp

A ( Kiêu cảu mơ rõỉig.ì

B Tim câu cu the trong vản ban đẽ điên váo cột nay)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Câu mỡ rông thành phán trang ngừ bàng mỏt cum tú  2- Câu mơ rông thanh phàn chinh bàng mõt cum tư |  |  |
| C âu 4. *(1,0 iỉìẽm)* Lưa chọn tứ ngừ ( | | tiên vao chỏ uổng ớ inỏi dòng sau cho |

phù hop.

A. Dấu phây trong cảu: “ Mót tối no. rnc tôi về nhả sau mõt ngày lãm Vice dái vá bá làm bừa tót cho cha con tỏr đươc dùng đe ... —

B Trong câu vân: ” Bá don ra ban vãi lái bánh mi nướng chay, không phai chay xem binh thương ma chay dcn như than’\* dả sư dung ket hop phep tu tữ....-( 1)....vã .(2K

Câu 5. *(í.o diêm/* Tỏm tẩt truyện trẽn bâng đoan vản (tữ 5-7 dóng).

Câu 6. *(ỉ.o diêm* "Me con đả lảm vice rắt vất vá ca ngày vã me rất met. Môt Lat banh mi chay chảng thê làm hai ai con a, nhưng con biẽt dièu gi thưc sư gảy tòn thương cho ngươi khàc không? Những lời che bai trách moc cay nghiệt dầy/ Em hiẽu gi vẽ người cha qua câu noi trẽn cua ỏng VỚI dưa con?

Câu 7. *(2.0 diêm ị* Tử each ling xữ cua ngươi cha. em hảy hên bẽ VÓI thuv te cuõc sõng rôi tnnh bày thanh mõt doan sản ngân đe chia sẽ VỚI moi người vẻ ỷ kiẽn cùa em.

Câu 8. *(2,0 diêm ị* Nhừng bức thõng diẽp cõ ỹ nghĩa nhãt má em nhân dươc tư truvẽn trẽn

PHÀN II: VIẺT VẲN (10.0 diem). Phân tích nhân vãi ngươi cha ơong truyền trẽn

PÉ NÓ 18 - HSG

PHAN I: DỌC HIẾU (10.0 dỉêm)

Dọc vàn han sau vã thực hiện theo yêu cấu bẽn dưới:

TUC NGỮ VẺ ĐỎI NHẢN xu THÊ

1. Anh em như thê chân tay

Rách lánh dúm bọc dơ hay dở dân.

1. Chim co tô ngươi co tông.
2. Cỏ nuõt con mới fact long cha me.

< 4) Mõt gwt màu đáo hơn ao nước là.

1. **Sây rhn rờn ehú «ẳy me hi‘i di**
2. Thuãn vơ thuôn chong, tãt bê Dõng cũng can.



1. Trai má chi, gái m3 chi. Mien sao có ngải cỏ nghi Ihi thỏi.

4X) Cha muốn con hay thảy muôn trỏ giòi.

(9) Thua thảy mỏt van không báng thua ban mỏi li.

(in trong *Ííin hừc dãn lỊian l'ĩệí .Nam.* Trãn Hoan - Tnẽu Nguyên NXB Thuãn hóa. 2000)

Câu 1, *(ỉ,tỉ dìẽm)* Các cáu tuc ngừ trẽn cùng nỏi về diều gi?

A. về hiên tương thơi tiết theo kinh nghiêm cua dàn gian.

B Ve kinh nghiêm lao đông san xuât.

1. Ve thái đô cua con ngưin dối VỚI xj hỡi
2. Ve cách đối nhãn, xù the trong gia đinh, ngoai xà hõi

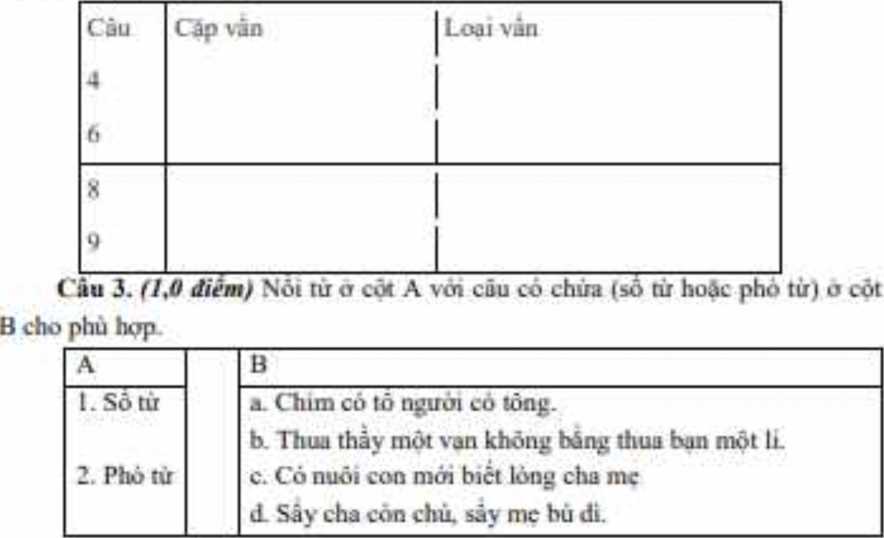
I .b. Tim hièu đõ dái va sõ tiêng trong nhùng câu tục ngừ trẽn, tử do I chon phương án phú hop) rút ra nhãn xét

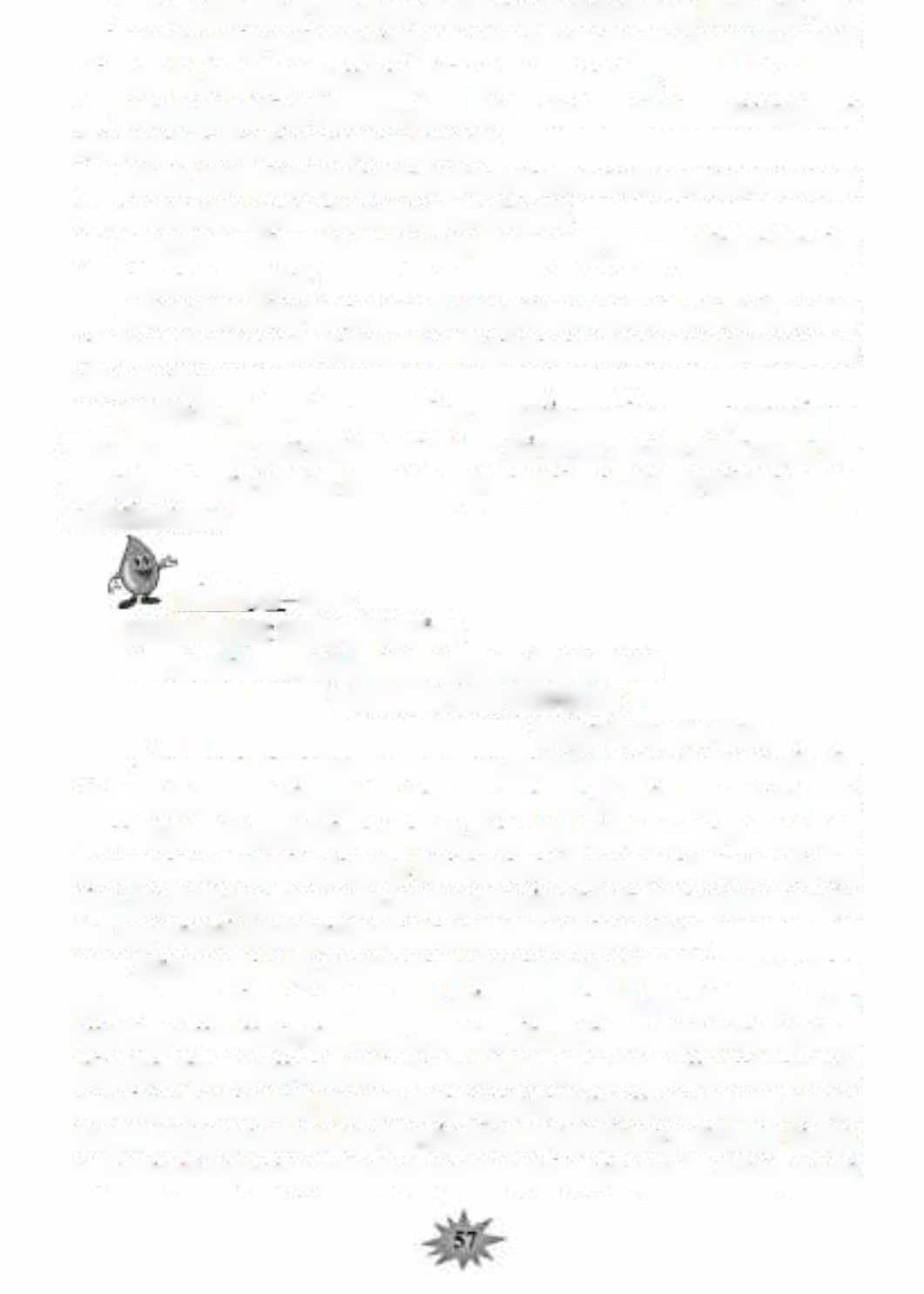
A- Dô dãi chi tứ mót cảu, ngân gon. thướng cỏ sỏ ticng chin.

B . Dô dãi tư mót dến hai cảu. ngân gon. có sỗ tiêng chín

1. Đỏ dai là hai câu. ngân gọn, có sổ ucng chần.
2. Đõ dái chi tứ mõt đốn hai câu. co so tiêng chán hoảc le.

Câu 2. *(ỉ.tí đĩẽmỊ* Xac đinh cảc cáp vãn cua cac câu tuc ngừ so 4.6.X.9 va diên váo bang dưới dây:





Câu 4. *(1,0 diẽnt)* Viết đoan vàn (khoang 3 cảu) sứ dung thánh ngừ ’’Cha muôn con hay thây muón ơò giõr. trong đõ cô mót câu ván cò mờ ròng thành phân cùa câu. Gach chân dươi thanh phàn càu đươt mơ rông.

Cáu 5. *(1,0 diêm}* Theo em. vi sao nhừng câu tục ngừ trẽn ra dơi tư lâu ma vẫn còn giá ƠI đối VỚI con người ngây nay?

Cảu 6. *(1,0 diêm/* Xác dinh biên pháp tu tư đươc sư dung ưong càu tuc ngữ sổ 6 vã néu tác dung cùa viẽc sư dung biên pháp đó.

Câu 7. *(2,0 diẽmị* Cãc câu tuc ngừ trẽn dãy có ỷ nghĩa gi đói VỚI đời sông thơc tiễn cua con người?

Câu 8. *(2,0 diêm í* Tữ V nghĩa vế những câu tuc ngừ rút ra ỡ cảu 7, em hủy viết doan vản (khoang 5 -7 cảu) phân tích giâ tn cua mót câu tuc ngừ trung tliưc tiễn cuỡc sống.

PHẤN II: VIẾT VÂN (10.0 diêm) cỏ ý kiên cho ràng: Gtừ gin bon săc vin hóa dãn tôc không phai Lá trách nhiêm cua the hê ưe mã cua người ngưởi tòn. lỉguúi làmcôtig La< vân hóa bui củ đốug ý VỚI ỹ kiên 113} kliũug? Viêt lũi vàn bày to ỹ kiên cua em.

ĐE só 19 HSG

PHÁN\* I: ĨX)( HIẾU (10.0 diem)

Dọc ván han sau vã thực hiện theo yêu cẩu bên dưới:

QUÀ ciỉ A YÊU THƯƠNG

Tác giá: Trần Vân Thiên

Sồng ở nen thi thanh chôn rón lo toan, thinh thoáng me vẫn thướng láp dãy nỗi nhớ nhã trong tôi bàng nhừng thư quã quẽ gian đi. Chuyên xe khách chãt nỉch ngươi và háng hòa xuất bẽn ơ que nhá, nhíp nhãng làn bánh chơ theo bao yéu thương nu me đả Q mãn gói ghém Khi La mo ca đồng me phơi khó qua mẩy băn nâng, lũc lá hú tép nhõ má cha thu dươc tứ may cát lưới dủt ơ con mương gân nhã. hay vái chiõc bành gói lã mã ơ tiu thánh không thê mua đươc.

Mua não thưc nấy. me luôn danh cho đưa con xa quẽ nhửng bó rau. chum qua tươi ngon nhát tù manh vưỡn nhã. Don múa xoài chỉn, cha dũng cây vợt dãt hai những trai xoai cat vong ươm. ngoe hm. rỏi inc lot rơm khô dưới dày thùng giãy, kheo leo dứt xoai vao dó dê gưi cho tõi. Me chon nhửng trai xom hươm mới ưng nâng xép thanh mỡt lớp phia dưới, ơ giừa ỉa loai xoai vừa chín tói. vá trẽn cùng là nhừng qua chín mong. Me xep đêu như vãy dè qua xoài không bi dãp. ruỏt xoài giữ đưtx VI ngot thanh, dươm hương náng gió quẽ nhá- cầm quá xoài

cải thơm thao. lông lai nhơ những tinh sương me dây sơm lui CUI quét Lá xoài khỏ. Nhơ ngay thơ âu. chi cm tõi xach rỏ lom khom dưới góc mảy cây xoai nhât qua rung. Nhửng miui xoài trong kỹ' ửc dã qua. giờ chi còn Lai Uong lõng ngươi dau đau những thước phim ky ruéni...

ơ R01 phố thi ngươc xuôi. khi mèm tin dân ngũ quên vã ngươi ta nhác nhiêu dên vãn đê vệ sinh thưc phàm, lai cáng thây trân quỷ. nâng niu nhừng cong rau. hoa qua quẽ nhã. Câm trẽn tay món qua quẽ. đỏi khi tói quên mát khải niệm thơi gian. Chi có ký ữv bồng tinh dãy sau cơn mẽ dai và nhửng manh nhơ rơi rục ghép lại duinh con dó ngáy xưa. dưa tỏi ngươc dòng về ben bò thơ ầu. thầy vi ngot cua binh yên thâm dươm ương từng giác quan vi ngon lưa cua tinh quê hương nồng đươm sưởi âm tâm hồn. Tỏi biết nhừng món qua quẽ đàu chi đơn thuàn lã rau xanh, qua sach. lã bánh trãi thao thơm, mã đò lá két tinh cũa lòng yêu thương, quyẽn cúng nhừng giot mõ hỏi cua sư hy sinh láng thâm. Hu chuôi khô ngao đường cua me. to mâm ca đồng ma cha bủt dưới ao. mo rau chùm qua hai ớ vườn nha- nlỉừng thin, quà quẽ binh dị. quý hơn út ca các mỏn dỗ xa xi ơ nơi phon hoa thi thanh...

(Nguỏn: baodaknong org.vn Van-hoc-nghc-thuat)

Câu 1. *(l,Odiêm)*

I .a. Vân ban trẽn thuõc the loai

A. Truy en ngủn B. Tan vân

c. Tuỷ bin D. Tiếu thuyct

I .b. Đỗi tương chinh đươc nói dén trong vân ban lá:

A. Người con B. Những thử quà qué

c. Người me D. Người bò

Câu 2. *ỊI.O dĩẽmf* Lưa chon Đ (dung), s (san diẽn vao ỏ trỏng CUOI mỗi dong sau cho phu hơp.

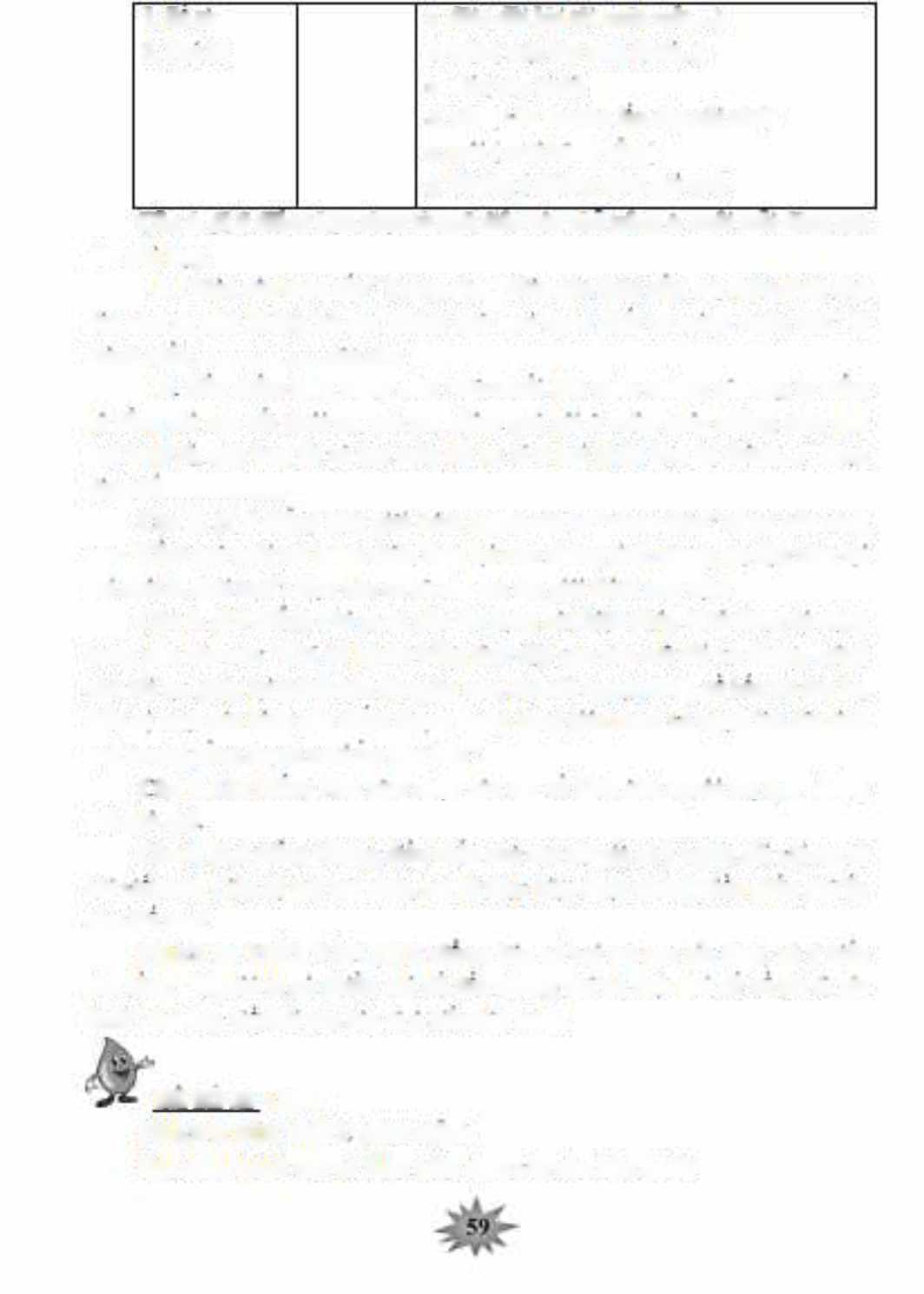
A. Muc dicb cua bài viết la ca ngơi nbừng thứ qua quẽ vá sư nâng niu trân trong nhùng thữ quà quê cua tãc giã-

B Muc dich chinh cùa bãi Viet lá ca ngơi tinh yêu thương vả tâm lóng thơm thao cua ngươi me dãnh cho con vã tàm lõng biẽt ơn trân họng cua người con doi

c. Mục đich cua bai viết là đẽ thuyết minh về nhừng thứ quã quẻ. E

D. Mục dich cua bãỉ viết la đe nghi luận ve nhừng thứ quã quẽ và người me. £ (âu 3. *(1,0 diêm)* Nổi tư loai ớ cõt A với tư ngữ ơ cỏ( B cho phũ hop

A. Tữ loai



I. So tư

2- Pho từ

ỈL đỏi I đỏt khi lỏi quên mát....)

1. mõi ( mót lớp phía dưỚL„)
2. vài ( cản xoài)
3. vần í V ản thường lap đầy nỏi nhỡ)
4. mơi I mởi hung nàng)

g. Ni hừng ( những món qua quẽ.

DE SÒ 20 - HSG

PHẤN I: DỌC HIẾU (10.0 diêm)

Dọc doạn trích sau vá thực hiện theo yêu cầu bòn dinh:

Cảu 4. *(1,0 diêm)* Lim chon tứ ngử điên vão chõ ưỏng ơ CUÕI mói dóng sau cho phu hop.

A. "Mua nao thúc nãy" Trong càu “ Mua náo thức náy. mc luôn dành cho đưu con xa quẽ nhừng bó rau. chúm qua tươi ngon nhãt tử manh vườn nhá” là thanh phân ......... cua cảu.

B Dâu châm lửng trong câu: "Hu chuôi khô ngáo đường cua mc, lọ màm ca đông ma cha bát dươi ao. mờ rau chum qua hai ơ wcm nha- nhừng thúc quà quẽ binh dỉ. quỷ bơn tằt ca các món đồ xa Xi ở nơi phồn hoa thi thanh..." đươc dung dê

Câu 5. *(1.0 diêm)* Hày giai thích nghĩa cùa từ "thơm thào’\* ưong vân cánh sau: "Câm qua xoài cát thơm thao, lõng lai nhờ nhửng unh sương mc dãy sớm lui cụi quet lá xoãi khô". Dưa váo cơ so não má cm giai thích như vây?

Cảu 6. *(1,0 diẻmị* Chi ra và nêu tác dung cua biên phap tu tư đươv sư dung trong câu vàn sau. "Chi cỏ kỹ úc bỗng tinh dãy sau cơn me dãi vã nhửng manh nhó rót rau gbẽp lai thánh con dỏ ngày xưa. dưa tôi ngươc dóng VC ben bớ thơ ẩu. thấy VI ngot cua binh yên thâm dươm trong túng gioc quan vả ngon lưa cua tmh quê hương nòng duọm sưỡt âm tàm hổn”.

(âu 7. *(2,0 diêm ị* Nêu cam nhãn cua em vê hĩnh anh ngươi me qua nhừng thừ qua quẽ

Càu X. *(2,0 diêm)* Nhùng diêu nhàn nhu cùa tác gia có ý nghĩa dối V ỚI em tứ bài V let ưẽn. Liên bẽ với băn thân, em đà thut hiên dươc những dicu nhàn nhu ây như the náo?

PHÀN II: VIẺT VÂN (10.0 diem) Ban vé vai ưõ cùa gia dinh, có ỳ kiên cho ráng: "Ngươi ta co nhiêu nơi đẽ đen nhưng chi có mỏt nơi đẽ ve đò la gia đinh". Em hây Viet bãi vân bay to y kiên cua minh.

MỘT CHÚT HÔN QUÊ

Tác giã: Nguyen Sỹ Đoan

Doc tnẽn đẽ ven sóng Thai Binh quẽ tỏi mun náy xanh tot ben bới. đu cac loại cây co. Co loai cảy do con người gieo trông như ngỏ, khoai, đỏ. lạc. Có loại cây lai do tư nhiên mã moc lẽn như cõ dai. den gai. rau sam. Nhưng có một loai cây ít người chủ ỷ den. đỏ lã cây mu khúc.

Rau khuc có hai loai: Nep vá tẽ. Cây khúc tẽ cỏ dăng thản cao. lã to vá dãy. Hat mỏ< tũc đà đày rô. Tuy vậy. loai khúc te nãy ít người ưa chuông, vi nõ không thơm, không ngậy báng rau khuc nép. Khuc nẽp thân cây thãp, nho nâm sát mat dal. lá phiên mong. Mảt trẽn cua lá có phu mõt lơp phân trâng nho 11 ti.

Me tôi báo: "Khuc nếp thường mọc lần von cô. Có thi cao bon. nén khi hái phai vach có mới tim thắy. Nhùng người ngai khỏ. ngai khỏ thi chi hãi đưoc khúc te thôi”. Cóng đoan nấu XÕ1 khúc lá ca mót nghê thuàt tinh tẽ. Lã khúc dưoc hãi vẽ. rưa sach. dê ráo nư<Á2. rô) đưa vâo cỗi già nhuyễn. Sau đó hóa với nưoc sach, loe hẽt lá, chi con nước trong. Gao nep phai chon kĩ. không sạn. không sot mõt hat thóc va dư oe già lai cho bết cám. Nhừng hạt gao nũu trâng due. mây dều. thom tho mùi dồng bài. mui lua vao đong.

Người ta thường vi các cô gải xmh dep bâng câu. ’’Mong mãy hay hat” chàc tữ hai gao này chảng? Nhin rã gao đẽn thích mít Sue bân tay váo mat rười rượi. vỏc nám gao lẽn. tùng hat gao trơn bong dúa nhau chay qua kè tay. Xòe bản tay vẫn sach. Gao được vo kì. dê rao rủi ngâm vao nươc la khuc vãi giơ. Khi vớt ra de rào nươu rồi dỏ vão chỏ đò thành xỏi. Xôi chín, mớ vung ra. Chao õi. mõt mủi thơm ngây nồng nân toa lan nức mũỉ ai bàt chơt qua ngỏ. Chưa ML Xôi dược dờ ra cãi sang cho nguôi bản. lai đõ vão cbò dồ thêm lẳn nữa. Hat gao nẽp lúc náy mới cảng mong như ưat chín. Nhin đâ thêm. Me tôi bao: ”Loai XÔI khúc nãy thương mang ra den, ra chua dâng lẽn lẻ PhãL lẻ Thành. Nhải la nbừng ngáy hôt làng”.

HỎI lang tôi ba nảm mớ mỏt lần. Mâm le cua gia chu dù to, dù sang trong den dâu. nêu không cỏ đĩa xôi nâu bâng ỉã rau khúc thi cũng coi như chua dâng le. Bơi dò lã hồn cổL lá phong tuc cua quẽ tôi dâng lẽn các dắng thằn linh chứng giâm cho tâm lóng thánh cua người dãn lánh nơi thôn dà—

I Nguon https:, tanvanhay.vn mot-chuí-hon-quc.)

Cảu I. *(Ị. tì diẽmị*

I Ui. Vàn ban trên thuỏc loai

A. Văn bán tư sư B Văn bán thõng un



c. Vồn ban thông thường

D. Vin bán da phương tiên.

B. Ván hoa phi vật thê D. Vàn hoá dãn gian

l.b. Bánh khúc lả:

A- Ván hoé âm thưc

c. Vân hoa nghê thuãt

Câu 2. *(Ị.o diẽmị* Lưa chon D (đúng), s (sail điên vao ỏ trồng CUÕ1 mỗi dỏng sau cho phu hop.

A Bánh khúc lã loai đác san có ở khàp moi vùng cua đất nước.

B. Banh khúc lã loai đác san chi cò o mỏ< số vũng mien cua dãt nươc.

c. Banh khúc lá loai đàc san dưoc dùng trong ngã) lề *à* khàp noi.

D. Banh khuc lã loai đầc san không thê thiêu mỗi khi bôi lang cua nhân sật

□ ..

Cau 3. *(1.0 diêm ị* Tĩm tư ngữ (trung vân bán ưẽn) tương ững VỚI tử loui ờ cột A diên váo cột B ( mỗi tứ loai 2 tử) sau đó nòi tứ loai ỡ cõt A VỚI tứ ngừ ờ cót

B cho phu hop

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Từ loai |  | B. (Tim tữ tương ứng v<h tư loai ơ cỏt A - có ưong dơan trích ưẽn. diên vào dãy) |
| L Sô tư  2. Pho tư |  | a. b |

(âu 4. *(Ị,0 diêm)* Lưa chọn tứ ngừ điền vao chỏ trồt^Ị ờ mồi dong sau cho

phú hop.

A. Câu “Hat gạo nẽp luc nã) mới cảng mong như trái chín\*\* lã cảu mơ rông

thành phân...(l). ..bàng \_„(2)

B. Câu vân ‘’Hat gao nep lúc nay mơi cảng mong như trãi đun” đã sư dung

biên phap tu tữ ..

C áu 5. *(l.tí diẽmf* Liệt kẽ cãc chi uết về cách làm xôi khúc.

Câu 6. *(1.0 dứm)* Nẽu ỷ nghla cua cảu vùn. "Khúc nep thướng moc lần với cò. Cõ thi cao hơn. nên khi hai phai vach có mơi tim thây. Nhừng người ngai khó. ngai khô ưu chi hâi đtroc khúc te thôi”.

(âu 7. *(2.0 diêmị* Thai đõ cua tac gia thê hiện trong bai Viet? Lm co dồng y vơi thai dô cua tie gia không? vỉ sao?

(iu X. *(2.0 diêm ị* Bưc thõng diệp có ý nghia nhắt mà em cám nhãn dược tư đoan ván sau: ’’HỜI lang tỏi ba nám mơ mõt lần. Mâm lè cua gia chu du to. du sang Ưong dén dâu. ncu không cõ dĩa xôi náu bảng lã rau khúc thi cũng cot như chưa dũng le. Bơi đó lá hôn cót, lá phong tuc cua quẽ tõd dâng lẽn các dâng thân linh chứng giâm cho tâm lóng thanh cua người dân lanh nơi thôn dà... \* Liên vẽ vài thưc te ư quẽ em.



PHÀN II: VIẾT VÃN (10.0 diém) Bác Hồ day."Điẽu gi phai thi cồ làm cho ki đươc du lả viêc nho. Điêu gi trai dll het sức tránh, dũ là mõt điếu trái nho".

(Bãi noi chuyện tai buỏi lẻ khai mạc trường Đai hoe Nhãn dân ngây 19-5 - 1955).

Em hiẽu lơi day ttẽn đây cua Bac như thê nao? Viểt bai vân bay to ỹ kiến cua cm về lẽn day dó.

' Jri DÊ SÔ 21 - HSG

PHẤN 1: ĐỤC IHÉl (10.0 diêm)

Dọc V An ban sau va thực hiện theo yêu cầu hên dưới:

ÔNG NỘI

Tãc gia: Đảo Manh Long

Nha tôi vã nhá ông ba nói sat vách. Chiêu náo di hoe về tôi củng chay sang nha õng ba chơi. Vưa vé đén ngỏ tỏi đã cuống quyt leo tử gác bug a xe dap cua me xuồng chay tóc sang nha õng. Vừa tung tảng nhay chân sao qua canh cõng tản bong ưóc vừa lô túng mang gach sin mau, theo con ngỏ song song hai bơ tướng hoa rêu mốc chay dãi lọt thom giừa um tùm cây cối vừa riu rít. "Óng ƠI. cháu di hoc vê rỏi a?” Sã vão lóng ông vả luyên thuyên dũ thứ chuyên ớ trường, ỡ lớp.

Óng tỏi lã mõt thày lang. Khoanh sân nho lỏ xỏ nhừng ma. nhưng sáng phơi li cây thuôc. TỎI thương tò mo hoi õng ve mẩy thư la khô vang quát queo hay nhừng cành cáy mau nâu sâm gãy dct đưoc sãt nho rồi say sưa ngước dõi mải trỏn to đen lay lảy nghe õng giai thích tướng tân rót ling nghe như nuốt từng lơi mãc dù cháng hiểu hét nhửng IỠ1 ông nói. Ca ngáy ông cư câm cue ti mãn VỚI từng nhanh lã. ngon cây. nâng niu. Ông vun xởi đãt mõc khoanh vườn trươc cứa nha trỏng đu thư cày thuỏc. tữ những loai cày quen thuõc đẽn nhùng loại cây ma ỏng phai lủn lõi kiêm dươc ơ mõt vững nui rừng xa XÔI nao đo. Ngày nao củng nườm nượp ngưỡi đen thâm khâm V a xin thuủc cua õng. Ông chảng bao giỡ lấy bẽn cua bắt cư ai Óng bão: "Giúp dờ người khác danh pbuc lai cho con cháu!"

Õng rut nghiêm kh&c. Õng bit phai ngu trưa, lõi thi len lẽn trèo công chav ra ngoài ngò chơi bit màt bải dê. nem lon. bàn bi VỚI mây dứa ban cũng xõm. Ong di tim. thay tỏi lân lẽ bo trư ơn ưẽn u đai bẽn bờ mương hai bẽn bô um tũm bui khoai nươc, tói bi õng dành đon mót trân. Đi hoe vẻ tỏi làm nùng me dõi mua



mày thư keo xanh đò. ỏ mai. kem mut. vẽ nhả me bi õng màng vi nuông chiêu con...

Nhưng ông rầl thương tói. Ông VÔI vả dap xe dẽn trương mang cho tỏi hõp bút giừa trưa he nâng chao chãi nâng, khi tòi đi thi má quên hop but *ơ* nha Tôi dửng bơ vo ờ cõng trường mil đó hoe. thấy bóng õng tỏi chạy dẻn ôm châm Lầy cô õng và khóc núc Dơ. Nàng đỏ lưa lẽn vai áo bỡn b-3L vã mo hỏi rin ra trên vầng trân chằng chit vet chân tuổi Lác CŨI ỏng. Ông ôm tỏi vào long chay trong đèm mửc gio mả\*. mưa quát rán rat vảo lưng khi cơn bào ỉãt tung mãi nhã. Bó me thi cuóng cuông chạy đồ dac. chiêu chiêu ông muc nưưc giêng tầm cho tôi rồi õng chơ tôi trên bác xe đap giã mỗi vỏng banh xe quay tròn la lạt oản minh cot ket hông gio doc những con đường dtơm mùi lõa chỉn. Tồi bàc chửng ra sân. bỏng trúng lỏng vãơ miẽng giống rêu phong, ông kẽ cbo tôi nghe chuyên ngây XƯU đi bó đỏi. kẽ vé nhừng vũng đãt xa xôi mà tôi chi đươc thây trên bân đô.

Ngay õng mat. tôi không khóc. Có lè bơi khi Dổi đau quã lớn nỏ không cỏn co the bát ra thanh nưỏc màt HÒI hãn. TỎI đà không thê yêu thương ông nhiêu như ỏng yèu thương tôi! Ông mất, giàn trâu không bẽn chãi nhá mã ỏng trồng cbo ba An ưẩu cũng lụi dần. lui dan rồi chết...

(Nguồn: https: baohatinh.vnvan-hoc)

Câu 1. *(ỉ'0 diêm}*

I ,a. Văn ban trên được vict theo thè loai:

A. Tự sư B. Biêu cam

c. Nghi luân D. Tan vàn

1 .b. Phương tliữc biêu đat ưung vân ban:

A. Tư sư B. Biếu cám

c. Kẽt hơp nhiêu phương thữc D. Nghi luân

Câu 2. *(1.0 diêm)* Lưa chon D (đung), s (sail điên vao ó trông CUÓI mổi dong sau cho phu hơp.

1. Muc đich chinh cua bãi viết lã kè lai nhừng kĩ mém VỚI ông. [
2. Muc đích chinh cua bãi viết lã đẽ thê hiên tinh câm. căm xúc VỚI õng.Q c. Người châu trong ván ban là ngươi rat yêu thương vã hiều tháo VỚI ông

cua minh. I I

D.Ngươi cháu ương Vân ban dà không yêu thương ông nẽn khi ông mat ma khõng khoe. I

Câu 3. *(1.0 diêm)* Tim trung vân ban các cum rư (mồi loai I cum tứ) theo yêu cầu diên vào cõt B rồi nỗi cõt A VỚI cót B cho phu hơp.



Cảu 4. *(1.0 điêmí* Lưu chon từ ngừ điên vào chả trồng cuối mòi dòng sau cho phù hop.

| A Tèn cum tư |  | B Tỉm cac cum từ tương ứng VƠI lẽn cum tữ ơ cót A dien váo dãy. |
| --- | --- | --- |
| 1. Cụm danh tư *2-* Cum đông từ 3. Cum tinh tử. |  | p er F» |

A. Dâu ngoảc kép trong càu sau : Ông báo: "Giúp đỏ người khac dành phuc lai cho con chau!” được dùng đẽ

B Dầu châm lưng ưong càu sau "Ông mat, gián trau không bẽn chai nha mã õng Uổng cho bã An trấu cũng lui dân, lụi dãn rồi chẽí...” dưoc dung đẽ -..."

Cáu 5. *(1.0 diêm)* \*’Giup dở người khác danh phúc lai cho con châu!" Em co đỏng ỷ VOI câu nõi cua người ông trong vân ban ưẽn không 7 Vi sao?

Câu 6. *(1.0 diêm)* Chi ra vá nêu tac dung cua bicn phap tu tư dtroc sư dung trong cáu vân: “Nàng đố lúa lẻn vai 30 sờn bac vả mo bôi nn ra trẽn vảng trán chảng chit vet chân tuõi tãc cua õng”

Cảu *7. (2.0 diẽinl* Chi ra tinh tnach lac vả hên kẽt trong X An bán trên.

Câu K. *(2.0 diêm)* Cám nhãn cùa em về tình cám ỏng châu trong vàn bán trên Từ đó. liên hê với thưc tẽ cuộc sống.

PHÀN II: VIẾT \ ÃN (10.0 diem) Bay tù ý kiên cua em về van dê dươc dât ra ữong câu tục ngừ: “Dòi cho sacb. rach cho thom”

ĐÈ SC) 22 - HSG

PHÀN I: DỌC HIEI' (10.0 diêm)

Dọc đoạn tnch sau vã thực hiện theo yêu cẩu bên dưới: SÓNG NHỚ MÀI RÊl

Nhã tỏi cõ mõt cãi ao nho canh đun rom lùn lé tẽ khoác rnòt tâm ão

choàng màu ùa. mót bẽn khoanh vươn nho me ưỏng đu loai cây rau quã. mõt bẽn lá con đường gay nhom quanh co dẫn đẽn cãi công tre. Nhừng tnra bé nàng ngân ngát nAng. nàng đức quánh váo từng tho không khi. Mùa giãn dừ đô lưa xuồng, sân bẽ tông hán hoe hải nóng hầm hãp bóng rát đáp tra Me dần tôi ra ngồi bẽn canh bở ao dưới bóng cây dưa Bãc dưa giã cằn màn dang rỏng nhừng cành tay xanh gom chao chat nảng loe qua mút lã biêng biéc tha xuõng môt vung bóng râm

sâu bôm. Me bao: Cây dứa náy được trông từ hot bỏ mc mua mảnh dai náy ăẶạ ba thím bẽn đáng nội. cũng mây chuc nAm Tỏi?”

Me thi tranh thu đan lãn còn tôi liu tho thân ngẤm mây ngâm trời và thinh thoáng ngước mái lén hoi me những cảu hoi vu vơ. Mát ao an nhiên thã vào không khi nhùng luông hoi nước diu diu cai hâm bảp nóng cua trưa hè. Till thoang co ngon gko di lac trươt trẽn mật ao roi đâu lẽn đỏi ma phình phình như canh gio tứ chiếc qua! nan phe phây. Trẽn đinh ươi chot vot xanh có mõt mát trời và dưới đáy ao cũng cỏ một mật trời. Mãi ao phàng lủng như tấm gương phan chiều, tỏi nhúng dõi chân ngàn ngưn xuồng lãn nưoc x.anh màu rêu ròi khua khua bi bòm dia ra màt ao ca mét dãn song hốt hoang chay ve phia bở bẽn kia. Bong mât trời vờ naL. nước sóng sánh anh nàng.

Tỏi vẫn thương hay la ca bẽn bở ao ca ngay không biét chân, cỏ khi la ngồi ngâm nhừng vũ công gong vó khiêu vũ trẽn mủt 30 nhùng diêu múa má chi chúng mới hiêu. cỏ khi lá ngồi câu cá báng mót thanh CUI khô khàng khiu buộc Bơi chí O dầu vá mồi câu lã mầy hai cơm nguôi. Ngòi ca tiêng không cỏ chú cà nào chiu mủx cảu còn hat cơm mỏi thi trương phẽnh. Nán. tôi chay tõt vào ương nhã đẽn bên bán hoc luc ỈOI quyên vơ nhap cũ ương ch ICC thúng cát tông ớ gảm ban. lỏi ra xé mấy tơ rồi lai tót ra bơ ao. Hi hui gãp gap. tract miẽt nhoáng mõt cai mây tờ giắy nhau nát biến thanh dảm ba chiếc thuyền giấy du loai thuyền buòm náy. tau thuy. ghe.... Lầy bút chi vè nguẽch ngoac hĩnh con ga. con lơn. hoa lã cảnh trang tri cho thuyền. Nâng ưẽn tay đưa lên dưa xuồng ngám nghía rot tư cười mót minh, tõi nhon tay thà thuyên giãy xuông mát ao. khẽ khàng Đàm đám nhin theo nhừng con thuyền trôi bãp bênh trẽn dõng nước vá mơ hô trong đàu giác mơ quen thuõc là đươc biên thành người ti hon. leo lẽn con thuy ền giày kia vã di khăm phá những vũng đất mới.

Mũa luc binh nớ. cá mát ao mẽnh mang sảc tim. tim nhuần nỉu không gàt. tim diu dâng, rim den nao lòng Bõng hoa luc binh như mỏt cỏ gái thôn quê chân chãL môc mac. gian di. Sãu đẽn tám bóng hoa củng bung nở trẽn mõt dái hoa. Canh hoa vươn lên cao nhãt mang trẽn minh hoa tiết duõi cõng. Nhửng canh hoa mong tang kiêu hảnh vươn minh mâc cái nâng đáng chai cua múa he. Lũ tre chúng tôi thi nhau hái mồi dưa mõt õm rồi lẩy SOI rơm buỏc lại thánh từng bó chơi dồ hãng. Nhưng bó hoa luc binh tim và nu cưỡi gion tan củng tim.

Những ỉuc nõ nghich den met nhoài chung tỏi bắc ghẽ ngồi ngăm dãn cá cỡ diên nhừng bõ vảy ão súc sở mứu xóe. mây chu ỏc bám chải váo thanh tướng rẽu xanh ngu gãt hay dâm ba anh châu châu bãi cang tanh tach trẽn be tục binh.



Đùm đàm nhin theo nhưng con song lùn tản dảt tay nhau chay nut mict ưong lõng nhùng đứa ưc chùng tỏi lai dây lẽn khat khao đưíĩc kham pha. phiêu lưu như chu Oe Mên trong truyẽn cùa ỏng Tủ Hoài.

Đi hoe KU nha. mỗi lãn về quẽ tôi đêu danh chu minh mót khoang lảng, thu thân bẽn bơ 30. Hõm qua me gọi điên bao nhã mmh sãp iãp cái 30 dê nồng cây ân qua. tôi nghe trong minh cỏ tiêng tao xao vở cua nhừng manh ki úc tuôi thơ. Rỏi giờ đây mồi khi nhơ vẻ cải ao nho ây chỉ côn la nhừng sóng nhơ máu rêu.

(Nguồn: trích tư tapchicuavict.com.vn)

( âu I. *(1,(1 diêm)*

lui Vân ban trên thuỏe the loại

A. Tân vàn B. Tư sư

c. Thuyct mmh D. Biêu cam.

1 ,b. Môi quan hê giừa ngươi kẽ chuyên VƠI cac sự việc ưong vần ban:

A. Người kẽ chuyên la ngươi chứng hến các sư vice đả xay ra

B Người kẽ chuyện là mốt nhãn \ât trong truyền

c. Người kẽ chuyên vữa chứng kiến vứa trưc tiêp tham gia vào sư vice.

D. Người kẽ chuyện đươc nghe kê lai tử lới môt nhản vỏ! khảc.

(âu 2. *(ỉ.o diẽm)* Lưa chon Đ (dũngi. s {sail diên vào ô tròng CUÕ1 mồi dóng sau cho phu hơp.

1. Vân dề chinh cua vân ban la viết về cai 30 nho cưa nha nhân vảt "tỏi” £
2. Vẩn đề chinh cua vàn ban la viết về VỀÍ nét chấm phá về đới sồng đẽ thê hiên tâm trang, suy' nghỉ ...cua con ngươi. [

c. Ván ban ch! sú dung mót phương thức biêu đat. £

D. Ngôn tữ cua vân ban gân gũi vén dơi thưởng, như IỠ1 chuyện tro. lãm sự, bun luân. [

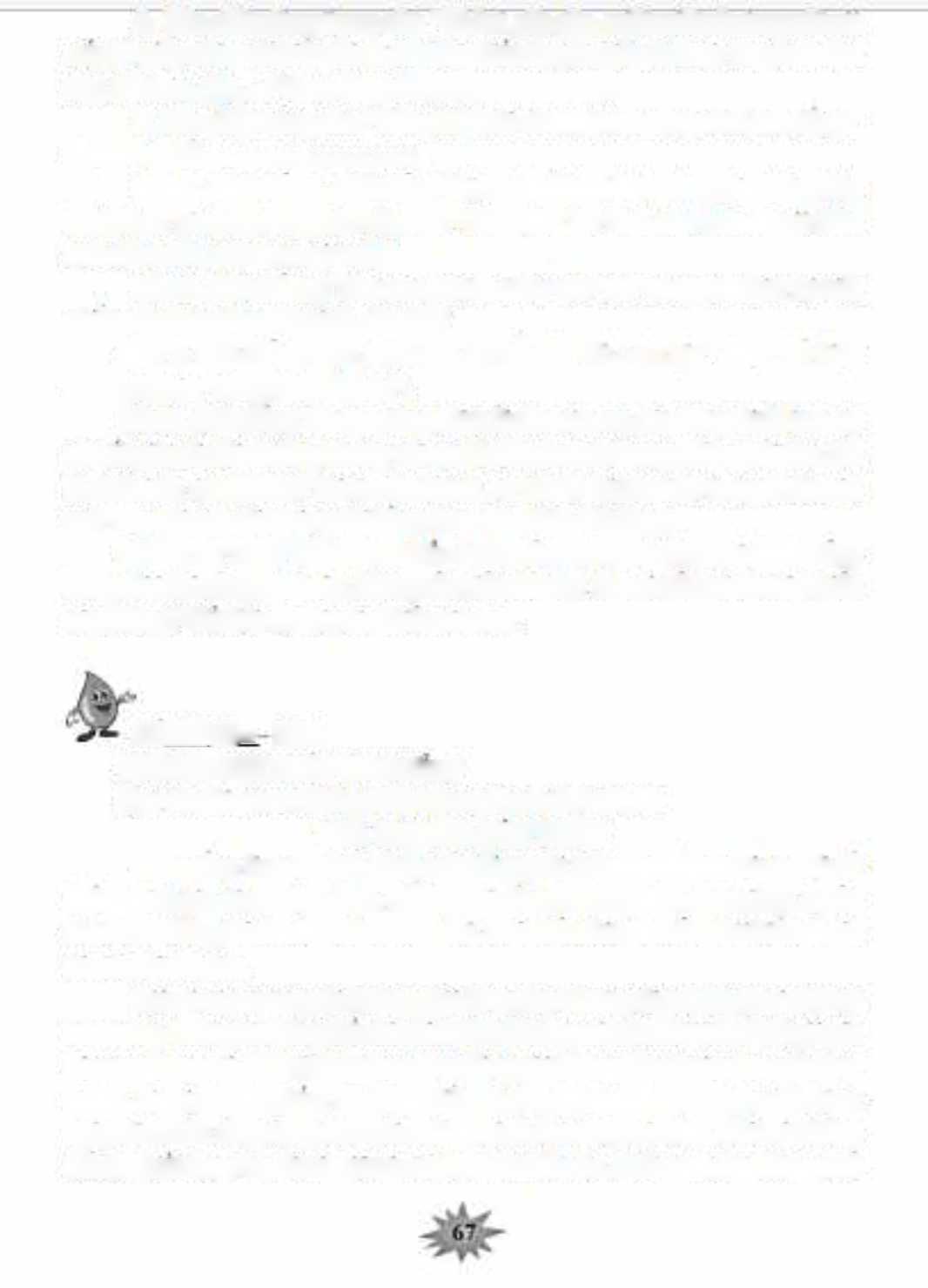
Câu 3. *(ỉ,tì diêm)* Tim các so tứ. pho tử ( mỗi tư loai 2 vi du) dicn vào cột B rồi nôi tứ loại ở cỏt A với tư ớ cật B cho phú hop

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A 1Tứ loan |  | B. Các tư loai cõ ưong vãn ban. |
| 1. Sô tứ. 2. Phó từ. | 3.  b. |

( ãu 4. *(1,0 diêm)* Lưa chon tứ ngừ diên ^ao chỏ ưỏng CUÕ1 mỏi dõng sau

cho phủ hợp.





A- Dâu châm lưng trong cãu: "Hi hui gãp gãp. rruẽt miẽt nhoang mõt cai may tử giấy nhau nát biên thanh đảm ba chicc thuyền giắy đu loai thuyền buồm nãy. tâu thus. ghe...." dươc dùng để

B .Dầu phắy ưong câu: "Bóng màt ười vò nãt. nước sõng sãnh ãnh nàng.” đươc dùng đẻ

Câu 5. *(1,0 diêm ị. (ỉ.o diêm)* Chi ra vá phàn tích tãc dung cua biện pháp tu tứ dươc sư dung trong câu vân sau: "Bòng hoa lục binh như mõt cỏ gai thôn quẽ chân chất, tnòc mac. gun di."

Câu 6. *(1.0 diêm} ị* Theo em, vi sao nhãn vât "101" ưong ván ban Lai viết nhiêu vế cãi ao nhú nhã minh như thế?

Cảu 7. *(2,0 diêm)* Cám nhãn cũa em về cãi "lỏi - tãc gia" dưoc thê hiên trong vân ban "Sóng nhớ máu rêu".

Câu 8. *(2,0 diêm ị* Trong quàng dòi tuôi thơ cua em, Cù nhừng hình anh. SƯ vãt rat gián di đới thường nhưng VỜI em Li diều lưu nhó trong kỉ ức tuõí thơ. Đó lã hĩnh anỈL sự vát não? Tai sao hỉnh anh. su vát dó lại lưu nhỡ trong ki ức cua em? Hày chia sẽ VỚI moi người búng đoan ván (tữ 8 -10 dòng).

PHẤN II: VIÉT VÂN 110.0 diem) Mỡt sỏ phu huynh vã hoe smh cho rủng trong thơi đ&i cõng nghê nay. không cân viẻt chừ đcp Em co dỏng tinh VỜI ỷ kiên nay không? Viet búi vàn buy to ý kiên cua em.

DE SÔ 23 - HSG

PHẤN I: DỌC HIEl' (HU) đỉcm)

Dọc vàn ban sau và thực hiện theo yêu cầu bên dưới:

GIÁ TRỊ CÌ’A BAN TUẤN

Cuỏc sòng la mỏt hãnh ưinh má mỗi người luôn tim kiếm moi cơ hòi đẽ kháng dinh giã tri cùa bán thân. Mồi người đêu cỏ nhửng tinh cách riêng, muôn dat dược nhừng thanh cõng như mong dơi. trươc hẽt chung ta cân phai hỉẽu rở giã tn cua chinh minh.

Gia ƯI cua con người không phai là ve dcp bèn ngoái má là gù tn thật sự bẽn trong. Chúng ta không the nhìn hình thức bẽn ngoâi má nhãn xét, dành gia giá tri cua mõt người. Giá tri dich thưc của mỏi ngươi không nim ỡ vice ban giàu hay nghẽo, đia VI cao hay thap. Vi những diêu dỏ chi giủp ban thoa màn nhu cằu hang ngay cua cuôc sồng cũng như chi chứng minh kha nàng cua ban. chư no không thê cho btct dược han la ai. gia tn cua bạn như thề náo. Chúng ta củng không thê

dưa xao nhãn xét cua nhửng người xung quanh đẽ nhãn định Nhân xét rứ người khác không thê hoan toan chinh xác về giá In cua ban Đối với nhưng người có thiên cam VƠI ban thi họ si nhìn nhản moi vice theo hưởng tích cục. ngươc lai trong suy nghi cua người không thich ban. cam nhãn cua hữ về ban chảng mấy tốt đcp.

Muôn tro thanh ngươi thưc sư co gia tri thi chung ta cân phai dưa váo chinh minh. Không ai Cữ the lam thay đòi gia tn cua ban. chi co ban mơi thay đỏi dươc minh. Người biẻt dươL giã tn cua minh, duy trỉ vả phát ưiền no như the nao dẽ ươ nén hoan thiên hơn. chi cô thê lã ban. Và câng chi cỏ ban mơi lã người đỏc làp. tư chu. lam chỗ dưa cho chinh minh. Sư kiên cương, ý chi kiên đinh cua ban tao nên giã tn cho ban. Ban sông manh mê hơn. không trông chớ vào sư giup đờ cua người khac đẽ giai quyẽt nhừng nk rỏi cho minh Nêu muôn thanh công trong công việc, ban phai chúm chi lâm vice, khủng ngùng hoe hoi nũng cao kiến thức, chững minh kha nâng thưc sư cua minh. Có như vậy ban mỡi kháng đinh dưoc gia tn néng cho ban thân. Giã tn cua mỏt người chinh lá tính cách, đao đức. nhãn phàm, ỷ chi cua người đõ Mót khi ban ý thức đưoc gtá tn cùa minh, đông nghĩa với việc ban đả biêt đươc diêm manh. đ\*êm yêu cua ban thân. Ban cỏ đu tư tin dè hanh dõng, du dũng cam đẽ vươn lẽn, luôn co gâng đẻ bương dẽn đích ma minh dà chưn va ròi ban sỏ dai dược nhừng thành qua xủng dang VỚI cõng sức mà minh bó ra\_

Trong cuỏc sõng, giả tri cua ban không tư nhiên mã co đươc. nó có the lớn lẽn bay dân biên mat đêu tùy thuỏc váo han Chi khi bạn un tương vão chinh minh, vào nhửng diêu minh thưc hiên thi khi ây ban mới thưc sư có giá tn. Đẽ cò dươc giá tn cuỏc song tỗt hơn, ban không dược phép buông XUÓI trươv kho khân má hày cồ gàng nỗ lưv. phan đầu hết minh vi khát vong song. Hây sổng như the não cho dung VỠI giã tn đích thưc cua bán thân, ban nhẽ'

(Nguỗnihttps:. baomnhthuan.com.vn I

( âu 1. *fỉ,0 dữmị*

La. Phương thưc biêu đat chinh cua vân ban la:

A. Tự sư B. Miêu tá

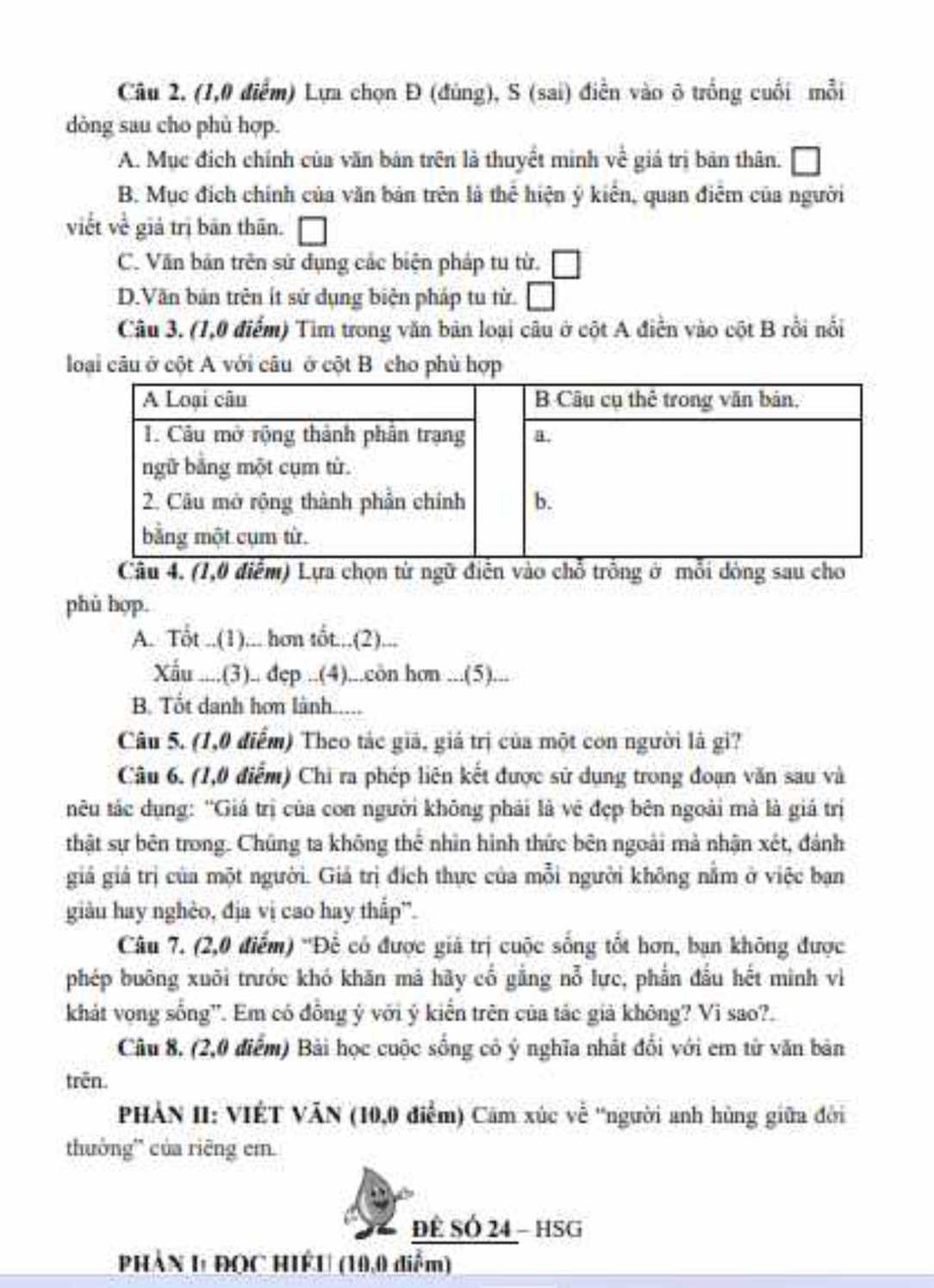
c. Thuyết minh D. Nghi luận

l.b. Vàn bán trà thuôc loai:

A. Tàn vản B. Tuỳ bút

c. Ván ban thõng thương D. Ván bán da phương thưc.

**(di**



**Dọc đoạn trích sau vã tra lời càu hoi** *ã* **diroii**

Do ki nghĩa la bưc tức. kho ch|u trước những may mân vá thành vỏng cua người khác Trong khi người thảnh cõng luôn nhìn thay vả hoc hoi những đức tinh tốt đep cua người khác thi ké thãi bai lai không làm được điêu đo. Hữ không muôn nhác đốn thanh cõng cua ngươi khoe, đỏng thoi luỏn tim each chẻ bai, ha thấp họ. Họ đê imk cho lóng ty hiềm, thói ganh ty. cam giac tư t> giàm nhấm tâm tri ngây qua ngáy.

Đố kỉ khỏng những khiên con người cãm thày rát met moi má còn han chế su phát triởn cua mỗi người. Thôi đỗ ki khiên chùng ta làng phi thôi gian vã không thê tân dung hét náng lực đẽ đat đưoc điều minh mong muốn. Ganh ti VỚI SƯ thanh công cua người khac sê khiên chung ta đanh mat co hôi thanh cõng cua chinh minh

Tao hỏa tao ra con người ữong sư khác biẽt vã binh dâng- Ban cằn phái ỹ thữc dươc ring. ban lã duy nhẩt vã khủng bao gkơ cõ ngươi nao hoán toán giống ban, ca vè diên mao lần tinh câch. Vi the, thay vi ganh u VỚI thanh cõng vã may mủn cua ngươi khac, ban hây tãp trung toan bỡ tâm tri váo nhừng ưoc mơ. dư dinh, dồng thỡi cồ gàng hoán thanh chung mõt each met đẽ Hây tư hao về sự khác biẽt cua ban thân ban vã V UI mừng trước sự may mân. thánh còng cùa những người xung quanh. Niềm VUI ẩy sé chip cánh cho hanh phúc cùa han VÀ sớm muôn gi. ban cũng sê đai đươc thành công như ho".

(Tnch "Không gi lá không thê" - George Matthew Adams - Thu

Hãng dich. Tr.l 17, NXB Tông hơp Tp Hồ Chi Minh. 2019)

**râu 1.** *(ỉ,0 diêm)*

1 .a. Phương thức biêu đai chinh cua doan inch trẽn lá:

A. Nghi luân Đ. Tư su

c. Thuyct minh D. Biêu cam.

I.b. Các yêu tô chinh trong đoan ưich trẽn là

A Nhân vật. sư việc B. Dặc diêm, tinh châỉ

c. Luân diêm, luân cử. lãp luân D. L1 lê, dản chúng.

Câu 2. *(IJJ (íiẽmị* Lưa chon Đ Idling), s (sai) diên vao ô uõng CUOI mồi dõng sau cho phú hop.

1. Muc đỉch chinh cùa đoan trích lã tãi hiên lai đác diêm, tinh chãi. cua vãn đê đẽ khơi goi sư dông cam cua người đoe. ngươi nghe.
2. Muc đích chinh cua đoạn trích la thuyểt minh ve tóc hai va cách khác phuc cua V ẩn dẻ cho người doc. người nghe thắy rủ. ị



C- Muc dich chinh cua dtxtn Inch L hây tù quan diém, ỷ kicn VC vản đẻ de thuyct pliuc người doc. người nghe I2J

D. Muc didi chinh cua Juan txỉeh lá thè luèti thai dó tinh cam vế vân de dê dmyét phuc người due, người nghe. Q

**< iu 3.** *fỉ.fí dti‘mf* Tim trung vân ban trùn càc luat cuin tu ư Cut A dtén vảu

MUI chu phù hop vát tú cần gvái thích nghía

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A Loan cum từ |  | B. Cum tứ có bung vản bcm |
| 1. Cum danh tử 2. Cum dóng tư 3. Cum tinh tữ | a.  b. |

cut B ròi nói loậi cum từ ư củí A cum tư ử cót B dk> phu hơp

Ciu 4. *fl,tì diintỊ* Lua dnm nghia của tứ điền vảo chu trống cuối mốt dỏng

A. *Khúc biỊi* nghía lả ..

B- *Binh dảnịỊ* nghỉu là ,

Câu 5. *(1.0 dì rm ị* I LSy bet ke những lác hai cua thót đo ki trung đoan tnch-

Cảu 6. *fỉ.o dtrml* "ĩìanh ti vót su thánh cõng cua người klúc sẽ khiên chung la danh mil cơ hủt tlùnh còng cua chinh minh" Em cò dung tinh vin *ỷ* krén cua tác gài khùng ? Vi sao?

Cảu 7. *(2.0 diêm/* Trung cuúc sồng. gta sư em bi rnủt han nau đó đó lu. Em sê ưng xư như thé nàu? Hây dua se vời mọi ngươi vè cách ưng xư cua em và giai thích 11 do cun each ưng xư dó

Câu X. *(2.0 dièmt* Bữc thủng diép ma em tàm dảc ideal lữ đoan trích trùn (Trinh bày bâng mót đoan Viln tứ 7-10 cãu).

**PHÀN 111 VIẾT VÁN (10.(1** diém) Trai qua luing nghìn nảm dưng nưoc và giũ nưỏu, ùng cha chàng nhừng dâ dè lai chu chúng La mờt dai non sủng tươi dcp. mầ cun ca mót quá khư lích sư vé vang, vói bao ưuycn thung anh Ining và tẩm gương sang chỏi Em liỉy viẻt bai ván kẽ lai n\*>t &ư vice cũ thãi liêrt quan den nhân vật lích sU trong Itch sư dâu tranh chõng gtậc ngoai xám cua dan tủc ma em dươc hiéL

**Đt SÓ 25 - HSG**

**PHÀN 1: IM)( HIEI (10.0 diém)**

**Dọc vửn han sau va thực hiịa theo yí'U ciu bẽn dưíri:**

**NÉT DẸP IRONG LẺ ÍT NG TẠ ƠN CHA MẸ CỦA NGI ÔI J’RAl VÀ BA NA**

Tic gta: Tương Lam

KJ11 người con đã trương thảnh. cỏ đu dièu kién kinh lé thi sẻ tố chue nuM le got lá Le ta ơn dí' cam ơn cóng sinh thanh. dưửng due cua cha me. Dãy thãi sự La mót nét dep tiotig dot sóng vin hoa ung xư cua cóng đòng ngươi J’rai vu Ba Na ớ Kun Turn. Mâc du hơ la lun dán túc khác nlxau hoàn toán vẻ ngêci ngừ. tap quản... nhung Lai gjp nhau ơ diêm chung trong vin hỏa ứng xu này. Diêu náy dã thỉ hién dao lý cùa con dki đối VỚI cha me và de cao vai trô nuôi nang. day dô cua bậc titnh thanh dành cho con cầi tù xua dền nay.

Le cúng Ui ơn cha me. người J’rai gui lã *Chai mơ* ft? *kơ mi ma fieh rơ mơ kư mì ma bui);* cỏn người Ba Na got lã *Khơfi bưnè ki/ me pa.* Thtròng dưoc tó chưc vao tiẻt nùng nhún (A/ng *mmịỊ),* sau lê mùng lua mơi Đảy Lả lẻ cua ngươi con ruôl di có gia dính, cú nhá núng và làm in khâm khá. se tư nguyộn thong háo vói dòng tòc. bố me về viàc muốn tò chức ngày Ic de ta on clta me đã sinh va nuôi day minh nen người Tùy vảo điều kiên kinh té cua người con quyét dinh vật cúng, ncu giau cỏ thi mó bò Cún ncu khủng thi mời con heo km. mót con gá vâ mừt ghé rưưu ngon. Mãc du lẻ Cũng ta un cha me chi gút gon trong turn} gia dinh, dòng tỏc nhung Lề đuơc tó ehũc klui long Ương trong hai ngây. Thong thường ngay dau uèn lá danh cho phân lẻ nong gia đinh thân thuủe. cỏn ngay Itótii sau mởi min ba cun. anh em Ư Láng xa den ân uóng chung vui.

Vảo ngay dâ dươe su đồng ý cua cha me. Gia dinh người con gi mang le VỐI dẽn. mỏl give rưưu ngon dàt giữa nlia vả hít dâu mỡ gã vi heo <bõk Lẩy úêt con var cung bồi lớn ghe rưưu, láy mỏl phan gan sồng cua CỂC con vật dem xin vào cây tre rốt cột trèn mténg ghé de cung ủng bã tó tièn vả mót phần dem ra ngoài sản cúng than hnh. Gà, thít beo dươc nương, xảu vào cảy tre ròi cũng cột vào cây nơi buóc ghẽ ruơu. Ho *ai* lầy mót niunh la rùng nhũng vểo Uung ghe rươu cúng rồi phây rươu lèn cha mẹ vá con. Tiép theo cha me vả con \*ỉ Lân luot khan vai ihản linh, ừng ba lố UêtL min hit về cung hương vá chưng kiên su hiéu thuân cua con cỉúu. Cam ơn ho dà ban cho su gian Cù. no du. gia dinh binh vén. haxứi phúc... Sau dó chinh tay người con sỉ làm cúc món ỉn ngon dàng k-n cha rnc minh Thúng thướng Lả lam tlveo kháu vi ma cha me minh thích ản nhắt Gâ sề dươe lóc xương Hầu cháo, heo kỉ lảy phàn tint tlũín đem nuimg.

Sau khi đà chuãn bi Xong, ngươi cun mang đẻn dang cho me minh àtt Itươc vả mìn me uống *COltỊỊ* rươu cản diu lien rổi mủi đèn cha. dóng thòi cũng nliảc hn thời thư ầu dả dưưv tne nuũt nấng, như cử dẻiiụ .sừii me nén mới lớn khùti sa nltử cha dà day dô, chơ che nên duơc nhu hòm nay. Nguời me. cha nhãn lõi vả củng



câm ơn con đâ hiéu diuan, nhờ on sinh thành. cẩu mang can bê khung bi đau óm vả Um ản ngây cáng tốt hơn nữa...

(Nguồn: hltps.kuotum.govvn)

**CÀU l.f/.tfrftfiwl**

IJL Bâi V>èt trên thuốc kiêu vân ban.

A. Vân tan đa phương thức B. Vàn tan thòng thường

c\_ Vản ban tường tnnb D. Vàn bún thông tin

l.b. Cách Lrién khai ý lương vả thùng un Uơtig vãn hân trẽn

A. Theo Uinli tu thời gian B. Theu tành lư ngươc thái gian

c. Theo tuý hững D Két bơp nhiêu trinh tu.

Cửu 2. *( í.tí lỉtéttí)* Lưa chon D (đungl. s (sai) đién vao ủ uóng cuói mỗi dòng sau chơ phú hơpL

1. Theo tác gia. nót đung tai Vỉết thuỏc vân hoa ứng xà. I
2. Theo tàc gia. nời dưng bái vĩốt thuộc vản hoa tam linh.

c rhai đờ cua ngươi V iẽl thê hiên trung vân ban lú trân trung đúng tỉnh £

D. Thải đó cua người Viet die Incn trong văn ban Lu khùng đồng tinh. £

( ảu 3. *(1,0 diémị* Giai thích nghĩa cua cảc tữ ơ cột A vảo cõt B rói nót tú ngữ ơ cỏt A VỚI phản nghía *ứ* cút B chú phũ hơp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A Từ tigfl |  | B nghĩa cua tử. |
| ì. Sanh thãnli.  2. Hiéu thuán. | IL b. |

Câu 4. *(ỉ,0 di ém ỉ* Lưu chun tu ngữ đicn V ao chồ trống ơ mời dòng »au chơ

phũ hơp.

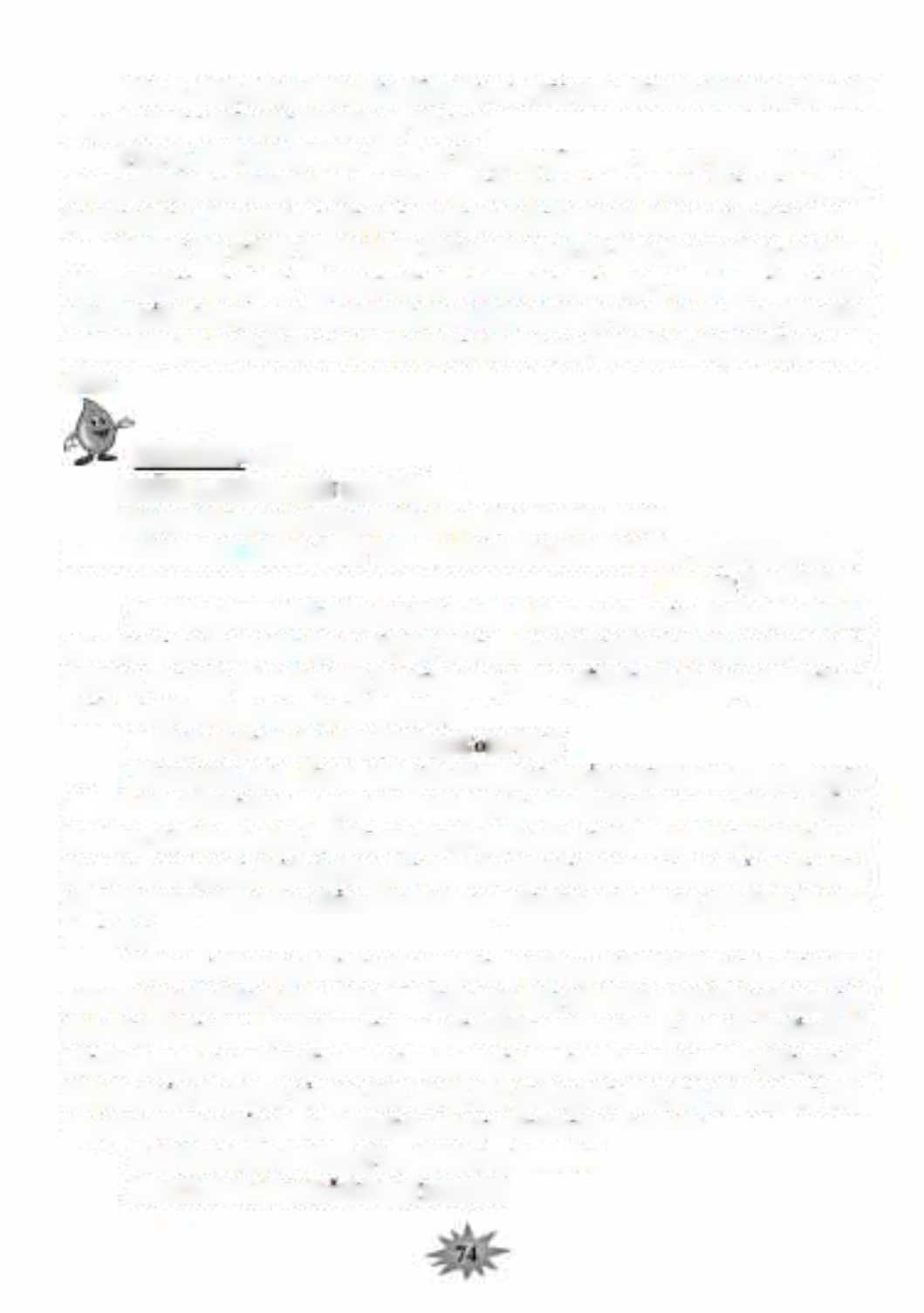
A. Me day thi com kheo, cha day thi c un

B Dù đi kỉiảp bơn I)

< 2 > khung ai sanh băng

Cảu ỉ. *(Ị,ờ dtèm/* Liêt kê cảc chi liét quỵ dinh về vát cúng, pham vi vã dùi tương tham dư tiong lu cũng ta ơn cha me đưoc tie gia đưa ra trong bái vtẻt trên

( âu 6. *(1,0 diimf* Cản cứ vâơ duun dàu cua bai Viet theo em đau lỉ dươc nháu đen Hung câu vãn sau. ‘\*Đtéu này đủ thê hiên dao ly cua cơn cát dứt vót cha me vi de cao vai trò nuơi năng, day dò cua tac 311111 thánh dành cho oan cãi tũ lưa den nay1\* là đau li gi? Hây kè tẻn tnỏí vải tile pliAm the hiên dao li do ma em biểt



c àu 7. *(2.0 (hè mị* Nêu lớt nhik nlk’ vua bui viềt đỏi vài chùng ta. Em có đủng *ỳ* vớĩ lơi nlửc như đó không? Vỉ sao?

Cảu 8. *(2,0 điéiuị* Liên hé thưc tẻ trung gia đinh vá dta phương em có những lè hòi nao thẻ hiận đau li vé lòng hkẻu thao vun von cháu dỏi vót cha me. ủng ha tủ tiên. Hầy chia se VỚI moi người đuưv btik vá nèu kti cỂm xúc cua em.

PHẢN\* II: \ IET VÁN <10.0 diêm) Càu Isc bó Vân hoe tniửng em phát đùng viét Hat VỚI dê tài "Giới liv VÓI di Hãn vân bùa dan tộc\*\*. Em hây V lét mut bài vân tbuyvt minh vẽ quy tie, luát lê cho mix hour dóng vân búa dù dươc Tử chức UNESCO ghi danh lã di san vản bưả pht vàr tliẽ cua Vúh Nam dẻ giri đỏn ban lỗ chúc.

ĐE SO 26 - HSG

PHÀN I: ĐỌC HIEI <10.0 diêm)

Dọc vAn ban sau và thực hiện theo yêu câu bỉu dưới:

LÊ CŨNG C ƠM MỞ1 - NỀT VÀN HỎA CỬA DÔNG BÃO TÂY NGUYÊN

Tác gia Tuyết Trinh

Ư Cúng Cơm MỠI dươc tủ chưc hàng nủm sau vu mua thư huacb dẻ các dàn lộc thiêu sỏ nhu Xơ Đàn ụ, L Đê. Thãi... ta ơn nới đãr vi đà cho mời vu múa bội thu. Tai Tảy Nguyên, dãy là mui trưng những le bửt đảe trưng, phó btén ư nhiêu dĩa phương trung dỏ cu Lãm Dừng.

1. Lịch \*ữ binh thanh Lê Cúng ( m Moi

Tử xa xưa. sau mỏi vu múa. các dấn tộc sinh sưng tai khu vưc Táy Nguyen đêu tử chúc lê hùi ãn mừng lúa mói vê nhá VÀ nâu những bửu cơm đàu lien băng hai thũc vua thu huaclx Lẻ hôt nay Cũ *ý* nghỉu tủn vinh lúa gau ma tldn linh dủ ban chu cun người, live hicn lúng tiianh kinh vởi trùi dãi, thần súng titan 5UÕ1. tlián giỏ thân mưa. thần sim, than dãt đà cho người dan mưa thưan. gió hòa. làm án thuan lơi.

Vói mồt dản tóc. mừt dĩa phưung Ui cù nhưng cách tủ chửc cung mưng vu múa thu huach khac nlííiu. Chu dén hiên nay. klu v&n hóa ngày càng có sư giao tluxa till lù Ivói náy đả cũ tên goi chung lu L2 Cung Cơm Mời. đưưc btét đen u lè hũi dâc trưng CLU nhiêu dan tùc. vưa có nẻt gtủng vua cò net khac biờt ĐÓI VÓI du khách muun tim hiểu VC vãn húa và lé hỏĩ cua người dãn dia phương lai Tày Nguyỉn dù dãy eh&c cbâti lã k’ hột bait tuyvt đói kbiutg DỈn bo lô.

1. Dõi net ví\* Lê Càng ( ìnn Màt Iruyền thổns

2.1 c ách tỏ fhurc l.r ( úng ( ưni Mới

KJÚC vói eảc lẻ hời khúc. khi người dãn Uong thủn bún sê làp ưung đẽ tỏ chức cung nhau thi LỞ Cung Cơm MỚI lai tử chúc tuán tự tứ nhá nay »ang niu khác. Những gia đinh trang buôn dâ sửp xèp xã thua thuan từ trước, vi thê SC cùng bưp tác dê le hói diên ra suôn sè nhát.

Quy mò Lẻ Cung Corn Mái tai mỏi nỉxa củng sê khúc nhau, tuy thuôc vảo diéu kiộn giu đinh cùng nhu lương lua gao thu hunch dươc cua vu mùa nâin ảy. Càc gLB đinh bôi thu MĨ lủ chưc rat km. min hang xom bá con càng đòn chung VUL. cung ản uỏng nhay múa, cỏ tlbè kòo dái trong mủt ngay bate thum chí vải ngây. Đối với những gra dinh khó khân hơn, LỈ Cung Cơm Mới sê dưưc diên ra dơn gian, tiết kiệm, gian lươc đè phú hop VƠI diêu kiên kưdi lẻ. Quy mò tơ chức le hời náy củng dươc cơi lá mòt trong nhùng biêu hiên de phan bkét ting lớp giàu nghẻo cua cac dân lòe thiêu Hồ.

2.2 Ỷ nghĩa 1.C Càng ( ìnn .Mời

Như dà de cáp. Le Cũng Cơm Mời trưỏc bet là dê ùn mùng xu mua. Ân mừng lũa thóc vé nha. Bẽn canh dó đây cùng lá dip dê ngươi dán cung tỉùn, cùng hỏn Lúa. cùng tỏ tiên. gưi gim nhũng mong câu vẻ MTV khoe cho gta dinh, mong câu những vu mua M1U tiếp tuc dưưc bôi thu. dươc lùa thóc dày bồ.

Bẽn canh dữ Lé Cúng Cơm Mái cỏn b dtp đẽ ngươi dân trong han quảy quan lại đẽ VUI chúi, tiéng cóng chiờng nói lén. nhay mua ca hát suốt ngáy đém Đâc bièt vin nhừng nâm thời uềt thuân lơi, cầ ban đéu bòi thu thi lẻ Ivói nay như keo dãi vó tan. ru nhả náy qua nhà khác, tu hop X UI chơi khủng ngừng nghi

(Nguồn httpo núavnl

khoanh tròn Vila chừ CỂỈ trtrơc dong em cho b dùng (từ ciu 1 - câu 2)

< iu I. *fỉ.tt điétN)*

l .a.. Bai Viẻt trên thuóc kiêu ván ban.

A. Vân han tướng trưứi B Vin ban thòng Un

c. Vản ban thủng thương D. Vản han đa phương thức

I ,b. Chu de cua vân ban trèn la

A. Tinh cam buôn Láng B. Tinh yêu quê hương dàt nước

c. Tinh thăn đoán kef D. Long biẽt ơn

Cản 2. *ft.tỉ Jfjfu)* Lưa chon Đ (dũng), s Hai) điền vảo ử trống CUÍH mồi dòng sau cho phú hơp

1. Lử hòi cung cơm mõi ciu dièn ra ơ Táy Nguyửn
2. Lẻ hội cung cơm mơi diên ru ơ nhièu nơi ơ Tây Nguyên va có ca ơ móc sử nơi ngoải mien BÃc nhung hi nil thức khnc nhau



c. Nhan đê vãn ban gui clk> em nghi đèn mút lx\*at đỏng vản hoa tàm linh D Nhan đè vân ban gơi chư em nghỉ dén mót hoai đông vin hơú sai thé. \_ Cảu J. *(1.0 dièmt* Giai thích nghỉu cua tu o cời A diến váo còt B lồi nói tu ờ cỏt A vói phàn nghía ờ cỏi B **cIk>** phù hop.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A Tủ |  | fì Nghĩa cua tũ |
| 1. Tỏ liên IB^nthu | a.  b. |

CAtt 4. *(1.0 điễtnf* Lưa chưn tứ ngữ dièn vuu chủ trỏng CUỎI mỏi dòng sau

chu phú hơp

A. Câc dáu phây tiling câu; “Tử xa xua. sau mỗi vu mua. câc tkin tóc sinh sùng tui khu vực Tảy Nguyên đều tỏ chúc le hữ\* ân inimg lúa mủi vẻ nha vá nau những bừa cưm dẩu tiên bàng hđt thóc vừa thu lioach dược dũng dê

B Dấu chàm lưng trong câu “ Lồ Cung Com Moi dưoc lò chưc hang năm sau vụ mua thu hooch dè eâc dán lóc thiẻu sô như Xo Đảng. É Đê. Thâi...’\* dươc dúng dẽ \_

Cảu 5. *(1,0 dièml* Thcu búi viét. em hủy néu ỹ nghía cua lè cũng com mới.

(âu 6. *(1.0 iíiẽm)* Due lai dean vàn 2.1. Cảch lủ chức Le Cũng Corn Mời iTũ "Khác VỚI các le hội khác... thiêu sổ") rồi néu nhan xét cua em về each lú chúc lè hỏi cung cơm mói.

('lỉu 7. *(2,0 tliẽm)* Thai dù cua nguôi Viet đu oe thử hĩén trung bm V lét nhu die ttãu? Em có đỏng tinh vời thải dù của tác gia kbồog? Vì xao?

Cảu 8. *(ĩ,0 đtẽm)* Bức Ibùng đãêp ỹ nghki nhểt tnâ em cám nlián đưưí rủ vân ban tren. I u dù. hen ne VƠI Ihuc te cuộc súng

**PHẢN II: VIẾT VẢN <10.0 diêm)** Dối VỎ1 hue sinh chúng tx nghi hé lủ dtp duưc mong chó nluẽu nhàt bin đay lu dtp các em duiK vui chtn thua thích sau mot nảrn ỈMX\* vâl va. Em hãy thuyẻt rntnh mot hoai dũng hoãc nsot trú cbơỉ đáng nhu nhắt cua em dê giup ngươi due hình dung duơc nliửng diẽu thú VI cua mua hé em đá duoc trai nghiêm.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
|  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ), biện pháp tu từ.  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của từ; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; biện pháp tu từ nói giảm nói tránh; phó từ, số từ,  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.**

**CHIẾC ĐÈN ÔNG SAO**

*Thằng Tùng ôm khư khư chồng báo trước ngực. Nó len lỏi đi dọc đường Hàng Mã rồi xuôi theo phố Lương Văn Can. Đèn điện sáng trưng. Một thế giới của tuổi thơ ở đây. Đủ các loại đồ chơi. Những chiếc đèn lồng, đèn ông sao treo kín lối đi, xếp đầy trong thùng giấy, tràn cả xuống lòng đường.*

*Dòng người, dòng xe đi mua sắm quà trung thu rất đông. Thằng Tùng thẫn thờ nhìn. Có cậu bé, cô bé cũng chỉ trạc tuổi nó ngồi trên những chiếc xe máy đắt tiền bắt bố mẹ đi hết cửa hàng này sang cửa hiệu nọ để chọn mua đồ chơi. Những thứ đồ chơi cao cấp giá hàng trăm, hàng triệu đồng mà chúng vẫn chê khiến bố mẹ chúng phải chạy xe lòng vòng mãi.*

*Nhìn những chiếc đèn ông sao bày la liệt bên đường, thằng Tùng chỉ ước ao có được một chiếc. Nó và em Bi sẽ chơi chung. Nhất định nó sẽ nhường cho cu Bi cầm lâu hơn...*

*Chợt nhớ tới chồng báo còn nặng trên tay, thằng Tùng vội cất tiếng rao. Giọng nó đã khản đặc:*

*- Ai... báo... đây...! Báo công an, báo pháp luật, báo an ninh thủ đô... một vụ... giết... người... hai vụ... cướp... hiếp... đây...*

*Không ai gọi mua báo. Thằng Tùng thấy lo lắng. Báo không bán hết phải trả lại đại lý thì sẽ bị khấu trừ vào số tiền những tờ đã bán được, lời lãi chả còn là bao. "Nhưng thôi... - Nó nghĩ - ... cũng vẫn đủ tiền ăn một ngày của hai anh em nó". Mẹ nó đang ốm mệt không gánh hàng rong vào phố được, chỉ loanh quanh ở cái chợ ngoài bãi sông quét dọn, rửa bát thuê. Chắc giờ này trong gian nhà nhỏ ở chân đê mẹ và cu Bi đang mong nó về. Nó lại định cất tiếng rao thì có người gọi:*

*- Ê... báo! Còn "Mua và bán" không?*

*Một bà chủ cửa hiệu bên đường vẫy nó. Thằng Tùng mừng quýnh:*

*- Dạ! Còn... còn ạ!*

*Thằng Tùng rút tờ "Mua và bán" đưa cho bà chủ cửa hiệu. Nhận tiền xong nó vừa định bước đi thì bà ta lại bảo:*

*- Khênh giúp cái thùng đèn ông sao kia vào trong nhà! Hết khách rồi...*

*- Vâng ạ!*

*Thằng Tùng đáp và đặt tập báo xuống bậc cửa. Vừa bám vào cái thùng các-tông định cùng bà chủ hiệu đẩy lên nhà thì nó vội kêu lên:*

*- Khoan đã bà ơi! Có một chiếc đèn ông sao bị rơi ra ngoài, kéo thùng qua thì hỏng mất.*

*- Rơi đâu mà rơi! Cái thằng oắt con lúc nãy bố mẹ mua cho rồi lại chê đập bẹp vứt đi đấy...*

*- Bà cho cháu nhé!*

*- Mày lấy thì lấy đi! Nó bị bẹp mất một cánh rồi!*

*Thằng Tùng sung sướng chộp lấy chiếc đèn ông sao đang nằm lăn lóc dưới đất. Nó cẩn thận đặt chiếc đèn lên trên chồng báo rồi giúp bà chủ hiệu đưa thùng hàng vào nhà.*

*Cầm chiếc đèn ông sao bị bẹp một cánh trên tay thằng Tùng cứ ngắm nghía mãi. Nó tính sẽ lấy một chiếc que lùa vào bên trong chiếc đèn nắn cho cái cánh bị bẹp phồng lên như cũ. Thế là tết trung thu này hai anh em nó sẽ có một cái đèn ông sao rồi. Thằng Tùng thấy lòng mình lâng lâng. Cu Bi giờ này chắc cũng đã ngủ. Thằng Tùng chợt nảy ra một ý nghĩ. Nó sẽ giấu thật kỹ chiếc đèn ông sao, chờ đến đúng đêm trung thu mới lấy ra, chắc chắn cu Bi sẽ bị bất ngờ và thích thú lắm.*

*Thằng Tùng về đến nhà thì trăng đã lên cao. Ánh trăng mùa thu lấp loá trên sóng nước sông Hồng...*

(Theo truyện ngắn [Trọng Bảo](http://vandanviet.com/2014/07/trong-bao.html))

**Câu 1.** (0.5 điểm). Ai là người kể chuyện trong văn bản *Chiếc đèn ông sao*?

A. nhân vật Tùng

B. nhân vật bà chủ cửa hiệu

C. một người khác không xuất hiện trong truyện

D. nhân vật cu Bi

**Câu 2.** (0.5 điểm). Xác định thành phần trạng ngữ trong câu sau**:** *Nhìn những chiếc đèn ông sao bày la liệt bên đường, thằng Tùng chỉ ước ao có được một chiếc.*

1. những chiếc đèn ông sao
2. nhìn những chiếc đèn ông sao bày la liệt bên đường
3. nhìn những chiếc đèn ông sao
4. nhìn những chiếc đèn ông sao bày la liệt

**Câu 3.** (0.5 điểm). Chỉ ra từ láy trong các từ sau:

1. đèn điện
2. thẫn thờ
3. lời lãi
4. cao cấp

**Câu 4**. (0.5 điểm). Chủ đề của truyện *Chiếc đèn ông sao* là gì?

A. lòng dũng cảm

B. tinh thần lạc quan

C. lòng yêu thương con người

**Câu 5**. (0.5 điểm). Vì sao nhân vật Tùng lại có cảm giác *sung sướng chộp lấy chiếc đèn ông sao đang nằm lăn lóc dưới đất*?

A. Vì tết trung thu này Tùng sẽ có đèn ông sao để cùng chơi với cu Bi.

B. Vì Tùng nghĩ mình sẽ sửa lại chiếc đèn đó để bán.

C.Vì Tùng sẽ có đồ chơi trong tết trung thu.

D. Vì Tùng đã bán thêm được một tờ báo.

**Câu 6**. (0.5 điểm). Từ *thẫn thờ* trong câu *Thằng Tùng thẫn thờ nhìn.* miêu tả tâm trạng gì?

A. ngẩn ngơ, mất hết vẻ linh hoạt

B. buồn, không chú ý việc gì cả

C. buồn, nghĩ về hoàn cảnh nghèo khó của mình

D. Bâng khuâng, ngơ ngác

Câu 7. (0.5 điểm). Thành phần nào trong câu sau được mở rộng*: Cầm chiếc đèn ông sao bị bẹp một cánh trên tay thằng Tùng cứ ngắm nghía mãi.*

A. trạng ngữ

B. chủ ngữ

C. vị ngữ

**Câu 8.** (0.5 điểm). Nghĩa của từ *lăn lóc* trong câu *Thằng Tùng sung sướng chộp lấy chiếc đèn ông sao đang nằm lăn lóc dưới đất.* được hiểu như thế nào?

A. lăn đi lung tung hoặc lăn qua lật lại nhiều vòng

B. ở vào vị trí không đúng chỗ và vào tình trạng không được quan tâm tới

C. lăn đi lung tung hoặc lăn qua lật lại nhiều vòng; ở vào vị trí không đúng chỗ và vào tình trạng không được quan tâm tới

**Câu 9**. (1.0 điểm). Em có suy nghĩ gì về hành động của cậu bé khi *chê đập bẹp vứt đi* chiếc lồng đèn mẹ mua cho?

**Câu 10**. (1.0 điểm). Từ niềm vui của Tùng, nêu cảm nhận của em khi nhận được một món quà trung thu.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhận vật Tùng trong câu chuyện *Chiếc đèn ông sao.*

**------------------HẾT-------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Hành động của cậu bé khi *chê đập bẹp vứt đi* chiếc lồng đèn mẹ mua cho đó là một hành động sai trái, đáng chê trách, cách cư xử thiếu suy nghĩ, không tôn trọng người lớn,…  *(GV tôn trọng những cảm nhận đúng khác phù hợp của học sinh)* | 1,0 |
| **10** | Từ niềm vui của Tùng, nêu cảm nhận của em khi nhận được một món quà trung thu: vui sướng, hạnh phúc, biết ơn…  *(GV tôn trọng những cảm nhận đúng khác phù hợp của học sinh)* | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật (hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn tình cảm…)  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm (nhạy cảm, thương em, chăm chỉ...)  - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn (cốt truyện giàu tình tiết, xây dựng nhân vật có nguồn gốc xuất thân, đặc điểm hoàn cảnh, tâm trạng nhân vật rõ ràng…).  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật, liên hệ bản thân (cảm thông, chia sẻ…). | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **điểm**  **%** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Biểu cảm về con người | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản  thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phép liên kết.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa chức năng liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Cảm nghĩ  về người thân | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm về con người |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***15*** | ***25*** | ***20*** | ***40*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **40** | | **60** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau: MÓN SALAT HOA QUẢ (Dành cho 3-4 người ăn)**

**a. Nguyên liệu**

Táo: 2 quả; dứa: 1 quả; dưa chuột: 1 quả; thanh long: 1 quả; cà chua bi: 3 quả; chanh: 1 quả; sữa đặc: 40g; mật ong: 2 thìa canh; sốt mayonnaise: 50g; rau xà lách: 1 cây; đường: đủ dùng. (Có thể sử dụng các loại trái cây theo mùa, phổ biến ở địa phương).



**b. Dụng cụ**

Dao thái, thớt, bát (tô) to, đĩa to, thìa, rổ, găng tay chuyên dụng.

**c.** **Quy trình thực hiện**

- Bước 1: Sơ chế nguyên liệu

+ Các loại trái cây: làm sạch, gọt vỏ, bỏ hạt (nếu cần), thái miếng vừa ăn; chanh vắt lấy nước cốt.

+ Rau xà lách: tách rời các lá, rửa sạch.

- Bước 2: Trộn

+ Làm nước sốt: Cho sữa đặc, mật ong, sốt mayonnaise, đường, nước cốt chanh vào bát to trộn đều.

+ Trộn hoa quả với nước sốt: cho tất cả hoa quả đã sơ chế vào bát đựng nước sốt, dùng thìa đảo đều để nước sốt ngấm vào các loại hoa quả.

**d. Yêu cầu**

- Nguyên liệu trong món ăn không bị nát.

- Màu sắc hài hòa, có mùi thơm của trái cây.

- Có vị ngọt, chua dịu nhẹ, thanh mát.

*(Phương pháp bảo quả và chế biến thực phẩm*,SGK Công nghệ 6 trang 31,

NXB giáo dục, 2021*)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Nội dung chính của văn bản trên là gì? (Nhận biết – thông tin cơ bản)

A. Cách chế biến một món salat

B. Cách chế biến món salat hoa quả

C. Giới thiệu về món salat hoa quả

D. Quy trình thức hiện món salat hoa quả

**Câu 2:** Cấu trúc của văn bản “Món salat hoa quả” gồm mấy phần? (Nhận biết- thông tin cơ bản)

1. 2 phần
2. 3 phần
3. 4 phần
4. 5 phần

**Câu 3:** Các từ “**Bước 1…, Bước 2…”** trong mục **c. Quy trình thực hiện** thuộc phép liên kết nào? (Nhận biết – Liên kết)

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

**Câu 4:** Các đề mục có vai trò gì trong việc thể hiện các thông tin cơ bản của văn bản?

(Hiểu- ý nghĩa chức năng của mạch lạc)

A. Làm cho văn bản rõ ràng hơn, khoa học hơn

B. Làm cho bố cục mạch lạc, dễ tiếp nhận

C. Làm cho văn bản đẹp hơn, dễ nhìn hơn

D. Làm cho văn bản khoa học hơn, dễ tiếp nhận

**Câu 5:** Cách làm **“Món salat hoa quả”** được triển khai theo cách nào? (Hiểu – cách triển khai ý tưởng)

A. Theo trình tự thời gian

B. Theo trình tự không gian

C. Theo quan hệ nhân quả

D. Theo diễn biến tâm lí

**Câu 6:** Tác dụng chính của các hình ảnh được được vào văn bản là gì? (Hiểu – vai trò của chi tiết)

A. Để trang trí, làm cho hình thức văn bản đẹp hơn

B. Định hướng cách đọc văn bản cho người đọc

C. Giúp người đọc dễ hình dung ra món ăn

D. Giúp người đọc hình dung ra cách triển khai văn bản

**Câu 7:** Qua văn bản **“Món salat hoa quả”** cho em hiểu được điều gì trong việc chế biến các món ăn? (Hiểu- mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản)

1. Các loại hoa quả, rau củ có thể kết hợp với nhau thành món ăn
2. Việc chế biến món ăn không ầu kì, phức tạp
3. Có nhiều món ăn ngon từ các loại rau củ
4. Món ăn đơn giản, tốt cho sức khỏe

**Câu 8:** Nhận định nào sau đây **không đúng** về ngôn ngữ của văn bản? (Hiểu – vai trò của chi tiết)

1. Sử dung cách diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu
2. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ
3. Sử dụng những thuật ngữ thuộc lĩnh vực mà văn bản đề cập
4. Chủ yếu sử dụng các câu trần thuật

**Câu 9:** Em học được điều gì từ cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên? (Vận dụng – Bài học)

**Câu 10:** Theo em, giữa món salat và các món ăn nhanh như hamburger, pizza, gà rán, khoai tây chiên… em thích món ăn nào hơn? Vì sao? (Vận dụng- đưa ra nhận thức của bản thân)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn biểu cảm về người thân em yêu quý nhất (ông bà, cha mẹ, anh chị,…)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D |  |
| **8** | B |  |
| **9** | Em học được từ cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên   * Sắp xếp theo một trình tự * Đề mục in đậm/ Viết bằng mực khác màu * Có thể đưa hình ảnh để bài viết sinh động * ……   Giáo viên linh hoạt đáp án. | 1,5 |
| **10** | - HS lựa chọn đáp án  - Lí giải lựa chọn  + VD: Thích salat  Vì: Salat cung cấp nguồn chất sơ tự nhiên, tiêu thụ đủ chất xơ mỗi ngày không chỉ giúp giảm cholesterol “xấu”, kiểm soát lượng đường trong máu mà còn hỗ trợ giảm cân, hỗ trợ trong việc ngăn ngừa bệnh đường ruột.  Cung cấp nhiều vitamin tự nhiên  + Thích món ăn nhanh  Vì: Các món ăn nhanh không chỉ bắt mắt, ngon miệng, các món đồ ăn nhanh luôn được phục vụ nhanh chóng và tiện lợi | 0,5  1,0 |
| **II** | **VIẾT** | | **4,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu về con người:*  Mở bài: giới thiệu đối tượng biểu cảm  Thân bài: biểu lộ cảm xúc về đối tượng;  Kết bài khẳng định lại tình cảm. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: bày tỏ cảm xúc về người thân mà em yêu quý | 0,25 |
|  | *c. Triển khai tình cảm, cảm xúc của người viết về đối*  *tượng được biểu cảm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo  *được các ý sau* | 2,5 |
|  | - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm và cảm xúc của bản thân về đối tượng đó  - Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thực của người viết thông qua việc kể, tả lại các kỉ niệm  cảm động đáng nhớ; các đặc điểm nổi bật của đối tượng; lí  giải được nguyên nhân khiến em có tình cảm, cảm xúc đó.  - Khẳng định lại tình cảm của bản thân đối với đối tượng đang được nhắc đến |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo, giàu cảm xúc. | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 1:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ năm chữ (viết về mẹ) | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về người thân | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ năm chữ (viết về mẹ) | **Nhận biết:**  - Thể thơ.  - Đặc điểm thơ năm chữ.  - Nhận biết số từ trong bài thơ  **Thông hiểu:**  - Tình cảm, cảm xúc của người con dành cho mẹ.  - Hiểu được nội dung câu thơ.  - Chủ đề bài thơ.  - Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì.  - Xác định được biện pháp tu từ.  **Vận dụng**:  - Cảm nhận hình ảnh thơ.  - Rút ra bài học từ bài thơ. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về người thân | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn phát biểu cảm nghĩ. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Tình cảm phải chân thật, bài làm có sáng tạo. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO**

Mấy ngày mẹ về quê  
Là mấy ngày bão nổi  
Con đường mẹ đi về  
Cơn mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một  
Ba bố con nằm chung  
Vẫn thấy trống phía trong  
Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê  
Mẹ cũng không ngủ được  
Thương bố con vụng về  
Củi mùn thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá  
Cho thỏ mẹ, thỏ con  
Em thì chăm đàn ngan  
Sớm lại chiều no bữa  
Bố đội nón đi chợ  
Mua cá về nấu chua…

Thế rồi cơn bão qua  
Bầu trời xanh trở lại  
Mẹ về như nắng mới  
Sáng ấm cả gian nhà.

*Tác giả:****Đặng Hiển****.*  
 *(Trích Hồ trong mây)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

A**.** Thơ lục bát

B. Thơ bốn chữ

C. Thơ năm chữ

D. Thơ tự do

**Câu 2**. Ý nào sau đây nêu lên đặc điểm của thể thơ năm chữ ?

1. Mỗi dòng thơ có năm chữ, không giới hạn số câu.
2. Mỗi dòng thơ có năm chữ, có giới hạn số câu.
3. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, không giới hạn số câu.
4. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, có giới hạn số câu.

**Câu 3.** Trong bài thơ trên có mấy số từ?

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 4**. Tình cảm, cảm xúc của con dành cho mẹ trong bài thơ là gì?

1. Tình cảm yêu thương và nhớ mong mẹ.
2. Tình cảm yêu thương và biết ơn mẹ.
3. Niềm vui sướng khi có mẹ bên cạnh.
4. Cô đơn, trống vắng khi mẹ vắng nhà.

**Câu 5**. Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về?

1. Mấy ngày mẹ về quê
2. Thế rồi cơn bão qua
3. Bầu trời xanh trở lại
4. Mẹ về như nắng mới

**Câu 6**. Chủ đề của bài thơ này là gì?

A. Vai trò của người mẹ và tình cảm gia đình.

B. Tình cảm nhớ thương của con dành cho mẹ.

C. Ca ngợi đức hạnh người phụ nữ Việt Nam.

D. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 7**. Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì ?

A. Ca ngợi trách nhiệm nặng nề của người mẹ trong gia đình

B. Ca ngợi đức hi sinh và tình yêu thương của mẹ.

C. Ca ngợi sự cần cù, siêng năng, chăm chỉ của người mẹ.

D. Ca ngợi tình cảm của những người thân trong gia đình.

**Câu 8**. Câu thơ nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

A. Cơn mưa dài chặn lối.

B. Bố đội nón đi chợ.

C. Mẹ về như nắng mới.

D. Mẹ cũng không ngủ được

**Câu 9**. Cảm nhận của em về hình ảnh thơ trong hai dòng thơ cuối.

**Câu 10**. Hãy rút ra bài học sau khi đọc bài thơ.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về một người thân trong gia đình (cha, mẹ, anh, chị, em).

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | Mẹ trở về làm cả ngôi nhà toả rạng ánh sáng của niềm vui, niềm hạnh phúc. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được bài học từ ý nghĩa của bài thơ: lòng biết ơn người mẹ đã hi sinh cho gia đình; biếtđoàn kết giúp đỡ anh chị em khi gia đình gặp khó khăn. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn phát biểu cảm nghĩ* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Phát biểu cảm nghĩ về người thân* | 0,25 |
|  | *c. Phát biểu cảm nghĩ về người thân*  HS có thể triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Tả về ngoại hình, tuổi tác,hình dáng, gương mặt...  - Tính tình.  - Công việc làm hàng ngày.  - Sở thích.  - Cách ứng xử đối với mọi người xung quanh.  - Thái độ, tình cảm của người đó đối với em.  - Cảm nghĩ của em về người thân trong gia đình | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, sáng tạo. | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 2:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ/Tùy bút | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Thơ/Tùy bút | **\* Thơ**  - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh,  vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.  - Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.  - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.  **\* Tùy bút**  - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của VB.  - Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miẽn.  - Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

*(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*

(Trích “Mùa xuân của tôi” – Vũ Bằng)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 2.** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Bắc.

B. Miền Trung.

C. Miền Nam.

D. Tây Nguyên.

**Câu 3.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.

B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

**Câu 4.** Trong câu văn: *“Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong”* từ *“phong”* có nghĩa là gì?

A. Bọc kín.

B. Oai phong.

C. Cơn gió.

D. Đẹp đẽ.

**Câu 5.** Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

A. Sau rằm tháng giêng.

B. Vào ngày mùng một đầu năm.

C. Trong khoảng vài ba ngày Tết.

D. Trước rằm tháng giêng.

**Câu 6.** Câu nào **không** nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.

B. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

C. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

D. Cỏ tháng giêng nức một mùi hương man mác.

**Câu 7.** Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

A. Điệp ngữ.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. So sánh.

**Câu 8.** Dấu gạch ngang trong câu: “*Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...”* dùng để làm gì?

A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

B. Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

C. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.

D. Nối các từ nằm trong một liên danh.

**Câu 9.** Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

**Câu 10.** Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết *"Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân".* Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Truyền thuyết ”Bánh chưng, bánh giầy”. | 0,5 |
|  | **10** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  Lí giải phù hợp. | 0,5  1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*  HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu vé dối tượng đó.  • Nêu được những đậc điểm nổi bật khiến người, sự việc dó dể lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em,  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**MÈO ĂN CHAY**

*Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vồ bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.*

*Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng từ nay nó không bắt chuột nữa vì nó tu hành nên kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh. Lúc đầu, đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng mấy ngày sau vẫn thấy mèo ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật. Vì thế, đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.*

*Một buổi tối, cả đàn lại xếp hàng một đi qua chỗ mèo già ngồi để vào hang. Mèo ta biết thế, liền cho đàn chuột chui vào hang chỉ còn lại con cuối cùng, liền vồ lấy nuốt chửng. Hôm đầu, thấy thiếu một con thì chúng đâm hoang mang. Con chuột đầu đàn nghi là mèo già bắt, hôm ấy thử đi ở cuối cùng xem sự thể ra sao.*

*Mèo ta nhe răng, giơ vuốt ra vồ, chuột đầu đàn chỉ kịp kêu thét lên báo cho cả đàn rồi cũng bị mèo nuốt chửng.*

*Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.*

*(https://thuvienpdf.com/chi-tiet-tang-thu-vien/133/PO-meo-an-chay)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (Biết)

1. Ngôi thứ nhất
2. Ngôi thứ hai
3. Ngôi thứ ba
4. Kết hợp nhiều ngôi kể

**Câu 2:** Nhân vật chính trong truyện là mèo già. Đúng hay sai? (Biết)

A. Đúng

B. Sai

**Câu 3:** Trong câu văn: *“Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vồ bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.”* có mấy số từ?(Biết)

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 4:** Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí? (Hiểu)

1. Cả bầy chuột hoang mang, chuột đầu đàn thử đi cuối cùng để kiểm chứng và cũng bị mèo già tóm gọn.
2. Mèo già không bắt được chuột, bèn nghĩ ra cách giả vờ ăn chay.
3. Từ đó, đàn chuột không dám tin lời những kẻ độc ác, giả nhân giả nghĩa.
4. Một hôm, mèo già vồ lấy con chuột cuối đàn.
5. Đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.
6. (2) – (5) – (4) – (1) – (3)
7. (1) – (5) – (4) – (3) – (2)
8. (4) – (3) – (2) – (1) – (5)
9. (5) – (2) – (4) – (1) – (3)

**Câu 5:** Hành động “*mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh mấy ngày liền*” nhằm mục đích gì? (Hiểu)

A. Để sám hối tội lỗi

B. Để giết thời gian

C. Để đánh lừa bầy chuột

D. Để rình con mồi

**Câu 6:** Việc đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa cho thấy thái độ gì của đàn chuột? (Hiểu)

A. Chủ quan

B. Tự tin

C. Thiếu cảnh giác

D. Kiêu ngạo

**Câu 7:** Từ “*sám hối*” trong câu văn: “*Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật”* được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Thú nhận tội lỗi đã gây ra

B. [Ăn năn](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%82n_n%C4%83n) [tội lỗi](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%99i_l%E1%BB%97i) đã gây ra

C. Lo lắng về tội lỗi đã gây ra

D. Xấu hổ về tội lỗi đã gây ra

**Câu 8:** Thành ngữ “*giả nhân giả nghĩa”* trong câu văn: “*Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.”* nói đến điều gì*?* (Hiểu)

A. Giả vờ tỏ ra tử tế, nhân nghĩa

B. Nói những điều không đúng sự thật

C. Cố tình đánh lừa người khác

D. Che đậy việc làm sai trái

**Câu 9:** Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên? (Vận dụng)

**Câu 10:** Em có đồng tình với việc làm của mèo già trong câu chuyện không? Vì sao? (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả). (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS rút ra được bài học phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến đồng tình / không đồng tình và lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức). | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:* Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sư việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề:*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.  - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện  - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.  - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện.  **-** Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo. | 0,5 |

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA NGỮ VĂN 7 GIỮA HỌC KÌ I**

**(Bộ sách Cánh Diều)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đoạn văn nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được phương thức biểu đạt của đoạn văn đã cho.  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong đoạn văn nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của đoạn văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm đoạn văn với mục đích của nó.  - Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; nhận ra và hiểu được chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  - **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung đoạn văn .  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra đoạn trong văn . | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022 -2023**  **Môn kiểm tra: Ngữ văn 7**  *Thời gian làm bài : 90 phút* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)Đọc văn bản sau:**

**“THAM LAM” ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÁC CHÍNH LÀ NGUỒN GỐC**

**CỦA MỌI THÓI XẤU**

*… Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.*

*Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tố chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.*

*Tham lam thường ngấm ngầm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thoả mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.*

*Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói đê tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói đê tiện ấy mới đúng.*

*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.*

*Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.*

*Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.*

(Trích *Khuyến học*, Fukuzawa Yukichi, Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Dân trí)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:**Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

**Câu 2:**Xác định trạng ngữ trong câu *“Trên phạm vi quốc gia, những tai họa do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân”*?

A. Trên phạm vi quốc gia

B. Những tai họa

C. Do lòng tham gây ra

D. Dân chúng đều trở thành nạn nhân

**Câu 3:**Trong văn bản trên, hành vi của kẻ tham lam được thể hiện qua những đâu

1. Mưu mô, gian dối,lừa đảo, thường xuyên không nói đúng sự thật…

B.Thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát,...

C. Thường lấy đồ của người khác khi họ không để ý làm của riêng cho mình.

D. Hay kết bè phái để chia rẽ, kéo cánh, làm những việc trái với lương tâm.

**Câu 4:** Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì?

A. Bàn về lòng nhân ái

B. Bàn về tính trung thực

C. Bàn về lòng khiêm tốn

D. Bàn về tính tham lam

**Câu 5:** Hai câu:*“Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.”* sử dụng phép liên kết nào?

1. Phép lặp
2. Phép thế
3. Phép nối
4. Phép liên tưởng

**Câu 6**: Thành ngữ nào sau đây nói về sự tham lam?

1. Cá lớn nuốt cá bé
2. Góp gió thành bão
3. Tham thì thâm
4. Nước đổ đầu vịt

**Câu 7/** Từ Hán Việt “ quốc gia” tương ứng với nghĩa nào sau đây?

1. Nước nhà
2. Nhà cửa
3. Nhà ở
4. Nước non

**Câu 8:**Dòng nào sau đây nói đúng nhất về tính tham lam ?

A. Là thích vơ vét về phần mình cho nhiều.

B. Là sự đắm say, ham muốn, đam mê về một thứ gì đó, một điều gì đó .

C. Là muốn lấy phần hơn, phần nhiều về vật chất cho bản thân.

D. Là không trung thực , muốn chiếm đoạt tất cả nhằm làm lợi cho bản thân.

**Câu 9:**Qua văn bản trên em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Câu 10:** Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả *“Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân”* không? Vì sao?

**PHẦN II. VIẾT (4 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS nêu được bài học phù hợp cho bản thân.  Gợi ý tham khảo: Sống không tham lam, phải biết yêu thương, giúp đỡ, chia sẻ với mọi người ….( hs có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau ). | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một vấn đề mà em quan tâm. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: | 2.5 |
|  | a. Nêu vấn đề  b. Triển khai vấn đề  - Thực trạng của vấn đề  - Nguyên nhân của vấn đề  - Tác hại của vấn đề  - Một số giải pháp  c. Kết thúc vấn đề |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CÚỐI NĂM**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về lối sống giản dị của người học sinh | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
|  |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được từ láy, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Hiểu nội dung văn bản..  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh;công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được nội dung chính của bài thơ.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ gắn với những kỉ niệm tuổi thơ đẹp.Nhắc đến mùa thu là nhắc đến ngày tết thiéu nhi và ngày khai trường đây là những kỉ niệm khó quên gợi niềm vui mừng háo hức | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về lối sống giản dị của người học sinh | **Vận dụng cao:**  *Giải thích và chứng minh được những biểu hiện về lối sống giản dị trong học sinh hiện nay..*  Học sinh có thể lập luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau về giải thích và nêu dẫn chứng cho lối sống giản dị qua một vài biểu hiện như  Giản dị là sống đơn giản không cầu kì kiểu cách..  Giản dị phù hợp với hoàn cảnh bản thân,gia đinh, lứa tuổi.  Giản dị thể hiện trong cách ăn mặc, trang phục..  Giản dị trong lơi ăn tiếng nói.  Giản dị trong các quan hệ với bạn bè, đối xử thân mật gần gũi.. |  |  |  | TL |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

**SANG THU**

(Hữu Thỉnh).

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ  
 Hình như thu đã về  
  
 Sông được lúc dềnh dàng  
 Chim bắt đầu vội vã  
 Có đám mây mùa hạ  
 Vắt nửa mình sang thu  
  
 Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa  
 Sấm cũng bớt bất ngờ  
 Trên hàng cây đứng tuổi.  
 Nguồn: *Từ chiến hào đến thành phố*, NXB Văn học, 1991

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ *Sang thu* được làm theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Tự do

C. Năm chữ

D. Lục bát

**Câu 2.**Tác giả nhận ra mùa thu bắt đầu bằng giác quan nào?

1. Vị giác

B. Xúc giác

C. Khứu giác

D. Thị giác

**Câu 3.** Từ *chùng chình* gợi cảm giác như thế nào ?

A.Vôị vàng,gấp gáp

B. Bình tĩnh, chậm chạp,lững thững

C. Nhanh vội, khẩn trương

D.Vô cảm,thờ ơ

**Câu 4.** Dấu hiệu sang thu được nhận ra từ những hình ảnh nào?

A.Gió, mây, sương

B. Mùi hương,gió,sương,sông,chim,nắng, mưa sấm,.

C.Mây, gió

D.Hàng cây, mưa, nắng

**Câu 5.** Hình ảnh *“đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu”*được hiểu như thế nào?

A. Đám mây lững lờ trôi trên bầu trời

B. Đám mây che khuất mặt trời

C.Đám mây trôi rất nhanh trên bầu trời

D.Đám mây một nửa đang ở bầu trời mùa hạ,một nửa đang ở bầu trời mùa thu.

**Câu 6.** Từ *“Bỗng”* trong câu *“*Bỗng nhận ra hương ổi*”* đồng nghĩa với từ nào?

A. Chợt

B. Ngỡ

C. Thấy

D. Nghĩ

**Câu 7.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*Sông được lúc dềnh dàng  
”*?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Nói quá

D. Nói giảm, nói tránh

**Câu 8.** Hình ảnh *“hàng cây đứng tuổi*.*”* tượng trưng cho điều gì ở con người?

A.Tuổi ấu thơ

B.Tuổi trưởng thành .

C.Tuổi trung niên.

D.Tuổi già.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Bài thơ giúp ta hiẻu được gì?

**Câu 10.** Mùa thu thường gắn với những kỉ niệm nào của tuổi thơ.Những kỉ niệm đó gợi cho em những cảm xúc gì?

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Em hãy viết một bài văn nghị luận về lối sống giản dị của người học sinh.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | Bài thơ giúp ta hiểu được những cảm nhận tinh tế của tác giả về thời điểm bắt đầu của mùa thu. | 1 |
| **10** | Mùa thu thường gắn với những kỉ niệm của tuổi thơ như tết trung thu, ngày khai trường..Những kỉ niệm đó gơị cho em niềm vui,sự háo hức, niềm tự hào về ngày tết của thiếu nhi cũng như ngày tựu trường đầy sắc màu và không khí vui tươi.. | 1 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.* | 0,25 |
|  | *c.Giải thích và chứng minh được những biểu hiện về lối sống giản dị trong học sinh hiện nay..*  Học sinh có thể lập luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | * Giản dị là sống đơn giản không cầu kì kiểu cách.. * Giản dị phù hợp với hoàn cảnh bản thân,gia đinh, lứa tuổi. * Giản dị thể hiện trong cách ăn mặc, trang phục.. * Giản dị trong lơi ăn tiếng nói. * Giản dị trong các quan hệ với bạn bè, đối xử thân mật gần gũi.. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, tri thức chính xác, cô đọng, miêu tả sinh động hấp dẫn. | 0,5 |

**ĐỀ KIỂM TRA VĂN 7**

**A. Yêu cầu chung:**

- Giáo viên cần nghiên cứu kĩ hướng dẫn chấm, thống nhất phân chia thang điểm trong từng nội dung một cách cụ thể.

- Trong quá trình chấm, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kĩ năng và năng lực, phẩm chất người học.

**B. Hướng dẫn cụ thể:**

**I.MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | **Tổng số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | |
| **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **I. Đọc- hiểu:**  BÀI HỌC CUỘC SỐNG | -Nhận diện Thể loại VB đặc điểm  - Phát hiện động từ | -Biện pháp tu từ, tác dụng.  - Hiểu ý đồ mà tác giả muốn gửi gắm |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | *Số câu: 2*  *Số điểm: 2*  *20 %* | *Số câu: 2*  *Số điểm: 2*  *20%* |  |  | *Số câu: 4*  *Số điểm: 4*  *Tỉ lệ %: 40* |
| **II. Viết**  ***Văn nghị luận*** |  |  | Viết một bài văn nghị luận | Mở rộng vấn đề |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  |  | *Số câu: 1*  *Số điểm: 5*  *50 %* | *Số điểm: 1*  *10%* | *Số câu: 1*  *Số điểm: 6.0*  *Tỉ lệ %: 60* |
| ***Tổng số câu***  ***Tổng điểm***  ***Phần %*** | ***Số câu: 2***  ***Số điểm: 2***  ***20%*** | ***Số câu: 2***  ***Số điểm: 2***  ***20%*** | ***Số câu: 1***  ***Số điểm:5.0***  ***50%*** | ***Số điểm: 1***  ***10%*** | ***Số câu: 5***  ***Số điểm: 10***  ***100%*** |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4 ĐIỂM)**

*Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:*

*“Hơn mười năm sau, bác tiều già rồi chết. Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót. Những người đưa đám bỏ chạy cả. Từ xa, nhìn thấy hổ dùng đầu dụi vào quan tài, gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi. Từ đó về sau, mỗi dịp ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê hoặc lợn đến để ở ngoài cửa nhà bác tiều”.*

Câu 1 (1.0 điểm). Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Thuộc thể loại gì?

Câu 2 (1.0 điểm). Ghi lại các động từ chỉ hành động của con hổ trong đoạn văn trên?

*Câu 3**(1.0 điểm).* Đoạn văn trên đã sử dụng phép tu từ nào? Tác dụng của phép tu từ đó?

***Câu 4*** *(1.0 điểm).* Qua đoạn văn, tác giả muốn gửi gắm bài học đạo lí nào cho con người

**PHẦN II. VIẾT (6 ĐIỂM)**

Hãy viết bài văn nghị luận thể hiện rõ ý kiến của em về vấn đề : Sách là để đọc, không phải để trưng bày

**III. BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI KIỂM TRA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | | | |
| **1**  *(1.0 điểm).* | | - Đoạn văn trên được trích trong văn bản Con hổ có nghĩa.  - Thuộc thể loại văn học trung đại | 0,5đ  0,5đ |
| **2**  *(1.0 điểm).* | | Ghi lại các động từ chỉ hành động của con hổ trong đoạn văn trên: nhảy nhót, dụi, gầm, chạy, đưa đến. | Mỗi từ đúng đạt 0,25đ |
| **3**  *(1.0 điểm).* | | - Đoạn văn trên sử dụng phép nhân hoá  -Tác dụng: Làm cho hổ gần gũi với người và tăng tính hấp dẫn của bài văn | 0,5đ  0,5đ |
| **4**  *(1.0 điểm).* | | Qua đoạn văn, tác giả muốn gửi gắm bài học đạo lí cho con người  - Đề cao lối sống ân nghĩa trong đạo làm người: Biết ơn người đã cứu giúp mình.  - Phê phán những kẻ sống vô tình, vô nghĩa, quên ơn | 1.0 |
|  | |  |  |
| **Phần II. Viết**  Hãy viết bài văn nghị luận thể hiện rõ ý kiến của em về vấn đề : Sách là để đọc, không phải để trưng bày | | | |
| **a.**Yêu cầu *Hình thức* | | - Thể loại : Nghị luận  - Bố cục đầy đủ, mạch lạc.  - Diễn đạt rõ ràng, biết hình thành các đoạn văn hợp lí. Không mắc lỗi về câu.  - Rất ít lỗi chính tả. Ngôn ngữ trong sáng, có cảm xúc. | 1.0 đ |
| **b.**Yêu cầu nội dung | | a.Mở bài: - Giới thiệu Vai trò của sách và đưa vấn đề cần nghị luận : Sách là để đọc, không phải để trưng bày” | 0,5đ |
| b.Thân bài : trình bày quan điểm tập trung vào các ý:  -Đọc sách là nhu cầu không thể thiếu của con người.  -Sách sinh ra là để phục vụ cho nhu cầu khám phá, chinh phục của con người.  -Dùng lí lẽ để khuyên: Bạn hãy cầm lấy sách mà đọc. vì  Sách hàm chứa văn hoá của dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước, gợi tư duy và kích thích trí tưởng tượng của con người (lấy dẫn chứng).  -Hành động đọc sách là khám phá và chinh phục.  (lấy dẫn chứng)  -Đọc sách để hiểu đời, hiểu người và hiểu chính mình.  - Sách sinh ra không phải để trưng bày, khoe của. Sách cũng không nên trở thành vật cổ rêu phong.  =>Khẳng định vấn đề nêu trên là hoàn toàn đúng. | 4,0đ |
| c.Kết bài : Liên hệ bản thân | 0,5đ |
| **Tổng điểm** | | | **10,0đ** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**   * Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. * Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. * Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. * Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).   **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.   * Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. * Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. * Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. * Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. * Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.   **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về mái trường của em. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU. (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Anh dừng lại tiệm bán hoa để gửi hoa hồng tặng mẹ qua đường bưu điện. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh đến và hỏi nó sao lại khóc.

- Cháu muốn mua một bông hoa hồng để tặng mẹ cháu – nó nức nở – nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá một hoa hồng đến 2 đôla.

Anh mỉm cười và nói với nó:

- Đến đây, chú sẽ mua cho cháu.

Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hồng để gửi cho mẹ anh. Xong xuôi, anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không. Nó vui mừng nhìn anh và trả lời:

- Dạ, chú cho cháu đi nhờ đến nhà mẹ cháu.

Rồi nó chỉ đường cho anh đến một nghĩa trang, nơi có một phần mộ vừa mới đắp. Nó chỉ ngôi mộ và nói:

- Đây là nhà của mẹ cháu. Cháu không còn được nhìn thấy và ôm mẹ mỗi ngày nữa, mẹ đã đi rất xa rồi.

Nói xong, nó ân cần đặt nhánh hoa hồng lên mộ. Tức thì, anh quay lại tiệm bán hoa, hủy bỏ dịch vụ gửi hoa hồng tặng mẹ vừa rồi và mua một bó hồng thật đẹp. Suốt đêm đó, anh đã lái một mạch 300km về nhà mẹ anh để trao tận tay bà bó hoa.

(Hoa hồng tặng mẹ)

**Câu 1:** **Văn bản trên là lời kể của ai?**

A. Lời của anh thanh niên.

B. Lời của em bé.

C. Lời của người kể chuyện.

D. Lời của người mẹ.

**Câu 2:** **Văn bản trên kể về cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa những nhân vật nào?**

A. Giữa người kể chuyện với em bé.

B. Giữa người kể chuyện với anh thanh niên.

C. Giữa anh thanh niên với em bé.

D. Giữa người mẹ với anh thanh niên.

**Câu 3:** **Trong câu “Cháu không còn được nhìn thấy và ôm mẹ mỗi ngày nữa, mẹ đã đi rất xa rồi.” Trong phần được gạch chân của câu trên có mấy phó từ?**

A. Một B. Hai

C. Ba D. Bốn

**Câu 4:** **Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ?**

A. Anh dừng lại tiệm bán hoa để gửi hoa hồng tặng mẹ qua đường bưu điện.

B. Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hồng để gửi cho mẹ anh.

C. Suốt đêm đó, anh đã lái một mạch 300km về nhà mẹ anh để trao tận tay bà bó hoa.

D. Mẹ anh sống cách chỗ anh khoảng 300km.

**Câu 5: Trong câu chuyện trên, nhân vật nào là người con hiếu thảo?**

A. Người kể chuyện và cô bé.

B. Cô bé, người kể chuyện và anh thanh niên.

C. Anh thanh niên và người kể chuyện.

D. Anh thanh niên và cô bé.

**Câu 6: Sắp xếp lại bốn chi tiết sau đây theo đúng trình tự của câu chuyện.**

1. Anh mua bó hoa hồng thật đẹp về tận nhà tặng mẹ.

2. Anh cho cô bé quá giang đến tặng hoa cho mẹ em.

3. Anh thanh niên hủy dịch vụ gửi hoa hồng.

4. Anh thanh niên mua hoa tặng cho cô bé.

A. 1-2-3-4 B. 4-2-3-1

C. 2-4-1-3 D. 4-3-2-1

**Câu 7: Theo em vì sao anh thanh niên lại mua hoa tặng bé?**

A. Vì em bé là người thân, họ hàng.

B. Vì em bé nài nỉ.

C. Vì anh là người biết cảm thông, chia sẻ.

D. Vì anh là người có rất nhiều tiền.

**Câu 8:** **Câu “Cháu không còn được nhìn thấy và ôm mẹ mỗi ngày nữa, mẹ đã đi rất xa rồi.” Em bé muốn nói điều gì?**

A. Mẹ em đã không còn trên thế gian này nữa.

B. Vì cuộc sống, mẹ phải đi làm ăn xa.

C. Vì đi học xa nhà nên em không được gặp mẹ.

D. Em rất nhớ mẹ.

**Câu 9:** Hành động của anh thanh niên khi hủy dịch vụ gửi hoa và cả đêm lái xe về trao tận tay mẹ bó hoa. Em em có đồng tình với hành động ấy của anh thanh niên không? Vì sao?

**Câu 10:** Qua văn bản trên, em thấy mình cần phải làm gì để thể hiện là người con hiếu thảo?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn cảm nghĩ về mái trường của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Em rất đồng tình với hành động của anh thanh niên. Vì nếu anh gửi hoa thì mẹ không hạnh phúc và vui bằng việc anh xuất hiện cùng với tình cảm chân thành của mình dành cho mẹ. Và điều mẹ cần ở anh là thấy anh mạnh khỏe, an toàn. Đó là món quà ý nghĩa nhất với mẹ. | 1,0 |
|  | **10** | Để thể hiện là người con hiếu thảo cần: Yêu thương, kính trọng cha mẹ; quan tâm, giúp đỡ cha mẹ; vâng lời cha mẹ dạy bảo… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* cóMở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…, kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…  Sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | \* Mở bài: Giới thiệu đươc đối tượng biểu cảm (mái trường), bộc lộ tình cảm chung (thân thiện, sâu sắc, tự hào…)  \* Thân bài:  - Những thông tin chung về mái trường (tên, địa chỉ, lịch sử hình thành….)  - Miêu tả sơ lược về mái trường (diện tích, địa hình, các khu vực, vài nét ấn tượng về vẻ đẹp của mái trường: hàng phượng vĩ xanh tốt; những dãy phòng học…  - Cảm nghĩ về những kỉ niệm sâu sắc với mái trường.  + Ngày đầu tiên tới trường (bỡ ngỡ, rụt rè…)  + Kỉ niệm với bạn bè: (cùng học tập, thi đua, hội thi chào mừng các ngày lễ, chia nhau cái bánh, cái kẹo, đi học muộn, giúp đỡ nhau học tập, gắn bó như anh em…)  + Kỉ niệm với thầy cô: dạy dỗ em nên người, hình thành nhân cách, quan tâm tới học sinh, truyền đạt những kiến thức bổ ích…  \*KB:  Khẳng định tình cảm, cảm xúc của em dành cho mái trường. Những mong muốn của em về một mái trường trong tương lai. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời biểu cảm sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022- 2023**  **Môn: Ngữ văn, lớp 7**  *Thời gian làm bài*: *90 phút, không tính thời gian phát đề* |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ | **3** | **0** | 5 | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **I.** | **Đọc hiểu** | **Truyện ngắn** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. |  |  |  |  |
| Thơ (thơ 4 chữ, thơ 5 chữ) | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tự sự, miêu tả được sử dụng trong thơ.  - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được số từ và phó từ.  **\* Thông hiểu**:  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức  **Vận dụng:** Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học**.** Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

1. **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

(...) Trong muôn nghìn bông hoa rực rỡ ấy có một bông hoa tên là Hướng dương.

Hoa Hướng dương cũng mang trong tim một tình yêu cháy bỏng với mặt trời.

Hoa quyết định nhuộm vàng mình, cũng như luôn vươn cao mình hướng về mặt

trời mặc cho những lời đường mật của ong bướm, lời thì thầm của gió và sự dịu

dàng của mây; mặc cho những tia nắng chói chang nóng rát chiếu vào hoa vẫn

vàng tươi và tràn đầy sức sống.

       Hoa Hướng dương tượng trưng cho sự tích cực, vươn lên luôn hướng ra ánh

sáng. Chính vì thế mà hoa Hướng dương luôn mang màu vàng ấm áp thắp sáng

những nơi tối tăm cho cuộc sống tươi mới và đầy sức sống. Hãy luôn nhìn vào

điểm tích cực của cuộc sống giống như Hướng dương luôn hướng về phía mặt

trời chứ không phải những đám mây đen.

     Trong cuộc sống rồi ai cũng sẽ có lúc cảm thấy cô đơn mệt mỏi nhưng bạn

hãy nhớ rằng có khó khăn, nghịch cảnh luôn luôn tồn tại trong cuộc sống này để

thử thách bản lĩnh, nghị lực và ý chí của mỗi chúng ta.  Nên hãy luôn hướng về

những điều tốt đẹp như bông hoa Hướng dương hướng về mặt trời nhé!

                                                           (Nguồn trích dẫn từ Internet)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. **(0,5 điểm):** Hãy xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

A. tự sự

B. miêu tả

C. nghị luận

D. biểu cảm

**Câu 2**. **(0,5 điểm):** Đoạn một của ngữ liệu có mấy từ láy?

A.một

B. hai

C. ba

D. bốn

**Câu 3**. **(0,5 điểm):** “***Hãy luôn nhìn vào điểm tích cực của cuộc sống, giống***

***như hoa hướng dương luôn hướng về phía mặt trời chứ không phải những***

***đám mây đen”*** . Câu văn trên thuộc kiểu câu gì?

A.câu nghi vấn

B. câu cầu khiến

C. câu cảm thán

D. câu trần thuật

**Câu 4**. **(0,5 điểm):** Nêu tác dụng của kiểu câu em vừa xác định ở câu 3?

A. nhằm khuyên nhủ con người sống vui vẻ

B. nhằm khuyên nhủ con người sống hòa đồng

C. nhằm khuyên nhủ con người sống lạc quan, tích cực

D. nhằm khuyên nhủ con người biết yêu thiên nhiên

**Câu 5**. **(0,5 điểm):** Từ « *hướng dương* »  trong « *hoa hướng dương »* có nghĩa là ***hướng về mặt trời*** ?

A**.** đúng

B. sai

**Câu 6**. **(0,5 điểm):** Nội dung chính đoạn một của ngữ liệu ?

A**.** bàn về ý nghĩa của hoa hướng dương

B. bàn về cách sống của con người từ hình ảnh hoa hướng dương

C. bàn về nét đặc trưng riêng của loài hoa hướng dương

D. miêu tả vẻ đẹp hoa hướng dương

**Câu 7**. **(0,5 điểm):** Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong câu văn : ***Hoa hướng dương cũng mang trong tim một tình yêu cháy bỏng với mặt trời***

A. tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

B. tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, khẳng định vẻ đẹp và sức sống của hoa hướng dương

C.tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, làm cho hoa hướng dương trở nên gần gũi và có tâm hồn như con người

D. tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, nhấn mạnh vẻ đẹp của hoa hướng dương

**Câu 8**. **(0,5 điểm):**  **Nối cột A với cột B cho phù hợp :**

|  |  |
| --- | --- |
| A  Biện pháp tu từ có trong ngữ  liệu | B  Tác dụng |
| 1.nhân hóa | a. hoa hướng dương nhấn mạnh đối tượng được bàn luận |
| 2. ẩn dụ | b. hoa hướng dương cũng có tâm tư tình cảm, có hành động, suy nghĩ  như con người… |
| 3. điệp ngữ | c. hình ảnh hoa hướng dương gợi liên tưởng đến con người luôn  có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống |

A**.** 1-a, 2-c, 3-b

B. 1-c, 2-a, 3-b

C. 1-b, 2-a, 3-c

D. 1-b, 2-c, 3-a

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. **(1,0 điểm):** Qua hình ảnh hoa hướng dương, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì *?*

**Câu 10**. **(1,0 điểm):** Đọc đoạn cuối văn bản, em rút ra bài học gì cho bản thân ?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Có nhiều nhân vật văn học mang đến cho em nhiều cảm xúc và ấn tượng. Em hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật mà em yêu thích. *(Lưu ý: Không viết về những nhân vật ở các văn bản đã học trong SGK Ngữ văn 6 và 7.)*

----------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D. (1-b, 2-c, 3-a) | 0,5 |
| **9** | \*HS tự trả lời hợp lí, thuyết phục. Sau đây là gợi ý:   * Hình ảnh hoa hướng dương thể hiện niềm tin và hi vọng trong tình yêu, luôn hướng về điều tươi sáng nhất * Hạnh phúc luôn đến với những người ***lạc quan và mạnh mẽ*** như thông điệp: “ Hoa hướng dương luôn hướng tới mặt trời” | 1,0 |
| **10** | \*HS nêu được cụ thể bài học mình rút ra miễn hợp lí và có tính nhân văn.  Gợi ý: Sống lạc quan, mạnh mẽ, tích cực, luôn hướng về những điều tốt đẹp trong cuộc sống… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*  Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích. | 0.25 |
|  | *c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích*  Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích.  - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:**  - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm.  + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào?  + Ngoại hình  + Hành động và việc làm của nhân vật.  + Ngôn ngữ của nhân vật.  + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.  + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác.  => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,…về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)  - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.  **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật  - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng tạo*  Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |
|  |  |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **điểm**  **%** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 4-5 chữ | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ 4-5 chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***15*** | ***25*** | ***20*** | ***40*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **40** | | **60** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm): Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

DẶN CON

Con lớn lên, con ơi

Yêu đời và yêu người

Yêu tình yêu say đắm

Nghìn năm mặn muối đời;

Yêu tạo vật thiên nhiên

Yêu tổ tiên đất nước

Yêu mộng đẹp nối liền

Tuổi trẻ, già sau trước.

Lòng con rồi tha thiết

– Cha đoán chẳng sai đâu!

Cứ lòng cha cha biết

Yêu người đến khổ đau.

Nhưng con ơi, cha dặn

Trong trái tim vô hạn

Dành riêng chỗ, con nghe

Cho chói ngời tình bạn.

Lớn lên con sẽ rõ

Tình đó chẳng có nhiều

Lại càng nên chăm chút

Cho đời thêm phì nhiêu.

Cha làm thơ dặn con

Mà cũng là tặng bạn

Ôi tình nghĩa vẹn tròn

Chẳng bao giờ nứt rạn.

*(Huy Cận, Hạt lại gieo, NXB Văn học, 1984)*

**Câu 1:** Trong bài thơ, tác giả chủ yếu sử dụng cách gieo vần nào?

A.Vần chân.

B. Vần lưng.

C. Vần liền.

D. Vần hỗn hợp.

**Câu 2:** Người cha **không** muốn khẳng định điều gì qua hình ảnh *“ trái tim vô hạn”*?

A. Tình yêu trong trái tim của mỗi người là vô bờ bến.

B. Con hãy dành tình yêu cho muôn vật, muôn loài.

C. Trong tình yêu đó nên dành chỗ cho tình bạn.

D. Trong tình yêu không có chỗ cho tình bạn.

**Câu 3:** Qua bài thơ người cha muốn dặn con phải xem trọng tình cảm nào nhất?

A. Tình yêu thiên nhiên.

B. Tình cảm bạn bè .

C. Tình yêu đất nước.

D. Tình yêu con người.

**Câu 4:** Tưởng tượng mình là người con trong bài thơ, em học được những gì từ lời cha dặn?

A. Sống là phải học tập.

B. Sống là phải cho đi .

C. Sống phải có trách nhiệm.

D. Sống phải biết yêu thương.

**Câu 5:** Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh.

B. Nhân hóa.

C. Điệp ngữ.

D. Hoán dụ.

**Câu 6:**  Trong các từ sau từ nào **không** phải là từ Hán-Việt

A. Tạo vật.

B. Thiên nhiên.

C. Tổ tiên.

D. Đất nước.

**Câu 7:** Qua khổ thơ cuối người cha gửi gắm tâm tư, tình cảm đến người con qua hình thức nào?

A. Viết thư.

B. Làm thơ.

C. Trò chuyện.

D. Hát ru.

**Câu 8:**  Trong khổ thơ thứ nhất tác giả sử dụng bao nhiêu số từ?

A. Một.

B. Hai.

C. Ba.

D. Bốn.

**Câu 9:**  Theo em trong hai khổ thơ thứ tư, thứ năm người cha muốn nhắn nhủ điều gì?

**Câu 10:** Qua bài thơ em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D |  |
| **7** | B |  |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS xác định được điều người cha nhắn nhủ là sống phải biết trân trọng tình cảm bạn bè. | 1,5 |
|  | **10** | HS nêu được bài học cho bản thân. | 1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: HS chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.  - Nêu lí do hay hoàn cảnh, người viết thu thập tư liệu liên quan.  - Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện.  - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.  - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện lịch sử.  - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D |  |
| **8** | B |  |
| **9** | Em học được từ cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên   * Sắp xếp theo một trình tự * Đề mục in đậm/ Viết bằng mực khác màu * Có thể đưa hình ảnh để bài viết sinh động * ……   Giáo viên linh hoạt đáp án. | 1,5 |
| **10** | - HS lựa chọn đáp án  - Lí giải lựa chọn  + VD: Thích salat  Vì: Salat cung cấp nguồn chất sơ tự nhiên, tiêu thụ đủ chất xơ mỗi ngày không chỉ giúp giảm cholesterol “xấu”, kiểm soát lượng đường trong máu mà còn hỗ trợ giảm cân, hỗ trợ trong việc ngăn ngừa bệnh đường ruột.  Cung cấp nhiều vitamin tự nhiên  + Thích món ăn nhanh  Vì: Các món ăn nhanh không chỉ bắt mắt, ngon miệng, các món đồ ăn nhanh luôn được phục vụ nhanh chóng và tiện lợi | 0,5  1,0 |
| **II** | **VIẾT** | | **4,0** |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu về con người:*  Mở bài: giới thiệu đối tượng biểu cảm  Thân bài: biểu lộ cảm xúc về đối tượng;  Kết bài khẳng định lại tình cảm. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: bày tỏ cảm xúc về người thân mà em yêu quý | 0,25 |
|  | *c. Triển khai tình cảm, cảm xúc của người viết về đối*  *tượng được biểu cảm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo  *được các ý sau* | 2,5 |
|  | - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm và cảm xúc của bản thân về đối tượng đó  - Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thực của người viết thông qua việc kể, tả lại các kỉ niệm  cảm động đáng nhớ; các đặc điểm nổi bật của đối tượng; lí  giải được nguyên nhân khiến em có tình cảm, cảm xúc đó.  - Khẳng định lại tình cảm của bản thân đối với đối tượng đang được nhắc đến |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo, giàu cảm xúc. | 0,5 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | Đọc-hiểu | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  **-**  Nhận biết được phương thức biểu đạt, lời kể trong văn bản.  - Xác định được từ loại, BPTT, thành phần câu.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Lựa chọn thái độ sống và giải thích lí do.  - Rút được bài học cho bản thân | **5TN** | **3TN** | **2TL** |  |
|  | Viết | Văn biểu cảm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm về một đoạn thơ: thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của bản thân trước những chi tiết tiêu biểu. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân. |  |  |  | **1TL\*** |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2TL** | **1TL\*** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25** | **15** | **20** | **40** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **40** | | **60** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**MÃ ĐỀ 01**

**I. ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

*Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy,…*

*Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:*

*“Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.*

*Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

*Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đấy nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới…*

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, 2004)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

**Câu 2.** Văn bản trên được kể theo lời của ai?

A. Lời của hạt lúa thứ nhất

B. Lời của hạt lúa thứ hai

C. Lời của người kể chuyện

D. Lời kể của hai cây lúa

**Câu 3.** Từ ***sung sướng*** trong văn bản trên thuộc loại từ nào?

A. Từ ghép đẳng lập

B. Từ ghép chính phụ

C. Từ láy

D. Từ láy toàn bộ

**Câu 4.** Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng.*

A. Thời gian trôi qua

B. hạt lúa thứ nhất bị héo khô

C. bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng

D. bị héo khô nơi góc nhà

**Câu 5.** Xác định biện pháp tu từ trong câu: *Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

**Câu 6.** Vì sao hạt lúa thứ hai lại “ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất”?

A. Vì nó muốn ở lại trong kho lúa

B. Vì nó biết chỉ khi được gieo xuống đất, nó mới được bắt đầu một cuộc sống mới

C.Vì nó muốn sống một cuộc sống an toàn

D. Vì nó muốn tìm nơi lí tưởng để trú ngụ.

**Câu 7.**Hình ảnh hạt lúa thứ hai có ý nghĩa tượng trưng cho kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Kiểu người sống trong mức an toàn

B. Kiểu người không dám làm gì mạo hiểm

C. Kiểu người thích sống tự do

D. Kiểu người dám sống khác, dám đương đầu với thử thách.

**Câu 8.** Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?

A. Sự hèn nhác, ích kỉ không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa

B. Sự vô cảm không quan tâm đến mọi người

C. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình

D. Sự trông chờ, ỷ lại vào người khác.

**Câu 9.** Nếu được lựa chọn, em sẽ là hạt giống nào? Giải thích lí do của lựa chọn đó?

**Câu 10.** Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc đoạn thơ sau:

|  |
| --- |
| *Hạt gạo làng ta Có công các bạn Sớm nào chống hạn Vục mẻ miệng gàu Trưa nào bắt sâu Lúa cao rát mặt Chiều nào gánh phân Quang trành quết đất* |

Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hoá dân tộc, 1999

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**MÃ ĐỀ 01**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **ĐỌC-HIỂU** | | |
| 1 | A | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| 9 | Học sinh trình bày ý kiến theo suy nghĩ của mình, nhưng có thể trả lời theo gợi ý sau:  - Nếu được chọn em sẽ chọn cách sống của hạt lúa thứ hai Lí giải: - Bởi đó là lối sống đẹp, tích cực - Sống như vậy sẽ khiến bản thân được hoà nhập với thế giới xung quanh, tự do cảm nhận được vẻ đẹp cuộc sống, vui vẻ và hạnh phúc hơn - Đồng thời, cách sống này cũng góp phần làm cho xã hội ngày càng văn minh và tiến bộ hơn. | 1,0 |
| 10 | *-* Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân  - Muốn sống một cuộc đời ý nghĩa, chúng ta phải mạnh mẽ dấn thân. Nếu cứ thu mình trong cái vỏ bọc an toàn, chúng ta rồi sẽ chỉ là những con người nhạt nhòa rồi tàn lụi dần. Muốn thành công, con người không có cách nào khác ngoài việc đương đầu với gian nan, thử thách. | 0,5  0,5 |
| II | **LÀM VĂN** | | |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn biểu cảm | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết bài văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi học xong đoạn thơ | 0,25 |
|  | c. Nêu được cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong đoạn thơ.  HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu được đoạn thơ.  - Nêu được cảm xúc của bản thân:  + Nội dung:  Cảm nghĩ về sự góp công của các bạn thiếu nhi: tát nước, bắt sâu, gánh phân,…. Hành động của các bạn tuy nhỏ cho nhưng mang ý nghĩa lớn thể hiện sự góp sức mình cho quê hương.  Đoạn thơ không chỉ thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương của các bạn thiếu nhi mà còn thể hiện tình yêu quê hương của tác giả.  + Nghệ thuật: Thể thơ 4 chữ tự do ngắn gọn, gần gũi.  - Bài học cho bản thân. | 3,0 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp:  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | e. Sáng tạo:  Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**MÃ ĐỀ 02**

**I. ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

*Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy,…*

*Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:*

*“Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.*

*Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

*Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đấy nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới…*

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, 2004)

**Câu 1.** Từ ***sung sướng*** trong văn bản trên thuộc loại từ nào?

A. Từ ghép đẳng lập

B. Từ láy

C. Từ ghép chính phụ

D. Từ láy toàn bộ

**Câu 2.** Văn bản trên được kể theo lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện

B. Lời của hạt lúa thứ hai

C. Lời của hạt lúa thứ nhất

D. Lời kể của hai cây lúa

**Câu 3.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

A. Nghị luận

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Tự sự

**Câu 4.** Xác định biện pháp tu từ trong câu: *Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

**Câu 5.** Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng.*

A. Thời gian trôi qua

B. hạt lúa thứ nhất bị héo khô

C. bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng

D. bị héo khô nơi góc nhà

**Câu 6.** Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?

A. Sự vô cảm không quan tâm đến mọi người

B. Sự hèn nhác, ích kỉ không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa

C. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình

D. Sự trông chờ, ỷ lại vào người khác.

**Câu 7.**Hình ảnh hạt lúa thứ hai có ý nghĩa tượng trưng cho kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Kiểu người sống trong mức an toàn

B. Kiểu người không dám làm gì mạo hiểm

C. Kiểu người dám sống khác, dám đương đầu với thử thách.

D. Kiểu người thích sống tự do

**Câu 8.** Vì sao hạt lúa thứ hai lại “ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất”?

A. Vì nó muốn ở lại trong kho lúa

B. Vì nó biết chỉ khi được gieo xuống đất, nó mới được bắt đầu một cuộc sống mới

C.Vì nó muốn sống một cuộc sống an toàn

D. Vì nó muốn tìm nơi lí tưởng để trú ngụ.

**Câu 9.** Nếu được lựa chọn, em sẽ là hạt giống nào? Giải thích lí do của lựa chọn đó?

**Câu 10.** Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc đoạn thơ sau:

|  |
| --- |
| *Hạt gạo làng ta Có công các bạn Sớm nào chống hạn Vục mẻ miệng gàu Trưa nào bắt sâu Lúa cao rát mặt Chiều nào gánh phân Quang trành quết đất* |

Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hoá dân tộc, 1999

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**MÃ ĐỀ 02**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I | **ĐỌC-HIỂU** | | |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
| 9 | Học sinh trình bày ý kiến theo suy nghĩ của mình, nhưng có thể trả lời theo gợi ý sau:  - Nếu được chọn em sẽ chọn cách sống của hạt lúa thứ hai Lí giải: - Bởi đó là lối sống đẹp, tích cực - Sống như vậy sẽ khiến bản thân được hoà nhập với thế giới xung quanh, tự do cảm nhận được vẻ đẹp cuộc sống, vui vẻ và hạnh phúc hơn - Đồng thời, cách sống này cũng góp phần làm cho xã hội ngày càng văn minh và tiến bộ hơn. | 1,0 |
| 10 | *-* Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân  - Muốn sống một cuộc đời ý nghĩa, chúng ta phải mạnh mẽ dấn thân. Nếu cứ thu mình trong cái vỏ bọc an toàn, chúng ta rồi sẽ chỉ là những con người nhạt nhòa rồi tàn lụi dần. Muốn thành công, con người không có cách nào khác ngoài việc đương đầu với gian nan, thử thách. | 0,5  0,5 |
| II | **LÀM VĂN** | | |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn biểu cảm | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết bài văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi học xong đoạn thơ | 0,25 |
|  | c. Nêu được cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong đoạn thơ.  HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu được đoạn thơ.  - Nêu được cảm xúc của bản thân:  + Nội dung:  Cảm nghĩ về sự góp công của các bạn thiếu nhi: tát nước, bắt sâu, gánh phân,…. Hành động của các bạn tuy nhỏ cho nhưng mang ý nghĩa lớn thể hiện sự góp sức mình cho quê hương.  Đoạn thơ không chỉ thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương của các bạn thiếu nhi mà còn thể hiện tình yêu quê hương của tác giả.  + Nghệ thuật: Thể thơ 4 chữ tự do ngắn gọn, gần gũi.  - Bài học cho bản thân. | 3,0 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp:  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | e. Sáng tạo:  Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN**

*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì… Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.*

*Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.*

*(Con lừa và bác nông dân.* TruyenDanGian.Com.)

**Câu 1**. **Truyện *Con lừa và bác nông dân* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

**Câu 2**. **Trong đoạn 1 con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?**

A. Con lừa sẩy chân rơi xuống một cái giếng.

B. Đang làm việc quanh cái giếng .

C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.

D. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

**Câu 3*.* Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?**

A. Ra sức kéo con lừa lên.

B. Động viên và trò chuyện với con lừa.

C. Ông nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.

D. Ông nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

**Câu 4*.* Dấu ba chấm** **trong câu sau có tác dụng gì ?**

*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì…*

A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.

C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..

D. Thể hiện sự bất ngờ.

**Câu 5**. **Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?**

A.Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.

B. Vì ông không thích chú lừa .

C.Ông nghĩ con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

D. Ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

**Câu 6**. **Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?**

A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.

B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.

C. Là hình ảnh lao động .

D. Là sự chôn vùi, áp bức.

**Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?**

A. Ông chủ cứu chú lừa.

B. Chú biết giũ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.

C. Chú lừa giẫm lên chỗ đất cát có sẵn trong giếng để thoát ra.

D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ cát ông chủ đổ xuống để thoát ra.

**Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của chú lừa?**

A. Nhút nhát, sợ chết.

B. Bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh.

C. Yếu đuối.

D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

**Câu 9**. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

**Câu 10** . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được :  - Người nông dân: Lúc đầu định giúp lừa ra khỏi giếng, nhưng sau nghĩ lừa già và cái giếng cũng cần được lấp. Vì thế, nhanh chóng buông xuôi, bỏ cuộc.  - Con lừa: Lúc đầu kêu la thảm thiết muốn thoát khỏi giếng nhưng rồi đã khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp nó thoát ra khỏi cái giếng. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  VD: Trong bất cứ hoàn cảnh (khó khăn, thử thách nào trong cuộc sông), sự hi vọng, dũng cảm, nỗ lực sẽ đem đến cho chúng ta sức mạnh vì:   * Hi vọng giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, xóa đi mệt mỏi. * Giúp chúng ta tìm ra cách giải quyết, là động lực giúp chúng ta vượt quan những khó khăn, thử thách…   Hoặc: Sự ứng biến trong mọi hoàn cảnh… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống)  - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. (Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng) ).  - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...  - Bài học rút ra: Vai trò to lớn, cần thiết, có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ) |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |
| **Tổng** | |  | | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng*  *Mấy hôm trước còn hoa Mới thơm đây ngào ngạt, Thoáng như một nghi ngờ, Trái đã liền có thật.*  *Ôi! từ không đến có Xảy ra như thế nào? Nay má hây hây gió Trên lá xanh rào rào.*  *Một ngày một lớn hơn Nấn từng vòng nhựa một Một sắc nhựa chua giòn Ôm đọng tròn quanh hột…*  *Trái non như thách thức Trăm thứ giặc, thứ sâu, Thách kẻ thù sự sống Phá đời không dễ đâu!*  *Chao! cái quả sâu non Chưa ăn mà đã giòn, Nó lớn như trời vậy, Và sẽ thành ngọt ngon.* |  |
|  | (Trích trong tập“[*Tôi giàu đôi mắt”* (1970*)*](https://ocuaso.com/tag/tap-toi-giau-doi-mat-1970-xuan-dieu), trong “Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, Xuân Diệu) | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Bảy chữ

D. Tám chữ

**Câu 2:** Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh

B. Nhân hóa và So sánh

C. Nhân hóa và Ẩn dụ

D. So sánh, Nhân hóa, Ẩn dụ.

**Câu 3:** Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.

B. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.

C. Những quả sâu non nhí nhảnh.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 4:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui

B. Đùa

C. Chơi

D. Nghịch

**Câu 6:** Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

A. Vui sướng

B. Bất ngờ

C. Ngạc nhiên và thích thú

D. Phấn khởi

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.

B. Thể hiện sự gần gũi.

C. Thể hiện sự vui đùa.

D. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A. Miêu tả quả sấu non trên cao.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho người đọc hiểu được sức sống mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau và cho biêt tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

*Trái non như thách thức  
Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
Thách kẻ thù sự sống  
Phá đời không dễ đâu!*

**Câu 10:** Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về một người thân của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Xác định được biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** So sánh:Trái non như thách thức  + Nhân hóa: Thách thức  + Ẩn dụ: Trăm thứ giặc thứ sâu - chỉ kẻ thù xâm lược  - Tác dụng: Quả sâu non không sợ loài giặc loài sâu nào cứ lên, cứ trở thành ngon ngọt. Đó là sức sống kì diệu mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho ta hiểu một chân lí lớn lao: không một loài sâu bọ, không một thứ giặc nào có thể hủy diệt hay chiến thắng sự sống. Mọi cuộc bắn phá ném bom rồi cũng sẽ thất bại, không thể phá được cuộc sống vĩ đại của dân tộc Việt Nam. | 1,0 |
| 10 | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (4 chữ, 5 chữ) |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông

B. Chớm hè

C. Cuối xuân

D. Đầu thu

**Câu 2.** Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh

B. Ông lão ăn mày

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện

D. Cậu bé ăn mày

**Câu 3**. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu *“Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.”?*

A. Sau trận mưa rào

B. Vòm trời

C. Rửa sạch

D. Xanh và cao hơn

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm

B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết

D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Nói qúa

D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Từ “*lật đật*” trong câu *“Ông lão lật đật đứng dậy.”* miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm dãi, thong thả

B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái

D. Vội vã, tất tưởi

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng

B. Coi thường

C. Biết ơn

D. Khinh bỉ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | - Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng  - Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy | 1,0 |
| **10** | - Nêu việc tốt mà em đã làm  - Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7, KNTT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ(Thơ 4 chữ, 5 chữ) |
|  |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7, KNTT - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** |  | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được những yếu tố miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Giải nghĩa được từ ngữ trong câu.  - Hiểu được nội dung chính của bài thơ.  **Vận dụng:**  - Liên tưởng được hình ảnh con người thông qua đoạn thơ.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học cho bản thân. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người; nêu được vai trò của con người đối với bản thân. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7, KNTT**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót  Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng*  *Mấy hôm trước còn hoa Mới thơm đây ngào ngạt, Thoáng như một nghi ngờ, Trái đã liền có thật.* | *Ôi! từ không đến có Xảy ra như thế nào? Nay má hây hây gió Trên lá xanh rào rào.*  *Một ngày một lớn hơn Nấn từng vòng nhựa một Một sắc nhựa chua giòn Ôm đọng tròn quanh hột…*  *Trái non như thách thức Trăm thứ giặc, thứ sâu, Thách kẻ thù sự sống Phá đời không dễ đâu!*  *Chao! cái quả sấu non Chưa ăn mà đã giòn, Nó lớn như trời vậy, Và sẽ thành ngọt ngon.* | |
|  | ( "Quả sấu non trên cao", trích trong tập“[Tôi giàu đôi mắt”- (1970)](https://ocuaso.com/tag/tap-toi-giau-doi-mat-1970-xuan-dieu), trong“Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, Xuân Diệu) | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ C. Lục bát

B. Năm chữ D. Bảy chữ

**Câu 2:** Câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ gì: *“Mấy quả sấu con con  
 Như mấy chiếc khuy lục”*

A. So sánh C. Ẩn dụ

B. Nhân hóa D. Hoán dụ

**Câu 3:** Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đùa giỡn cùng mây trắng.

B. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ, đùa giỡn cùng mây trắng.

C. Những quả sâu non nhí nhảnh, đùa giỡn cùng mây trắng.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục, đùa giỡn cùng mây trắng.

**Câu 4:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn, ở trên cao.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui B. Đùa C. Chơi D. Chọc

**Câu 6:** Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

A. Vui sướng, phấn khởi C. Ngạc nhiên và thích thú

B. Bất ngờ, vui sướng D. Phấn khởi**,** bất ngờ

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.

B. Thể hiện sự gần gũi, thân thương, đáng yêu.

C. Thể hiện sự vui đùa, thân thương, đáng yêu.

D. Thể hiện thân thiết, gần gũi, đáng yêu.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A. Miêu tả quả sấu non trên cao.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả quá trình phát triển và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của quả sấu non.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Em có liên tưởng gì đến sức sống của con người Việt Nam qua đoạn thơ sau :

"*Trái non như thách thức  
 Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
 Thách kẻ thù sự sống  
 Phá đời không dễ đâu!”*

**Câu 10:** Qua bài thơ, em học tập được điều gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về một người thân của em./.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7, KNTT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | Qua sức sống mạnh mẽ của quả sấu, ta thấy được hình ảnh con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, vượt qua bao kẻ thù xâm lược để có được cuộc sống bình yên, hạnh phúc. | 1,0 |
| 10 | Qua bài thơ, bản thân học tập được: sống gần gũi, yêu thiên nhiên, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn thử thách của cuộc đời*.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân:*  - Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  - Biểu cảm về người thân:  + Nét nổi bật về ngoại hình.  + Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  - Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  - Tình cảm của em với người thân. | 3.0 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo:  Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,25 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7 ( BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | | **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** | | Văn bản thông tin | | **2** | **Viết** | Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 | | **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** | | **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | | **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |   **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **MÔN: *NGỮ VĂN LỚP 7***  **THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | | **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  | |  |  | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  | | **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1\*TL | 1\* TL | 1\* TL | 1\* TL |   **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **Môn Ngữ văn lớp 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*  **I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc văn bản sau:**  *Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh bà hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thi thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chõ bánh để giữ hơi và làm cho chõ bánh đậm thêm hương rau khúc.*  (Trích ***Hương khúc -*** ***Tôi khóc những cánh đồng rau khúc,*** Nguyễn Quang Thiều, in trong ***Mùi của kí ức,*** NXB Trẻ, 2017)  **Thực hiện các yêu cầu:**  **Câu 1**. Đoạn văn bản sử những dụng phương thức biểu đạt nào?  A. Tự sự và thuyết minh. B. Tự sự và nghị luận.  C. Tự sự và miêu tả. D. Tự sự vàbiểu cảm.  **Câu 2.** Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích?  **A.** Người mẹ. B**.** Bà và mẹ.  **C.** Tôi và bà. D**.** Tôi và mẹ.  **Câu 3.** Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?  **A.** Ngôi thứ nhất . B**.** Ngôi thứ hai.  **C.** Ngôi thứ ba D**.** Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.  **Câu 4**. Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào?  A. Rau khúc và bột nếp.  B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh.  C. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn.  D. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá.  **Câu 5.** Tại sao “*Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh.*”?  A. Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ.  B. Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn.  C. Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh.  D. Bà dành thời gian thổi đậu xanh.  **Câu 6.** Từ “***thổi***” trong câu văn “*Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân.*” đồng nghĩa với từ nào sau đây?  A. Nấu.  B. Rán.  C. Nướng  D. Xào.  **Câu 7.** Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “*Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.*”?  A. Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công.  B. Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc.  C. Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà.  D. Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc**.**  **Câu 8.** Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?  A. Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.  B. Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.  C. Cách thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh.  D. Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.  **Câu 9**. Trong cảm nhận của người cháu, món bánh khúc có gì đặc biệt?  **Câu 10**. Tình cảm của người cháu dành cho bà?  **Phần II. Viết (4 điểm)**  Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?  **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **Môn: Ngữ văn lớp 7**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** | |  | **1** | A | 0,5 | | **2** | C | 0,5 | | **3** | A | 0,5 | | **4** | D | 0,5 | | **5** | B | 0,5 | | **6** | A | 0,5 | | **7** | A | 0,5 | | **8** | D | 0,5 | |  | **9** | - HS nêu được sự đặc biệt của món bánh khúc | 1,0 | |  | **10** | - HS nêu được tình cảm của người cháu dành cho bà, của người thưởng thức dành cho người làm bánh. | 1,0 |   Đáp án phần II   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Hình thức*** | Bố cục đủ 3 phần MB-TB-KB  Phần thân bài chia đoạn hợp lý theo luận điểm  Chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả | **0.5 đ** | | ***Kĩ năng*** | Đúng kiểu bài văn nghị luận: Luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng lý lẽ phù hợp, lập luận chặt chẽ… | **0.5 đ** | | ***Nội dung*** | **A/ Mở bài:**  ***- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận:*** Bên cạnh những mặt tốt mà mạng xã hội mang lại, thì việc lạm dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay.  **B/ Thân bài**  – Giải thích: mạng xã hội là gì? là một kênh thông tin xã hội của phương tiện công nghệ. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau.  **– Thực trạng:**  + Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay  + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc  + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.  **– Nguyên nhân:**  Chủ quan:  + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi.  + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu…  Khách quan:  + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách  + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách…  + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục… về vấn đề này  **– Hậu quả:**  + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau…  + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ…  **– Biện pháp:**  + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kĩ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả.  + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm … để hs sử dụng mạng xã hội đúng cách…  **3/ Kết bài**  - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp…  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề. | **0.25 đ**  **0.25 đ**  **0.25 đ**  **0.5 đ**  **0.5 đ**  **0.5 đ**  **0.25 đ** | | Sáng tạo | - Có những dẫn chứng thuyết phục; lập luận thuyết phục, chặt chẽ; có thêm luận điểm mở rộng… | **0.5 đ** | |
|  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ/Tùy bút | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Thơ/Tùy bút | **\* Thơ**  - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh,  vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.  - Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.  - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.  **\* Tùy bút**  - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của VB.  - Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miẽn.  - Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

*(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*

(Trích “Mùa xuân của tôi” – Vũ Bằng)

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 2.** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Bắc.

B. Miền Trung.

C. Miền Nam.

D. Tây Nguyên.

**Câu 3.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.

B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

**Câu 4.** Trong câu văn: *“Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong”* từ *“phong”* có nghĩa là gì?

A. Bọc kín.

B. Oai phong.

C. Cơn gió.

D. Đẹp đẽ.

**Câu 5.** Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

A. Sau rằm tháng giêng.

B. Vào ngày mùng một đầu năm.

C. Trong khoảng vài ba ngày Tết.

D. Trước rằm tháng giêng.

**Câu 6.** Câu nào **không** nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.

B. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

C. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

D. Cỏ tháng giêng nức một mùi hương man mác.

**Câu 7.** Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

A. Điệp ngữ.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. So sánh.

**Câu 8.** Dấu gạch ngang trong câu: “*Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...”* dùng để làm gì?

A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

B. Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

C. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.

D. Nối các từ nằm trong một liên danh.

**Câu 9.** Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

**Câu 10.** Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết *"Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân".* Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Truyền thuyết ”Bánh chưng, bánh giầy”. | 0,5 |
|  | **10** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  Lí giải phù hợp. | 0,5  1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*  HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu vé dối tượng đó.  • Nêu được những đậc điểm nổi bật khiến người, sự việc dó dể lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em,  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Ca dao | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Ca dao | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại và thể thơ của văn bản.  - Nhận biết được nội dung của văn bản.  - Xác định được các biện pháp tu từ có trong văn bản và từ loại trong văn bản.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm bài.  **Vận dụng cao:**  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Công cha như núi Thái Sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  
Một lòng thờ mẹ, kính cha,  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

**Câu 1**. **Văn bản trênthuộc thể loại nào?**

A. Ca dao. B. Tục ngữ. C. Vè. D. Câu đố .

**Câu 2**. **Hãy xác định thể thơ của văn bản?**

A. Thơ tự do.

B. Thơ ngũ ngôn.

C. Thơ lục bát.

D. Thơ song thất lục bát.

**Câu 3*.* Nội dung của văn bản là gì?**

A. Ca ngợi công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

B. Ca ngợi công sinh thành dưỡng dục trời biển của cha mẹ, nhắc nhở mỗi người con phải sống có hiếu.

C. Nhắc tới công ơn sinh thành của cha mẹ.

D. Nhắc nhở người làm con phải có hiếu với cha mẹ .

**Câu 4*.* Văn bản trên viết về chủ đề gì ?**

A. Tình cảm gia đình

B. Tình yêu quê hương đất nước.

C. Tình yêu đôi lứa.

D. Tình yêu thương con người.

**Câu 5**. **Địa danh được nhắc đến trong văn bản là gì?**

A. Núi Tản Viên.

B. Biển Đông .

C.Núi Thái Sơn.

D. Núi Hồng Lĩnh.

**Câu 6**. **Theo em, trong các từ sau từ nào là từ Hán Việt?**

A. Công cha.

B. Nghĩa mẹ.

C. Thờ mẹ.

D. Thái sơn.

**Câu 7. Chỉ ra các biện pháp tu từ trong hai câu đầu văn bản?**

A. Liệt kê.

B. So sánh.

C. Hoán dụ.

D. Ẩn dụ.

**Câu 8.** Văn bản đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?**?**

A. Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao.

B. Âm điệu nhịp nhàng như lời tâm tình nhắn nhủ.

C. Sử dụng thế thơ truyền thống của vãn học dân tộc.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 9**. Hãy kể thêm một văn bản mà em biết có cùng chủ đề với văn bản trên?

**Câu 10** . Qua văn bản em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *"Trong quá trình học tập thì tự học là con đường ngắn nhất để dẫn đến thành công”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS kể được : *(Giáo viên linh hoạt chấm cho học sinh)*   Công cha như núi ngất trời  Nghĩa mẹ như nước ngời ngời biển Đông. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  - Cha mẹ đã sinh ra ta, chăm sóc dạy bảo ta. Vì thế, công ơn trời biển cha mẹ dành cho ta rất lớn.  - Chúng ta phải biết ơn, đền đáp công lao đó. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về tinh thần tự học | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3,0 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận: Có rất nhiều con đường để tích lũy tri thức: thụ động; chủ động; đối phó; qua nhiều phương tiện khác nhau. Tự học là cách hữu hiệu nhất để tiếp thu tri thức.  - Giải thích khái niệm tự học:  + Tự học là quá trình bản thân chủ động tích lũy tri thức, không ỷ lại phụ thuộc vào các yếu tố tác động bên ngoài.  + Quá trình tự học diễn ra xuyên suốt trong quá trình học tập như tìm tòi, trau dồi, tích lũy đến khắc sâu và áp dụng tri thức.  - Biểu hiện của người có tinh thần tự học:  + Luôn cố gắng, nỗ lực học tập, tìm tòi những cái hay, cái mới, không ngừng học hỏi ở mọi lúc mọi nơi.  + Có ý thức tự giác, không để người khác phải nhắc nhở về việc học tập của mình.  + Học đến nơi đến chốn, không bỏ dở giữa chừng, có hệ thống lại bài học, rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân từ lí thuyết, sách vở.  - Vai trò, ý nghĩa của việc tự học:  + Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống.  + Tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác.  + Người biết tự học là người có ý thức cao, chủ động trong cuộc sống của chính mình, những người này sẽ đi nhanh đến thành công hơn.  - Phên phán một số người không có tinh thần tự học.  - Học sinh tự lấy dẫn chứng về những người ham học, có tinh thần tự học và thành công để minh họa cho bài văn của mình.  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: Ngữ Văn – Lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1.** | **Đọc – hiểu** | Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm ngang; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | 4TN | 4TN | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL \* |
| **Tổng** | |  | | **4TN** | **4 TN** | **2 TL** | **1 TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **20%** | **20%** | **40%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **40%** | | **60%** | |

**TRƯỜNG THCS ĐỨC NINH**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 7**

ĐỀ SỐ: 01

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*(…) Thương lắm mẹ miền Trung – mẹ tôi trong những ngày lũ lụt. Cái cột, cái kèo vẹo xiêu, cái thúng cái mủng nhẹ trôi chìm trong xoáy nước. Gia tài mẹ có gì nhiều nhặn đâu, tất cả đã dồn vào cho đàn con, tất cả đều chỉ ở cây cối quanh trong vườn. Những dây bầu dây bí, những cây chanh cây bưởi những luống rau khóm hành và rộng ra hơn là những vạt lúa uốn câu đang đòng đòng bén sữa - Sữa mẹ hay sữa lúa? Gia tài mẹ có gì đâu là mớ tép riu là con cá bống quẫy đuôi lách chách búng vào chiều lạnh để ăn cái đậm đà phù sa chân ruộng. Mẹ bòn mót chắt lọc để bữa cơm có thêm tiếng xuýt xoa hôi hổi nóng của bát canh rau tập tàng, để được mời lên đặt xuống. Gia tài của mẹ có gì đâu, là sợi dây trầu bền bỉ leo từng ngấn thân cau giờ như ngấn lụt, ngấn của bàng hoàng, ngấn riết vào ký ức trí nhớ như vân gỗ thân cây xoắn vào nhau bện thừng, bện lũ bện cả bao món nợ chất chồng. Chạn bếp, chạn gỗ có cao được thêm nữa đâu. Mái tranh ngấm mưa thì đã mục, mái ngói ngấm nước thì đã bục. Và mái trời đâu chỉ còn chở che mà xé toang mái rách, mà rạch đêm sấm chớp. Chỉ còn lại mái ấm cuộc đời, mái ấm tình người là muôn đời muôn thuở bền chặt…*

(Nguyễn Ngọc Phú, *Nỗi niềm với mẹ miền Trung*,

Báo Văn nghệ Hà Tĩnh, ngày 29/10/2020)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

Câu 2: Tác giả đã thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình với đối tượng nào?

A. Mẹ B. Bà C. Chị gái D. Ba

Câu 3: Trong các từ sau đây, đâu là từ ngữ địa phương thuộc miền Trung?

A. Mái tranh B. Cái mủng D. Cái cột D. Sợi dây trầu

Câu 4: Đối tượng trong đoạn trích được tái hiện tập trung vào thời điểm nào?

A. Những ngày nắng oi ả B. Những ngày bình yên

C. Những ngày bão tố D. Những ngày lũ lụt

Câu 5: Từ “mái” trong cụm từ “*mái ấm cuộc đời, mái ấm tình người*” được hiểu như thế nào?

A. Phần che phủ phía trên cùng của ngôi nhà.

B. Dụng cụ dùng để bơi thuyền, bằng gỗ, một đầu tròn, một đầu dẹp và rộng bản.

C. Dùng để chỉ tình yêu thương, sự ấm áp.

D. Thuộc giống cái, phân biệt với trống.

Câu 6. Em hiểu gì về hoàn cảnh của mẹ qua câu văn: “*Gia tài của mẹ có gì đâu, là sợi dây trầu bền bỉ leo từng ngấn thân cau giờ như ngấn lụt, ngấn của bàng hoàng, ngấn riết vào ký ức trí nhớ như vân gỗ thân cây xoắn vào nhau bện thừng, bện lũ bện cả bao món nợ chất chồng.”*?

A. Nghèo khó, gian khổ, phải đối diện với khó khăn, vất vả.

B. Đáng thương, tội nghiệp.

C. Đau khổ, bi kịch.

D. Sóng gió, bấp bênh, không nơi nương tựa.

Câu 7. Thông qua đoạn trích, người mẹ hiện lên với những phẩm chất tốt đẹp nào?

A. Cần cù, chịu thương, chịu khó. B. Tần tảo nuôi con.

C. Giản dị, đôn hậu. D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Câu 8: Tác dụng của dấu gạch ngang trong câu: “*Thương lắm mẹ miền Trung – mẹ tôi trong những ngày lũ lụt.”*?

A. Để đánh dấu bộ phận, giải thích chú thích trong câu.

B. Nối các từ nằm trong một liên danh.

C. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê.

D. Để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

Câu 9: Theo em, thông qua đoạn trích, tác giả đã thể hiện tình cảm gì với “mẹ miền Trung”?

Câu 10: Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất miền Trung, em hãy thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về hình ảnh những người mẹ ở quê hương mình bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu).

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong bối cảnh con người phải đối mặt với nhiều hiểm họa như thiên tai, dịch bệnh,… chúng ta thường được nghe, được chứng kiến những câu chuyện cảm động. Em hãy viết bài văn trình bày cảm xúc, suy nghĩ của mình về một trong những câu chuyện như thế.

**TRƯỜNG THCS ĐỨC NINH**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 7**

ĐỀ SỐ: 02

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*(…) Thương lắm mẹ miền Trung – mẹ tôi trong những ngày lũ lụt. Cái cột, cái kèo vẹo xiêu, cái thúng cái mủng nhẹ trôi chìm trong xoáy nước. Gia tài mẹ có gì nhiều nhặn đâu, tất cả đã dồn vào cho đàn con, tất cả đều chỉ ở cây cối quanh trong vườn. Những dây bầu dây bí, những cây chanh cây bưởi những luống rau khóm hành và rộng ra hơn là những vạt lúa uốn câu đang đòng đòng bén sữa - Sữa mẹ hay sữa lúa? Gia tài mẹ có gì đâu là mớ tép riu là con cá bống quẫy đuôi lách chách búng vào chiều lạnh để ăn cái đậm đà phù sa chân ruộng. Mẹ bòn mót chắt lọc để bữa cơm có thêm tiếng xuýt xoa hôi hổi nóng của bát canh rau tập tàng, để được mời lên đặt xuống. Gia tài của mẹ có gì đâu, là sợi dây trầu bền bỉ leo từng ngấn thân cau giờ như ngấn lụt, ngấn của bàng hoàng, ngấn riết vào ký ức trí nhớ như vân gỗ thân cây xoắn vào nhau bện thừng, bện lũ bện cả bao món nợ chất chồng. Chạn bếp, chạn gỗ có cao được thêm nữa đâu. Mái tranh ngấm mưa thì đã mục, mái ngói ngấm nước thì đã bục. Và mái trời đâu chỉ còn chở che mà xé toang mái rách, mà rạch đêm sấm chớp. Chỉ còn lại mái ấm cuộc đời, mái ấm tình người là muôn đời muôn thuở bền chặt…*

(Nguyễn Ngọc Phú, *Nỗi niềm với mẹ miền Trung*,

Báo Văn nghệ Hà Tĩnh, ngày 29/10/2020)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

A. Miêu tả B. Nghị luận C. Biểu cảm D. Tự sự

Câu 2: Đối tượng trong đoạn trích được tái hiện tập trung vào thời điểm nào?

A. Những ngày nắng oi ả B. Những ngày lũ lụt

C. Những ngày bão tố D. Những ngày bình yên

Câu 3: Tác giả đã thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình với đối tượng nào?

A. Bà B. Ba C. Chị gái D. Mẹ

Câu 4: Trong các từ sau đây, đâu là từ ngữ địa phương thuộc miền Trung?

A. Cái mủng B. Cái cột D. Sợi dây trầu D. Mái tranh

Câu 5: Tác dụng của dấu gạch ngang trong câu: “*Thương lắm mẹ miền Trung – mẹ tôi trong những ngày lũ lụt.”*?

A. Nối các từ nằm trong một liên danh.

B. Để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

C. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê.

D. Để đánh dấu bộ phận, giải thích chú thích trong câu

Câu 6: Từ “mái” trong cụm từ “*mái ấm cuộc đời, mái ấm tình người*” được hiểu như thế nào?

A. Dùng để chỉ tình yêu thương, sự ấm áp.

B. Phần che phủ phía trên cùng của ngôi nhà.

C. Dụng cụ dùng để bơi thuyền, bằng gỗ, một đầu tròn, một đầu dẹp và rộng bản.

D. Thuộc giống cái, phân biệt với trống.

Câu 7. Em hiểu gì về hoàn cảnh của mẹ qua câu văn: “*Gia tài của mẹ có gì đâu, là sợi dây trầu bền bỉ leo từng ngấn thân cau giờ như ngấn lụt, ngấn của bàng hoàng, ngấn riết vào ký ức trí nhớ như vân gỗ thân cây xoắn vào nhau bện thừng, bện lũ bện cả bao món nợ chất chồng.”*?

A. Sóng gió, bấp bênh, không nơi nương tựa.

B. Nghèo khó, gian khổ, phải đối diện với khó khăn, vất vả.

C. Đau khổ, bi kịch.

D. Đáng thương, tội nghiệp.

Câu 8. Thông qua đoạn trích, người mẹ hiện lên với những phẩm chất tốt đẹp nào?

A. Cần cù, chịu thương, chịu khó. B. Tần tảo nuôi con.

C. Giản dị, đôn hậu. D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Câu 9: Theo em, thông qua đoạn trích, tác giả đã thể hiện tình cảm gì với “mẹ miền Trung”?

Câu 10: Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất miền Trung, em hãy thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về hình ảnh những người mẹ ở quê hương mình bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu).

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong bối cảnh con người phải đối mặt với nhiều hiểm họa như thiên tai, dịch bệnh,… chúng ta thường được nghe, được chứng kiến những câu chuyện cảm động. Em hãy viết bài văn trình bày cảm xúc, suy nghĩ của mình về một trong những câu chuyện như thế.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 7**

**Đề số: 01**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | HS có thể thể hiện suy nghĩ của mình, tuy nhiên có thể theo một số gợi ý sau:  - Tình yêu thương vô bờ bến với hình ảnh người mẹ.  - Lòng biết ơn sâu sắc cho những hi sinh, vất vả, cực nhọc của mẹ.  - Niềm tự hào về mẹ, về mảnh đất miền Trung. | 1,0 |
|  | **10** | - Đảm bảo thể thức một đoạn văn.  - HS thể hiện được những cảm xúc, suy nghĩ tốt đẹp, giàu tính nhân văn về hình ảnh người mẹ gắn với quê hương mình, có thể theo một số gợi ý sau: yêu thương, tự hào, biết ơn,… | 0,25  0,75 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của mình về một câu chuyện cảm động. | 0,25 |
|  | *c.* HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  \* Mở bài:  - Giới thiệu được câu chuyện mà em muốn bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ.  - Bày tỏ được ấn tượng, tình cảm sâu sắc của em về câu chuyện đó.  \* Thân bài:  - Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra câu chuyện.  - Trình bày tình cảm, suy nghĩ về câu chuyện:  + Người tham gia câu chuyện? Hành động, lời nói khiến em nhớ mãi? hoặc Sự việc khiến em nhớ mãi?  + Lí do khiến em ấn tượng với câu chuyện đó và muốn chia sẻ với mọi người.  + Bài học mà em rút ra từ câu chuyện đó.  \* Kết bài: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của mình với câu chuyện được kể. | 0,5  0,25  0,75  0,5  0,5  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, văn viết sinh động, sáng tạo, giàu hình ảnh, cảm xúc. | 0,25 |

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 7**

**Đề số: 02**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS có thể thể hiện suy nghĩ của mình, tuy nhiên có thể theo một số gợi ý sau:  - Tình yêu thương vô bờ bến với hình ảnh người mẹ.  - Lòng biết ơn sâu sắc cho những hi sinh, vất vả, cực nhọc của mẹ.  - Niềm tự hào về mẹ, về mảnh đất miền Trung. | 1,0 |
|  | **10** | - Đảm bảo thể thức một đoạn văn.  - HS thể hiện được những cảm xúc, suy nghĩ tốt đẹp, giàu tính nhân văn về hình ảnh người mẹ gắn với quê hương mình, có thể theo một số gợi ý sau: yêu thương, tự hào, biết ơn,… | 0,25  0,75 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của mình về một câu chuyện cảm động. | 0,25 |
|  | *c.* HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  \* Mở bài:  - Giới thiệu được câu chuyện mà em muốn bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ.  - Bày tỏ được ấn tượng, tình cảm sâu sắc của em về câu chuyện đó.  \* Thân bài:  - Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra câu chuyện.  - Trình bày tình cảm, suy nghĩ về câu chuyện:  + Người tham gia câu chuyện? Hành động, lời nói khiến em nhớ mãi? hoặc Sự việc khiến em nhớ mãi?  + Lí do khiến em ấn tượng với câu chuyện đó và muốn chia sẻ với mọi người.  + Bài học mà em rút ra từ câu chuyện đó.  \* Kết bài: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của mình với câu chuyện được kể. | 0,5  0,25  0,75  0,5  0,5  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, văn viết sinh động, sáng tạo, giàu hình ảnh, cảm xúc. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | | 5TN | 2TL |  | |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | |  | |  |  | 1TL\* | |
| **Tổng** | | | |  | | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN**

*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì… Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.*

*Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.*

*(Con lừa và bác nông dân.* TruyenDanGian.Com.)

**Câu 1**. **Truyện *Con lừa và bác nông dân* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

**Câu 2**. **Trong đoạn 1 con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?**

A. Con lừa sẩy chân rơi xuống một cái giếng.

B. Đang làm việc quanh cái giếng .

C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.

D. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

**Câu 3*.* Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?**

A. Ra sức kéo con lừa lên.

B. Động viên và trò chuyện với con lừa.

C. Ông nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.

D. Ông nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

**Câu 4*.* Dấu ba chấm** **trong câu sau có tác dụng gì ?**

*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì…*

A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.

C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..

D. Thể hiện sự bất ngờ.

**Câu 5**. **Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?**

A.Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.

B. Vì ông không thích chú lừa .

C.Ông nghĩ con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

D. Ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

**Câu 6**. **Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?**

A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.

B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.

C. Là hình ảnh lao động .

D. Là sự chôn vùi, áp bức.

**Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?**

A. Ông chủ cứu chú lừa.

B. Chú biết giũ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.

C. Chú lừa giẫm lên chỗ đất cát có sẵn trong giếng để thoát ra.

D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ cát ông chủ đổ xuống để thoát ra.

**Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của chú lừa?**

A. Nhút nhát, sợ chết.

B. Bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh.

C. Yếu đuối.

D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

**Câu 9**. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

**Câu 10** . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được :  - Người nông dân: Lúc đầu định giúp lừa ra khỏi giếng, nhưng sau nghĩ lừa già và cái giếng cũng cần được lấp. Vì thế, nhanh chóng buông xuôi, bỏ cuộc.  - Con lừa: Lúc đầu kêu la thảm thiết muốn thoát khỏi giếng nhưng rồi đã khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp nó thoát ra khỏi cái giếng. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  VD: Trong bất cứ hoàn cảnh (khó khăn, thử thách nào trong cuộc sông), sự hi vọng, dũng cảm, nỗ lực sẽ đem đến cho chúng ta sức mạnh vì:   * Hi vọng giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, xóa đi mệt mỏi. * Giúp chúng ta tìm ra cách giải quyết, là động lực giúp chúng ta vượt quan những khó khăn, thử thách…   Hoặc: Sự ứng biến trong mọi hoàn cảnh… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống)  - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. (Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng) ).  - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...  - Bài học rút ra: Vai trò to lớn, cần thiết, có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT** | **MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút*  **Năm học: 2022 - 2023**  **(Bộ sách Cánh diều)** |

**A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngụ ngôn | **3** |  | **5** |  |  | **2** |  |  | **60** |
| 2. Thơ |
| 3. Văn bản Nghị luận |
| 4. Tùy bút và tản văn |
| 5. Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | 1.Viết bài văn phân tích đặc điểm một nhân vật văn học đã học. |  | 1\* |  | 1\* |  | 1\* |  | 1\* | 40 |
| 2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |
| 3. Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1.Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | **3 TN** | **5TN** | **2TL** |  |
|  |  | 2. Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
|  |  | 3. Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu** :  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  |
|  |  | 4. Tùy bút và tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
|  |  | 5. Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **\* Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | 1. Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:** Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.  **Vận dụng:**Biết sử dụng phương pháp lập luận, lí lẽ, dẫn chứng để phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc. | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** |
| 2. Viết bài văn Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống  **Thông hiểu:** trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết;  **Vận dụng:** đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc suy nghĩ sâu sắc. |  |  |  |  |
|  |  | 3. Biểu cảm về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:** Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc):  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục,biết sử dụng ngôn ngữ  **Vận dụng:** thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo và cảm xúc sâu sắc. |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | | **3 TN**  **1TL\*** | **5 TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu:

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày mai con đi xa*  *Mẹ đừng buồn mẹ nhé*  *Chín tháng nhanh như mây*  *Trôi miên man đầu ngõ*  *Mẹ đừng rơi nước mắt*  *Đừng buồn lúc chiều buông*  *Đừng quên ngàn câu hát*  *Cho thềm nhà nở hoa*  *……………………………* | *Mẹ ơi những ngày xa*  *Là con thương mẹ nhất*  *Mẹ đặt tay lên tim*  *Có con đang ở đó*  *Như ngọt ngào cơn gió*  *Như nồng nàn cơn mưa*  *Với vạn ngàn nỗi nhớ*  *Mè dịu dàng trong con*  *(Trích “Dặn mẹ”, Đỗ Nhật Nam)* |

***Chọn phương án đúng nhất:***

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ nào?

A. Thể thơ lục bát B. Thể thơ tự do

**C. Thể thơ năm chữ** D. Thể thơ sáu chữ

Câu 2. Đoạn thơ trên là lời của ai?

**A.Lời dặn của con với mẹ khi con đi xa**

B. Lời dặn của mẹ với con khi con đi xa

C. Lời dặn của con với mẹ khi mẹ đi xa

D. Lời dặn của mẹ với con khi mẹ đi xa

Câu 3. Phương án nào liệt kê đúng nhất những từ láy được dùng trong đoạn thơ trên?

A.Ngọt ngào, miên man, dịu dàng

B. Ngọt ngào, nồng nàn, miên man, vạn ngàn

C. Ngọt ngào, miên man, nồng nàn

**D. Ngọt ngào, miên man, nồng nàn, dịu dàng**

Câu 4. Nhận xét về cách gieo vần của đoạn thơ trên?

A. Gieo vần lưng **B. Gieo vần chân**

C. Gieo vần lưng và vần chân D. Không gieo vần

Câu 5. Dòng nào nói đúng nhất mong muốn của con về mẹ trong những lời dặn “Mẹ đừng rơi nước mắt/ Đừng buồn lúc chiều buông/ Đừng quên ngàn câu hát/ Cho thềm nhà nở hoa” ?

**A.Mong mẹ không phải buồn phiền mà hãy sống thật tươi vui**

B. Mong mẹ không phải buồn phiền và sống trường thọ

C. Mong mẹ không phải buồn phiền và có cuộc sống no ấm

D. Mong mẹ không phải phiền muộn, lo lắng

Câu 6. Qua mong muốn trên của người con, đoạn thơ thể hiện nội dung nào?

1. Thể hiện nỗi nhớ da diết của con về mẹ
2. Thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của con với mẹ

C. Con khát khao mình mau chóng thành đạt để báo hiếu mẹ

**D. Bộc lộ tình yêu sâu sắc của con với mẹ và mẹ cũng yêu con sâu nặng**

Câu 7. Dòng nào nói đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ trong hai câu thơ: “Như ngọt ngào cơn gió/ Như nồng nàn cơn mưa”?

A.Miêu tả cơn gió ngọt ngào

B. Miêu tả cơn mưa nồng nàn

**C. Ngợi ca tình mẹ trong trẻo, ngọt ngào, da diết như cơn gió, cơn mưa**

D. Thể hiện nỗi nhớ da diết của con về mẹ khi ở phương xa

Câu 8. Hai câu thơ “Mẹ đặt tay lên tim/ Có con đang ở đó” thể hiện ý nghĩa gì?

A.Trong trái tim người mẹ luôn lưu giữ hình ảnh của con

B. Mẹ luôn yêu con tha thiết

C. Thể hiện tình yêu mẹ sâu sắc của tác giả

**D. Tất cả các đáp án trên**

Câu 9. Tưởng tượng khi khôn lớn phải đi xa, em sẽ dặn mẹ những gì?

Câu 10. Qua đoạn thơ, em có cảm nghĩ gì về tình mẫu tử?(Viết khoảng 4 đến 5 dòng).

**PHẦN II: VIẾT(4,0điểm)**

Em hãy viết bài văn biểu cảm về một người thân mà em yêu quý nhất.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | HS tưởng tượng khi mình khôn lớn đi xa và dặn mẹ(Mong mẹ giữ gìn sức khỏe, không phải buồn phiền…) | 1,0 |
|  | **10** | Viết đoạn văn(3 đến 5 dòng) nêu cảm nghĩ về tình mẫu tử: tình cảm thiêng liêng cao đẹp, có vị trí đặc biệt quan trọng với mỗi người… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài giới thiệu và nêu cảm nghĩ chung về người thân, thân bài biểu cảm về người thân, kết bài khẳng định tình cảm yêu quý đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Nêu khái quát tình cảm, cảm xúc chân thành về một người thân cụ thể. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề thành các ý biểu cảm.*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt hai cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp qua miêu tả và tự sự; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Cảm nghĩ những nét ấn tượng nhất về ngoại hình người thân đó.  - Biểu cảm những nét tiêu biểu về tính cách, sở thích, lối sống...  - Cảm nghĩ về ảnh hưởng của người đó tới cuộc sống của em và các thành viên khác trong gia đình.  - Gợi lại những kỉ niệm của em với người ấy. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, linh hoạt trong cách diễn đạt, văn viết giàu cảm xúc, thể hiện chất văn riêng. | 0,5 |

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được từ láy, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. | 3 TN | 5TN | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận | Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

**GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ**

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.  
Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.  
Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

**Câu 2**. Chủ đề của văn bản trên là:

A. Giá trị cuộc sống

B. Lòng biết ơn

C. Đức tính trung thực

D. Lòng hiếu thảo

**Câu 3.** Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

A. Người học trò

B. Người kể chuyện

C. Hòn đá

D. Người thầy

**Câu 4**. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

**Câu 5**. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

**Câu 6**. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá

B. Người học trò

C. Người thầy

D. Chủ tiệm đồ cổ

**Câu 7**. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng* là thành phần mở rộng câu bởi?

A. Trạng ngữ

B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ

D.Cụm tính từ

**Câu 8**. Tác dụng của điệp từ *bán*, *mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

**Câu 9**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp.  HS có thể lựa chọn những thông điệp sau:  - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết đinh được cuộc sống của bạn.  - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận. | 2,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
| **a. Hình thức:** Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát. | 0,5 |
| **b. Nội dung:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  **\* Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí.  HS có thể trình bày những ý kiến sau:  - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân.  + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp  Dẫn chứng: (….)  + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì.  Dẫn chứng (…)  - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh.  + Dẫn chứng:  Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân:  Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh:  - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,…  + Dẫn chứng:  - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế.  + Dẫn chứng:  => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân.  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  - Liên hệ bản thân. | 0,5  2,5  0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năng lực** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** |
| **TN** | | **TL** | **TN** | | **TL** | **TNTL** | **TL** | **TL** |
| **KQ** | **TL** | **KQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyện ngụ ngôn) | 3 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 60 |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề trong đời sống** | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 40 |
| **Tổng % điểm** | | | 15 | 0 | 5 | 25 | 0 | 15 | 20 | 10 | 10 | 100 |
| **Tỉ lệ %** | | | 20 | | | 40 | | | 20 | 10 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** | | | 60 | | | | | | 40 | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năng lực** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền ngụ ngôn) | **Nhận biết**:  - Nhận diện được thể loại.  - Nhận biết được ngôi kể.   * Xác định được một số từ loại: phó từ, số từ,…   **Thông hiểu**:   * Tóm tắt được cốt truyện. * Nêu được ý nghĩa của câu chuyện; tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. * Công dụng của dấu chấm lửng.   **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.  -Thể hiện được ý kiến ***đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần*** với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TNKQ | 5  TNKQ | 2  TNTL |  |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.** | Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng, thuyết phục.  **Nhận biết:** Xác định đúng kiểu bài nghị luận về hiện tượng đời sống.  **Thông hiểu:** Hiểu nhiệm vụ từng phần của bố cục bài văn nghị luận.  **Vận dụng:** Viết bài văn nghị luận với trình tự hợp lý.  **Vận dụng cao:** Viết bài văn nghị luận với sự sáng tạo riêng. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TNKQ** | **5 TNKQ** | **2**  **TNTL** | **1**  **TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**RIÊNG MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ THẦY (CÔ) CỨ LÀM THEO MẪU NÀY NHÉ, ĐỪNG SÁNG TẠO GÌ THÊM**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THỎ VÀ RÙA**

*Một hôm, trong khu rừng nọ tổ chức đại hội thể thao lớn trong năm, tất cả các loài vật trong rừng đều hào hứng tham gia. Có rất nhiều cuộc thi thú vị như thỉ nhảy cao, thi trèo cây và cả thi bơi nữa…*



*Một nhân vật đáng chú ý đến trong khu rừng vốn có tài chạy nhanh nên Thỏ con vui vẻ ghi tên tham gia cuộc thi chạy. Đúng lúc đó, một chú Rùa chậm chạp bò tới cuộc thi để đăng kí . Thỏ nhìn thấy Rùa thì cười nói: “Này Rùa, cậu mà cũng đến đăng ký dự thi hay sao? Cậu không biết nhảy cao, không biết trèo cây, đến đi còn chậm chạp như thế thì thi thố cái gì. Thôi, cậu đừng tự làm khó mình nữa.” Rùa nói: “Ai nói tớ không thể tham gia thi chứ? Không tin thì chúng ta cùng thi tài xem sao.” Thỏ cười nói: “Thi cái gì? Thi chạy nhanh nhé.” Rùa đáp: “Được thôi.” Một trận quyết chiến đã xảy ra thế là Thỏ và Rùa giao hẹn,nếu ai chạy đến gốc gây dưới chân núi trước thì sẽ giành phần thắng.*

*Cuộc đua diễn ra “Chuẩn bị! Chạy!” hiệu lệnh vừa dứt, Thỏ liền sải chân chạy nhanh như bay, chỉ trong nháy mắt đã chạy được một quãng đường rất xa. Nó quay đầu lại rất đắc ý nhìn thì chẳng thấy bóng dáng Rùa đâu, bèn nghĩ bụng: “Rùa mà dám chạy thi với Thỏ, đúng là chuyện nực cười nhất thế giới! Thế là rùa tự cao xem thường Rùa và rồi Thỏ đã nghĩ  : “Thôi mình cứ tạm dừng lại ngủ một giấc lấy sức rồi dậy chạy tiếp cũng không muộn.” Thế là Thỏ dựa vào gốc cây, ngủ một giấc thật khoan khoái.*

(*https://giadinh.tv/tho-va-rua-chay-thi/)*

**1. Khoanh tròn vào đáp án đúng (từ câu 1 đến câu 8 – 4,0 điểm)**

**Câu 1**. Văn bản *“Thỏ và Rùa”* thuộc thể loại nào? **(nhận biết)**

**A. truyện ngụ ngôn**

B. truyện đồng thoại

C. truyền thuyết

D. truyện cổ tích

**Câu 2**. Truyện “*Thỏ và Rùa”* được kể theo ngôi thứ mấy? **(nhận biết)**

A. ngôi thứ nhất B. ngôi thứ hai

**C. ngôi thứ ba** D. kết hợp nhiều ngôi kể

**Câu 3**. Trong câu: *“Một trận quyết chiến đã xảy ra thế là Thỏ và Rùa giao hẹn, nếu ai chạy đến gốc cây dưới chân núi trước thì sẽ giành phần thắng”* **có mấy phó từ?****(nhận biết)**

1. 1
2. 2
3. **3**
4. 4

**Câu 4**. Trong câu truyện trên, vì sao Rùa lại giành chiến thắng? **(Học sinh lựa chọn đáp án đúng nhất.) (thông hiểu)**

A. vì Rùa không chủ quan, tích cực luyện tập.

B. vì Rùa kiên trì và biết cố gắng.

C. vì Rùa chăm chỉ và nghiêm túc.

**D. vì Rùa có tính kiên trì, nhẫn nại và chăm chỉ.**

**Câu 5**. Dấu chấm lửng trong câu: “*Có rất nhiều cuộc thi thú vị như thi nhảy cao, thi trèo cây và cả thi bơi nữa…”* có công dụng gì? **(thông hiểu)**

A**.** đánh dẫn lời dẫn trực tiếp

B. thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng

**C. tỏ ý còn nhiều cuộc thi vẫn chưa liệt kê hết**

D. làm giãn nhịp câu văn

**Câu 6.** Câu chuyện *“Thỏ và Rùa”* muốn nhắc nhở điều gì? **(thông hiểu)**

1. nhắc nhở mọi người cần có tinh thần đoàn kết
2. **nghiêm khắc nhắc nhở những ai hay ỷ vào sức mình mà chủ quan**
3. nhắc nhở mọi người không nên vội vàng, hấp tấp
4. nghiêm khắc nhắc nhở mọi người cần cố gắng trong học tập

**Câu 7**. Đoạn trích: “*Nó quay đầu lại rất đắc ý nhìn thì chẳng thấy bóng dáng Rùa đâu, bèn nghĩ bụng: “Rùa mà dám chạy thi với Thỏ, đúng là chuyện nực cười nhất thế giới!”* thể hiện tính cách gì của Thỏ? **(thông hiểu)**

1. thể hiện sự thông minh

**B. thể hiện sự kiêu ngạo**

C. thể hiện sự nhanh nhẹn

D. thể hiện sự hồn nhiên

**Câu 8**. Sắp xếp thứ tự các sự việc theo đúng diễn biến của câu chuyện: **(thông hiểu)**

*1. Rùa tập chạy bên bờ sông.*

*2. Cả hai bắt đầu thi.*

*3. Thỏ chế giễu rùa và thách thi chạy.*

*4. Rùa đã về trước Thỏ.*

*5. Thỏ nhởn nhơ, chơi đùa vì nghĩ cầm chắc chiến thắng.*

1. 1-2-3-5-4
2. 1-2-5-3-4
3. 1-5-4-3-2
4. **1-3-2-5-4**

**2. Trả lời câu hỏi (từ câu 9 đến câu 10 – 2,0 điểm)**

**Câu 9**. Em có đồng tình với cách ứng xử trong đoạn trích sau của Thỏ hay không? Vì sao? **(vận dụng)**

“*Đúng lúc đó, một chú Rùa chậm chạp bò tới cuộc thi để đăng kí. Thỏ nhìn thấy Rùa thì cười nói: “Này Rùa, cậu mà cũng đến đăng ký dự thi hay sao? Cậu không biết nhảy cao, không biết trèo cây, đến đi còn chậm chạp như thế thì thi thố cái gì.”*

**Câu 10**. Qua câu truyện *“Thỏ và Rùa”*, em rút ra được bài học gì? **(vận dụng)**

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Ít lâu nay, một số bạn trong lớp có phần lơ là trong học tập. Em hãy viết một bài văn để thuyết phục bạn: *Nếu khi còn trẻ, ta không chịu khó học tập thì lớn lên ta sẽ chẳng làm được việc gì có ích.*

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **Học sinh đưa ra được quan điểm: *không đồng tình với cách ứng xử của Thỏ* và lý giải một cách hợp lí.**  **Có thể lý giải như sau:**   * Vì Thỏ rất kiêu ngạo, xem thường người khác, luôn tỏ ra tự mãn,.. * Cần tôn trọng bạn bè và mọi người   -……  *\* Hướng dẫn chấm:*  *- HS đưa ra được quan điểm không đồng tình: 0,25 diểm*  *- HS lý giải hợp lí, rõ ràng thuyết phục: 0,75điểm*  *- Có lý giải nhưng chưa đủ sức thuyết phục: 0,5 điểm*  *- Lý giải còn chung chung: 0,25 điểm*  *- Lý giải không phù hợp, sai lệch hoặc không lý giải: 0 điểm.*  *( Trên đây chỉ là một số gợi ý, học sinh có thể có cách diễn đạt khác miễn hợp lí, GV linh hoạt ghi điểm)* | 1,0 |
|  | **10** | **Học sinh rút ra được bài học đúng, sâu sắc, hợp lí, thấu đáo, thuyết phục.**  **Có thể là:**  - Cần phải kiên trì, bền bỉ, cố gắng nổ lực trong cuộc sống.  - Lên án những người lười biếng, khoe khoang, tự cao, kiêu ngạo, cho mình là nhất và xem thường người khác.  -……  *\* Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh nêu được bài học sâu sắc: 1,0 điểm*  *- Học sinh nêu được bài học hợp lý nhưng chưa sâu: 0,75điểm*  *- Học sinh nêu được bài học nhưng còn chung chung: 0,5điểm*  *- Học sinh nêu được một vài phẩm chất liên quan đến bài học 0,25điểm*  *( Trên đây chỉ là một số gợi ý, học sinh có thể có cách diễn đạt khác miễn hợp lí, GV linh hoạt ghi điểm)* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận:* **Mở bài** nêu được vấn đề cần nghị luận (sự việc, hiện tượng). **Thân bài** lần lượt lập luận đưa ra những ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình về sự việc, hiện tượng. **Kết bài** khẳng định lại quan điểm, suy nghĩ; rút ra bài học đối với bản thân, nhắn nhủ. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Vai trò của việc học và ý thức của việc học tập. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai nội dung bài viết:* Đảm bảo theo các nội dung sau đây:  **1. Mở bài:** Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề nghị luận.  *\* Hướng dẫn chấm:*  *+ Giới thiệu đầy đủ, hợp lí, ấn tượng: 0,5 điểm.*  *+ Giới thiệu sơ sài: 0,25 điểm.*  **2. Thân bài:**  **\* Giải thích:**  - Học tập là gì?  **\* Phân tích:**  ***- Vai trò của việc học***: Học tập là hành trang không thể thiếu của con người trong việc chinh phục những ước mơ, lí tưởng..., là cơ sở để con người đi đến thành công...  -***Tại sao học sinh cần nỗ lực, cố gắng học tập không ngừng?*** (Là khoảng thời gian lí tưởng nhất cho việc học tập, nuôi dưỡng nhiều ước mơ, hoài bão...)  - ***Hiện trạng học tập của học sinh hiện nay:*** *Nhiều học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học: chưa chủ động, còn lơ là...*  - ***Hậu quả:*** *Học hành sa sút, mất kiến thức cơ bản...*  **\* Bàn luận:**   * Những HS hiểu được tầm quan trọng của việc học, có ý thức chủ động, tích cực trong học tập sẽ thực hiện được ước mơ, thành công trong cuộc sống... *(dẫn chứng)* * Tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học: chưa chủ động, còn lơ là.... *(dẫn chứng)*   **\* Bài học:**  - Mỗi chúng ta cần nhận thức đúng đắn vai trò của việc học.  - Cần chủ động, tự giác, tích cực trong việc học.  \* *Hướng dẫn chấm:*  *- Đầy đủ các ý. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp: 1,0 – 1,5 điểm.*  *- Tương đối đầy đủ các ý. Lập luận chưa chặt chẽ, lí lẽ chưa thật xác đáng, chưa có hoặc có dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu: 0,5 - 1,0 điểm*  *- Thiếu ý, lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không có dẫn chứng: 0,25 điểm*  **3. Kết bài:**  - Khẳng định lại vai trò và tầm quan trọng của việc học tập.  *Hướng dẫn chấm:*   * *Kết thúc vấn đề hợp lí, ấn tượng: 0,5 điểm.* * *Kết thúc sơ sài: 0,25 điểm.* | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo:  - Vận dụng kết hợp các thao tác lập luận, lý lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục, giọng điệu linh hoạt. Bài văn mạch lạc, trong sáng.  - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, biết liên hệ thực tiễn phù hợp. | 0,5 |

**NHÓM 6: NGUYỄN NGHIÊM + PHỔ MINH**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | -Tùy bút ,tản văn  -Truyện ngắn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | -Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Tùy bút, tản văn.  Truyện ngắn | **\* Nhận biết**  - Nhận biết được PTBĐ chính, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, nghĩa của từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn.  **\* Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | -Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.  **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ đoạn trích:**

*Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vấn vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi…Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền.*

(Trích *“Một thứ quà của lúa non: Cốm”* Thạch Lam, SGK Ngữ văn 7, tập một, NXBGD Việt Nam, năm 2010)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 2.** Đoạn trích trên viết về phương diện nào của cốm?

A. Miêu tả cách thức làm cốm

B. Bàn luận về cách làm cốm

C. Ca ngợi giá trị của cốm

D. Kể về nguồn gốc của cốm

**Câu 3.** Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

A. Kí sự

B. Hồi kí

C. Truyện ngắn

D. Tùy bút

**Câu 4.** Nghĩa của từ “thanh khiết” trong câu :”*Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam”*là gì?

A. Trong sạch

B. Cao cả

C. Vắng vẻ

D. Tươi tắn

**Câu 5.** Đặc sắc nghệ thuật của đoạn văn trên :

A. Dùng nhiều tính từ có giá trị biểu cảm cao.

B. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ .

C. Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

D. Lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

**Câu 6.** Tại sao nói đến cốm tác giả lại nghĩ đến quà sêu tết?

A.  Vì cốm được làm từ sản phẩm gần gũi với người dân quê.

B. Vì cốm là một lễ phẩm mà cánh đồng dâng tặng con người.

C. Vì cốm là hương của lúa, hấp thụ những tinh hoa của trời đất.

D. Vì Cốm là thức dâng của đất trời, vừa thanh nhã vừa đậm đà

**Câu 7.** Theo tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?

A. Phải có thái độ trân trọng, giữ gìn cốm như một vẻ đẹp văn hoá dân tộc

B. Phải biết cách thưởng thức Cốm.

C. Hiểu được nguồn gốc và cách thức làm Cốm.

D. Biết vẻ đẹp và công dụng của Cốm.

**Câu 8.** Trong tiêu đề *Một thứ quà của lúa non: Cốm thì từ “quà”* phải được hiểu như thế nào?

A. Thứ đồ ăn vui vào ngày thường.

B. Món dâng tặng quý giá của thiên nhiên.

C. Đồ dùng để biếu, tặng vào dịp lễ.

D. Đồ bán vặt ở chợ hay những gánh hàng rong.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Theo em, ngày nay chúng ta có nên giữ gìn những món quà như Cốm không?

**Câu 10.** Thạch Lam khẳng định: **“***Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam”. Quan điểm của em về thức quà quê – cốm là gì? ( từ 3 -5 câu).*

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về người thân (ông,bà,cha mẹ,…).

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh nêu được suy nghĩ phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu quan điểm cá nhân về vẻ đẹp, giá trị của cốm và có những lí giải phù hợp. | 0,5  0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn biểu cảm về người thân (ông,bà,cha,mẹ,..) | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về người thân .*  HS viết bài văn biểu cảm về người thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.  • Nêu được những đặc điểm nổi bật của người thân đã để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 0,25 |

PHÒNG GD VÀ ĐÀO TẠO PHÚ NINH

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ | **3** | **0** | 5 | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ 4 chữ, thơ 5 chữ) | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài,  - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tự sự, miêu tả được sử dụng trong thơ.  - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy);  - Xác định được nghĩa của từ.  **\* Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản;  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ  **\* Vận dụng:**  **-** Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức  **Vận dụng:** Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học**.** Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TRĂNG ƠI… TỪ ĐÂU ĐẾN?**

**Trần Đăng Khoa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ cánh rừng xa*  *Trăng hồng như quả chín*  *Lửng lơ lên trước nhà*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay biển xanh diệu kì*  *Trăng tròn như mắt cá*  *Chẳng bao giờ chớp mi* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ một sân chơi*  *Trăng bay như quả bóng*  *Bạn nào đá lên trời*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ lời mẹ ru*  *Thương Cuội không được học*  *Hú gọi trâu đến giờ* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ đường hành quân*  *Trăng soi chú bộ đội*  *Và soi vàng góc sân*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Trăng đi khắp mọi miền*  *Trăng ơi có nơi nào*  *Sáng hơn đất nước em…* |

**1968**

**(Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời,***

**NXB Văn hóa dân tộc)**

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Bài thơ “Trăng ơi… từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do. B. Thơ lục bát. C. Thơ bốn chữ. **D. Thơ năm chữ.**

**Câu 2**. Khổ thơ thứ 3 trong bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

A.Gieo vần lưng. **B.** **Gieo vần chân.**

C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

**Câu 3.** Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

**A. Quả chín.**

B. Mắt cá.

C. Quả bóng.

D. Cánh rừng xa.

**Câu 4.** Em hiểu từ “lửng lơ” Trong câu thơ : « Lửng lơ treo trước nhà » có nghĩa là gì ?

A**.** Ở trạng thái nửa vời, không xác định rõ.

**B. chuyển động nhẹ lưng chừng, không bám vào đâu.**

C. Nửa chừng, không tới, không lui.

D. Chần chừ, không dứt khoát, không dám hành động.

**Câu 5.** Hình ảnh vầng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng…) cho em biết vầng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

A. Bà nội.

B. Người mẹ.

C. Cô giáo.

**D. Trẻ thơ.**

**Câu 6.** Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

**C. Làm cho hình ảnh thơ sinh động, gần gũi, gợi hình, gợi cảm.**

D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

**Câu 7.** Điệp ngữ “Trăng ơi… từ đâu đến?” có tác dụng gì ?

A. Nhấn mạnh câu hỏi của nhân vật trữ tình với vầng trăng.

B. Nhấn mạnh hình ảnh trăng xuất hiện suốt đêm mà nhà thơ không biết từ đâu.

C. Nhấn mạnh nỗi băn khoăn của nhân vật trữ tình về hình ảnh trăng.

**D. Nhấn mạnh cảm xúc của nhân vật trữ tình trước hình ảnh trăng.**

**Câu 8.** Ý nghĩa của bài thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” là gì ?

A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.

B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

**C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.**

D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

**Câu 9.** Hãy nêu cảm nhận của em về ý nghĩa 2 câu thơ : “Trăng ơi có nơi nào. Sáng hơn đất nước em…”

**Câu 10.** Từ cảm xúc với trăng trong thơ của Trần Đăng Khoa, em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của em với vầng trăng quê hương mình ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học vừa qua, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Đó là các bạn nhỏ với tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhân hậu như Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*), An, Cò (*Đi lấy mật*)…và cả những người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*), người thầy (*Người thầy đầu tiên*),…hết lòng yêu thương con trẻ. Những nhân vật ấy chắc hẳn đã mang đến cho em nhiều cảm xúc và ấn tượng.

Em hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật mà em yêu thích. *(Lưu ý :Không viết về những nhân vật trong văn bản SGK đã học.)*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | -HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình.  -HS nêu được 1 ý tương tự như trên.  -HS không trả lời hoặc trả lời sai. | 1,0  0,5  0.0 |
| **10** | HS nêu được những tình cảm riêng của mình với vầng trăng quê hương mà mình cảm nhận được sau khi học xong bài thơ.  Yêu cầu:  - Đảm bảo thể thức yêu cầu.  - Đảm bảo nội dung theo yêu cầu. | 1,0  0,25  0,75 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*  Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích. | 0.25 |
|  | *c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích*  Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích.  - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:**  - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm.  + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào?  + Ngoại hình  + Hành động và việc làm của nhân vật.  + Ngôn ngữ của nhân vật.  + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.  + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác.  => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,…về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)  - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.  **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật  - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *e. Sáng tạo*  Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |
|  |  |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Tản văn, tùy bút | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Tản văn, tùy bút | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU. (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi diều ơi! Bay đi!”. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

*(Cánh diều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)*

**Câu 1:** Cho biết đoạn ngữ liệu trên thuộc thể loại văn bản nào ? (Biết)

1. Tuỳ bút
2. Hồi kí
3. Truyện
4. Tản văn

**Câu 2:** Nối cột A tương ứng với cột B về đặc điểm thể loại của văn bản (Biết)

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1.Tùy bút | A. Các tác phẩm tự sự nói chung có nhân vật, cốt truyện và lời kể. |
| 2. Tản văn | B. Là ghi chép lại bằng trí nhớ những sự việc đã xảy ra đối với bản thân trong quá khứ đã để lại ấn tượng mạnh. |
| 3. Truyện | C. Là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh. |
| 4. Hồi kí | D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng, đời sống thường nhật. |

**Câu 3:** Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào? (Biết)

1. Dòng sông
2. Cánh diều
3. Cánh đồng
4. Cánh cò

**Câu 4:** Trong câu*“Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ”* có cụm từ *“một thảm nhung khổng lồ”* thuộc cụm từ nào sau đây? (Biết)

1. Cụm danh từ
2. Cụm động từ
3. Cụm tính từ
4. Không phải là cụm từ loại

**Câu 5:** Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ? (Biết)

1. Cánh diều mềm mại như cánh bướm
2. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.
3. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.
4. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

**Câu 6: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:** (Hiểu)

Thông qua “*Cánh diều tuổi thơ”*, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến …………….. sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

A. Khát vọng

B. Nghị lực

C. Niềm vui

D. Sức mạnh

**Câu 7:** Câu *"Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh..."* cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào? (Hiểu)

1. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối.
2. Trẻ em hay dễ ảo tưởng.
3. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé.
4. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ.

**Câu 8:** Nhan đề văn bản nêu lên nội dung gì? (Hiểu)

1. Nêu vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian
2. Nêu lên ý nghĩa của cánh diều đối với tuổi thơ
3. Nêu hình ảnh xuyên suốt văn bản
4. Nêu lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.

**Câu 9:** Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị? Hãy trình bày cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ em?

**Câu 10:** Em có đồng ý với ý kiến sau không: *“Cánh diều có thể khơi dậy niềm vui*

*sướng và ước mơ của tuổi thơ”*? Hãy nêu vai trò của ước mơ trong đời sống con người.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn cảm nghĩ về mái trường của em. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | 1C,2D,3A,4B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ em ở những ý khác nhau.  - GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm.  **Gợi ý**:  - Giới thiệu được trò chơi.  - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy. | 1,0 |
|  | **10** | - HS có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình, nhưng phải lí giải hợp lí. *(GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm)*  - Vai trò của ước mơ: (HS trình bày ngắn gọn theo ý).  + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình.  + Là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán.  + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng . | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** *(Vận dụng cao)* | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* cóMở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…, kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai các ý cho bài văn biểu cảm.*  HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…  Sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Bộc lộ cảm xúc chung với mái trường của em.  - Cảm nghĩ của em qua vài nét ấn tượng về vẻ đẹp của ngôn trường: Hàng phượng vĩ xanh tốt; Những dãy phòng học…  - Cảm nghĩ về những kỉ niệm sâu sắc với ngôi trường.   * Ngày đầu tiên tới trường (bỡ ngỡ, rụt rè…) * Kỉ niệm với bạn bè: (chia nhau cái bánh, cái kẹo, giúp đỡ nhau học tập, gắn bó như anh em…) * Kỉ niệm với thầy cô: dạy dỗ em nên người, hình thành nhân cách, quan tâm tới học sinh, truyền đạt những kiến thức bổ ích…   - Khẳng định tình cảm, cảm xúc của em dành cho mái trường. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Ca dao | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Ca dao | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại và thể thơ của văn bản.  - Nhận biết được nội dung của văn bản.  - Xác định được các biện pháp tu từ có trong văn bản và từ loại trong văn bản.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm bài.  **Vận dụng cao:**  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Công cha như núi Thái Sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  
Một lòng thờ mẹ, kính cha,  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

**Câu 1**. **Văn bản trênthuộc thể loại nào?**

A. Ca dao. B. Tục ngữ. C. vè. D. câu đố .

**Câu 2**. **Hãy xác định thể thơ của văn bản?**

A. Thơ tự do.

B. Thơ ngũ ngôn.

C. Thơ lục bát.

D. Thơ song thất lục bát.

**Câu 3*.* Nội dung của văn bản là gì?**

A. Ca ngợi công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.

B. Ca ngợi công sinh thành dưỡng dục trời biển của cha mẹ, nhắc nhở mỗi người con phải sống có hiếu.

C. Nhắc tới công ơn sinh thành của cha mẹ.

D. Nhắc nhở người làm con phải có hiếu với cha mẹ .

**Câu 4*.* Văn bản trên viết về chủ đề gì ?**

A. Tình cảm gia đình

B. Tình yêu quê hương đất nước.

C. Tình yêu đôi lứa.

D. Tình yêu thương con người.

**Câu 5**. **Địa danh được nhắc đến trong văn bản là gì?**

A. Núi Tản Viên.

B. Biển Đông .

C.Núi Thái Sơn.

D. Núi Hồng Lĩnh.

**Câu 6**. **Theo em, trong các từ sau từ nào là từ Hán Việt?**

A. Công cha.

B. Nghĩa mẹ.

C. Thờ mẹ.

D. Thái sơn.

**Câu 7. Chỉ ra các biện pháp tu từ trong hai câu đầu văn bản?**

A. Liệt kê.

B. So sánh.

C. Hoán dụ.

D. Ẩn dụ.

**Câu 8.** Văn bản đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?**?**

A. Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao.

B. Âm điệu nhịp nhàng như lời tâm tình nhắn nhủ.

C. Sử dụng thế thơ truyền thống của vãn học dân tộc.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 9**. Hãy kể thêm một văn bản mà em biết có cùng chủ đề với văn bản trên?

**Câu 10** . Qua văn bản em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *"Trong quá trình học tập thì tự học là con đường ngắn nhất để dẫn đến thành công”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS kể được : *(Giáo viên linh hoạt chấm cho học sinh)*   Công cha như núi ngất trời  Nghĩa mẹ như nước ngời ngời biển Đông. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  - Cha mẹ đã sinh ra ta, chăm sóc dạy bảo ta. Vì thế, công ơn trời biển cha mẹ dành cho ta rất lớn.  - Chúng ta phải biết ơn, đền đáp công lao đó. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về tinh thần tự học | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3,0 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận: Có rất nhiều con đường để tích lũy tri thức: thụ động; chủ động; đối phó; qua nhiều phương tiện khác nhau. Tự học là cách hữu hiệu nhất để tiếp thu tri thức.  - Giải thích khái niệm tự học:  + Tự học là quá trình bản thân chủ động tích lũy tri thức, không ỷ lại phụ thuộc vào các yếu tố tác động bên ngoài.  + Quá trình tự học diễn ra xuyên suốt trong quá trình học tập như tìm tòi, trau dồi, tích lũy đến khắc sâu và áp dụng tri thức.  - Biểu hiện của người có tinh thần tự học:  + Luôn cố gắng, nỗ lực học tập, tìm tòi những cái hay, cái mới, không ngừng học hỏi ở mọi lúc mọi nơi.  + Có ý thức tự giác, không để người khác phải nhắc nhở về việc học tập của mình.  + Học đến nơi đến chốn, không bỏ dở giữa chừng, có hệ thống lại bài học, rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân từ lí thuyết, sách vở.  - Vai trò, ý nghĩa của việc tự học:  + Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống.  + Tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác.  + Người biết tự học là người có ý thức cao, chủ động trong cuộc sống của chính mình, những người này sẽ đi nhanh đến thành công hơn.  - Phên phán một số người không có tinh thần tự học.  - Học sinh tự lấy dẫn chứng về những người ham học, có tinh thần tự học và thành công để minh họa cho bài văn của mình.  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | | 5TN | 2TL |  | |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | |  | |  |  | 1TL\* | |
| **Tổng** | | | |  | | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN**

*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì… Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.*

*Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.*

*(Con lừa và bác nông dân.* TruyenDanGian.Com.)

**Câu 1**. **Truyện *Con lừa và bác nông dân* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

**Câu 2**. **Trong đoạn 1 con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?**

A. Con lừa sẩy chân rơi xuống một cái giếng.

B. Đang làm việc quanh cái giếng .

C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.

D. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

**Câu 3*.* Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?**

A. Ra sức kéo con lừa lên.

B. Động viên và trò chuyện với con lừa.

C. Ông nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.

D. Ông nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

**Câu 4*.* Dấu ba chấm** **trong câu sau có tác dụng gì ?**

*Một ngày nọ,*[*con lừa*](https://truyendangian.com/cau-chuyen-con-lua/)*của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì…*

A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.

C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..

D. Thể hiện sự bất ngờ.

**Câu 5**. **Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?**

A.Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.

B. Vì ông không thích chú lừa .

C.Ông nghĩ con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

D. Ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

**Câu 6**. **Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?**

A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.

B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.

C. Là hình ảnh lao động .

D. Là sự chôn vùi, áp bức.

**Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?**

A. Ông chủ cứu chú lừa.

B. Chú biết giũ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.

C. Chú lừa giẫm lên chỗ đất cát có sẵn trong giếng để thoát ra.

D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ cát ông chủ đổ xuống để thoát ra.

**Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của chú lừa?**

A. Nhút nhát, sợ chết.

B. Bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh.

C. Yếu đuối.

D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

**Câu 9**. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

**Câu 10** . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được :  - Người nông dân: Lúc đầu định giúp lừa ra khỏi giếng, nhưng sau nghĩ lừa già và cái giếng cũng cần được lấp. Vì thế, nhanh chóng buông xuôi, bỏ cuộc.  - Con lừa: Lúc đầu kêu la thảm thiết muốn thoát khỏi giếng nhưng rồi đã khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp nó thoát ra khỏi cái giếng. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  VD: Trong bất cứ hoàn cảnh (khó khăn, thử thách nào trong cuộc sông), sự hi vọng, dũng cảm, nỗ lực sẽ đem đến cho chúng ta sức mạnh vì:   * Hi vọng giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, xóa đi mệt mỏi. * Giúp chúng ta tìm ra cách giải quyết, là động lực giúp chúng ta vượt quan những khó khăn, thử thách…   Hoặc: Sự ứng biến trong mọi hoàn cảnh… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống)  - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. (Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng) ).  - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...  - Bài học rút ra: Vai trò to lớn, cần thiết, có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh;  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Viết bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh dùng để giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. Giải thích được rõ ràng các quy định về một hoạt động, trò chơi/ hướng dẫn cụ thể theo đúng một quy trình nào đó đối với một trò chơi hay một hoạt động. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

**ÁNH TRĂNG**

*Hồi nhỏ sống với đồng  
với sông rồi với bể  
hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ  
ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa*

*Từ hồi về thành phố  
quen ánh điện, cửa gương  
vầng trăng đi qua ngõ  
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt  
phòng buyn-đinh tối om  
vội bật tung cửa sổ  
đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình.*

*(Ánh trăng*, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984*)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ *Ánh trăng* được làm theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Tự do

C. Năm chữ

D. Lục bát

**Câu 2.** Khi gặp lại vầng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

A. Rưng rưng

B. Lo âu

C. Ngại ngùng

D. Vô cảm

**Câu 3.** Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?

1. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh.
2. Hồi chiến tranh, hồi về thành phố.
3. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố.
4. Hồi ở rừng, hồi chiến tranh.

**Câu 4.** Từ tri kỉ trong câu “*vầng trăng thành tri kỉ*” có nghĩa là gì?

A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình

B. Biết được giá trị của người nào đó

C. Người có hiểu biết rộng

D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

**Câu 5.** Từ *“ngỡ”* trong câu *“ngỡ không bao giờ quên”* đồng nghĩa với từ nào? ?

A. Nói

B. Bảo

C. Thấy

D. Nghĩ

**Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*như là đồng là bể* - *như là sông là rừng”*?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Nói quá

D. Nói giảm, nói tránh

**Câu 7.** Hình ảnh *“trăng cứ tròn vành vạnh”* tượng trưng cho điều gì? ?

A. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy.

B. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn.

C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.

D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.

**Câu 8.** Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*” ?

A. Vì bất chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo của mình

B. Vì vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.

C. Vì vầng trăng đã gợi lại kỉ niệm xưa.

D. Vì bất ngờ *“ta”* gặp lại vầng trăng xưa.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Câu chuyện trong bài thơ *Ánh trăng* muốn nhắc nhở chúng ta điều gì về thái độ sống?

**Câu 10.** Em hãy tìm một câu tục ngữ diễn tả chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Em hãy viết một bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Bài thơ gợi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo. | 1 |
| **10** | Tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn” | 1 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.* | 0,25 |
|  | *c. Thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.*  Học sinh có thể thuyết minh theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | * Giới thiệu được trò chơi. * Miêu tả cách chơi (quy tắc). * Miêu tả luật chơi. * Nêu tác dụng của trò chơi. * Nêu ý nghĩa của trò chơi. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, tri thức chính xác, miêu tả sinh động hấp dẫn. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (bốn, năm chữ) | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ  ( bốn, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ. (1)  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ. (2)  - Xác định được phó từ. (3).  **Thông hiểu:**  - Rút ra được chủ đề mà bài thơ muốn gởi đến người đọc. (5)  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh(6).  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua biện pháp tu từ. (4)  **-** Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua nhịp trong thơ năm chữ (7)  - Hiểu và lí giải được tình cảm và cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ. (8)  **Vận dụng**:  - Cảm nhận thông điệp của bài thơ thể hiện qua cách nhìn của người viết (9).  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học cho bản thân. (10) | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

**Thời gian: 90 phút** *, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU: (6.0 ĐIỂM)**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

**NƠI TUỔI THƠ EM**

*Có một dòng sông xanh*

*Bắt nguồn từ sữa mẹ*

*Có vầng trăng tròn thế*

*Lửng lơ khóm tre làng*

*Có bảy sắc cầu vòng*

*Bắt qua đồi xanh biếc*

*Có lời ru tha thiết*

*Ngọt ngào mãi vành nôi*

*Có cánh đồng xanh tươi*

*Ấp yêu đàn cò trắng*

*Có ngày mưa tháng nắng*

*Đọng trên áo mẹ cha*

*Có một khúc dân ca*

*Thơm lừng hương cỏ dại*

*Có tuổi thơ đẹp mãi*

*Là đất trời quê hương.*

(*Nguyễn Lãm Thắng, Giấc mơ buổi sáng* – Tuyển tập thơ thiếu nhi, NXB Văn học, 2017 )

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**: Hãy gọi tên thể loại của văn bản trên:

A. Thơ lục bát B. Thơ tự do C. Thơ bốn chữ D. Thơ năm chữ

**Câu 2**: Cách ngắt nhịp của hai dòng thơ sau đây là:

*"Có một dòng sông xanh*

*Bắt nguồn từ sữa mẹ"*

A. Nhịp 2/2/1 B. Nhịp 3/2 C. Nhịp 2/3 D. Nhịp 2/1/2

**Câu 3**: Tìm phó từ trong câu thơ : “*Ngọt ngào mãi vành nôi”*

A. ngọt ngào B. mãi C. vành D. nôi

**Câu 4:** Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai dòng thơ:

*"Có tuổi thơ đẹp mãi*

*Là đất trời quê hương"*

A. Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

B. Biểu đạt được suy nghĩ, tình cảm của con người

C. Làm cho câu thơ, câu văn hấp dẫn và thú vị

D. Làm nổi bật ý, biểu lộ tình cảm, gây cảm xúc mạnh

**Câu 5**: Chủ đề của văn bản trên là:

A. Ca ngợi tình yêu quê hươngB.Ca ngợi tình bà cháu

C. Ca ngợi tình bạn bè D. Ca ngợi tình anh em

**Câu 6**: Thiên nhiên được khắc họa trong hai dòng thơ gợi nét đẹp nào của quê hương?

*"Có vầng trăng tròn thế*

*Lửng lơ khóm tre làng"*

A. Bình yên, thơ mộng

B. Thơ mộng, tươi đẹp

C. Giản dị, bình yên

D. Tươi đẹp, giản dị

**Câu 7:** Tác dụng cách ngắt nhịp của hai dòng thơ sau:

*“Có tuổi thơ đẹp mãi*

*Là đất trời quê hương.”*

A. Liên kết các dòng và câu thơ , đánh dấu nhịp thơ.

B. Tạo nhịp điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ

C. Làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc

D. Tạo tiết tấu, nhạc điệu, góp phần biểu đạt nội dung thơ.

**Câu 8:** Từ “bắt nguồn” trong bài thơ trên được hiểu là:

A. Nơi bắt đầu

B. Nơi cung cấp

C. Nơi xuất hiện

D. Nơi nảy sinh

**Câu 9**: Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ là gì?

**Câu 10**: Qua bài thơ, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT: (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả).

…………………………………………….Hết……………………………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS trình bày được ý nghĩa thông điệp của văn bản (Gợi ý: Hãy biết trân trọng những hình ảnh gần gũi, giản dị của quê hương, …). | 1,0 |
|  | **10** | HS trình bày được bài học từ văn bản gợi ra. (Gợi ý: yêu quê hương…) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc một bài văn tự sự đã học.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài*.  Kể sự việc có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. | 0,25 |
|  | c*. Triển khai vấn đề:*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:  - Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.  - Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/sự kiện lịch sử; kết hợp kể chuyện với miêu tả.  - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**HẾT**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Kĩ năng | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng  % điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1 | Đọc hiểu | Truyện ngụ ngôn | 5 | 0 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| 2 | Viết | Kể lại một câu chuyện ngụ ngôn mà em thích. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Tổng | | | *25* | *5* | *15* | *15* | *0* | *20*  *10* | *0* | *10* | 100 |
| Tỉ lệ % | | | 30% | | 30% | | 30% | | 10% | |
| Tỉ lệ chung | | | 60% | | | | 40% | | | |  |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Đọc hiểu | Truyện ngụ ngôn | Nhận biết:  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  - Nhận biết được nhưng dấu hiệu của đặc trưng thể loại truyện ngụ ngôn. (câu 1, 2)  - Nhận biết được ngôi kể (câu 3)  Thông hiểu:  - Nêu được chủ đề của văn bản. (câu 4)  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa của chi tiết tiêu biểu (câu 5,6)  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản. (câu 7,8)  Vận dụng  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng của văn bản (câu 9).  - Rút ra được bài học từ văn bản. (câu 10). | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| 2 | Viết | Kể lại một câu chuyện ngụ ngôn mà em thích. | Nhận biết:  Thông hiểu:  Vận dụng:  Vận dụng cao:  Em hãy kể lại một truyện ngụ ngôn mà em thích bằng lời văn của em. |  |  |  | 1TL\* |
| Tổng | | |  | 4 TN  1TL\* | 4TN  1TL\* | 2 TL  1TL\* | 1 TL\* |
| *Tỉ lệ %* | | |  | *25* | *35* | *30* | *10* |
| Tỉ lệ chung | | |  | 60 | | 40 | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

Môn Ngữ văn lớp 7

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Từ dưới đáy giếng nhìn lên, ếch ta chỉ thấy một khoảng trời bé bằng cái vung. Nó nghĩ: Tất cả vũ trụ chỉ có vậy, vì thế ếch tự coi mình là chúa tể. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch nhâng nháo nhìn lên trời, nó bỗng thấy cả một bầu trời rộng lớn hơn nhiều so với cái khoảng trời nó vẫn thấy. Ếch ta không tin và thấy bực bội vì điều đó. Để ra oai, nó cất tiếng kêu ồm ộp. Vị chúa tể hy vọng là sau những tiếng kêu của mình, mọi thứ phải trở lại như cũ. Nhưng bầu trời vẫn là bầu trời. Còn con ếch vì mải nhìn lên trời đã không chú ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.

(Theo Minh Hạnh và Phan Hồng Sơn, SGK Ngữ văn 6 tập 1, NXB GDVN)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Truyện ngụ ngôn là

A. truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

B. truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

C. truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.

D. truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.

**Câu 2:** Lí do nào mà Ếch tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung?

A. Nó sống lâu ngày trong giếng, nhìn lên chỉ thấy một không gian bầu trời nhỏ và tròn bằng khuôn giếng.

B. Xung quanh nó chi có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ.

C. Êch kêu ồm ộp làm cho những con cua, con ốc hoảng sợ.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 3:** Truyện Ếch ngồi đáy giếng được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất.

B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba.

**Câu 4:** Bài học nào không chính xác từ truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng gợi ra?

A. Thế giới là vô cùng rộng lớn, phải luôn luôn mở rộng tầm hiểu biết của mình.

B. Không nên chủ quan, kiêu ngạo,  nếu không phải trả một giá rất đắt.

C. Không nên tham lam những thứ không phải của mình

D. Chú ý học hỏi, có tinh thần cầu thị, tìm hiểu để thích nghi

**Câu 5:** Trong truyện Êch ngồi đáy giếng, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?

A. Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.

B. Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.

C. Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.

D. Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

**Câu 6:** Khi nước tràn vào giếng và đưa ếch ra ngoài, thái độ của ếch như thế nào khi nhìn thấy cảnh vật chung quanh?

A. Rất lo lắng và sợ sệt vì mọi thứ quá xa lạ.

B. Đắc ý vì cảnh vật mới không bằng nơi nó sinh sống bấy lâu.

C. Nghênh ngang đi lại khắp nơi, dương dương tự đắc vì nghĩ mình là chúa tể của muôn loài.

D. Cười nhạo báng tất cả mọi thứ ếch gặp trên đường.

**Câu 7:** Trong truyện, thực chất ếch là con vật như thế nào?

A. Có tầm hiểu biết sâu rộng và có vốn sống dồi dào.

B. Có vốn sống bình thường nhưng luôn biết học hỏi.

C. Có tầm hiểu biết sâu rộng nhưng không chịu học hỏi những con vật khác ở chung quanh.

D. Có hiểu biết nông cạn, hời hợt nhưng lại thích huênh hoang.

**Câu 8:**  Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?

A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.

B. Ếch bị một con voi giẫm chết,

C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.

D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp dí.

**Câu 9:**  Do đâu ếch bị con trâu đi qua dẫm bẹp?

**Câu 10**. Truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng” nhằm nêu lên bài học gì, ý nghĩa của bài học?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy kể lại một truyện ngụ ngôn mà em thích bằng lời văn của em.

------------------------- Hết -------------------------

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | 6,0 |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
|  | 9 | Ếch vẫn có tư tưởng cũ rằng nó là chúa tể, bầu trời chỉ bé bằng vung  - Nó không chịu quan sát mọi vật xung quanh, không chịu mở rộng tầm nhìn  - Thái độ kiêu ngạo, tự phụ khiến nó chủ quan  → Ếch chết vì sự thiếu hiểu biết, thiếu quan sát, học hỏi | 1,0 |
|  | 10 | Bài học từ truyện:  - Môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh  - Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự hiểu biết  - Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt | 1,0 |
| II |  | VIẾT | 4,0 |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  kể lại một câu chuyện ngụ ngôn | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ ba.  - Giới thiệu được truyện ngụ ngôn.  - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Ý nghĩa của câu chuyện ngụ ngôn đối với bản thân em. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

HẾT

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện khoa học viễn tưởng | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lúx. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đống đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trăng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đống đá ngổn ngang. ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”*

(Trích *Chương 33*-*Hai vạn dặm dưới đáy biển*- Junles Verne; Lê Anh (Đỗ Ca Sơn) dịch từ bản tiếng Nga; Nhà xuất bản Văn học)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản truyện ngụ ngôn

B. Văn bản thông tin

C. Văn bản khoa học viễn tưởng

D. Văn bản tản văn, tùy bút

**Câu 2:** Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ? (Biết)

A. Lửa cháy trong nước

B. Đống xương khô

C. Các loại động vật kì lạ

D. Những ngọn núi dưới đáy biển

**Câu 3:** Thuyền trưởng Nê-mô được so sánh với ai? (Biết)

A. Vị thần núi

B. Vị thần biển

C. Vị thần ánh sáng

D. Vị thần khổng lồ

**Câu 4:** Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy? (Biết)

A. Ngôi thứ ba.

B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ nhất.

D. Kết hợp nhiều ngôi kể.

**Câu 5:** Vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại tự tin trong cuộc thám hiểm ở dưới đáy biển được nêu trong đoạn trích? (Biết)

A. Ông đã từng thám hiểm ở vị trí này

B. Ông rất khỏe mạnh, cường tráng

C. Ông có những thiết bị hiện đại

D. Ông có nhiều kinh nghiệm với các cuộc thám hiểm

**Câu 6:** Nghĩa của từ “ám ảnh” trong câu “Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi” là gì? (Hiểu)

A. Điều tốt đẹp luôn lởn vởn trong tâm trí, không sao xua đi được

B. Điều không hay luôn lởn vởn trong trí, không sao xua đi được

C. Sự tưởng tượng về một thế giới không có thực

D. Hình ảnh khắc sâu trong tâm trí không sao xua đi được

**Câu 7:** Trong các câu dưới đây câu văn nào sử dụng số từ? (Hiểu)

A. Một ánh hào quang trăng trắng phát ra từ phía ngọn núi [...].

B. Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi.

C. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi

D. Đáy biển ngày càng nhiều đá.

**Câu 8:** Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào? (Hiểu)

*“Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”*

A. Mở rộng thành phần chủ ngữ

B. Mở rộng thành phần trạng ngữ

C. Mở rộng thành phần vị ngữ.

D. Mở rộng cả chủ ngữ và vị ngữ.

**Câu 9:** Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối mỗi người hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Em hãy nêu hai đến ba cách để có thể khám phá được những vùng đất mới lạ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bày tỏ cảm xúc về một người mà em yêu quý. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 cách thức khám phá những vùng đất mới lạ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* **Mở bài** nêu được nhân vật sẽ biểu cảm và biểu lộ cảm xúc sâu sắc của người viết giành cho nhân vật, **thân bài** lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật, **kết bài** khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: tình cảm, cảm xúc của cá nhân đối với nhân vật | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành giành cho nhân vật. |  |
|  | - Giới thiệu được nhân vật sẽ biểu cảm  - Biểu lộ những tình cảm, cảm xúc giành cho nhân vật: hình dáng, hành động, tính cách, kỉ niệm,...(sử dụng kết hợp các chi tiết miêu tả, tự sự để biểu cảm)  - Khẳng định được tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật  - Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**MÈO ĂN CHAY**

*Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vồ bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.*

*Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng từ nay nó không bắt chuột nữa vì nó tu hành nên kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh. Lúc đầu, đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng mấy ngày sau vẫn thấy mèo ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật. Vì thế, đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.*

*Một buổi tối, cả đàn lại xếp hàng một đi qua chỗ mèo già ngồi để vào hang. Mèo ta biết thế, liền cho đàn chuột chui vào hang chỉ còn lại con cuối cùng, liền vồ lấy nuốt chửng. Hôm đầu, thấy thiếu một con thì chúng đâm hoang mang. Con chuột đầu đàn nghi là mèo già bắt, hôm ấy thử đi ở cuối cùng xem sự thể ra sao.*

*Mèo ta nhe răng, giơ vuốt ra vồ, chuột đầu đàn chỉ kịp kêu thét lên báo cho cả đàn rồi cũng bị mèo nuốt chửng.*

*Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.*

*(https://thuvienpdf.com/chi-tiet-tang-thu-vien/133/PO-meo-an-chay)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (Biết)

1. Ngôi thứ nhất
2. Ngôi thứ hai
3. Ngôi thứ ba
4. Kết hợp nhiều ngôi kể

**Câu 2:** Nhân vật chính trong truyện là mèo già. Đúng hay sai? (Biết)

A. Đúng

B. Sai

**Câu 3:** Trong câu văn: *“Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vồ bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.”* có mấy phó từ chỉ số lượng?(Biết)

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 4:** Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí? (Hiểu)

1. Cả bầy chuột hoang mang, chuột đầu đàn thử đi cuối cùng để kiểm chứng và cũng bị mèo già tóm gọn.
2. Mèo già không bắt được chuột, bèn nghĩ ra cách giả vờ ăn chay.
3. Từ đó, đàn chuột không dám tin lời những kẻ độc ác, giả nhân giả nghĩa.
4. Một hôm, mèo già vồ lấy con chuột cuối đàn.
5. Đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.
6. (2) – (5) – (4) – (1) – (3)
7. (1) – (5) – (4) – (3) – (2)
8. (4) – (3) – (2) – (1) – (5)
9. (5) – (2) – (4) – (1) – (3)

**Câu 5:** Hành động “*mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh mấy ngày liền*” nhằm mục đích gì? (Hiểu)

A. Để sám hối tội lỗi

B. Để giết thời gian

C. Để đánh lừa bầy chuột

D. Để rình con mồi

**Câu 6:** Việc đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa cho thấy thái độ gì của đàn chuột? (Hiểu)

A. Chủ quan

B. Tự tin

C. Thiếu cảnh giác

D. Kiêu ngạo

**Câu 7:** Từ “*sám hối*” trong câu văn: “*Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật”* được hiểu như thế nào? (Hiểu)

A. Thú nhận tội lỗi đã gây ra

B. [Ăn năn](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%82n_n%C4%83n) [tội lỗi](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%99i_l%E1%BB%97i) đã gây ra

C. Lo lắng về tội lỗi đã gây ra

D. Xấu hổ về tội lỗi đã gây ra

**Câu 8:** Thành ngữ “*giả nhân giả nghĩa”* trong câu văn: “*Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.”* nói đến điều gì*?* (Hiểu)

A. Giả vờ tỏ ra tử tế, nhân nghĩa

B. Nói những điều không đúng sự thật

C. Cố tình đánh lừa người khác

D. Che đậy việc làm sai trái

**Câu 9:** Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên? (Vận dụng)

**Câu 10:** Em có đồng tình với việc làm của mèo già trong câu chuyện không? Vì sao? (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả). (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS rút ra được bài học phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến đồng tình / không đồng tình và lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức). | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:* Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sư việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề:*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.  - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện  - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.  - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện.  **-** Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Biểu cảm về người thân | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được thời gian, ý nghĩa, cách thức tổ chức của lễ hội..  - Xác định được số từ.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được thông tin trong văn bản (thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng).  - Giải thích được ý nghĩa chức năng liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Biểu cảm về người thân | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm về người thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LỄ HỘI ĐỀN HÙNG**

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phần rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, … của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích, ….

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Ðến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Ðây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.

[Lễ hội đền Hùng | Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ (phutho.gov.vn)](https://phutho.gov.vn/vi/le-hoi-den-hung)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết văn bản “Lễ hội đền Hùng” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản tự sự

**Câu 2:** Văn bản “Lễ hội đền Hùng” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

A. Thời gian, địa điểm, phần lễ - hội, ý nghĩa

B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần lễ

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, địa điểm, ý nghĩa

D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần hội

**Câu 3:** Đền Hùng nằm ở tỉnh nào? (Biết)

A. Nam Định

B. Phú Thọ

C. Bắc Giang

D. Thái Bình

**Câu 4:** Lễ hội đền Hùng nhắc đến ngành nghề nào của nước ta? (Biết)

A. Công nghiệp

B. Thương nghiệp

C. Nông nghiệp

D. Lâm nghiệp

**Câu 5:** Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau: “Ðây là **một** tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”. (Biết)

A. Số từ biểu thị số lượng chính xác

B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng

C. Số từ biểu thị số thứ tự

D. Số từ biểu thị số lượng

**Câu 6:** Sự tích nào sau đây liên quan đến lễ hội đền Hùng? (Hiểu)

A. Sự tích “Bánh chưng, bánh giày”

B. Sự tích “Cây lúa”

C. Sự tích “Quả dưa hấu”

D. Sự tích “Trầu cau”

**Câu 7:** “Lễ hội đền Hùng” nhắc đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam ta? (Hiểu)

A. Tương thân tương ái

B. Uống nước nhớ nguồn

C. Tôn sư trọng đạo

D. Lá lành đùm lá rách

**Câu 8:** Nhắc đến lễ hội đền Hùng, người dân Việt Nam ta thường hay nhắc nhở nhau bằng bài ca dao nào? (Hiểu)

1. Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

1. Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

C. Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.

1. Nhiễu điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

**Câu 9:** Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta? (Vận dụng)

**Câu 10:** Em hãy nêu 02 việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn? (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết một bài văn bày tỏ cảm xúc về một người thân mà em yêu quý (ông, bà, cha, mẹ). (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời những ý nghĩa hợp lí. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 việc làm thể hiện lòng biết ơn. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài, thân bài, kết bài | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của cá nhân đối với người thân. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí*  HS triển khai bài văn theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác biểu cảm, kết hợp miêu tả, tự sự. Sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu về nhân vật biểu cảm.  - Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc chân thật của người viết qua những phương diện:  + Biểu cảm về ngoại hình.  + Biểu cảm về tính tình, việc làm, sở thích,...  + Biểu cảm về một kỉ niệm đáng nhớ.  - Khẳng định tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

# PHẦN I: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ

**I. CÁCH LÀM BÀI**

**1.Mở bài**

– Dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận

– Nêu vấn đề cần nghị luận ra (trích dẫn)

– Phải làm gì về vấn đề đưa ra nghị luận (có tính chuyển ý)

**2. Thân bài**

**\* Bước 1: Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (…).**

Tùy theo yêu cầu đề bài có thể có những cách giải thích khác nhau:

– Giải thích khái niệm, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

Giải thích nghĩa đen của từ ngữ, rồi suy luận ra nghĩa bóng, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

– Giải thích mệnh đề, hình ảnh trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

*\* Lưu ý: Tránh sa vào cắt nghĩa từ ngữ (theo nghĩa từ vựng).*

**\* Bước 2:** **Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (…)**

Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: Tại sao? (Vì sao?) Vấn đề được biểu hiện như thế nào? Có thể lấy những dẫn chứng nào làm sáng tỏ?

**\* Bước 3**: **Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến…):**

– Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề, mức độ đúng – sai, đóng góp – hạn chế của vấn đề.

– Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận (…)

– Mở rộng vấn đề

**\* Bước 4**: **Rút bài học nhận thức và hành động**

– Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm, …(Thực chất trả lời câu hỏi: từ vấn đề bàn luận, hiểu ra điều gì? Nhận ra vấn đề gì có ý nghĩa đối với tâm hồn, lối sống bản thân?…)

– Bài học hành động – Đề xuất phương châm đúng đắn, phương hướng hành động cụ thể

(Thực chất trả lời câu hỏi: Phải làm gì? …)

**Kết bài**

– Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (…)

– Lời nhắn gửi đến mọi người (…)

### ĐỀ 1: LÒNG TỰ TRỌNG

**I. Mở bài**

**MB1**: Từ xưa đến nay, trên khắp đất nước Việt Nam ta bất kể thời đại nào thì nhân dân ta vẫn luôn đặt đạo đức là chuẩn mực hàng đầu đối với con người. Điều đó lại càng đặc biệt cần thiết trong xã hội hiện đại ngày nay. Chính vì thế mà đạo đức luôn là thước đo để đánh giá một con người một trong những đức tính được quan tâm và đánh giá nhất là lòng tự trọng, lòng tự trọng là đức tính đầu tiên con người cần phải có.

**MB2:** Người ta thường nói, đối với mỗi người bản thân mình là quan trọng nhất. Nhưng để hiểu về bản thân một cách rõ ràng, cụ thể và đặc biệt biết cách khẳng định giá trị bản thân trong cuộc sống thì đó lại là vấn đề khiến chúng ta phải suy nghĩ. Những người làm được điều đó là những người nhận thức rất rõ “lòng tự trọng”

**II. Thân bài**

1. **Giải thích về lòng tự trọng**

- Lòng tự trọng là ý thức của chính bản thân, có nghĩa là biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của chính mình.

- Tự trọng là lòng tự quý mình, tự coi mình có giá trị không bao giờ thất vọng về bản thân.

=>Phân biệt được giá trị của bản thân: thiện ác và quan niệm về lí tưởng sâu sắc  
**2. Phân tích chứng minh biểu hiện của lòng tự trọng**

***a. Tự trọng là sống trung thực***

- Hết lòng vì công việc, trung thực trong công việc và học tập là tự trọng

- Dám nhận ra lỗi sai của mình, sống có trách nhiệm và sống trong sang, thẳng thắng

**\*DẪN CHỨNG CỤ THỂ TÍCH CỰC**

-Trong thực tế có rất nhiều người sống một cách trung thực, dám nhận lỗi sai khi làm sai.

- Trong văn học có nhân vật Lão Hạc một người có lòng tự trọng cao cả, vì không muốn phiền hà tới hàng xóm ông đã tự dành dụm một số tiền để tự lo ma chay cho bản thân mình, dù quá nghèo đói ăn củ sung, rau má nhưng ông vẫn không hề đụng vào số tiền lo ma chay cũng như mảnh vườn mà ông để lại cho con trai của mình.

***b. Tự trọng là biết giữ gìn nhân cách, phẩm giá của mình.***

- Lòng tự trọng thể hiện ở dám bên vực kẻ yếu dù cho nó có ảnh hưởng đến quyền lợi của mình

- Lòng tự trọng có nhiều mức độ: tự trọng bản thân, tự trọng quốc thể, tự trọng dân tộc....  
**Ví dụ**: Hoàng không học bài, Hoàng chấp nhận điểm kém chứ nhất quyết không nhìn bài bạn.

1. **Vai trò lòng tự trọng**

- Lòng tự trọng là một thước đo nhân cách của con người trong xã hội  
- Xã hội ngày càng văn mình và hiện đại nếu con người biết sống tự trọng  
- So sánh giữa tự trọng với tự ái, tự cao,….

**4. Phản đề**

Tuy nhiên bên cạnh đó có 1 số bộ phận sống không tự trọng như nhiều bạn không dám thừa nhận lỗi sai của mình khi làm sai hoặc có nhiều người sống không trung thực trong học tập và trong thi cử.

**5. Bài học nhận thức về lòng tự trọng**

Giá trị bản thân mỗi con người được làm nên từ lòng tự trọng, hướng con người tới những chuẩn mực chung của xã hội, giúp cho cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn.

**III. Kết bài**

Nêu cảm nghĩ của em về lòng tự trọng và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

**ĐỀ 2: LÒNG VỊ THA**

**A.Mở bài**

Để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc và thành công, mỗi người cần có nhiều đức tính. Một trong những đức tính cần có đó là lòng vị tha. (Cái này có thể áp dụng cho rất nhiều đề như: đức tính giản dị, trung thực, cần cù, …)

**B.Thân bài**

**1.Vị tha là gì?**

Vị tha có nghĩa là sống vì người khác (vị = vì; tha = người khác), không ích kỷ, không vì riêng mình, không mưu lợi cá nhân. Lòng vị tha là sự hy sinh một điều gì cho ai đó không phải là bản thân mình (ví dụ hy sinh thời gian, tiền bạc, của cải) mà không kỳ vọng sẽ được ghi nhận hay sự đền đáp hoặc lợi ích dù là trực tiếp, hay gián tiếp từ phía người nhận hoặc cộng đồng.

Lòng vị tha chính là biểu hiện cao đẹp nhất phẩm chất nhân hậu của con người. Nó không đòi hỏi gì nhiều ngoài một trái tim biết chia sẻ vui buồn, biết yêu thương đồng loại.

**2.Những biểu hiện của lòng vị tha:**

**2.1.Trong công việc**

– Người có lòng vị tha là người luôn đặt mục đích của mọi việc làm là vì người khác, vì xã hội. Nếu có vì mình cũng luôn cố gắn với lợi ích chung của mọi người.

– Khi làm việc luôn giành phần khó khăn về mình, không lười biếng, tránh né, đùng đẩy công việc cho người khác. Khi gặp khó khăn biết đứng ra gánh vác trọng trách.

– Khi gặp thất bại không đỗ lỗi cho người khác. Phải nghiêm túc nhìn nhận những sai trái của bản thân. Khi thành công không khoe khoang, kể lể công trạng. **(Dựa vào biểu hiện để nêu ví dụ, hoặc có thể nêu biểu hiện)**

**2.2.Trong quan hệ với mọi người**

– Người có lòng vị tha luôn sống hòa nhã, vui vẻ, thân thiện với mọi người. Họ dễ đồng cảm, chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ người khác. Họ cũng biết kìm nén cảm xúc của riêng mình để làm vui lòng người khác.

– Luôn nghĩ về người khác trước khi nghĩ đến mình (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ).

**Ví dụ: Kiều trong Truyện Kiều***….(Ví dụ: Kiều khi ở lầu Ngưng Bích vẫn không quan tâm đến mình mà vẫn lo lắng cho cha mẹ, người yêu đây chính là biểu hiện của vị tha, vì người khác*

– Người có lòng vị tha dễ thông cảm và tha thứ lỗi lầm của người khác. Họ ít khi bắt bẻ hay gây khó dễ cho người khác khi họ mắc lỗi lầm.

– Người có lòng vị tha luôn trăn trở, day dứt về những hành động và lời nói. Không bao giờ họ làm phương hại đến người khác.

**3.Ý nghĩa của lòng vị tha trong cuộc sống:**

**3.1.Đối với bản thân**

– Có lòng vị tha mới được đức hi sinh, tinh thần xả thân, mới chiến thắng được lòng vị kỉ, chủ nghĩa cá nhân. Đó là cơ sở để hoàn thiện nhân cách. Cuộc sống luôn có những xung đột xảy ra. Hãy tha thứ cho những người đã làm bạn tổn thương. Vì đó là cách tốt nhất để kết nối tình cảm và tìm lấy sự an bình cho tâm hồn.

– Lòng vị tha giúp ta sống bình an và thanh thản tâm hồn. Sống bằng lòng vị tha giúp môi trường sống thân thiện, cuộc sống chung có chất lượng hơn.

– Người có lòng vị tha được mọi người yêu mến, nể trọng. Bởi vậy, họ thường được giúp đỡ và dễ thành công trong cuộc sống.

**3.2. Đối với xã hội**

– Lòng vị tha có thể cảm hóa được người tha hóa, giúp họ tìm lại được niềm tin vào chính mình và trở lại cuộc sống lương thiện. Lòng vị tha cũng có thể chuyển hóa những hoàn cảnh xấu trở nên tốt đẹp hơn.

– Lòng vị tha là động lực xây nên những giá trị khoa học và nghệ thuật đích thực đóng góp cho con người. Nhà thơ Đỗ Phủ khi xưa ước mơ về ngôi nhà chung che bão tố khắp văn sĩ trên đời. Nam Cao coi tình thương đồng loại là nguyên tắc sống, là lẽ sống của con người. Trong khi tổ chức đời sống chưa hợp lí, chưa bình đẳng giữa con người thì tình yêu thương vị tha là phương cách duy nhất hữu ích để cân bằng. Yêu thương sẽ dành cho người thiệt thòi một cơ hội được học tập, vươn lên và bình đẳng nhau trong những giá trị chung tốt lành của xã hội.

– Lối sống vị tha phù hợp với xu thế của thời đại mới, thời đại toàn cầu hóa, trên cơ sở hợp tác và chia sẻ.

1. **Phê phán:**

– Sống vị tha không có nghĩa là nuông chiều những thói hư tật xấu, bao biện dung túng những khuyết điểm. Sống vị tha phải có bản lĩnh cá nhân, luôn có chủ kiến cá nhân, không lệ thuộc vào người khác.

– Phê phán lối sống vị kỉ, chỉ biết sống cho bản thân mình, lạnh lùng, dửng dưng trước nỗi đau của đồng loại. Lối sống ích kỉ sẽ gây ra sự mất đoàn kết, làm suy giảm sức mạnh tập thể, của động đồng.

– Phê phán những làm từ thiện nhưng không phải xuất phát từ tâm mà để nổi tiếng.

1. **Bài học nhận thức:**

– Rèn luyện đức tính vị tha bằng cách luôn tự hỏi bản thân đã gì cho người khác trước khi cho bản thân mình.

– Biết tha thứ cho người khác và cũng tha thứ cho bản thân mình.

– Biết lắng nghe cũng như biết chia sẻ với người khác những điều không vừa ý.

1. **Kết bài:**

Vị tha không có nghĩa là sẽ tha thứ mọi lỗi lầm. Có những việc làm không thể tha thứ được .Cũng có những người ta khoogn thể tha thứ được. Sống có lòng vị tha là phải biết đấu tranh chống lại cái xấu, kẻ xấu, bảo vệ công lí.

**ĐỀ 3: LÒNG YÊU NƯỚC**

## A.Mở bài

Dẫn dắt từ truyền thống yêu nước của dân tộc ta được gìn giữ và phát triển qua nhiều thế hệ.

Đặt ra câu hỏi: Liệu tinh thần yêu nước xưa và nay có thay đổi, có khác biệt hay không.

## B.Thân bài

### 1. Giải thích về lòng yêu nước

* Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước, là hành động, là không ngừng nỗ lực để xây dựng và phát triển đất nước.
* Lòng yêu nước là một tình cảm thiêng liêng, cao quý của mỗi người dành cho đất nước mình.

### 2. Biểu hiện của lòng yêu nước

* ***Thời kì chiến tranh***

– Đứng lên, cầm súng ra chiến trường để chiến đấu chống lại kẻ thù. Không ngại khó khăn, gian khổ mà xông lên giành độc lập cho dân tộc.

– Ở hậu phương  thì không ngừng tăng gia sản xuất, chắt chiu lương thực, thực phẩm để chi viện cho chiến trường

– Lòng yêu nước ở giai đoạn này là một tình cảm quyết liệt mà mạnh mẽ

– Lấy ví dụ, lòng yêu nước thể hiện qua một số câu nói nổi tiếng như: “Giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh”  hay “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”.

– Các tấm gương hi sinh anh dũng cho độc lập dân tộc: Võ Thị Sáu, Kim Đồng, Nguyễn Văn Thạc…

– Sức mạnh của lòng yêu nước vô cùng lớn, như Bác Hồ đã nói: “Lòng yêu nước có thể nhấn chìm bè lũ bán nước và cướp nước”

* ***Thời kỳ hòa bình***

– Thể hiện ở nhưng hoạt động nhằm hướng tới con đường xã hội chủ nghĩa. Với mong muốn mang lại cuộc sống no đủ, đầm ấm cho nhân dân và sự phát triển bền vững.

– Thể hiện trong công việc và trong cuộc sống. Là không ngừng nỗ lực để góp phần đưa đất nước sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

* Ngoài ra, lòng yêu nước còn thể hiện qua những tình cảm giản dị, gần gũi: tình yêu gia đình, tình yêu thiên nhiên, tình yêu thương giữa con người với con người…
* Lòng yêu nước còn là niềm trăn trở trước những vấn đề của đất nước, dùng hành động thực tế để giải quyết những vấn đề đó.
* Lòng yêu nước còn được thể hiện ở lòng tự hào dân tộc: biểu hiện cụ thể qua các áng thơ văn ngợi ca tinh thần ngoan cường của dân tộc; các bảo tang lưu giữ những kỷ vật khắc ghi chiến công của các anh hùng liệt sĩ đã hi sinh vì độc lập, tự do cho dân tộc.

### 3. Vai trò của lòng yêu nước

* Là bệ đỡ tinh thần cho con người: là nguồn cảm hứng bất tận cho các nghệ sĩ; giúp đồng bào luôn vững tâm tiến bước (Kiều bào luôn hướng về tổ quốc; Con người khi về già đều muốn trở về nơi chôn rau cắt rốn). Chính lòng yêu nước đã bồi dưỡng tâm hồn những con người nước Việt trở nên vững vàng, mạnh mẽ trong hành trình sống khắc nghiệt.
* Là động lực giúp con người sống có trách nhiệm hơn với gia đình, quê hương, đất nước, cộng đồng hay đơn giản nhất là đối với chính bản thân mình.

### Trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam đối với Đất nước

Lòng yêu nước không phải là lời nói suông mà phải được thể hiện bằng hành động cụ thể:

* Không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện, trau dồi đạo đức để trở thành con người đủ sức, đủ tài.
* Nghiêm túc, tự giác thực hiện các chính sách pháp luật của nhà nước, các nội quy, quy định của nhà trường, cơ quan công tác…
* Lao động tích cực, hăng hái, làm giàu một cách chính đáng
* Bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật…
* Dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu.

## C. Kết bài

* Khẳng định lòng yêu nước của mỗi công dân Việt Nam
* Kêu gọi mọi người hãy quên đi sự ích kỷ bản thân, “cái tôi” cá nhân để cùng hướng về tổ quốc
* “Đừng hỏi tổ quốc đã làm gì cho ta mà phải hỏi ta đã làm gì cho tổ quốc hôm nay”

**ĐỀ 4: LÒNG HIẾU THẢO**

1. **Mở bài: nêu vấn đề cần nói**

*“ Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”*

Đây là những câu tục ngữ nói về lòng hiếu thảo của con người, không chỉ chúng ta có lòng biết ơn đối với cha mẹ mà lòng biết ơn còn được thể hiện với ông bà và đất nước. Hiếu thảo là là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ xưa đến nay. Lòng hiếu thảo còn là một phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam ta. Chúng

ta cùng đi tìm hiểu lòng hiểu thảo của con người Việt Nam.

1. **Thân bài**
   1. **Hiếu thảo là gi?**

Hiếu thảo là hành động đối xử tốt với ông bà cha mẹ, luôn yêu thương họ  
Lòng hiếu thảo là phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi ốm yếu và già cả.

**2. Biểu hiện của lòng hiếu thảo như thế nào?**

* Những người có lòng hiếu thảo là người luôn biết cung kính và tôn trọng ông bà, cha mẹ
* Biết vâng lời và làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được yên tâm.
* Luôn biết sống đúng chuẩn mực với đạo đức xã hội, thực hiện lễ nghi hiếu nghĩa đối với các bậc sinh thành.
* Lòng hiếu thảo là hành vi vô cùng ý nghĩa mang lại danh tiếng tốt cho ông bà cha mẹ và tôt tiên

**3. Vì sao cần phải có lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ? (Vai trò)**

* Ông bà cha mẹ là người đã sinh ra ta, đã mang lại cuộc sống này cho chúng ta
* Hiếu thảo là một chuẩn mực đạo đức của xã hội
* Sống hiếu thảo với ông bà cho mẹ là thể hiện sống có trách nhiệm của mỗi người
* Người có lòng hiếu thảo luôn được mọi người yêu mến và quý trọng
* Khi bạn hiếu thảo thì con cái của bạn sau này sẽ hiếu thảo với bạn
* Giá trị của bạn sẽ được nâng cao nếu sống có hiếu thảo
* Lòng hiếu thảo gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau, thể hiện tình yêu thương gia đình

**4. Phê phán những người không hiếu thảo**

Trong xã hội hiện nay có nhiều người sống bất hiếu, vô lễ, thậm chí còn đánh đập đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi cha mẹ già. Đó là một lối sống vô ơn, một nhân cách kém cỏi. Những người như thế thật đáng chê trách.

5**. Cần làm gi để có được lòng hiếu thảo?**

* Bạn cần phải biết kính trọng và yêu thương ông bà cha mẹ
* Bạn cần chăm sóc, phụng cha mẹ ông bà khi về già
* Cư xử tốt với ông bà cha mẹ, không cải lại
* Yêu thương an hem trong nhà cũng là thể hiện lòng hiếu thảo

**C. Kết bài**

* Phải sống hiếu thảo với ông bà cha mẹ
* Cần thể hiện lòng hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ ngay từ hôm nay.

**ĐỀ 5: LÒNG BIẾT ƠN**

**A. Mở bài: giới thiệu vấn đề cần bàn luận**

Từ xa xưa, ông bà ta có câu “uống nước nhớ nguồn”, một câu nói dạy bao thế hệ về Lòng biết ơn. Lòng biết ơn là một đức tính cao quý và đẹp của con người. truyền thống về long biết ơn đã được bao đời thế hệ cha ông gìn giữ và phát huy. Để tiếp nối ông cha thì thế hệ trẻ cũng đã gìn giữ nét đẹp. để hiểu thêm về lòng biết ơn, chúng ta cùng đi tìm hiểu về “Lòng biết ơn”.

**C. Thân bài**

**1. Giải thích thế nào là “Lòng biết ơn”?**

Lòng biết ơn là sự ghi nhớ công ơn, tình cảm mà người khác mang lại cho mình. Những hành động, việc làm mà họ hi sinh để mang lại niềm hay hạnh phúc hay niềm vui cho mình.

* 1. **Biểu hiện của Lòng biết ơn**

- Luôn ghi nhớ công ơn của họ trong lòng

- Có những hành động thể hiện sự biết ơn

- Luôn mong muốn đền áp công ơn của những người đã giúp đỡ mình

**3. Tại sao phải có lòng biết ơn? (VAI TRÒ)**

- Vì đó là nghĩa cử, truyền thống tốt đẹp của ông cha ta từ bao đời xưa.  
- Lòng biết ơn là một tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của mỗi con người.  
- Mỗi công việc chúng ta thành công không phải tự nhiên mà có, dù lớn hay nhỏ cũng có sự giúp đỡ của ai đó, vậy nên ta cần phải có lòng biết ơn.

**4. Phản đề**

Có một số người hiện nay không có lòng biết ơn.

*Vd: Ăn cháo đá bát, qua cầu rút ván*

**Bài học nhận thức: Vậy chúng ta cần làm gì?**

1. **Kết bài**

- Nêu cảm nghĩ về “lòng biết ơn”

- Nêu những công việc và thể hiện “lòng biết ơn”

**ĐỀ 6: TINH THẦN LẠC QUAN YÊU ĐỜI**

**A. Mở bài: giới thiệu về tinh thần lạc quan**

*“Người lạc quan là người nhìn đâu cũng thấy đèn xanh còn người bi quan thấy khắp nơi chỉ toàn đèn đỏ... kẻ thực sự khôn ngoan thì mù màu”* đây là câu nói của Albert Schweitzer. Câu nói thể hiện lên tinh thần lạc quan, lạc quan để cuộc sống tươi đẹp hơn. Chúng ta có lạc quan thì tinh thần mới sảng khoái, mới vui tươi làm việc. đây là một yếu tố thúc đẩy là bước đà cho cuộc sống chúng ta tươi đẹp hơn.  
**B. Thân bài: bình luận về tinh thần lạc quan**

**1. Lạc quan là gi?**

- Lạc quan là thái độ sống

- Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì chuyện gi xảy ra

- Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn.

**2. Biểu hiện về tinh thần lạc quan:**

- Luôn tươi cười dù có chuyện gi xảy ra

- Luôn yêu đời

- Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gi xảy ra

**Ví dụ cụ thể:**

+Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sang tác thơ, ngắm trăng

+Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống

+ Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình  
**3. Ý nghĩa của tinh thần lạc quan:**

- Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người

- Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn

- Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống

- Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc

**=> Rút ra một số tiêu cực: bi quan, tự ti**

**C. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan**

- Đây là một tinh thần rất tốt, giúp con người vượt qua số phận

- Bên cạnh đó nó còn có những tác dộng xấu khi con người có tinh thần lạc quan thoái quá.

**ĐỀ 7: LÍ TƯỞNG SỐNG CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY**

**A.Mở bài**

Con người cần sống có lí tương, đặc biệt là thanh niên.

**B. Thân bài**

**1. Khái niệm**

***-Vậy lí tưởng sống là gì?***

+ Lí tưởng là mục đích sống cao đẹp.

+ Lí tưởng sống cao đẹp là lí tưởng sống vì mọi người.

+ Lí tưởng của thanh niên Việt Nam trong những giai đoạn cách mạng vừa qua là sống chiến đấu đế bảo vệ Tổ Quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**2. Biểu hiện:** Suy nghĩ về những tấm gương những người có lí tương sống cao đẹp.

**Nêu những tấm gương sống theo lí tưởng cao đẹp:**

\*Những chiến sĩ chiến đấu và hi sinh cho công cuộc cách mạng giành độc lập tự do cho dân tộc. Những con người ngày đêm âm thầm, lặng lẽ cống hiến cho công cuộc xây dựng đất nước.

\*Bác Hồ là người ra đi với hai bàn tay trắng ấp ủ lí tưởng tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam.

\*Nhiều thanh niên học tập ở nước ngoài đã trở về phục vụ cho đất nước

\*Có nhiều hoạt động thể hiện trách nhiệm của thế hệ trẻ như: tình nguyện, hiến máu nhân đạo.

**3.Vai trò**

- Vì sao con người cần sống có lí tưởng?

+ Có lí tưởng con người sẽ có hướng phấn đấu đế vươn lên

+ Lí tưởng sống cao đẹp là điều kiện để con người sống có ý nghĩa; giúp con người hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách.

**4. Phản đề**

Có 1 số bộ phận thanh niên hiện nay không có lý tưởng sống và mải mê vào các lối sống khác: nghiện game, tệ nạn xã hội…

**5. Bài học nhận thức**

- Nhận thức đúng đắn: Soi vào họ, tuổi trẻ hôm nay phải biết tìm cho mình lí tưởng sống cao đẹp và quyết tâm thực hiện đến cùng lí tưởng của đời mình. Mồi người phải sống hết mình với vị trí mà mình đang đứng, với công việc mình đang đảm đương. Lối sống vị kỉ, cá nhân, mục đích sống tầm thường là điều không thế chấp nhận được.

**C. Kết bài**

- Suy nghĩ của bản thân về lí tưởng sống cao đẹp.

**ĐỀ SỐ 8: Ý CHÍ NGHỊ LỰC**

**A. Mở bài:**

– Con người sinh ra đã mỗi người một hoàn cảnh, một số phận. Người được sinh ra trong gia đình giàu có, đủ cha đủ mẹ được hưởng nhiều tình yêu thương, hạnh phúc.

– Ngược lại có những người bị bỏ rơi không nơi nương tựa, ốm yếu.Tuy nhiên, trong cuộc sống khó khăn thiếu thốn, hoàn cảnh sống khắc nghiệt có rất nhiều số phận, con người đã biết vượt lên chính mình, chiến thắng cuộc sống nghiệt ngã để sống tốt đẹp hơn, để trở nên có ích và là tấm gương sáng cho nhiều người phải noi theo.

**B. Thân bài:**

**1.Khái niệm**

***– Nghị lực sống là gì:*** Nghị lực sống chính là nội lực chứa bên trong mỗi con người chúng ta. Nó là động lực, ý chí kiến cho người có vượt qua những khó khăn thử thách hay không.

**2.Biểu hiện**

– Mở rộng một vài tấm gương về những người khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn nhưng biết vươn lên trong cuộc sống.

+ Chắc trong chúng ta không ai là không biết thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký người thiếu may mắn khi sinh ra đã mất hai tay. Nhưng thầy đã kiên trì rèn luyện mỗi ngày một chút rồi tới một ngày thầy có thể cầm nắm, viết mọi thứ thầy đều làm được nhờ đôi chân của mình. Thầy Nguyễn Ngọc Ký đã trở thành tấm gương sáng về nghị lực sống vượt qua khó khăn, thử thách của số phận.

+Hay Nick Vujicic: một người khi sinh ra đã cụt hai tay hai chân, tưởng chừng như cuộc đời của anh đã chấm dứt tại đây nhưng không chính ý chí nghị lực đã đưa anh vượt qua nghiệt ngã của cuộc đời. Điều đầu tiên mà anh làm chính là tự vệ sinh cá nhân, ngoài ra anh còn chơi được các trò chơi vận động mạnh như: Tenis, bơi… và trở thành người truyền động lực cho nhiều người khuyết tật trên thế giới.

**3.Vai trò**

**-** Vượt qua được khó khăn, những khắc nghiệt của cuộc đời, làm chủ bản thân.

- Cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống và giá trị hơn

**4. Phản đề**

- Mở rộng trong xã hội có những người không có nghị lực, thiếu ý chiến chiến đấu vượt qua số phận. Những người đó khi gặp khó khăn họ sẵn sàng buông đời mình theo số phận, khó khăn khăn thử thách một chút là sẵn sàng sa ngã, bị cám dỗ, không chịu cố gắng để vượt lên số phận mà chỉ muốn được người khác giúp đỡ.

-Thói quen sống hưởng thụ dựa vào người khác đã ăn sâu bám rễ vào trong tư tưởng của các bạn này và khó có thể từ bỏ.

- Nhiều gia đình bố mẹ đã quá cưng chiều con cái dẫn tới làm cho những đứa trẻ mất dần đi nghị lực sống, khi có khó khăn chúng không thể tự giải quyết được mà phải tìm bố mẹ giúp đỡ.

**C. Kết bài**

- Liên hệ với bản thân rồi rút bài học cho mình. Chúng ta đang là những thế hệ trụ cột của đất nước trong tương lại, việc rèn luyện nghị lực sống là việc rất quan trọng cần thiết cho hành trang vào đời sau này của mỗi chúng ta. Nếu không có ý chí, không có nghị lực sống thì làm gì chúng ta cũng dễ thất bại bởi trên đời này không có con đường đi nào là toàn bằng phẳng cả.

- Muốn thành công, muốn tới vinh quang thì con đường đi lại càng trông gai thử thách, ở đó không có chỗ cho những kẻ thiếu ý chí, thiếu nghị lực vươn lên, thiếu nghị lực sống.

**ĐỀ SỐ 9: NGHỊ LUẬN VỀ CÁCH SỐNG CỦA CON NGƯỜI HIỆN NAY**

**A, Mở bài**

***Giới thiệu đôi nét về cách sống của mỗi người hiện nay***

+ Có rất nhiều lối sống, mà mỗi người lại chọn cho mình một lối sống riêng, chính điều này đã tạo ra cho chúng ta một cuộc sống không hề nhàm chán và tẻ nhạt.

+ Và chính vì mỗi người được tự lựa chọn cho mình một lối sống riêng nên hãy chọn cho mình một lối sống tích cực.

**B, Thân bài**

**1. Khái niệm**

**-Thế nào là cách sống?**

+ Cách sống chính là thái độ để chúng ta đối mặt với mọi thứ đang diễn ra xung quanh mình. Đặc biệt đối với thế hệ trẻ thì việc lựa chọn cách sống như thế nào lại đang là vấn đề nhức nhối đối với nhiều người.

+ Cách sống cũng còn được gọi là lối sống. Đó chính là thái độ, sự lựa chọn kiểu sống cho bản thân mình. Cách sống xuất phát từ những suy nghĩ, các cách phán xét mọi việc dẫn đến những hành động của bạn đối với thế giới xung quanh. Nhiều người vẫn nghĩ rất phức tạp khi nói đến cách sống của mình.

**2.Biểu hiện**

+ Cách sống tích cực là cách sống có trách nhiệm, sống đúng, sống không hổ thẹn với bản thân mình và với người khác. Đối với bạn sống chính là tận hưởng và cống hiến không ngừng nghỉ để không phải hối hận về sau.

***>>> Thực sự mỗi người đều lựa chọn cho mình một cách sống để có thể hoàn thiện bản thân mình cũng như giúp cho những người xung quanh hiểu về mình hơn nữa.***

**3.Vai trò**: **Lựa chọn lối sống của thế hệ trẻ ngày nay có cần thiết?**

Đối với thế hệ trẻ, việc xác định cách sống thực sự rất quan trọng. Bởi rằng đây là giai đoạn con người phải lớn, phải trưởng thành, phải định hướng cho tương lai. Nếu sai lầm từ cách sống thì chúng ta sẽ sai lầm rất lớn trong con đường tương lai của mình. Điều cần thiết của thế hệ trẻ là nhìn nhận mọi việc một cách đúng đắn, tích cực nhất.

**4.Phản đề: Lựa chọn một cách sống sai lầm dẫn đến hệ quả gì?**

Tuy nhiên có rất nhiều người đã lựa chọn cho mình cách sống tiêu cực, thậm chí là không phù hợp với thuần phong mỹ tục. Đẩy vào con đường mà các bạn đi là ngõ cụt, không có tương lai.

**5.Bài học**

Như vậy việc lựa chọn cho mình một cách sống phù hợp thực sự rất cần thiết. Nó giúp cho mỗi người định hướng được con đường mà bản thân đang đi, cũng như xác định được đâu là sống có lý tưởng, có mực đích.

**C, Kết bài:**

Khẳng định việc quan trọng khi lựa chọn một lối sống tích cực sẽ thay đổi cuộc sống của mỗi chúng ta

**ĐỀ 10: TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**A. Mở bài: giới thiệu về tình cảm gia đình**

*“Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

*Một lòng thờ mẹ kính cha*

*Cho tròn chữ hiếu mới là dạo con.”*

Đây là một trong những câu ca dao nói về tình cảm gia đình hay nhất. câu ca dao nói về tình cảm cha mẹ dành cho con cái và con cái giành cho cha mẹ, nhưng tình cảm gia đình không chỉ có thế, chúng ta cùng đi tìm hiểu về tình cảm gia đình.  
**B. Thân bài: nghị luận về tình cảm gia đình**

**1. Thế nào là tình cảm gia đình:**

- Tình cảm của ba mẹ dành cho con cái

- Tình cảm của ông bà dành cho con cháu

- Tình cảm của con cái dành cho ông bà, cha mẹ

- Tình cảm của anh chị em đối với nhau

**2. Biểu hiện của tình cảm gia đình:**

- Ba mẹ thương yêu, chăm sóc con cái, luôn quan tâm và hỏi han con cái

- Là cha mẹ luôn tạo điều kiện tốt nhất cho con, là sự hi sinh cả tuổi thanh xuân của cha mẹ nuôi dạy con

- Ông bà tảo tần nuôi con khôn lớn, thương yêu cháu, dạy dỗ cháu nên người

- Con cái thương yêu, kính trọng, hiếu thảo với ông bà cha mẹ. Là khi con cháu học tập có thành tích tốt để ông bà cha mẹ vui. Con cháu biết trách nhiệm và vai trò của mình để tạo niềm vui cho ông bà, cha mẹ

- Anh chị em trong nhà yêu thương nhau, anh chị em không tranh đua, không ganh gét nhau. Không vì chuyện nhỏ mà gây sức mẻ tình cảm gia đình

**3. Ý nghĩa của tình cảm gia đình:**

- Gia đình có tình cảm gia đình sẽ hạnh phúc

- Được mọi người thương yêu, quý mến và tôn trọng

- Ông bà cha mẹ tự hào, tạo nên sự gắn kết, ấm áp yêu thương trong gia đình.

**4. Phản đề**

Tuy nhiên hiện nay có 1 số bộ phận anh em không yêu thương nhau, dùng mọi âm mưu thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản, giết người. Con cái không yêu thương cha mẹ đánh mắng chửi bới, đánh đập cha mẹ….

**5. Bài học nhận thức**

Gia đình là nơi rất thiêng liêng và cao cả vì vậy hãy dùng những tình cảm tốt đẹp nhất của mình để trân trọng giữ gìn, từ đó tạo nên sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình để đó là nơi mà ai cũng mong muốn được trở về mỗi khi mệt mỏi.

**C. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về tình cảm gia đình**

- Đây là một tình cảm rất thiêng liêng

- Chúng ta cần học tập tốt để đền đáp công ơn của cha mẹ

**ĐỀ 11 : CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ**

***A. Mở bài  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận***

Trong xã hội hiện đại ngày nay con người ngày càng dửng dưng , ngày càng vô cảm với mọi thứ diễn ra quanh mình. Vì thế biết cảm thông và chia sẻ cho nhau chính là yếu tố quan trọng để con người xích lại gần nhau và để cuộc sống ngày càng ý nghĩa hơn!

***B. Thân bài***

**1. Giải thích**

Cảm thông là sự hiểu nhau giữa hai con người hoặc giữa con người với con người trong cộng đồng xã hội . Chia sẻ: san sẻ nỗi lòng của nhau, san sẻ những khó khăn trong cuộc sống, san sẻ những niềm vui nỗi buồn của nhau…

***2.Tại sao cần phải cảm thông và chia sẻ?***

Trong xã hội còn nhiều người có hoàn cảnh khó khăn: Trẻ mồ côi, người nghèo, người kiếm sống lang thang, nạn nhân chiến tranh, người khuyết tật, nạn nhân của thiên tai, những căn bệnh quái ác, những cảnh ngộ éo le... Họ cần sự giúp đỡ, cảm thông chia sẻ của người khác và cộng đồng...

***3. Sự cảm thông, chia sẻ có ý nghĩa gì?***

Giúp những người có hoàn cảnh khó khăn có thêm sức mạnh, nghị lực, niềm tin trong cuộc sống, làm cho mối quan hệ giữa con người với con người ngày càng tốt đẹp hơn, thân thiện hơn, gần gũi với nhau hơn.

***4. Suy nghĩ và hành động***

- Cảm thông và chia sẻ là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN vì vậy chúng ta cần giữ gìn và phát huy truyền thống đó.

- Sự cảm thông, chia sẻ không chỉ biểu hiện bằng lời nói, cử chỉ, thái độ mà còn bằng những hành động thiết thực, phù hợp với khả năng của mỗi người.

(Đưa ra một số dẫn chứng về sự cảm thông chia sẻ: Quỹ nhân đạo vì người nghèo, Quỹ chữ thập đỏ, phong trào mua tăm ủng hộ người mù, ủng hộ đồng bào lũ lụt..)

+ Phê phán những người sống thờ ơ, vô cảm, phê phán những biểu hiện của sự lạnh lùng, dửng dưng trước những mất mát khổ đau của người khác.....Đó là biểu hiện của lối sống ích kỉ

**5. *Liên hệ bản thân***

- Đã làm được những việc gì thể hiện sự cảm thông chia sẻ với mọi người xung quanh và với bạn bè cùng trường cùng lớp…

- Cần phải biết sống đẹp đồng cảm với gia đình và mọi người

**C. Kết bài**

Cảm thông và chia sẻ là biểu hiện của một lối sống đẹp. Đặc biệt là học sinh mỗi chúng ta càng cần rèn luyện và phát huy lối sống đó trong cuộc sống ngày hôm nay.

**ĐỀ 12 : LÒNG DŨNG CẢM**

|  |
| --- |
| A. Mở bài: |
| Giới thiệu được vấn đề nghị luận lòng dũng cảm  Lòng dũng cảm là một trong những đức tính vô cùng cần thiết và đáng quí ở mỗi con người. Dù ở nơi đâu khi làm bất cứ việc gì con người cũng đều cần đến lòng dũng cảm. |
| **B. Thân bài** |
| * 1. **Khái niệm**   Dũng cảm là không sợ nguy hiểm, khó khăn. Người có lòng dũng cảm là người không run sợ, không hèn nhát, dám đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo để bảo vệ công lí, chính nghĩa  **2.Biểu hiện** |
| Khẳng định và chứng minh: Dũng cảm là phẩm chất tốt đẹp của con người ở mọi thời đại:  - Trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam (H/s lấy dẫn chứng)  - Ngày nay: trên mặt trận lao động sản xuất, đấu tranh phòng chống tội phạm (H/s nêu một vài tấm gương tiêu biểu của chiến sĩ cảnh sát, bộ đội…)  - Trong cuộc sống hàng ngày: cứu người bị hại, gặp nạn |
| ***Mở rộng, liên hệ thực tế***: Liên hệ tình hình biển Đông hiện nay, lòng dũng cảm của các chiến sĩ cảnh sát biển. đang ngày đêm bám biển bảo vệ chủ quyền của dân tộc.  **3. Vai trò**   * - Lòng dũng cảm là một trong những đức tính tốt đẹp của người dân Việt Nam, mọi người đều đáng nên có.   -Lòng dũng cảm thể hiện được bản lĩnh của con người không sợ hiểm nguy ra tay cứu giúp người khác. |
| **4. Phê phán**  Những người nhầm tưởng lòng dũng cảm với hành động liều lĩnh, mù quáng, bất chấp công lí. Phê phán những người hèn nhát, bạc nhược không dám đấu tranh, không dám đương đầu với khó khăn thử thách để vươn lên trong cuộc sống. |
| **5. Bài học nhận thức và hành động của bản thân**  - Liên hệ bản thân đã dũng cảm trong những việc gì?  - Rèn luyện tinh thần dũng cảm từ việc làm nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày nơi gia đình, nhà trường như dám nhận lỗi khi mắc lỗi, dũng cảm chỉ khuyết điểm của bạn  - Trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc rèn luyện lòng dũng cảm, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc |
| **C. Kết bài:** |
| - Khẳng định lại vấn đề nghị luận  - Cuộc sống ngày càng khó khăn, để tồn tại con người phải đối diện với rất nhiều thử thách, gian nan. Nếu không có đủ nghị lực và nếu không có lòng dũng cảm, chúng ta sẽ rất khó có được sự thành công trong cuộc sống. Dũng cảm là một phẩm chất mà chúng ta có thể bồi dưỡng thông qua rèn luyện.  **ĐỀ 13: TÍNH KHIÊM TỐN**   1. **Mở Bài**   Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: Một cái đầu tỉnh táo, một trái tim trung thực và một thái độ khiêm nhường đó chính là cơ sở dẫn lối ta đến thành công. Vì thế việc rèn luyện để ta có được đức tính khiêm tốn là vô cùng cần thiết và quan trọng.  **B. Thân Bài**   1. **Khiêm tốn là gì?**   - Khiêm tốn:có nghĩa là sự kính nhường, có ý thức và thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân, không tự mãn, tự kiêu, không tự cho mình hơn người.  - Người khiêm tốn luôn tỉnh táo, nhận thức được chân lý khách quan, biết mình hiểu người, không tự đề cao bản thân. Luôn cho mình là chưa hoàn thiện nên có ý thức cầu tiến, học hỏi, tự hoàn thiện mình. Nhún nhường trong lời nói, giao tiếp, ứng xử…  -> Khiêm tốn là phẩm chất quan trọng, cần có của mỗi con người.  **2. Biểu hiện**  - Người khiêm tốn luôn nhã nhặn, nhún nhường, tiếp thu ý kiến của người khác, không cho rằng mình giỏi  - Đối với thành công của mình thì người khiêm tốn luôn cho rằng đó là điều nhỏ nhoi, kém cỏi  - Ý thức rèn luyện bản thân ngày càng hoàn thiện luôn được thể hiện ở người khiêm tốn.  **3. Vai trò**  ***Tại sao con người lại cần lòng khiêm tốn?***  - Cuộc đời như một cuộc đua, con người không thể không ngừng học hỏi và rèn luyện để hoàn thiện bản thân hơn. Sự hiểu biết của mình vẫn còn ít ỏi, chính vì thế mà mình không nên cho rằng mình giỏi  - Đây là một đức tính quý giá ở con người, những người có đức tính khiêm tốn thường được mọi người yêu mến hơn là những người kiêu ngạo  **4. Phản đề**  ***Bên cạnh những con người khiêm tốn thì cũng có một số người tự kiêu, tự nhận mình giỏi:*** Luôn khoe khoang bản thân, cho rằng mình giỏi  ***Ví dụ:*** như chú Dế Mèn trong truyện ***“Dế Mèn phiêu lưu kí”*** của nhà văn Tô Hoài  **4. Bài học nhận thức**  - Mỗi chúng ta cần phải thực hiện tính khiêm tốn từ những công việc, hành động nhỏ nhất  - Học đức tính hòa nhã, không tham vọng, không cho thành công của mình là lớn lao, là vĩ đại  **III. Kết bài**  - Nêu cảm nghĩ của em về đức tính khiêm tốn  - Rút kinh nghiệm học tập cho bản thân   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **ĐỀ 14: CUỘC SỐNG VÌ NGƯỜI KHÁC**  **A.Mở bài**  ***\* Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận****:* bàn về ý nghĩa của cuộc sống  **B. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến:**  - Cuộc sống là toàn bộ quá trình sống với tổng thể các hoạt động của một cá thể. Cuộc sống vì người khác là quá trình sống mà mục đích đối tượng hướng tới là người khác và những lợi ích của họ.  - Cuộc sống đáng quý là cuộc sống được đánh giá cao bởi những giá trị mà nó tạo ra. Cả câu nói có ý nghĩa đề cao, ca ngợi lẽ sống vì người khác, đó là cuộc sống của những con người có đức hi sinh, có lòng vị tha, độ lượng, biết vì mọi người.  **b. Phân tích, bàn luận về quan niệm sống đặt ra trong ý kiến:**  - Thông thường người ta sống vì điều gì? Vì bản thân….vì người khác… con người chân chính thường hướng tới điều gì? Sống tốt cuộc sống của mình và chia sẻ quan tâm, nếu cần thì sẵn lòng hi sinh vì người khác…  - Đó là một ý kiến đúng vì: đem lại điều tốt đẹp cho người khác, đem lại hạnh phúc, nguồn vui cho chính mình, giảm bớt những khó khăn cho xã hội *( dẫn chứng)*. Song cần biết cân bằng điều chính để tạo sự cân bằng giữa cuộc sống vì mình và vì người khác, cần có trách nhiệm với bản thân…  - Nếu không sống vì người, con người dễ ích kỉ, hẹp hòi.*( dẫn chứng)*.  - Phê phán những người sống hẹp hòi, ích kỉ không vì người khác.  Phê phán người chỉ lợi dụng sự quan tâm của người khác, không biết cố gắng vươn lên.  **c. Bài học nhận thức**  -Chúng ta nên sống vì người khác vì nó tạo nên mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người  - Sống vì người khác là lẽ sống cao đẹp mà tất cả mọi người hướng tới.  **C. Kết Bài: Khẳng định lại ý kiến**   |  | | --- | | **ĐỀ 15: TÍNH TỰ LẬP**  **A. Mở bài: giới thiệu về tính tự lập**  Trong cuộc sống, mỗi chúng ta không ai là không trải qua những gian khổ, khó khăn, không bao giờ vấp ngã. Thế nhưng, gặp những điều khó khăn, gian khổ và vấp ngã đó thì mới là người thành công. Một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công của mỗi con người đó là tính tự lập.  **B. Thân bài**  **1. Tự lập là gì?**  - Tự lập là tự làm một mình những gì mình có thể làm được. Đó là việc tự làm mà bản thân có thể, không nhờ vả, ỷ lại vào người khác  - Tự lập là tự làm việc của mình, tự xây dựng cuộc sống của mình  **2. Biểu hiện của tính tự lập**  - Tự đến trường  - Tự làm thức ăn cho chính bản thân mình  - Tự làm các công việc cá nhân của mình: giặt đồ, ủi đồ, …  - Tự làm bài tập, tự học  - Tự giác làm việc của mình  - Tự làm tất cả những gì mình có thể làm trong khả năng của mình  - Tự sống cuộc sống của mình, không dựa dẫm vào người khác |   **3. Ý nghĩa của tính tự lập**  - Là đức tính cần thiết với mỗi người trong cuộc sống  - Tự lập sẽ giúp ta dễ thành công trong cuộc sống  - Tự lập là tiền đề xây dựng cuộc sống, sự nghiệp  - Khẳng định giá trị của bản thân  - Tự lập giúp ta không sợ khổ, sợ khó,  - Được mọi người tôn trọng và yêu quý  **4. Phản đề**  Tuy nhiên lại có 1 số bộ phận đặc biệt là giới trẻ do cha mẹ nuông chiều nên sống ỷ lại, phụ thuộc, không có tính tự lập từ sớm.  **5. Bài học nhận thức**  Tự lập là một trong những đức tính cần có của con người. Bởi vậy chúng ta cần tự tạo cho mình tính tự lập để xây dựng cuộc sống 1 cách tốt đẹp hơn.  **C. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về tính tự lập**  - Đây là một đức tính tốt  - Em sẽ cố gắng để tự lập trong cuộc sống và học tập.  **ĐỀ 16: Ý NGHĨA CỦA GIA ĐÌNH VÀ QUÊ HƯƠNG (HD ĐỀ THI)**  **A. Mở bài:**  **\* Mức tối đa: Giới thiệu được vấn đề nghị luận**  - Nguồn cội yêu thương của mỗi con người  - Gia đình và quê hương là điều không thể thiếu trong cuộc đời của mỗi con người, là bến đỗ bình yên cho mỗi con người  **\* Mức chưa tối đa:** Chỉ nêu một ý cơ bản, phần nêu vấn đề hoặc dẫn dắt vấn đề  **+ Mức không đạt:** Lạc đề hoặc không làm  **B. Thân bài:**  \* Mức tối đa: Nêu được các nội dung sau :  + Khẳng định ý nghĩa của gia đình và quê hương trong cuộc sống của mỗi con người:  - Gia đình là nơi có mẹ, có cha, có những người thân yêu, ruột thịt của chúng ta, ở nơi ấy chúng ta được yêu thương, nâng đỡ, khôn lớn, trưởng thành.  - Cùng với gia đình là quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của ta nơi ấy có người ta quen biết và thân thiết, có cảnh quê thơ mộng trữ tình, có những kỉ niệm ngày ấu thơ cùng bạn bè, có những ngày cắp sách đến trường…..  - Gia đình và quê hương là bến đỗ bình yên cho mỗi con người dù ai đi đâu, ở đâu cũng sẽ luôn tự nhắc nhở hãy nhớ về nguồn cội yêu thương  + Những việc làm để xây dựng quê hương và rạng rỡ gia đình:  - Với gia đình chúng ta hãy làm tròn bổn phận người con, người cháu: học giỏi, chăm ngoan, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để mọi người được vui lòng.  - Với quê hương hãy góp sức trong công cuộc xây dựng quê hương: tham gia các phong trào vệ sinh môi trường, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội….  - Có thể khi trưởng thành trở về quê hương lập nghiệp, xây dựng quê mình ngày càng giàu đẹp…  + Có thái độ phê phán trước những hành vi trái với đạo lí:  **- Phá hoại cơ sở vật chất**  - Những suy nghĩ chưa tốt về quê hương: chê quê hương nghèo khó, chê người quê lam lũ, lạc hậu, không muốn nhận quê hương  - Hành động phản bội quê hương, đánh mất chính bản thân mình….  + Liên hệ, mở rộng: những tác phẩm viết về quê hương và gia đình để thấy được vai trò và ý nghĩa của quê hương như: Quê hương- Giang Nam, Tế Hanh, Đỗ Trung Quân. “ Nói với con” của Y Phương….  \* Mức chưa tối đa: Bài làm đã nêu được nội dung cơ bản nhưng vẫn thiếu một vài ý nhỏ hoặc dẫn chứng chưa phong phú.  \* Mức không đạt: Lạc đề hoặc không làm  **C. Kết bài:**  \*Mức tối đa: Khẳng định  - Nguồn cội của mỗi người là gia đình và quê hương, nên hiểu rộng hơn quê hương không chỉ là nơi ta sinh ra và lớn lên, quê hương còn là tổ quốc, tình yêu gia đình luôn gắn với tình yêu quê hương, tình yêu đất nước.  - Mỗi con người luôn có sự gắn bó những tình cảm riêng tư với những tình cảm cộng đồng…  **ĐỀ 18: ƯỚC MƠ CỦA EM ( KHÁT VỌNG)**   1. **Mở bài**   – Con người chúng ta từ khi sinh ra cho tới lúc trưởng thành, ai cũng có một ước mơ, hoài bão của riêng mình.  – Ước mơ giúp chúng ta có thể sống vui vẻ, có ý nghĩa và mục đích, khi thực hiện được ước mơ của mình con người cảm thấy được thành quả của quá trình nỗ lực cố gắng đúng như dân gian ta thường nói “*Sống là phải có ước mơ*”.  **B. Thân bài**   1. **Khái niệm**   – Giải thích về ước mơ là gì? Nó chính là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài. Ước mơ chính là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ.  **2. Biểu hiện**  - Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã đạt được điều mình mơ ước.  - Những người khuyết tật vẫn vượt lên số phận để thực hiện ước mơ của mình  **3. Vai trò, ý nghĩa**  – Vai trò và ý nghĩa của ước mơ trong cuộc sống của con người như thế nào? Ước mơ chính là ngọn đuốc soi sáng trong tim mỗi chúng ta nó hướng chúng ta tới những điều tốt đẹp.  – Ước mơ cũng chính là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình. Nó là vì sao sáng soi những lối ta đi, khi đi qua những khó khăn nhìn thấy ước mơ của mình lấp lánh ở phía xa xa, bạn sẽ nỗ lực bước tiếp.  – Những ước mơ sẽ đưa con người đi tới những tương lai, không quản ngại những chông gai, nghiệt ngã, những khó khăn trên con đường đi của mình.  – Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế nào? Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định.  – Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì. Chính vì không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới bạn sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau.  **4. Phản đề**  Tuy nhiên hiện nay có 1 số người không có ước mơ đặc biệt là các bạn trẻ, họ sống phụ thuộc, sống theo ý của cha mẹ không biết đâu là đam mê và niềm yêu thích của bản thân để từ đó có động lực để biến ước mơ đó trở thành hiện thực.  **5. Bài học nhận thức**  -Ước mơ không dành cho những người lười biếng, không có lí tưởng  -Ai trên đời này cũng có ước mơ và hoài bão, quan trọng là bạn có dám thực hiện nó không mà thôi  -Mỗi người chúng ta hãy có cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào.  **C. Kết bài**  – Là một học sinh ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình.  – Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình.  **ĐỀ 19: ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ**  **A. Mở bài**  Việt Nam ta luôn có truyền thống yêu nước, dũng cảm, bất khuất,…. Một dân tộc tràn đầy sức sống và niềm tin mãnh liệt. Một đức tính vô cùng tốt đẹp của dân tộc được lưu truyền từ đời này đến đời khác, qua bao thế hệ đó là đức tính giản dị. chúng ta cùng đi tìm hiểu về đức tính giản dị của con người Việt Nam.  **B. Thân bài**  **1.Khái niệm**  -Giản dị là có lối sống phù hợp với hoàn cảnh với cuộc sống của mỗi chúng ta. Ở đó mọi người không sống xa hoa, lãng phí, ăn chơi sa đọa. Đặc biệt lối sống này dễ hòa nhập với con người do cùng hoàn cảnh và cuộc sống.  - Lối sống giản dị là lối sống đẹp không khoa trương, không diện nhưng dễ thu hút lòng người  **2. Biểu hiện**  ***a. Trong cuộc sống***  - Ăn uống bình thường, không xa xỉ  - Ăn mặc giản dị, đường hoàng  - Có lối sống giản dị  - Đối xử tốt với mọi người xung quanh  ***b. Trong lối sống***  - Hòa nhã với mọi người  - Đối xử tốt với mọi người  - Yêu thương và giúp đỡ người khác  **Ví dụ về tấm gương đức tính giản dị:** Bác Hồ có lối sống giản dị, từ ăn uống đến cách ăn mặc,….  **3. Vai trò, ý nghĩa**  Lối sống giản dị là một trong những phẩm chất đáng quý của con người nó giúp cho chúng ta tạo được những giá trị mới, được sự đánh giá cao của người khác, khẳng định được bản thân về vẻ đẹp tâm hồn.  **4. Phản đề**  Tuy nhiên hiện nay có 1 số bộ phận, ăn mặc phản cảm không đúng lứa tuổi, địa điểm: ví dụ: chùa chiền thì ăn mặc hở hang thiếu tế nhị, học sinh thì không mặc trang phục của học sinh mà những bộ váy áo sành điệu…  **5. Bài học nhận thức**  Chúng ta cần có nhận thức đúng và chính xác về lối sống giản dị nó tạo nên phong cách ở mỗi người. Vậy nên cần phải tạo được cho bản thân lối sống giản dị để cuộc sống hòa hợp và tốt đẹp hơn.  **C.Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về đức tính giản dị**  - Chúng ta nên có lối sống giản dị  - Học tập những tấm gương giản dị  **ĐỀ 20: ĐỨC HI SINH**   1. **Mở bài**   Việt Nam ta luôn có truyền thống yêu nước, dũng cảm, bất khuất,…. Một dân tộc tràn đầy sức sống và niềm tin mãnh liệt. một trong những đức tính cao quý nhất đó là đức hi sinh. Để biết rõ về đức hi sinh, chúng ta cùng đi tìm hiểu.  B. **Thân bài**  **1. Khái niệm**  Đức hi sinh là tình cảm cao quý và đẹp đẽ. Đức hi sinh hi sinh vì đất nước, con người và người thân. Đó là sự đánh đổi bản thân để giành lại cuộc sống cho người khác.  **2. Biểu hiện**  ***a. Trong tình cảm gia đình:***  - Cha mẹ hi sinh cả cuộc đời vì con cái, nuôi em ăn học không quảng khó khăn  - Anh chị em trong nhà yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, anh chị nghỉ học kiếm tiền nuôi em ăn hoc  - Sự hi sinh, nhường nhịn quà bánh cho nhau  ***b. Trong chiến tranh:***  - Bác Hồ đã hi sinh của tuổi thanh xuân của mình để bảo vệ độc lập dân tộc, mang lại tự do và thắng lợi cho dân tộc  - Các anh hùng dân tộc như Lê Lai đã hi sinh thân mình để cứu Lê Lợi  - Các anh hùng liệt sĩ đã hi sinh tính mạng, tuổi thanh xuân để mang lại độc lập cho dân tộc  - Bây giờ thì những chú công an, những người lính biển vẫn canh giữ biển đảo bảo vệ Tổ Quốc. Nhiều người vẫn ngày đêm cống hiến trên những vùng núi xa xôi như: anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.  **3. Vai trò ý nghĩa**  Bởi vì nó thể hiện phẩm chất đạo đức cao đẹp cần có ở mỗi chúng ta.  + Người có đức tính hi sinh luôn là người được mọi người yêu mến, tin cậy, quý trọng.  + Thể hiện sự dũng cảm của bản thân.  **4. Phản đề**  Nhưng bên cạnh đó lại có 1 số bộ phận sống ích kỷ hẹp hòi không có đức hi sinh, gặp nạn thì vô cảm…  **5. Bài học nhận thức**  -Đức hi sinh là một phẩm chất đạo đức để thể hiện giá trị của một con người. Bởi vậy chúng ta hãy cố gắng để rèn luyện và xây dựng phẩm chất đạo đức tốt đẹp đó.  - Chúng ta cần phát huy đức tính hy sinh của dân tộc  - Chúng ta phải rèn luyện đức hi sinh ngày từ bây giờ khi còn trên ghế nhà trường  C. **Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về đức hi sinh**  – Đức tính hi sinh là truyền thống quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay.  – Cần rèn luyện, trau dồi nhân cách, phẩm giá để góp phần làm cho cuộc sống ngày càng có ý nghĩa hơn  **ĐỀ 21: TÌNH BẠN ĐẸP**   1. **Mở bài**   **Mở bài:** Dùng một câu thơ, ca dao hay lời bài hát, câu danh ngôn để dẫn vào tình bạn. Ví dụ câu: “tình bạn của một người là thước đo tốt nhất giá trị của anh ta” – Charles Darwin, hoặc câu thơ “rồi sẽ có một ngày ta ngoái lại/ bạn bè ơi, khi ấy có còn nhau” của Đinh Thị Thu Vân.  Khẳng định tình bạn là tình cảm quan trọng, cần thiết của mỗi con người.  **B. Thân bài**   1. **Khái niệm**   Tình bạn là khái niệm thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người mà ở đó có chung về tâm tư, tình cảm, hoàn cảnh, quan điểm… họ có thể chia sẻ đồng cảm với nhau.  **2.Cơ sở để hình thành tình bạn**  **-**Tình bạn bắt đầu từ nhu cầu chia sẻ, trò chuyện, tâm sự và giúp đỡ nhau trong học tập, cuộc sống.  -Sự chân thành là cơ sở bền vững của tình bạn và là thước đo để đánh giá một người bạn tốt.  -Tình bạn dễ dàng có được ở những người đồng trang lứa, cùng chung lí tưởng, hợp nhau về tính cách, sở thích hoặc những người chịu thấu hiểu và sẻ chia cùng chúng ta.  ***3. Biểu hiện của tình bạn chân thành***  -Xuất phát từ mục đích tốt cần người chia sẻ, tâm sự hoặc giúp đỡ nhau chứ không vụ lợi, toan tính.  -Người bạn tốt là người bên cạnh ta dù ta có nghèo khổ, túng thiếu, xấu xí hay đau bệnh cũng không quay lưng.  -Người bạn tốt sẽ chẳng ngại ngần giúp ta vượt qua những trở ngại trong học tập hoặc cuộc sống bằng những việc làm cụ thể mà không đòi hỏi trả ơn.  -Bạn chân thành sẽ tức giận và thẳng thắng đóng góp khi ta sai và cũng sẽ tha thứ, mỉm cười khi ta nhận lỗi.  -Người bạn ấy sẽ không bỏ mặc ta đi trên con đường sai trái, người ấy sẽ tìm cách giúp ta nhận ra lối đi đúng trong cuộc đời.  -Là người không cố tình tách ta ra khỏi tập thể hay lôi kéo ta vào một tổ chức cá nhân tách biệt nào đấy mà là người hào nhã với tất cả mọi người nhưng dành tình cảm đặc biệt với ta.  **Ví dụ tiêu biểu: tình bạn của Các Mác - Ăn ghen, hay Lưu Bình - Dương Lễ**  **4. Phản đề**  Tuy nhiên hiện nay có những tình bạn chỉ dùng để lợi dụng mối quan hệ, tiền của của nhau để phát triển, đây không phải là tình bạn chân chính.  **5. Làm thế nào để có một tình bạn đẹp và lâu bền**  -Mỗi người phải mở rộng lòng mình để đón nhận, nhìn rõ và thấu hiểu cho những người bạn xung quanh.  -Đừng đòi hỏi bạn mình phải làm bất cứ thứ gì vì mình hay chứng tỏ tình bạn mà hãy đòi hỏi chính bản thân mình đã làm được những gì để gắn kết bạn bè.  -Không cần phải sở hữu bạn ấy mà thay vào đó là đặt bạn ấy vào vị trí quan trọng trong lòng mình.  -Học cách quan tâm người khác và tha thứ khi bạn mình lầm lỗi.  -Học cách khuyên nhủ đúng tâm lý để bạn nhận ra lỗi sai và thay đổi  - Học theo những điều tốt của bạn và đừng bao giờ để ghen hờn, tị nạnh phá hỏng mối quan hệ bạn bè.  **6.Liên hệ với tình bạn của bản thân mình**  -Nói sơ lược về người bạn của mình (tuổi, quen khi nào, vì sao lại thân nhau)  -Kể những kỉ niệm vui buồn hai người đã có và những gì người bạn ấy mang đến cho mình.  -Cảm nghĩ chung về vai trò của tình bạn đối với riêng em và đối với mỗi người.  **Kết bài:** Mở rộng vấn đề, nêu ý nghĩa về tình bạn và niềm mong ước của bản thân.  **Ví dụ:** Không ai là không có một người bạn vì chẳng ai muốn sống trong cô độc. Thật đáng tiếc cho những kẻ coi rẻ tình bạn hoặc lấy tình bạn để làm những việc sai trái….  **ĐỀ 22: Ý NGHĨA CỦA NIỀM TIN TRONG CUỘC SỐNG CỦA MỖI NGƯỜI**   1. **MỞ BÀI**   Giới thiệu được vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của niềm tin vào chính bản thân mình trong cuộc sống của mỗi con người.  **B. THÂN BÀI**   1. **Khái niệm**   - Giải thích khái niệm niềm tin vào bản thân: Đó là ý thức về năng lực, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống, biết đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống...  **2. Vì sao đánh mất niềm tin vào bản thân sẽ đánh mất nhiều thứ quý giá khác:**  + Mình là người hiểu rõ mình nhất, đánh mất niềm tin vào bản thân sẽ trở thành người không có ý chí, không có nghị lực, không có quyết tâm, không biết mình là ai, sống để làm gì, vì thế mọi điều khác như tiền bạc, công danh, sẽ trở thành vô nghĩa...  + Không có niềm tin vào bản thân sẽ không thể có cuộc sống độc lập, dễ bỏ qua các cơ hội trong cuộc sống, dễ đổ vỡ, sa ngã, đánh mất chính mình…  **3. Biểu hiện**  - Việc đánh mất niềm tin vào bản thân đang là một thực tế nhức nhối trong cuộc sống hiện đại của một bộ phận giới trẻ:  + Nhiều bạn trẻ vì sống quá đầy đủ, được bao bọc từ nhỏ nên khi phải đối diện với thử thách cuộc sống thì không thể tự sống bằng chính khả năng của mình, không đủ bản lĩnh sống, dẫn đến phải gục ngã, đầu hàng trước cuộc sống  + Trong thời đại hội nhập quốc tế một bộ phận giới trẻ khác không trau dồi, rèn luyện nên không đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội dẫn đến tâm lý thua kém, tự ti, không xác định được phương hướng của cuộc đời dễ bị người khác lừa gạt, lôi kéo từ đó hình thành một bộ phận thanh niên có tính cách bạc nhược, ăn bám, ỷ lại thậm chí là hư hỏng.  - Phải phân biệt giữa tự tin với tự phụ. Tin vào bản thân, khẳng định giá trị của mình không có nghĩa là tự phụ, huênh hoang, kiêu ngạo. Đánh giá được vị trí của mình trong cuộc sống không có nghĩa là coi thường người khác. Niềm tin vào bản thân càng không có nghĩa là bằng mọi cách để đạt được những điều mình muốn bất chấp cương thường đạo lý, bất chấp lẽ phải.  **4. Bài học nhận thức**  + Đối với mỗi cá nhân phải không ngừng học tập, trau dồi, rèn luyện về kiến thức và đạo đức, không ngừng giao lưu học hỏi. Sớm hình thành lý tưởng sống và dám đấu tranh để thực hiện lý tưởng đó.  + Đối với các cơ quan quản lý xã hội: Xây dựng và phát huy lối học sáng tạo, học đi đôi với hành, học kết hợp với ứng dụng; giáo dục ý thức cá nhân và hình thành tính tự tin, giàu tự trọng cho thế hệ học sinh, sinh viên; động viên, trân trọng, biểu dương những cá nhân dám nghĩ dám làm, có những đóng góp tích cực cho xã hội.  - Liên hệ bản thân.  **C. Kết bài**  **ĐỀ 23**  **Cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy Ta có thêm ngày nữa để yêu thương Sống để yêu thương Giới thiệu được vấn đề nghị luận (trích dẫn câu của Trịnh Công Sơn).  \* Giải thích quan niệm “sống để yêu thương”:** -Sống là sự tồn tại của con người trong cuộc đời, vũ trụ. - Tình yêu thương là thuộc tính cơ bản , quan trọng, cao đẹp nhất của con người để tạo nên phẩm chất cho con người, cái đẹp cho xã hội. - “Sống để yêu thương” là thông điệp nhắc nhở mỗi chúng ta cuộc sống là điều linh thiêng nhất trong trái đất này. Hãy để tình yêu thương thắp sáng, sưởi ấm trái tim con người. Như thế cuộc đời mới có ý nghĩa. **\* Phân tích, bàn luận vấn đề:** Câu thơ của Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã cho ta một bài học sâu sắc về tình yêu thương giữa những con người trong xã hội. -Tại sao trong cuộc sống cần có tình yêu thương? + Cuộc sống của con người không đơn thuần chỉ là sự tồn tại của một cá nhân riêng lẻ mà nó là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội. + Tình yêu thương xuất phát từ trái tim, tâm hồn, tấm lòng rộng mở, vị tha nhân hậu. Sẵn sàng cho đi, hiến dâng một cách tự nguyện không toan tính...làm được như vậy ta sẽ thấy tâm hồn thanh thản, nhẹ nhõm. + Tình yêu thương bắt nguồn từ tình cảm gia đình, tình cảm với những người thân như ông bà, cha mẹ, anh chị em...Mỗi ngày qua đi sẽ thật đáng quý nếu như ta biết giành thời gian đến những người thân yêu. Từ đó giúp bản thân ta hình thành những phẩm chất tốt đẹp. + Đối với mọi người trong cộng đồng xã hội: Biết quan tâm chia sẻ (bạn bè những người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh...) từ đó tạo nên một xã hội văn minh, nhân ái... **\*Học sinh lấy dẫn chứng trong thực tế cuộc sống để chứng minh.** **\*Phê phán những biểu hiện tiêu cực trong lối sống hiện nay:** - Nhiều người nhất là một số bạn trẻ sống thờ ơ, vô cảm, không biết quan tâm, chia sẻ với người khác. - Có người tự đánh mất thời gian đáng quý của mình vào những tệ nạn xã hội khiến cuộc sống trở nên u ám, là gánh nặng cho gia đình và xã hội. **\*Bài học:** - Con người không thể sống thiếu tình thương. Thượng đế đã ban cho ta phép màu nhiệm là cuộc sống. Vì vậy hãy biết trân trọng nó. - Là học sinh phải biết tu dưỡng đạo đức để trái tim biết yêu thương, biết rung động trước nỗi đau của người khác. - Phê phán lối sống thờ ơ, vô trách nhiệm, ích kỉ của người khác  **ĐỀ SỐ 24: Trong truyện ngắn “ *Lặng lẽ Sa Pa* “ của Nguyễn Thành Long anh thanh niên đã tâm sự với ông họa sĩ:“ *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?”***  **Từ lời tâm sự trên em có suy nghĩ gì về lý tưởng sống của thanh niên hiện nay?**  **a. Mở bài**:  -Giới thiệu được vai trò của lí tưởng trong cuộc sống và thanh niên phải sống có lí tưởng  **b. Thân bài**  **\* Giải thích:**  - Lý tưởng chính là mục đích sống cao đẹp. Sống đẹp là lối sống mình vì mọi người thể hiện bằng sự cống hiến hết mình trong học tập, trong công việc để xây dựng quê hương, đất nước….  - Lí tưởng của thanh niên Việt Nam hiện nay là sống chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.  **\* Đánh giá:**  - Lý tưởng là mục đích sống, quyết định sự thành công  - Lý tưởng cho ta sức mạnh vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc sống để đạt được những điều tốt đẹp.  - Lý tưởng sống cao đẹp là điều kiện để con người sống có ý nghĩa, giúp con người hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách.  -Suy nghĩ về những tấm gương sống có lý tưởng cao đẹp:  + Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ: Bác Hồ, chú bé Lượm, Kim Đồng, Võ Thị Sáu….  + Ngày nay: Những con người đang ngày đêm âm thầm, lặng lẽ cống hiến cho công cuộc xây dựng đất nước: anh thanh niên trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long, những người chiến sĩ hải quân, Lực lượng cảnh sát biển, kiểm ngư Việt Nam….  - Từ những tấm gương trên tuổi trẻ hôm nay phải biết tìm cho mình lí tưởng sống cao đẹp và quyết tâm thực hiện đến cùng lí tưởng của đời mình.  - Mỗi người phải sống hết mình với vị trí mà mình đang đứng, với công việc mình đang làm.  **\* Bàn bạc mở rộng:**  - Trong cuộc sống hiện nay vẫn còn có một số ít người sống không có lý tưởng , có lối sống vị kỉ, cá nhân, mục đích sống tầm thường hay dựa dẫm ỷ lại vào gia đình, người thân.  - Học sinh không có lý tưởng thường mải chơi, lười học bài, dựa dẫm vào sách học tốt, sách giải….  - Những người đó sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội bị mọi người lên án và phê phán…  **c. Kết bài**  - Khẳng định lại suy nghĩ của bản thân và khái quát được tầm quan trọng của lý tưởng sống cao đẹp  **ĐỀ SỐ 25: TỪ LỜI TRÒ CHUYỆN CỦA ÔNG HAI ĐỐI VỚI ĐỨA CON ÚT HÃY VIẾT MỘT BÀI VĂN VỚI CHỦ ĐỀ “NIỀM TIN”**  *Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:*  *- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?*  *Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:*  *- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!*  *Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:*  *- Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ...*  (Trích *Làng-* Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một)   |  | | --- | | ***a. Mở bài:* Dẫn dắt giới thiệu vấn đề**  – Một câu danh ngôn nổi tiếng đã nói; Mất tiền còn có thể tìm lại được nhưng mất niềm tin là mất tất cả. Đúng vậy! Nói về niềm tin của mỗi người trong cuộc sống đã có rất nhiều ý kiến nói về điều đó: *“Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa”* . Vậy niềm tin có ý nghĩa như thế nào với mỗi con người trong cuộc sống? | | ***b. Thân bài:***  ***\* Khái quát về đoạn trích****:* Trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, ông Hai là nhân vật chính. Ông là một người nông dân yêu làng, yêu nước, gắn bó thủy chung với cách mạng với Cụ Hồ. Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ông vô cùng tủi hổ, dằn vặt, đau đớn. Ông nói chuyện với đứa con út để tạo dựng, củng cố và khẳng định niềm tin vào Cụ Hồ, vào kháng chiến.  ***\* Giải thích*:** Niềm tin là cảm giác đinh ninh, chắc chắn về một điều gì đó. Có thể là tin vào một người hay một sự vật, sự việc nào đó; tin vào chính mình. Bởi vì họ nghĩ điều đó là đúng và đáng tin tưởng  ***\* Phân tích và bàn luận*:**  - Niềm tin là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết. Niềm tin tiếp thêm cho con người sức mạnh để con người có ước mơ, mục đích cao đẹp; mở ra những hành động tích cực vượt lên những khó khăn, thử thách; giúp con người gặt hái những thành công.  - Niềm tin giúp mọi người yêu cuộc sống, yêu con người, hy vọng vào những điều tốt đẹp.  - Đánh mất niềm tin thì con người sẽ không có ý chí nghị lực để vươn lên, không khẳng định được mình, mất tự chủ, mất tất cả, thậm chí mất cả sự sống.  – Bởi niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin. Nó không chỉ đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp mà còn là nền tảng của mọi thành công. Để đạt được điều đó, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.  - Phê phán những con người không có niềm tin, mới va vấp, thất bại lần đầu đã gục ngã, buông xuôi.  - Niềm tin còn được củng cố nhờ sự cổ vũ, động viên của những người xung quanh.  ***\* Bài học nhận thức và hành động*:**  - Mọi người phải xây dựng niềm tin trong cuộc sống. Tin tưởng vào khả năng, năng lực của bản thân, tin tưởng vào những điều tốt đẹp.  - Phải dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống.  - Phải tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân. | | ***c. Kết bài:***  - Kết luận: khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của niềm tin.  - Liên hệ bản thân.  **ĐỀ SỐ 26: SUY NGHĨ CỦA EM VỀ CHƯƠNG TRÌNH “TRÁI TIM CHO EM”**  **1. Giới thiệu, giải thích**  ***a. Giới thiệu***  - Chương trình Trái tim cho em do Đài THVN phối hợp với Tổng công ty viễn thông quân đội Viettel và tổ chức Đông Tây hội ngộ thực hiện để giúp cho các trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh có hoàn cảnh khó khăn hiện thực ước mơ cuộc sống của mình. Chương trình đã lấy được rất nhiều cảm tình của khán giả trên cả nước cũng như kiều bào nước ngoài.  - Chương trình Trái tim cho em gồm một chuỗi các hoạt động, thăm khám, phẫu thuật, quyên góp, gây quỹ… nhằm kêu gọi cộng đồng chung tay, góp sức, hiện thực hóa ước mơ về cuộc sống không bệnh tật của trẻ em nghèo mắc bệnh tim bẩm sinh trên cả nước.  ***b. Giải thích***  - Trái tim: là một bộ phận quan trọng nhất trong cơ thể người, nếu mất nó đi thì con người sẽ ngừng thở và không tiếp tục cuộc sống => Điều quan trọng nhất của mỗi con người: tình thương, sự đồng cảm.  - Cho em: Một đối tượng cụ thể=> Tấm lòng sẻ chia, đồng cảm đối với những con người có số phận bất hạnh, khó khăn.  **2. Phân tích, chứng minh**  - Chương trình trái tim cho em là một điển hình cho sự đồng cảm sẻ chia, thương yêu của những con người có tấm lòng rộng lớn, bao la dành cho những em nhỏ có số phận bất hạnh được trở về với cuộc sống bình thường, có một trái tim khỏe mạnh, bình thường như bao bạn trẻ khác. (Dc)  - Trái tim cho em đem lại động lực sống, tình yêu thương sâu sắc của con người dành cho con người.  - tình thương là chìa khóa kết nối con người với con người.  - Khẳng định được sức mạnh của tình thương yêu, bao la, rộng lớn trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất.  DC: Tính tới 04/08/2015 chương trình đã cứu giúp được 2.700 bệnh nhân nhi mắc bệnh tim được cứu sống, trở về với gia đình, huy động được 90 tỉ đồng ủng hộ của hơn 8.000 cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hảo tâm trong và ngoài nước.  - Bên cạnh việc có rất nhiều người có tâm lòng từ bi, yêu thương như vậy cũng có một số thành phần có tâm địa độc ác, coi thường tính mạng của người khác, vứt bỏ con cái ruột thịt của mình, hay là sẵn sàng dùng các thủ đoạn để đạt mục đích của mình…  **3. Mở rộng và bài học nhận thức**  - Hãy luôn coi trọng và đặt tình thương làm thước đo của bản thân  - Sống sao cho không hổ thẹn với bản thân và các giá trị của cuộc sống.  - Sẵn sàng đồng cảm, sẻ chia một phần nào đó để góp phần xây dựng nên môi trường con người giàu tình thương yêu.  **ĐỀ SỐ 27: LÒNG KIÊN TRÌ**  **I.Mở bài**  - Đã từ lâu lòng kiên trì đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta  - Nó giúp ta đẩy lùi bao kẻ thù xâm lược, hoàn thành công cuộc xây dựng đất nước  **II.Thân bài**  **1.Giải thích**  -“Kiên trì” là kiên nhẫn, quyết tâm theo đuổi đến cùng.  - Người có lòng kiên trì luôn bền chí theo đuổi sự nghiệp đến cùng.  **2. Chứng minh**  - Thực tế trong xã hội có biết bao tấm gương bền chí  - Nguyễn Hiền nhà nghèo, chăn trâu, xin vào chùa nghe giảng kinh...thi đậu Trạng Nguyên năm 12 tuổi.  - Lê Lợi mười năm nằm gai nếm mật, hai lần bị vây ở Chí Linh, kiên trì đánh đuổi giặc Minh về nước...  - Bác Hồ ta cũng là một tấm gương kiên trì.  - Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí, mặc dù bị liệt hai tay từ nhỏ nhưng thầy vẫn quyết tâm đến trường, kiên trì học viết bằng chân, học hết đại học, trở thành Nhà giáo Ưu tú, nhà văn, nhà thơ. Từ nghị lực và ý chí vượt khó vươn lên của bản thân, thầy Nguyễn Ngọc Kí đã viết lên trang huyền thoại cho chính cuộc đời  - Hay Nick Vujicic – chàng trai người Úc sinh ra với cơ thể không tay không chân, nhưng điều đó không khiến anh nản chí. Vượt qua những khiếm khuyết trên cơ thể mình, anh trở thành một diễn giả nổi tiếng khắp thế giới, được mọi người biết đến như một tấm gương của sự vượt khó  **3 Phê phán**  - Tuy vậy vẫn có một số người hay nản lòng, nản chí bỏ dở công việc nửa chừng. Họ thiếu lòng kiên trì để đi đến cùng.  **4. Đánh giá**  - Ngày nay, lòng kiên trì đã trở thành truyền thống quý báu dân tộc, luôn được mọi người phát huy.  - Học sinh chúng ta thể hiện lòng kiên trì của mình qua việc giải những bài toán, làm những bài văn hay .  - Không đầu hàng trước những bài toán khó.  - Kiên trì không chưa đủ còn phải biết sắp xếp, có óc khoa học mới đạt tới thành công.  **III. Kết bài**  - Lòng kiên trì,tính bền bỉ đã giúp con người rất nhiều trong cuộc sống  - Chúng ta hãy luôn kiên trì nhẫn nại để đạt được thành công trong cuộc sống.  **ĐỀ 28: GIẢI THÍCH Ý KIẾN “PHẢI CHĂNG CHỈ CÓ NGỌT NGÀO MỚI LÀM NÊN YÊU THƯƠNG”**  **\* Giải thích:**  - “Yêu thương” đó là một tình cảm tốt đẹp trong mỗi con người. Yêu thương những người thân trong gia đình, bạn bè, thầy cô, quê hương, đất nước và rộng hơn là yêu thương con người.  - “ Những điều ngọt ngào” có thể hiểu là những lời động viên ấm áp, sự quan tâm,sẻ chia, giúp đỡ nhẹ nhàng, chân thành, giản dị, yêu thương, vỗ về….  => Ý kiến đã đặt ra một câu hỏi, và cần chúng ta trả lời: “Phải chẳng chỉ có những điều ngọt ngào mới làm nên yêu thương?”. Tình cảm của con người có nhiều cung bậc, và chắc chắn tình thương cũng có nhiều cách thể hiện, không chỉ có “điều ngọt ngào”.  **\* Bàn luận:**  - Trong cuộc sống, ai cũng có khó khăn, ai cũng có lúc vấp ngã cần sự động viên, ai cũng có lúc mệt mỏi cần sự quan tâm, chăm sóc…Và ai cũng cần có tình yêu thương để chia sẻ.  - Yêu thương được làm nên bởi những “điều ngọt ngào”, đó là điều không cần phủ nhận. Yêu thương trong vòng tay ấm áp của cha mẹ,những cái nắm tay đỡ bạn dậy và dìu bạn đi tiếp trong cuộc đời;chia sẻ những yêu thương, quan tâm, và giúp đỡ những người khó khăn trong cuộc sống….  *( HS lấy dẫn chứng thực tế hoặc trong văn học để làm rõ )*  - Nhưng không chỉ có “những điều ngọt ngào” mới làm nên yêu thương. Có những tình yêu thương từ những sự góp ý thẳng thắn, trách mách, hình phạt từ bạn bè, bố mẹ, thầy cô...Cũng vì để chúng ta nhận ra sai lầm của bản thân, sống tốt, trưởng thành hơn trong cuộc sống...."Những điều không ngọt ngào" ta cần phải lắng nghe, chấp nhận, để hoàn thiện mình mỗi ngày. Nhiều khi chính những "điều không ngọt ngào" ấy lại là những bài học không bao giờ quên, biến thành những "điều ngọt ngào" cho tương lai sau này.  **\* Rút ra bài học nhận thức và hành động:**  - Tình yêu thương dù bằng cách thể hiện nào cũng cần sự chân thành, tích cực, giúp người khác sống tốt hơn, vượt qua mọi khó khăn thử thách.  - Tình yêu thương chỉ đẹp, chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó vô tư, trong sáng, khi chúng ta biết cho đi chứ không phải níu giữ thật chặt.  - Là con cái, chúng ta hiểu bố mẹ luôn yêu thương ta ngay cả trong những lời trách mắng.  - Là bố mẹ, chúng ta hiểu yêu thương con cái cần sự đúng mực, đừng nuông chiều con nhiều mà thành hư, giúp con hiểu những điều không đúng, để con có thể mạnh mẽ, vượt qua những khó khăn bằng chính khả năng và nỗ lực của mình.  - Là bạn bè, cần sự thẳng thắn trong tình cảm, giúp đỡ nhau hoàn thiện mỗi ngày.  **ĐỀ 29: SUY NGHĨ VỀ CÂU NÓI “ĐƯỜNG ĐI KHÓ KHÔNG PHẢI VÌ NGĂN SÔNG CÁCH NÚI MÀ NGẠI VÌ LÒNG NGƯỜI NGẠI NÚI E SÔNG”**  **I. MỞ BÀi**: Giới thiệu về vấn đề  **II. THÂN BÀI**  **1. Giải thích**  - Đường đi khó: Theo nghĩa đen là con đường có chướng ngại vật rất khó để vượt qua=> Hình ảnh ẩn dụ: Chỉ những khó khăn, gian truân trên đường đời.  - Nội dung chính của câu nói: Khẳng định chí chí, nghị lực của con người trong cuộc sống. Dám làm, dám thử sức vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống, không nản lòng để đi đến thành công.  **2. Phân tích, bình luận**  -Ý chí, nghị lực là yếu tố dẫn đến thành công của con người trên đường đời  Trên đường đời có rất nhiều khó khăn thử thách, có rất nhiều chướng ngại vật, vượt qua những thử thách đó thực sự rất khó nhưng vượt qua lòng người còn khó hơn. Nếu bản thân vượt qua được, thành công sẽ đến với bạn  **Ví dụ:**  + Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí, mặc dù bị liệt hai tay từ nhỏ nhưng thầy vẫn quyết tâm đến trường, kiên trì học viết bằng chân, học hết đại học, trở thành Nhà giáo ưu tú, nhà văn, nhà thơ. Từ nghị lực và ý chí vượt khó vươn lên của bản thân, thầy Nguyễn Ngọc Kí đã viết lên trang huyền thoại cho chính cuộc đời mình và trở thành tấm gương của biết bao thế hệ học sinh, thanh niên Việt Nam.  + Hiệp sĩ công nghệ thông tin Nguyễn Công Hùng, từ khi còn nhỏ đã mắc căn bệnh hiểm nghèo khiến anh bị liệt toàn thân, nhưng anh vẫn cố gắng học tập, mở trung tâm tin học dành cho người khuyết tật, giúp đỡ họ có một hướng đi trong cuộc đời mình, có niềm tin vào cuộc sống. Anh làm cho mọi người cảm phục bởi ý chí phi thường vươn lên trong cuộc sống, sống có ích, có cống hiến cho xã hội…  + Hay Nick Vujicic – chàng trai người Úc sinh ra với cơ thể không tay không chân, nhưng điều đó không khiến anh nản chí. Vượt qua những khiếm khuyết trên cơ thể mình, anh trở thành một diễn giả nổi tiếng khắp thế giới, được mọi người biết đến như một tấm gương của sự vượt khó…  - Những người khi gặp khó khăn mà buông xuôi, nản lòng không xác định được mục tiêu, lí tưởng cho bản thân thì sẽ cảm thấy mình luôn thất bại, luôn cảm thấy mình yếu kém.  **Ví dụ:** Những thanh niên hiện nay không đặt được ra cho mình mục tiêu sống, không biết mình cần gì, hay làm gì chỉ suốt ngày ham mê vào những trò chơi vô bổ, những hoạt động khiếm nhã, không lợi ích, khi gặp vấn đề khó khăn thì dừng lại ỷ lại cho bố mẹ và đổ lỗi cho hoàn cảnh sống của chính mình….  **3. Bài học nhận thức và liên hệ bản thân**  -Ý chí và nghị lực đóng vai trò quan trọng với mỗi con người, ý chí là suy nghĩ và chỉ có thành hiện thực, vượt qua khó khăn hay không là lòng quyết tâm, nghị lực  -Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần rèn luyện những kỹ năng sống cần thiết, đặc biệt là nghị lực sống là cách nhanh nhất vượt qua khó khăn, con đường ngắn nhất đến với thành công trong chính con người bạn.  -Môi trường xã hội luôn hiện diện khó khăn, điều quan trọng là biết tiếp nhận , sẵn sàng đón nhận khó khăn , để hoàn thiện mình, rèn luyện ý chí, tinh thần thép...  **III. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề  **ĐỀ 30: TÌNH MẪU TỬ**  Tôi viết về một tình cảm thiêng liêng nhỏ bé vô cùng. Tôi viết lên câu thơ về hình ảnh một vầng trăng khuyết, vầng trăng khuyết như một dáng nằm nghiêng, giữ cái khuyết cho mình nhưng là để ôm vòng lấy yêu thương, vầng trăng tuy khuyết nhưng đối với tôi, đó sẽ mãi là vầng trăng đẹp nhất, sáng nhất, và cái ánh sáng nhẹ nhàng, hiền dịu như tình Mẫu tử ấy sẽ mãi mãi soi sáng cho tôi trong suốt cuộc đời này. Với tôi, bất cứ những điều thuộc về tình Mẫu tử, dẫu bình thường nhưng cũng rất thiêng liêng.  Tình Mẫu tử là tình thương yêu, là sự hi sinh, sự chở che và bao dung của người mẹ đối với con của mình. Với tôi, tôi không thật sự hiểu sâu sắc về tình Mẫu tử, nhưng tôi có thể cảm nhận được những tình cảm thiêng liêng và sâu sắc của nó. Nếu như bạn hỏi tôi tình Mẫu tử như thế nào thì có lẽ tôi sẽ không thể trả lời bạn được, nhưng tôi có thể dùng cả cuộc đời của mình để nói cho bạn biết về sự thiêng liêng của tình mẫu tử, tôi sẽ kể về câu chuyện của tôi cũng như câu chuyện của người khác, tôi sẽ biểu đạt cho bạn biết được tình cảm của tôi cũng như tình cảm của người khác...Đối với tôi, tình Mẫu tử là thiêng liêng hơn cả!  Mẹ sẽ mãi mãi là người đi cùng bạn trong suốt những cuộc hành trình trong đời bạn. Khi bạn bước chân vào thế giới này, mẹ đã ôm bạn trong tay, bạn cảm ơn mẹ bằng cách khóc như một nữ thần báo tử.  Khi bạn 1 tuổi, mẹ đút từng miếng ăn và chăm sóc cho bạn. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách khóc suốt đêm dài.  Khi bạn 2 tuổi, mẹ tập cho bạn đi. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách bỏ chạy đi khi mẹ gọi.  Khi bạn 3 tuổi, mẹ làm cho bạn tất cả những bữa ăn với tình yêu. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách quăng đĩa xuống sàn.  Khi bạn 4 tuổi, mẹ cho bạn một vài cây bút màu. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách dùng chúng tô lên tường nhà.  Khi bạn 5 tuổi, mẹ diện cho bạn vào những ngày lễ. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách nhảy ùm vào đống bùn gần nhà.  Khi bạn 6 tuổi, mẹ dắt tay bạn đến trường. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách la lên: "Con không đi".  Khi bạn 7 tuổi, mẹ mua cho bạn một quả bóng. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách ném nó qua cửa sổ nhà bên cạnh.  Khi bạn 8 tuổi, mẹ cho bạn một cây kem. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách để nó chảy cả vào áo.  Khi bạn 9 tuổi, mẹ cho bạn đi học piano. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách chẳng bao giờ ngó ngàng đến việc thực hành.  Khi bạn 10 tuổi, mẹ làm tài xế cho bạn suốt ngày, từ đi chơi cho đến tập thể dục rồi hết tiệc sinh nhật này đến tiệc sinh nhật khác. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách liền nhảy ra khỏi xe khi đến nơi và chẳng hề quay lại.  Khi bạn 11 tuổi, mẹ dẫn bạn cùng bạn bè của bạn đi xem xi-nê. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách xin ngồi ở hàng ghế khác cùng đám bạn.  Khi bạn 12 tuổi, mẹ cấm bạn không được xem những chương trình tivi nào đó. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách đợi cho đến khi mẹ rời khỏi nhà rồi bật lên xem.  Khi bạn 13 tuổi, mẹ đề nghị bạn cắt tóc. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách bảo rằng mẹ không biết thế nào là sành điệu.  Khi bạn 14 tuổi, mẹ cho bạn đi trại hè xa nhà một tháng. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách chẳng viết lấy một lá thư.  Khi bạn 15 tuổi, mẹ đi làm về và chờ đợi sự chào đón của bạn. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách khóa cửa phòng ngủ.  Khi bạn 16 tuổi, mẹ dạy bạn lái chiếc xe của mẹ. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách lấy nó chạy bất cứ khi nào có thể.  Khi bạn 17 tuổi, mẹ đang đợi một cuộc gọi quan trọng. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách tán dóc đến giữa đêm.  Khi bạn 18 tuổi, mẹ đã khóc trong ngày lễ tốt nghiệp của bạn. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách đi chơi với bạn bè đến chiều tối.  Khi bạn 19 tuổi, mẹ trả tiền học phí cho bạn, lái xe đưa bạn đến trường đại học, mang túi xách cho bạn. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách tạm biệt mẹ bên ngoài dãy phòng tập thể để khỏi lúng túng trước mặt bạn bè.  Khi bạn 20 tuổi, mẹ hỏi bạn đã gặp gỡ ai chưa. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách đáp: "Đó không phải là chuyện của mẹ".  Khi bạn 21 tuổi, mẹ đề nghị bạn những nghề nghiệp nào đó cho tương lai. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách trả lời: "Con không muốn giống mẹ".  Khi bạn 22 tuổi, mẹ ôm bạn trong ngày lễ tốt nghiệp. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách hỏi xem mẹ có thể tặng bạn một chuyến đi du lịch châu Âu không.  Khi bạn 23 tuổi, mẹ sắm sửa tất cả đồ đạc cho căn hộ đầu tiên của bạn. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách nói rằng những người bạn của mẹ xấu xí và quê mùa.  Khi bạn 24 tuổi, mẹ gặp vị hôn phu của bạn và hỏi về những kế hoạch tương lai của bạn. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách giận dữ và càu nhàu: "Con xin mẹ đấy".  Khi bạn 25 tuổi, mẹ lo lễ cưới cho bạn, mẹ khóc và bảo rằng mẹ yêu bạn biết bao. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách dọn đến sống ở một nơi xa tít.  Khi bạn 30 tuổi, mẹ gọi bạn và khuyên bảo về việc chăm sóc trẻ em. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách bảo rằng: "Mọi việc giờ đã khác xưa rồi"  Khi bạn 40 tuổi, mẹ gọi để nhắc bạn nhớ sinh nhật của một người thân. Bạn cảm ơn mẹ bằng câu trả lời: "Con thật sự bận mẹ ạ!"  Khi bạn 50 tuổi, mẹ ngã bệnh và cần bạn chăm sóc. Bạn cảm ơn mẹ bằng cách tìm đọc sách về đề tài: "Cha mẹ trở thành gánh nặng cho con cái như thế nào"  Và rồi một ngày kia, mẹ lặng lẽ ra đi. Tất cả những điều bạn chưa làn sụp đổ tan tành. "Hãy ru con ngủ, ru con suốt đêm dài. Bàn tay đưa nôi... có thể cai trị cả thế giới".  Ta hãy dành một giây nào đó để báo hiếu và tỏ lòng kính trọng với người ta gọi là Mẹ, dù rằng một số người có thể sẽ không nói điều đó thẳng thắn với mẹ mình. Chẳng điều gì có thể thay thế mẹ được. Hãy trân trọng từng giây phút, dẫu rằng đôi khi mẹ không phải là người hiểu ta nhất trong những người bạn của ta, có thể không đồng ý với những suy nghĩ của chúng ta, nhưng người ấy vẫn là mẹ bạn!!!  Mẹ sẽ luôn ở bên bạn; lắng nghe những phiền muộn, niềm vui cũng như những nỗi thất vọng của bạn. Hãy tự hỏi chính mình: "Mình có dành đủ thời gian cho mẹ để lắng nghe những phiền muộn và buồn chán của một người nội trợ suốt ngày ở trong bếp không???"  Suốt cuộc đời tần tảo nuôi con, một người mẹ không trông mong gì ở con mình sự báo đáp, niềm hạnh phúc lớn lao nhất nhất của một người mẹ là được nhìn thấy con mình hạnh phúc. Mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con! Người mẹ đã dành hết cuộc đời cho con, đế cuối cùng, các bà không nhận được gì cả, các bà mẹ sẽ trở nên già nua và nhăn nheo nhưng các bà sẽ mãi mãi không bao giờ xấu xí.  Một bông hồng cho em/ Một bông hồng cho anh/ Và một bông hồng cho những ai/ Cho những ai đang còn mẹ/ Đang còn mẹ để lòng vui sướng hơn/ Rủi mai này mẹ hiền có mất đi/ Như đóa hoa không mặt trời/ Như trẻ thơ không nụ cười/ Ngỡ đời mình không lớn khôn thêm/ Như bầu trời thiếu ánh sao đêm/ Mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền/ Mẹ, mẹ là bài hát thần tiên/ Là bóng mát trên cao/ Là mắt sáng trăng sao/ Là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối/ Mẹ, mẹ là lọn mía ngọt ngào/ Mẹ, mẹ là nải chuối buồng cau/ Là tiếng dế đêm thâu/ Là nắng ấm nương dâu/ Là vốn liếng yêu thương cho cuộc đời... Lời bài hát nghe thật buồn, nó đã thể hiện được sự quan trọng của người mẹ đối với người con cũng như là sự thiếu thốn, mất mát không gì bù đắp được khi không còn mẹ. Một cuộc sống hạnh phúc không hẳn phải là một cuộc sống có đầy đủ tiền tài, vật chất. Đôi khi, cho dù bạn là một người giàu sang, của cải đếm không hết, nhưng từ tận sâu trong con tim mình, bạn có cảm thấy thật sự hạnh phúc không, đặc biệt là khi mẹ của bạn đã không còn. Tôi nghĩ có lẽ bên ngoài vỏ bọc hạnh phúc ấy, vào một thời khắc nào đó, sẽ có lúc bạn cảm thấy mình rất cô đơn. Niềm hạnh phúc lớn nhất của một con người là được trải qua một tuổi thơ bên cạnh mẹ, được mẹ yêu thương, chăm sóc, bảo bọc. Đối với mẹ, bạn sẽ mãi chỉ là một đứa trẻ nhỏ bé luôn cần có mẹ chăm nom, những kí ức về mẹ sẽ mãi là những kí ức vĩnh cửu và nếu như thời gian như một cuốn băng quay ngược dòng thời gian và cả không gian để trở về với tuổi thơ xinh đẹp ấy thì liệu bạn có còn trân trọng những thời khắc tuyệt đẹp đó nữa hay không?  Hãy nhớ, yêu thương và kính trọng mẹ, dù rằng bạn có thể có cách nhìn khác với mẹ. Khi mẹ ra đi, những kỉ niệm yêu mến của quá khứ và cả nuối tiếc sẽ ở lại, cũng như cái tình Mẫu tử bị đứt đoạn. Bạn hãy nhớ rằng, dù bạn đi đến đâu hay ở bất cứ nơi nào, mẹ sẽ luôn là người quan tâm, yêu thương, lo lắng cho bạn nhất. Đừng xem những điều gần gũi với trái tim bạn là hiển nhiên. Yêu mẹ hơn bản thân mình, vì cuộc đời bạn sẽ vô nghĩa nếu không có Người.  **ĐỀ SỐ 31:**  **Viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu ngạn ngữ Hi Lạp:**  **“Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”.**  **DÀN Ý THAM KHẢO**   1. **Giải thích:**   – Học hành là quá trình học và thực hành để mở mang kiến thức, nâng cao trình độ hiểu biết của mỗi người.  – rễ đắng và quả ngọt là hình ảnh ẩn dụ chỉ công lao học hành và kết quả học tập.  Câu ngạn ngữ thể hiện nhận thức sâu sắc về qui luật của học vấn và vai trò quan trọng của việc học hành đối với mỗi người.  **2. Phân tích – Chứng minh.**  ***Ý 1: Học hành có những chùm rễ đắng cay***  – Việc học đòi hỏi tốn thời gian, công sức, trải qua cả một quá trình.  – Quá trình học tập có những khó khăn, vất vả, gian nan: chiếm lĩnh tri thức, luyện tập, thực hành…Để có thể giỏi giang, thành công đòi hỏi phải từng bước chinh phục những bậc thang học vấn.  – Quá trình học tập có khi phải trải qua những thất bại, phải nếm vị cay đắng: điểm kém, bị quở mắng, thi hỏng….  ***Ý 2: Vị ngọt của quả tri thức hái được từ việc học hành***  – Vị ngọt của kết quả học tập trước hết là người học được nâng cao hiểu biết của bản thân, giàu có hơn về tri thức và tâm hồn, tự tin hơn trong cuộc sống.  – Thành quả học tập mang lại niềm vui, niềm tự hào cho bản thân và gia đình. thầy cô giáo, nhà trường, quê hương…  – Thành công trong học tập cũng chắp cánh cho những ước mơ, khát vọng mới trên con đường lập nghiệp.  – Phải biết chấp nhận đắng cay trong giai đoạn đầu để sau đó hưởng thành quả tốt đẹp lâu dài.  **\* Dẫn chứng:**  + Ê-đi-xơn phải trải qua hàng nghìn thí nghiệm, phải tìm tòi không ngừng để phát minh ra bóng đèn điện.  + Măc-xim Gorki phải kiếm sống đủ thứ nghề vất vả nhưng không nguôi khát vọng học tập. Bằng con đường tự học đầy gian truân, say mê đọc sách tiếp cận ánh sáng văn minh nhân loại và trở thành nhà văn vĩ đại của nhân loại. (Bút danh: Gor-ki có nghĩa là cay đắng)  + Mạc Đĩnh Chi bắt đom đóm cho vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách, sau đỗ trạng nguyên.  **3.Đánh giá – mở rộng**  – Câu nói bao hàm một nhận thức đúng đắn, một lời khuyên tích cực: nhận thức được quá trình chiếm lĩnh tri thức, mỗi người cần có bản lĩnh, chủ động vượt qua khó khăn để thu nhận được thành quả tốt đẹp trong học tập.  – Trong thực tế, nhiều người lười biếng không chịu khó học hỏi, trau dồi kiến thức, không biết biến nhựa đắng thành quả ngọt dâng cho đời; hay có những người ỷ lại người khác, không nỗ lực, dẫn đến những hành động gian lận, không trung thực trong học tập  – Kết quả học tập nếu không từ công sức bản thân sẽ không bền, sẽ có lúc phải trả giá, sẽ trở thành kẻ kém cõi trong cái nhìn của mọi người.  **4. Bài học:**  \* Nhận thức: xem câu ngạn ngữ là phương châm nhắc nhở, động viên bản thân trong quá trình học tập.  \* Hành động: rèn ý thức vươn lên trong học tập, không đầu hàng gian nan thử thách, luôn hướng tới những ước mơ, khát vọng hái quả ngọt từ học vấn để thành công.  **ĐỀ 32**  **Anh / chị nghĩ như thế nào về câu nói:**  **“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”**  **( Trích Nhật ký Đặng Thuỳ Trâm)**    **DÀN Ý THAM KHẢO**   1. **Giải thích:**   – Giông tố ở đây dùng để chỉ cảnh gian nan đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội .  – Câu nói khẳng định: cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn, chớ đầu hàng thử thách, gian nan.  **2.Phân tích – chứng minh :**  ***Ý 1: Đời người cần trải qua những thử thách để trưởng thành:***  Câu nói trên là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp. Trong cuộc chiến tranh vệ quốc, họ sống thật đẹp và hào hùng.( Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, Nguyễn Viết Xuân “nhằm thẳng quân thù mà bắn”…)  – Trong gian khó, con người được rèn luyện như thép được tôi trong lửa; thực tế gian nan giúp con người hình thành được nhiều phẩm chất đáng quý: ý chí, nghị lực, bản lĩnh, sáng tạo, năng động,v.v…  ***Ý 2: Không cúi đầu trước giông tố, vẻ đẹp nhân cách con người tỏa sáng:***  – Dù trong hoàn cảnh nào, khi con người không cúi đầu trước thử thách, con người sẽ trưởng thành và nhân cách sẽ tỏa sáng (Ngô Bảo Châu và công trình nghiên cứu về Bổ đề cơ bản…, )  – Không cúi đầu trước gian khó, trước hết con người phải vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân, xông xáo năng động trong cuộc sống. Đó cũng là sống đẹp.  ***\* Dẫn chứng:***  – Thực tế học tập, lao động của lớp trẻ hiện nay có bao tấm gương sống đẹp:  + Những thủ khoa đại học nhà nghèo vượt khó:  °Lê Minh Khiết – HS trường THPT chuyên Lê Khiết (Quảng Ngãi) với hattrick thủ khoa: Thủ khoa Tốt nghiệp THPT (56 điểm), thủ khoa Đại học Ngoại thương TPHCM (28,5 điểm), thủ khoa Đại học Y dược TPHCM (29,5 điểm).  °Vũ Văn Thanh, HS trường THPT Tô Hiệu, huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) nhà nghèo, vừa đi học vừa làm thêm phụ hồ để có tiền phụ giúp gia đình và trang trải việc học, tự học và đỗ hai trường đại học: đỗ thủ khoa Đại học Hải Phòng và đỗ Đại học Ngoại thương (cơ sở Hà Nội).  + Những người chiến đấu với căn bệnh nan y để sống có ích thật đáng khâm phục…:  °Sự kiện tại TPHCM, với chủ đề “Vượt lên và chiến thắng”, 150 bệnh nhân ung thư đã tham gia thi đá bóng để chiến đấu với bệnh tật. Dù không thể bước nhanh hơn, dù các đấu thủ đã hoàn tất phần thi, một bệnh nhân 60 tuổi vẫn không bỏ cuộc và chia sẻ: “Tôi không thi để thắng thua với người khác, tôi chỉ muốn chiến thắng bản thân mình”.  **3. Bình luận:**  – Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh. Câu nói ngắn gọn nhưng cô đúc, có nghĩa giáo dục sâu sắc đối với thế hệ trẻ.  – Phê phán lối sống hèn nhát, cầu an, ngại khó…  **4. Bài học:**  \* Nhận thức: Gian nan là thử thách của cuộc đời, con người được tôi luyện trong thử thách sẽ trưởng thành.  \* Hành động: dám nghĩ – dám làm, phải năng động, phải rèn luyện tu dưỡng những phẩm chất cần có ở những con người của thời đại mới có khả năng vượt qua mọi thử thách để thành công.  **ĐỀ 33: Trình bày suy nghĩ của mình về câu nói:**  ***“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.***  **DÀN Ý THAM KHẢO**  **1. Mở bài:**  - Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.  - Đúng vậy, ước mơ là nhựa sống để nuôi dưỡng tâm hồn ta lớn lên, sống có mục đích, có tương lai, hạnh phúc. Một câu nói đáng để ta suy ngẫm: *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.*  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích câu nói:**  - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được.  - Có người đã ví: *“Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thắp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi được tới bờ mà không bị mất phương hướng”.* Sự ví von quả thật chí lí, giúp người ta hiểu rõ, hiểu đúng hơn về ước mơ của mình.  - Ước mơ đủ lớn: là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.  - Câu nói: đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống. Bằng ý chí, nghị lực và niềm tin, ước mơ của mỗi người sẽ “đủ lớn”, trở thành hiện thực.  **b. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:**  Có phải *“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”?*  - *Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú.* Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả; có ước mơ vụt đến rồi vụt đi; ước mơ bay theo đời người; ước mơ là vô tận. Thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ.  - *Ước mơ đủ lớn* *cũng như một cái cây phải được ươm mầm rồi trưởng thành.* Một cây sồi cổ thụ cũng phải bắt đầu từ một hạt giống được gieo và nảy mầm rồi dần lớn lên. Như vậy, ước mơ đủ lớn nghĩa là ước mơ bắt đầu từ những điều nhỏ bé và được nuôi dưỡng dần lên. Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, vinh nhục, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn.  + Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã đạt được điều mình mơ ước.  + Nhiều nhà tư tưởng lớn, những nhà khoa học cho đến những người bình dân, thậm chí những thân thể khuyết tật… vẫn vươn tới, đạp bằng mọi khó khăn, cản trở trong cuộc sống để đạt được mơ ước của mình.  - Nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị thôi mà cũng khó có thể đạt được:  + Những em bé bị mù, những em bé tật nguyền do chất độc da cam, những em bé mắc bệnh hiểm nghèo… vẫn hằng ấp ủ những mơ ước, hi vọng. Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hoặc mất đi.  + Ước mơ cũng không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực, lười biếng, ăn bám…  **c. Đánh giá, rút ra bài học:**  - Lời bài hát “*Ước mơ*” cũng là lời nhắc nhở chúng ta: *“Mỗi người một ước mơ, nhỏ bé mà lớn lao trong cuộc đời, ước mơ có thể thành, có thể không…”.* Thật đúng vậy, mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống của đời mình.  - Phê phán: Ước mơ có thể thành, có thể không, xin người hãy tự tin. Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt đạt được điều gì mình mong muốn, sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa.  - Bài học nhận thức, hành động: Nếu cuộc đời là chiếc thuyền thì ước mơ là ngọn hải đăng. Thuyền gặp nhiều phong ba, ngọn hải đăng sẽ là niềm tin, ánh sáng hướng thuyền. Mất ngọn hải đăng, con thuyền biết đi đâu về đâu? Vì thế, hai chữ “ước mơ” thật đẹp, thật lớn lao. Mỗi người chúng ta hãy có cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào!  **3. Kết bài:**  - Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân.  - Cần có ý chí, nghị lực để nuôi dưỡng, biến ước mơ thành hiện thực.  **ĐỀ 34**  **Trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau:**  ***“Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa”* (Sách *Dám thành công*)**  **DÀN Ý THAM KHẢO**  **1. Mở bài:**  - Một câu danh ngôn nổi tiếng đã nói; Mất tiền còn có thể tìm lại được nhưng mất niềm tin là mất tất cả.  - Đúng vậy! Nói về niềm tin của mỗi người trong cuộc sống đã có rất nhiều ý kiến nói về điều đó: *“Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thức quý giá khác nữa”* (Sách *Dám thành công*). Vậy niềm tin có ý nghĩa như thế nào với mỗi con người trong cuộc sống?  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích câu nói:**  - Niềm tin vào bản thân: Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống.  - Câu nói là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy có niềm tin vào bản thân. Đó cũng là bản lĩnh, là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công. Khi đánh mất niềm tin là ta đánh mất tất cả.  **b. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:**  Vì sao đánh mất niềm tin vào bản thân là sẽ đánh mất nhiều thứ quý giá khác?  - Bởi niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin. Nó không chỉ đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp mà còn là nền tảng của mọi thành công. Để đạt được điều đó, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.  *-* Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực để vươn lên và tất nhiên*: “Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại” (Bovee).*  - Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, và có những lúc sa ngã, yếu mềm… *Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua*, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dẫn đến đánh mất chính mình. Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội… thậm chí cả sự sống của mình. Vì vậy, con người biết tin yêu vào cuộc sống, tin vào sức mạnh, khả năng của chính mình, biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.  - Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả.  **c. Đánh giá, bàn bạc:**  - Phê phán: Trong thực tế cuộc sống, có những người mới va vấp, thất bại lần đầu nhưng không làm chủ được mình, không tin vào mình có thể gượng dậy mà từ đó dẫn đến thất bại:  + Một học sinh nhút nhát, e sợ, không tin vào năng lực bản thân mình khi đi thi sẽ dẫn đến làm bài không tốt. Cũng có những học sinh thi trượt, tỏ ra chán nản, không còn niềm tin vào bản thân nên sẽ dễ bỏ cuộc.  + Một người khi làm việc, không tự tin vào mình, không có chính kiến của mình mà phải thực hiện theo ý kiến tham khảo của nhiều người khác thì dẫn đến tình trạng *“đẽo cày giữa đường”, “lắm thầy thối ma”.*  + Có những người từ nhỏ được sống trong nhung lụa, mọi việc đều có người giúp việc hoặc bố mẹ lo , khi gặp khó khăn họ có thể làm chủ được bản thân, tự mình độc lập để vượt qua?  - Khẳng định: Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại. Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng.  - Bài học nhận thức, hành động: Học sinh, sinh viên, những người trẻ tuổi phải làm gì để xây dựng niềm tin trong cuộc sống? Phải cố gắng học tập và rèn luyện tư cách đạo đức tốt. Việc học phải đi đôi với hành, dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống. Phải biết tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân.  **3. Kết bài:**  Liên hệ bản thân  **ĐỀ 35**  ***Giữa một vùng đất khô cằn sỏi đá, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở ra những chùm hoa thật rực rỡ.***  **Trình bày suy nghĩ của anh chị về hiện tượng trên.**  **DÀN Ý THAM KHẢO**  **1. Mở bài:**  - Câu nói miêu tả một hiện tượng thiên nhiên mà hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc, gợi ra nhiều suy tưởng đẹp.  - Đó là biểu tượng của nghị lực và ý chí vươn lên của con người trong những hoàn cảnh khó khăn, khốc liệt.  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích câu nói:**  - Hình ảnh *“vùng sỏi đá khô cằn”:* gợi liên tưởng, suy nghĩ về môi trường sống khắc nghiệt, đầy gian khó. Nói cách khác, đó là nơi sự sống khó sinh sôi, phát triển.  - Hình ảnh *“cây hoa dại”:* Loại cây yếu ớt, nhỏ bé, cũng là loại cây bình thường, vô danh, ít người chú ý.  - Hình ảnh *“cây hoa dại vẫn mọc lên và nở hoa”:* Cây hoa dại sống giữa tự nhiên lặng lẽ mà kiên cường. Nó thích nghi với hoàn cảnh, vượt lên điều kiện khắc nghiệt để sống và nở hoa. Những bông hoa là thành quả đẹp đẽ, kết tinh từ sự chắt chiu, thể hiện sức sống mãnh liệt.  - Như vậy, *câu nói mượn hiện tượng thiên nhiên mà gợi ra suy nghĩ về thái độ sống của con người.* Cho dù hoàn cảnh khắc nghiệt đến đâu, sự sống vẫn hiện hữu, cái đẹp vẫn tồn tại. Con người phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống.  **b. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:**  - Đây là một hiện tượng mà ta có thể tìm thấy ở nhiều nơi trong thế giới tự nhiên quanh mình. Cây cối, cỏ hoa xung quanh ta luôn ẩn chứa một sức sống mạnh mẽ, bền bĩ. Chúng sẵn sàng thích nghi với mọi điều kiện sống khắc nghiệt:  + *Nơi xa mạc nóng bỏng*, cây xương rồng vẫn mọc lên, vẫn nở hoa, những bông hoa nép mình dưới xù xì gai nhọn.  + *Ở cánh đồng băng Nam Cực*, các nhà khoa học sững sờ khi phát hiện dưới lớp băng dày vẫn có những đám địa y.  - Từ hiện tượng này, có thể liên hệ với những hiện tượng tồn tại trong **cuộc sống con người:**  + Những thử thách, những khó khăn của thực tế đời sống luôn đặt ra đối với mỗi con người. Cuộc sống không bao giờ bằng phẳng, luôn chứa đựng những bất ngờ, biến cố ngoài ý muốn. Vì vậy, quan trọng là cách nhìn, thái độ sống của con người trước thực tế đó. Ta không nên đầu hàng hoàn cảnh, không buông xuôi phó thác cho số phận. Trong hoàn cảnh “khắc nghiệt”, vẫn có những con người đích thực vẫn vươn lên.  + Chính trong thách thức của hiện thực cuộc sống, nghị lực và sức sống của con người càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đóng góp, cống hiến hay những thành tựu, kết quả đạt được trong điều kiện đó rất cần được tôn vinh như những tấm gương sáng cho mọi người học tập:  o *Nhà văn Nga vĩ đại M. Go-rơ-ki* đã có một cuộc đời sớm chịu nhiều cay đắng, gay go, đã không ngừng tự học, tự đọc để vươn lên khẳng định tài năng và đi đến thành công.  ***“Hiệp sĩ công nghệ thông tin” Nguyễn Công Hoàng*** phải sống trong hoàn cảnh nghiệt ngã: không thể tự mình duy chuyển, khả năng ngôn ngữ hạn chế. Vậy mà người thanh niên đó đã sống bằng nghị lực, quyết tâm học tập và nghiên cứu phần mềm tin học. Cuối cùng anh đã thành công.  o Còn có rất nhiều tấm gương khác nữa, họ chấp nhận đương đầu với hoàn cảnh khắc nghiệt để sống và vươn lên, thể hiện những ước mơ cao đẹp.  **c. Bình luận, đánh giá:**  - Khẳng định sự sâu sắc của bài học: Đây là một bài học quý báu, bổ ích về thái độ sống của con người xuất phát từ hiện tượng tự nhiên.  - Phê phán:  + Sống trong môi trường, điều kiện sống thuận lợi, có người biết tận dụng nó để phát triển tối đa năng lực của mình, đóng góp cho cuộc sống. Song cũng có những người ỷ lại mà không nỗ lực cố gắng, chỉ biết hưởng thụ, dẫn đến lãng phí thời gian, tiền bạc, tâm huyết, tình cảm của người thân. Sự lãng phí ấy là vô cùng đáng trách.  + Không gặp được những thuận lợi trong cuộc sống, có người đã sống chán nản, buông xuôi và dẫn tới thất bại. Trường hợp này có thể cảm thông song không nên đồng tình vì tuy hoàn cảnh có vai trò quan trọng song những nỗ lực cố gắng của con người càng quan trọng hơn.  - Bài học rút ra:  + Để có thể vượt lên khó khăn mà có những đóng góp, cống hiến trong cuộc sống, con người cần có nghị lực, ý chí, năng lực. Song cũng rất cần sự động viên, khích lệ, tình yêu và niềm tin của những người thân và cả cộng đồng.  + Cộng đồng nên có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về những đóng góp của những người ở hoàn cảnh đặc biệt, đồng thời nên có những chính sách hỗ trợ, giúp đỡ để họ nhanh chóng vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.  **3. Kết bài:**  - Sẽ thật bất hạnh khi gặp phải hoàn cảnh trớ trêu trong cuộc sống, nhưng sẽ bất hạnh hơn nếu như chúng ta thôi không cố gắng.  - Cũng như cây hoa dại kia rễ của nó đã đâm sâu dưới đất sỏi đá khô cằn nhằm tìm nguồn nước dẫu ít ỏi để tiếp tục tồn tại mà nở những chùm hoa đẹp.  - Hãy nhìn vào tấm gương của những bạn học sinh nghèo vượt khó, những hoàn cảnh bất hạnh nỗ lực vươn lên để tự soi lại chính mình.  **PHẦN 2: NGHỊ LUẬN VỀ 1 HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**  **HƯỚNG DẪN CÁCH LÀM**  **Bước 1: Tìm hiểu đề**  ***Xác định ba yêu cầu:***  + Yêu cầu về nội dung: Hiện tượng cần bàn luận là hiện tượng nào (hiện tượng tốt đẹp, tích cực trong đời sống hay hiện tượng mang tính chất tiêu cực, đang bị xã hội lên án, phê phán.)? Có bao nhiêu ý cần triển khai trong bài viết? Mối quan hệ giữa các ý như thế nào?  + Yêu cầu về phương pháp: Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng ? (giải thích, chứng minh, bình luận,...)  + Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là đời sống thực tiễn).  **Bước 2: Lập dàn ý**  ***a. Mở bài*: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận**  ***b. Thân bài:***  - Khái niệm và bản chất của hiện tượng (giải thích); mô tả được hiện tượng  - Nêu thực trạng và nguyên nhân (khách quan – chủ quan ) của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh  - Nêu tác dụng – ý nghĩa (nếu là hiện tượng tích cực; tác hại- hậu quả (nếu là hiện tượng tiêu cực)  - Giải pháp phát huy (nếu là hiện tượng tích cực); biện pháp khắc phục (nếu hiện tượng tiêu cực)  ***c. Kết bài***  - Bày tỏ ý kiến của bản thân về hiện tượng xã hội vừa nghị luận  - Rút ra bài học về nhận thức, hành động cho bản thân  **Bước 3: Tiến hành viết bài văn**  - Triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng đã xây dựng (theo dàn ý)  - Một bài nghị luận xã hội thường có yêu cầu về số lượng câu chữ nên cần phân phối lượng thời gian làm bài sao cho phù hợp, tránh viết dài dòng, sa vào kể lể, giải thích vấn đề không cần thiết. Trên cơ sở dàn ý, cần luyện cách viết và trình bày sao cho ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao.  **Bước 4: Đọc lại và sửa chữa để hoàn chỉnh bài viết**    **ĐÊ 1: VẤN ĐỀ NGHIỆN INTERNET CỦA GIỚI TRẺ**  **MỞ BÀI**  Trong suốt dòng lịch sử con người, đã có những người phải vất vả chống lại tính nghiện ngập, nào là nghiện rượu, nghiện ma túy, bài bạc, hiện nay, có một tình trạng nghiện mới xuất hiện: nghiện Internet.  **THÂN BÀI**  ***1. Thực trạng về căn bệnh nghiện internet trong giới trẻ***  - Với nhiều người, Internet là một thứ không thể thiếu; một thói quen không kiểm soát nổi.  - Quên thời gian, sao lãng ăn uống và ngủ; tức giận, căng thẳng, bồn chồn khi không thể lên mạng; cần trang bị máy tính mạnh hơn, nhiều phần mềm mới; biểu hiện trầm cảm, hay cáu giận và tách biệt với xã hội.  - Nghiện Internet – một hành vi gây căng thẳng cho cuộc sống của chính nạn nhân và cho cả gia đình, bạn bè, đồng nghiệp – là một căn bệnh tâm lí đang lan tràn trên toàn thế giới.  - Chơi game trực tuyến là một dạng của nghiện Internet và đang lan tràn nhanh chóng trong giới trẻ.  ***2. Hậu quả của nghiện internet***  -Trong đó có tình trạng vì quá mê mệt Internet mà các con nghiện xao lãng chuyện học hành, thậm chí bỏ học.  - Họ giảm tiếp xúc với gia đình, bè bạn, sống cô lập trước màn hình máy tính, lặn vào những “chatroom” hay chơi những trò chơi bạo lực.  -Các thiếu niên mắc bệnh này thường là những em có vấn đề về thái độ hành xử, mặc cảm.  (Lưu ý: Internet chỉ là chất xúc tác chứ không phải là nguyên nhân gây nghiện)  ***3. Giải pháp***  - Xây dựng một mạng lưới trung tâm tư vấn về nghiện Internet, cùng với các chương trình điều trị.  -Không được phủ nhận, vai trò của tích cực của Internet trong đời sổng xã hội, nhưng cần có những định hướng đúng đắn.  -Liên hệ bản thân  **III. KẾT BÀI**  Cũng giống như nghiện rượu hay ma tuý vậy, nghiện Internet mang lại những hậu quả nhất định về tâm lí thể xác và các mối quan hệ xung quanh. Đừng để thành quả được coi là có ý nghĩa nhất đối với xã hội loài người lại huỷ hoại chính bạn – công dân của thời đại.  **ĐỀ 2: HỌC VẸT - HỌC TỦ**   1. **Mở bài**   **Ví dụ:**  Không chỉ có những kỉ niệm vui buồn, những kỉ niệm đáng nhớ khi còn đi học mà chúng ta còn có những người bạn. Nhưng trường học bạn bè nào không phải cũng tốt cũng có những bạn xấu. một trong những người bạn xấu là những người bạn không chuyên tâm vào học hành, bao giờ cũng nghĩ đến việc học vẹt, học tủ, không trung thực trong học tập để có những luyến tiếc sau này.  **II. Thân bài: nghị luận về học vẹt, học tủ**   1. ***Thế nào là học vẹt, học tủ:***  * Học vẹt, học tủ là một cách học đối phó của học sinh hiện nay * Học vẹt, học tủ là chọn lọc những kiến thức để học, còn lại không học * Học tủ là học những kiến thức quan trọng một cách qua loa để dành cho thi cử, khi thi cử xong rồi thì lại quên * Học vẹt là cách học như một con vẹt, học sao thì vậy, không hiểu bài   ***2. Nguyên nhân của sự học vẹt, học tủ:***   * Dơ sự phát triển của xã hội * Do nền giáo dục thiếu đi sự quan tâm * Do chương trình học ngán ngẫm * Do bản thân học sinh, sinh viên lười học * Do ba mẹ và thầy cô không quan tâm chăm sóc   ***3. Tác hại của việc học vẹt, học tủ:***   * Khiến học sinh không thể lĩnh hội kiến thức một cách chắc chắn * Không nắm vững kiến thức * Tạo ra một thói xấu cho học sinh hình thành nên những thói xấu khác trong cuộc sống   ***4. Cách khắc phục lối học vẹt học tủ*:**   * Tạo điều kiện học tập thoải mái nhất * Không đè nặng vấn đề học tập đối với học sinh * Học sinh phải tự ý thức được hành động của mình   **C. Kết bài**  Nêu cảm nghĩ của em về lối học vẹt, học tủ  **Ví dụ:**  Học vẹt, học tủ là một lối học không đúng, chúng ta nên chọn cho mình một lối học chính xác và phù hợp với bản thân nhất.  Trên đây là Hướng dẫn lập dàn ý đề bài “Nghị luận về học vẹt, học tủ” chi tiết và ngắn gọn nhất dành cho bạn. hi vọng qua bài lập dàn ý bạn đã có được những sự tham khảo để làm văn tốt hơn. Chúc các bạn thành công và học tập tốt.  **ĐỀ 3: NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ “RỪNG VÀNG BIỂN BẠC”**  **Mở bài: giới thiệu về vấn đề “Rừng vàng biển bạc”**  Nhờ vào sự thuận lợi về thiên nhiên và được trì phú cho nhiều tài nguyên thiên nhiên khác mà Việt Nam ta được mệnh danh là Rừng vàng biển bạc. rừng vàng biển bạc là một đặc ân của thiên nhiên ban tặng cho nước ta, những cánh rừng mênh mông xanh ngắt cùng với đường bờ biển dài hàng nghìn km đã đưa nước ta càng ngày càng phát triển và trù phú hơn nhờ vào thiên nhiên ấy.  **Thân bài: nghị luận về vấn đề Rừng vàng biển bạc**   1. **Khái niệm**   ***Thế nào là Rừng vàng biển bạc:***   * Rừng vàng là chỉ sự quan trọng của những cánh rừng, so sánh sự quý gia của rừng giống như vàng, sự che chở, đùm bọc và bảo vệ cuộc sống của chúng ta vô cùng quý giá * Biển bạc là thể hiện sự phong phú về thủy hải sản, nhờ vào biển mà người dân ta đánh bắt và cải thiện đời sống   **2. Thực trạng của rừng vàng biển bạc hiện nay:**   * Rừng bị tàn phá ngày càng nghiêm trọng * Những đồi trọc, đất trống được hình thành khắp mọi nơi * Những khu rừng bị thiêu trụi * Nguồn nước đang càng ngày càng bị ô nhiễm * Tôm cua cá, thủy hải sản ngày càng khan hiếm * Rừng vàng biển bạc là một khái niệm không còn   **3. Nguyên nhân**  -Do ý thức của những người dân quá kém trong việc bảo vệ môi trường.  - Do nhà nước, chính quyền chưa có nhiều biện pháp triệt để trong việc bảo vệ rừng.  **4. Biện pháp để bảo vệ rừng vàng biển bạc:**   * Tích cực bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn * Trồng thêm những cánh rừng * Ngăn chặn các hành vi gây ảnh hưởng đến nguồn nước   **Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về vấn đề rừng vàng biển bạc**  Rừng vàng biển bạc là một tài nguyên vô cùng quý giá, chúng ta nên bảo vệ chúng. Bảo vệ rừng và nguồn nước cũng chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.  **ĐỀ 4: SỐNG VÔ CẢM**  **A. Mở bài**  - Đại văn hào Nga Gorky đã từng quan niệm: "Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương” .Tình thương chính là cái quý giá của con người; “nó làm cho người gần người hơn”; sưởi ấm những cuộc đời bất hạnh và làm cho cuộc đời thêm phần ý nghĩa.Thế nhưng, có một mặt trái đáng buồn trong xã hội chúng ta hiện nay là con người đang dần mất đi tình thương ấy để sống với lòng ích kỉ, bằng trái tim lạnh giá, chỉ nghĩ cho bản thân,lạnh lùng, thậm chí là thờ ơ với mọi thứ xung quanh. Đó chính là thái độ sống vô cảm mà mọi người cho đó là “căn bệnh lâm sàng”.  **B. Thân bài**  **1. Khái quát (Dẫn dắt vào bài)**  - “Bệnh vô cảm” đã và đang trở thành một vấn đề xã hội mà mọi người quan tâm và suy nghĩ. Nó dường như trở nên phổ biến và càng nhanh chóng phát triển. Vậy, chúng ta hiểu gì về “ bệnh vô cảm”?  **2. Giải thích: "Bệnh vô cảm" là gì?**  - "Bệnh vô cảm" là căn bệnh tâm hồn của những người có trái tim lạnh giá, không xúc động, sống ích kỷ, lạnh lùng. Họ thờ ơ, làm ngơ trước những điều xấu xa, hoặc nỗi bất hạnh, không may của những người sống xung quanh mình.  **3. Thực trạng, biểu hiện**  ***- Bệnh vô cảm có những biểu hiện:***  + Thờ ơ với buồn vui, sướng khổ, với những số phận của những người xung quanh mình. Đi đường gặp những người bị tai nạn, gãy tay, gãy chân hoặc nằm bất tỉnh, những kẻ vô cảm chẳng có phản ứng nào mà chỉ biết dửng dưng chứng kiến với thái độ "Thờ ơ con mắt lạnh. Nhìn chúng có hề chi!" (Tố Hữu).  + Thờ ơ với những vấn đề xã hội dù lớn, dù nhỏ, các phong trào, các sự kiện. Hằng năm, mọi người đều hưởng ứng sự kiện Giờ Trái đất. Khi mà toàn thể xã hội tham gia sự kiện một cách tích cực và hào hứng, nhất là thế hệ trẻ thì bên cạnh đó vẫn có những con người thản nhiên bật nhạc, bật đèn, bật tivi. Rõ ràng, đây là một cách thể hiện sự vô cảm, anh ta thời ơ với những vấn đề lớn lao nhất, hoặc thậm chí là những vấn đề rất bình dị nhưng mà thật có ý nghĩa trong cuộc sống. Những phong trào hiến máu, tình nguyện, giúp đỡ đồng bào bị bão lụt, những vấn đề lớn lao của xã hội… thờ ơ, coi như đó không phải là chuyện của mình.  + Thờ ơ trước những vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống, của con người. Một tấm gương học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, cố gắng vươn lên học giỏi, nhưng anh ta sẵn sàng bỏ qua, không để tâm đến, không biết ngưỡng mộ, và cảm phục. Trước một cảnh đẹp của thiên nhiên khiến mọi người phải xúc động, phải xao xuyến thì lại thờ ơ, coi như không có chuyện gì.  + Thơ ơ với cái xấu, cái ác. Lên xe ô tô, thấy kẻ gian móc túi hoặc bọn côn đồ hành hung hành khách, họ cũng chỉ lờ di xem như đấy không phải chuyện của mình. Sống trong cơ quan trường học, chứng kiến bao chuyện ngang trái như cấp trên hối lộ, thầy giáo ngang nhiên bạo hành học sinh, còn học sinh thì quay cóp gian lận trong thi cử, họ cũng không mở miệng mà ngoảnh mặt làm ngơ. Hoặc trông thấy bạn bè đồng trang lứa bị bạo hành ngay trước cổng trường nhưng họ còn đứng xem rồi quay clip tung lên mạng coi như không phải chuyện của mình.  + Thờ ơ với chính cuộc sống, tương lai của mình, “nước chảy bèo trôi”, đến đâu hay đến đó.  - Sự vô cảm là một căn bệnh đang có chiều hướng lan rộng trong xã hội ta, nó đang len lỏi khắp mọi nơi. Nó không chỉ diễn ra ngoài xã hội mà còn xâm nhập vào trong các gia đình, những người thân ruột thịt. Tôi đã chứng kiến cảnh có nhà cha mẹ bị ốm nặng nằm liệt giường mà con cái không đoái hoài gì đến, có khi tống khứ vào viện dưỡng lão. Khi bố mẹ qua đời thì giành nhau đưa xác về nhà mình để nhận tiền phúng điếu. Tôi thấy đau lòng và xót xa khi đọc được một bài báo trên mạng có đưa tin về vụ một bé gái 2 tuổi bị xe tải cán và sau đó bị những người đi ngang qua bỏ mặc ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Thiên thần bé nhỏ này đã bị xã hội bỏ rơi và qua đời bởi chính sự thờ ơ, vô cảm của những con người không có tình thương và đạo đức.  **4. Nguyên nhân:**  - Do cách sống vị kỉ của mỗi con người, thờ ơ với tất cả mọi thứ xung quanh.  - Do nhịp sống, guồng quay hối hả, đầy tốc độ của xã hội thời hiện đại. Mọi người cứ bị cuốn vào guồng quay với học tập, với phấn đấu, với lao động, với sự nghiệp mà nhiều khi chúng ta quên đi tất cả mọi điều xung quanh. Bởi vì nhiều khi không đủ thời gian, không đủ sức lực và tâm huyết để mình chú ý đến những vấn đề khác ngoài công việc.  - Tính chất của cuộc sống mang tính chất “đô thị hóa”, văn hóa làng xã ngày một mai một dần, cái khái niệm gọi là “tắt lửa tối đèn” cũng mất dần đi.  - Một bộ phận thế hệ trẻ được gia đình, bố mẹ chiều chuộng, thậm chí là lập trình sẵn cho cuộc đời, cho tương lai, cho từng đường đi nước bước. Cho nên không cần phải phấn đấu, không cần phải bận tâm, mọi thứ đều đã được bố mẹ lo, cho nên anh ta thờ ơ với cuộc sống, tương lai của mình.  **5. Tác hại, hậu quả**  - Bệnh vô cảm có những tác hại thật ghê gớm đối với mỗi cá nhân và xã hội. Vì vô cảm, mà con người trở thành thơ ơ, lạnh lùng đánh mất đi cái lương tâm, cái phẩm chất đạo đức. Vì vô cảm, các quan chức nhà nước sẵn sằn giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ, tư túi, tham ô tiền, đã gián tiếp đẩy đất nước đến bờ vực của suy vong, chẳng còn ai lo cho lợi ích chung của cộng đồng dân tộc. Vì vô cảm, mà các thầy cô giáo – “kỹ sư tâm hồn” của học sinh sẽ đào tạo ra thế hệ học trò thiếu tri thức, trình độ và thậm chí cũng vô cảm giống như họ. Như thế, các chủ nhân tương lai của đất nước sẽ đi về đâu? Rường cột nước nhà sẽ ra sao, nếu không nói là đã mục nát ngay từ trong trứng nước? Quả thật, đó là một mối họa vô cùng lớn cho xã hội!  **6. Ý kiến đánh giá, bình luận**  - Căn bệnh vô cảm là căn bệnh của những người sẵn sàng quay lưng lại với những nỗi đau khổ, bất hạnh của đồng loại, sẵn sàng làm ngơ trước cái xấu, cái ác, nên làm cho cái xấu, cái ác có mảnh đất màu mỡ để sinh sôi nảy nở như "cỏ mọc hoang" và đang đầu độc, chế ngự cuộc sống tốt đẹp của con người trong xã hội mới của chúng ta hôm nay.  - Căn bệnh vô cảm là căn bệnh của phường ích kỷ luôn luôn nhìn đời bằng cặp mắt ráo hoảnh. Nó đang làm mất đi một điều vô cùng thiêng liêng và quý giá. Đó là tình thương giữa con người với con người. Mà tình thương theo Nam Cao, nó là tiêu chuẩn quan trọng nhất để xác định tư cách con người "Không có tình thương, con người chỉ là một con vật bị sai khiến bởi lòng ích kỷ" (Đời thừa – Nam Cao). Bệnh vô cảm đang làm "nhiễm mặn" , vẩn đục và xói mòn dần truyền thống đạo lý đẹp nhất của con người Việt Nam: "Thương người như thể thương thân". Và khi căn bệnh này ngự trị, thì con người sống với con người trong mối quan hệ hết sức lỏng lẻo. Ở đó thiếu hơi ấm của tình thương, của niềm cảm thông, của sự cưu mang, đùm bọc, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau. Một cuộc sống như thế là cuộc sống của "Một sa mạc đời đìu hiu lạnh giá". Thật buồn đau và thất vọng biết bao!  **7. Bài học nhận thức và hành động:**  Học tập lối sống lành mạnh, biết yêu thương sẻ chia đồng cảm với những người xung quanh. Tham gia các hoạt động xã hội có tính nhân văn cao như phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào thanh niên lập nghiệp... Xã hội cần lên án mạnh mẽ bệnh vô cảm, coi đó như là một cuộc chiến đấu để loại bỏ căn bệnh này ra khỏi xã hội ta.  **C. Kết bài**  Tình thương là cái quý giá của con người; bệnh vô cảm đã làm mất phẩm chất ấy, không khác gì biến dòng máu hồng hào trở thành máu trắng. Trái tim mỗi con người cần được thắp sáng ước mơ, khát vọng, ý chí và sự sáng tạo gắn bó với cộng đồng. Điều đó sẽ chống được bệnh vô cảm và làm cho cuộc đời của con người có ý nghĩa.  **ĐỀ SỐ 5: Dàn bài nghị luận xã hội về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể qua lời dạy của Đức Phật "Giọt nước chỉ hòa vào biển cả mới không cạn mà thôi"**  **1. Giải thích**   * Giọt nước: Chỉ những gì nhỏ bé, đơn lẻ, những con người riêng lẻ. * Biển cả: Dạng vật chất tồn tại với mức độ lớn; chỉ sự mênh mông, cộng đồng xã hội. * Không cạn: Nói lên sức mạnh vô song khi ở trong mối liên kết với cộng đồng. * => Câu nói của Đức Phật: Hàm chỉ mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa một con người với muôn triệu con người. Cũng mang ý nghĩa đó, tục ngữ Việt Nam có câu:   *Một cây làm chẳng nên non*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*  **2 . Phân tích - chứng minh**  **a."Giọt nước chỉ hòa vào biển cả mới không cạn mà thôi"**  -Giọt nước: Nhỏ bé; đại dương: Bao la bát ngát. Giọt nước dễ tan biến; đại dương: Tồn tại mãi mãi. Chỉ khi nào hòa vào các dòng nước, làm nên sông suối, biển cả mênh mông, chúng mới có thể hiện hữu.  -Trong quan hệ xã hội, giữa cá nhân và tập thể có mối quan hệ hai chiều, tác động qua lại. Không có cá nhân thì không có tập thể, tập thể chỉ tồn tại khi các cá nhân có quan hệ gắn kết. Cá nhân gắn bó với tập thể thì sức mạnh được nhân lên và tồn tại vững bền.  -Một trường học được tạo nên bởi nhiều thầy cô và học sinh. Khu dân cư được hình thành từ nhiều hộ gia đình, gia đình là tế bào của xã hội. Chỉ mỗi phần tử cá nhân không thể làm nên một gia đình.  **b. Cá nhân rất cần đến tập thể**  -Cá nhân chỉ là cá thể nhỏ bé với nhiều giới hạn, nếu sống biệt lập thì không thể tồn tại lâu được. Cá nhân không thể nào sống tách rời tập thể.  *-Trong gia đình, con cái cần đến cha mẹ ông bà, anh chị em cần sự giúp đỡ nhau. Ra ngoài xã hội, cá nhân cần sự giúp đỡ, quan tâm của bạn bè và những người khác. Người nông dân muốn duy trì sản xuất cần đến những kĩ sư khoa học, những nhà doanh nghiệp.*  *-Do hoàn cảnh xô đẩy, Rô-bin-xơn, vợ chồng Mai An Tiêm phải sống một mình giữa hoang đảo, nhưng họ luôn khao khát trở về đất liền, về xã hội. Họ đã thực hiện được điều đó và họ đã tồn tại.*  -Tập thể mang đến cho cá nhân cho con người những niềm vui, sự chia sẻ. Con người khi gặp thử thách, gian truân thì được sự giúp đỡ; lúc cô đơn, sầu muộn sẽ được an ủi, động viên.  *-Những Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh là nơi tập hợp những thành viên. Đó còn là những tổ chức tương trợ nhau, cùng nhau vượt qua khó khăn trong cuộc sống.*  *-Các tổ hòa giải ở các khu phố đã cứu biết bao gia đình khỏi tan vỡ...*  -Cá nhân chỉ có sức mạnh khi hòa hợp, gắn bó với tập thể. Tập thể tạo môi trường cho cá nhân hoạt động và bộc lộ khả năng.  *-Trường học không chỉ là nơi để học sinh học tập, rèn luyện mà còn là nơi họ có thể thi thố, thể hiện năng lực học tập của chính mình.*  *-Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc thắng lợi được nhờ sức mạnh của cả dân tộc, trong đó mọi cá nhân đều góp mặt bằng sức mạnh riêng, khả năng riêng.*  **c. Có phải lúc nào cá nhân cũng cần đến tập thể?**  -Nếu cá nhân chỉ dựa vào người khác mà không có ý thức tự vươn lên thì không thể trưởng thành được. *"Con cái lúc nào cũng cậy vào cha mẹ thì lớn lên không thể tạo sự nghiệp cho mình"*  -Sự khẳng định, nỗ lực của cá nhân vẫn là điều quan trọng. *"Những gian nan thử thách trong cuộc sống luôn đến bất ngờ, lúc đó ta không có sẵn người để giúp đỡ, an ủi thì ta tự chọn cho mình hướng giải quyết riêng"*  **3. Đánh giá - mở rộng**  -Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề: Lời dạy của Đức Phật sẽ không bao giờ bị vùi lấp nếu nó nằm trong tâm niệm của một người, một thế hệ và của nhiều người, nhiều thế hệ.  **-Phê phán lối sống trái ngược:**  +Những con người, cá nhân nào sống biệt lập, không cần đến những người khác thì sớm hay muộn cũng sẽ gặp thất bại và sẽ bị đào thải.  +Sống trong tập thể, nếu cá nhân không có sự rộng lượng và hăng hái, không có trách nhiệm cho tập thể thì cũng không có đủ sức mạnh, sự tự tin để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống để đi đến thành công.  **+Mở rộng:** Một giọt nước nếu ở riêng lẻ thì sẽ nhanh chóng cạn khô và không mang lại lợi ích gì. Nếu nó hòa vào biển cả thì khác. Con người nếu sống một mình thì sẽ không có ai giúp sức, dễ dàng bị quật đổ. Nếu biết đồng lòng, đoàn kết thì mọi thứ sẽ trở nên dễ dàng và cuộc sống sẽ không bao giờ kết thúc.  **4. Bài học nhận thức, hành động**  **-Nhận thức:** Sống trong cộng đồng xã hội, ta không thể tách rời mà không hòa nhập, không có trách nhiệm với cộng đồng. Mỗi cá nhân đều tiềm tàng những sức mạnh riêng. Hãy mang sức mạnh đó cống hiến cho tập thể, chúng ta sẽ tìm thấy ý nghĩa sự tồn tại của mình.  **-Hành động:**  Sống trong tập thể, phải có sự quan tâm đến những khó khăn của anh em; phải biết đồng cảm, xót xa cho những số phận không may mắn. Phải biết sống với và cho người thì cuộc sống mới thành công, mới có ý nghĩa.  -Cá nhân nào thì tập thể ấy, vì thế, mỗi cá nhân phải tự rèn luyện mình để tạo nên tập thể mạnh: *"Mỗi người khỏe mạnh thì tạo nên cả dân tộc đều khỏe mạnh" (Hồ Chí Minh).*  **ĐỀ 6: BÊN CẠNH LỢI ÍCH THÌ FACBOOK CÒN CÓ NHỮNG MẶT TÁC HẠI. EM CÓ SUY NGHĨ GÌ?**  Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu xã hội và giải trí ngày càng cao. Chính vì thế mà thế giới ảo nhanh chóng ra đời, trong đó không thể không kể đến Facebook. Facebook là mạng xã hội phổ biến nhất hiện nay, chi phối rất nhiều người và gây ảnh hưởng rất lớn đến con người. tình trạng thanh thiếu niên nghiện Facebook ở nước ta ngày càng nhiều và tình trạng này càng nguy hiểm. chính vì thế mà chúng ta nên kịp thời hạn chế hiện tượng này.  **II. Thân bài:**  **1. Facebook là gì?**  - Facebook là một mạng xã hội được truy cập miễn phí, là nơi mà con người có thể giao lưu, kết bạn và học hỏi  - Facebook có thể dụng dưới các mạng lưới được tổ chức theo thành phố, nơi làm việc, trường học hoặc khu vực để liên kết và giao tiếp với người khác.  - Bên cạnh những mặt hại thì facebook cũng có mặt tích cực riêng  **2. Hiện trạng sử dụng facebook ở nước ta hiện nay?**  Theo số liệu thống kê năm 2015 thì:  - Hơn 20 triệu người dùng facebook hàng ngày, 2,5 giờ trung bình mỗi ngày được dành ra để sử dụng Facebook  - Mỗi tháng ở Việt Nam có tới 30 triệu người dùng Facebook  - ¾ người dụng facebook ở Việt Nam từ độ tuổi 18 đến 35 tuổi  **3. Lợi ích của việc sử dụng facebook**?  - Facebook là cầu nối, giúp kết nối con người với con người lại gần nhau hơn, bất kể bạn ở khắp mọi nơi, kể cả trong nước và trên thế giới bạn đều có thể giao lưu kết bạn. Bạn có thể dễ dàng làm quen với những người bạn mới mà bạn chưa từng biết nhờ tính năng chat miễn phí và không giới hạn của facebook.  - Facebook giúp con người học hỏi được nhiều kiến thức bổ ích từ những lớp học online.  - Facebook giúp cập nhật thông tin bạn bè, người thân một cách nhanh chóng, kịp thời.  - Facebook là phương tiện giúp bạn bày tỏ quan điểm và ý kiến của bản thân như: quan niệm sống, phong cách thời trang…  - Nơi quảng cáo, kinh doanh buôn bán của các doanh nghiệp  - Giúp bạn làm việc nhóm dễ dàng hơn  - Là nơi bạn có thể trút giận và chia sẻ vui buồn  **4. Tác hại của facebook**  - Lâm vào tình trạng nghiện facebook, làm lãng phí thời gian của con người  - Bạn có thể bị lấy cắp thông tin khi tham gia facebook  - Nhiều người sử dụng facebook với mục đích xấu như: nói xấu, bôi nhọ danh phẩm người khác,….  - Làm con người càng tin vào thế giới ảo, không quan tâm đến thế giới ảo  - Làm con người lâm vào các trạng thái tiêu cực như: ghen tỵ, mặc cảm, đua đòi,….  **5. Biện pháp giảm thiểu tình trạng sử dụng facebook thường xuyên**  - Nhà nước: đưa ra các biện pháp sử dụng facebook lành mạnh, có hình phạt cho những hành vi xấu trên facebook  - Nhà trường: quan tâm đến học sinh, hướng dẫn học sinh sử dụng facebook một cách có hiệu quả  - Bản thân: có ý thức đúng đắn khi sử dụng facebook  **III. Kết bài**  Nêu cảm nghĩ của em về hiện trạng sử dụng facebook.  **ĐỀ 7: HỌC ĐI ĐÔI VỚI HÀNH** Mở bài Bàn về phương pháp học tập, xưa nay có rất nhiều ý kiến. Mỗi ý kiến đúc kết một kinh nghiệm quý báu góp phần rút ngắn khoảng cách trong hành trình chiếm lĩnh tri thức của nhân loại. Học đi đôi với hành là một trong những phương châm đó  **B. Thân bài**  **1. Giải thích**  **– Giải thích từ ngữ:**  **+ Học:** Học tập, lĩnh hội kiến thức từ bài giảng trong nhà trường, từ nhiều kênh thông tin.  **+ Hành:** Thực hành, vận dụng kiến thức vào giải thích, đánh giá các vấn đề, hiện tượng trong đời sống, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào lao động sản xuất để phục vụ cuộc sống con người.  **– Ý nghĩa cả câu:** Nhấn mạnh sự cần thiết giữa việc học lí thuyết với việc vận dụng lí thuyết, kinh nghiệm vào thực tiễn. 2. Bàn luậnVì sao học phải đi đôi với hành – Học là hoạt động tiếp thu những tri thức cơ bản của nhân loại đã được đúc kết qua mấy ngàn năm lịch sử. Chúng ta có thể học ở trường qua sự truyền thụ của thầy cô giáo; học ở bạn bè; tự học qua sách vở và thực tế đời sống.  – Mục đích của việc học là để làm giàu tri thức, nâng cao trình độ hiểu biết về nhiều mặt để có thể làm chủ bản thân, làm chủ công việc của mình, có khả năng ứng xử trong giao tiếp xã hội, khả năng giải quyết công việc trong những tình huống phức tạp… góp phần hữu ích vào việc xây dựng sự nghiệp riêng và sự nghiệp chung.  – Học là để làm cho mọi công việc được thực hiện với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Hành là quá trình vận dụng những kiến thức đã tiếp thu được trong quá trình học vào thực tế công việc hằng ngày. Học để hành, có nghĩa là phải học để làm cho tốt. Nếu chúng ta học những lí thuyết dù cao siêu đến đâu mà không vận dụng được vào thực tế thì đó chỉ là lí thuyết suông, tốn thời gian, tiền bạc mà vô ích, giống như truyện ngụ ngôn ngày xưa kể về người đàn ông mất bao công phu tìm thầy học nghề giết rồng để rồi suốt đời chẳng tìm thấy một con rồng nào cả.  – Học mà không hành thì vô ích vì hành vừa là mục đích, vừa là phương pháp học tập. Học để làm việc có hiệu quả, để nâng cao đời sống bản thân và có ích cho xã hội. Học mà gắn liền với thực hành thì kiến thức sẽ được củng cố, khắc sâu. b. Làm thế nào để học đi đôi với hành thật sự hiệu quả? – Học đi đôi với hành là một phương châm giáo dục đúng đắn và khoa học. Việc kết hợp giữa lí thuyết và thực hành có thể được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau, ở những lĩnh vực khác nhau. Thông qua thực hành, người học nắm chắc lí thuyết hơn vì lí thuyết ấy được biến thành việc làm và được kiểm nghiệm trong thực tiễn.  – Học đi đôi với hành có ý nghĩa thực sự quan trọng. Để đạt được hiệu quả cao, người học nên biết cân bằng giữa lí thuyết và thực tiễn sao cho hài hòa, hợp lí. Học với hành giúp chúng ta vừa chuyên sâu kiến thức lại vừa thông thạo, hoàn thiện kĩ năng làm việc.  – Để học đi đôi với hành thật sự hiệu quả cần vận dụng những kiến thức đã học khi ra ngoài xã hội. Những gì được học phải đem áp dụng vào cuộc sống, chứ không phải học để biết rồi bỏ đó. Hãy biến những tri thức, những bài học cuộc đời đầy ý nghĩa mà ta thâu nhận được từ sách vở thành hiện thực. Như vậy thì những kiến thức đó mới trở nên thật sự có ý nghĩa.  – Việc học không bó hẹp trong phạm vi nhà trường. Nhiều khi lí thuyết được rút ra sau sự trải nghiệm thực tiễn. c. Mở rộng, phản đề – Phương châm về mối quan hệ giữa học với hành trên là kinh nghiệm được đúc kết từ thực tế lịch sử phát triển của toàn nhân loại. Phải đánh giá đúng mức mối quan hệ hữu cơ khăng khít giữa học và hành, không thể coi nhẹ vai trò vô cùng quan trọng của việc học.  + Muốn đạt được hiệu quả cao trong công việc, con người phải được đào tạo bài bản, nghiêm túc, đến nơi đến chốn theo từng chuyên ngành và trong suốt quá trình làm việc vẫn phải học tập, học tập không ngừng. Nắm vững lí thuyết, chúng ta mới có thể làm được những công việc phức tạp và tránh được những sai lầm đáng tiếc. Lí thuyết dẫn đường cho thực hành; thực hành bổ sung, hoàn thiện cho lí thuyết…  + Hành mà không học thì không thể trôi chảy. Không có lí thuyết soi sáng, chúng ta sẽ gặp khó khăn trong công việc. Nếu ta chỉ làm việc theo thói quen và kinh nghiệm thì tiến trình làm việc sẽ chậm và hiệu quả không cao. Cách làm việc cũ kĩ, lạc hậu ấy chỉ thích hợp với những hình thức lao động giản đơn, không cần nhiều đến trí tuệ.  – Thực tế, nhiều học sinh đã sai lầm trong cách học, dẫn đến hiệu quả không cao vì chỉ khư khư ôm lấy lí thuyết mà không chịu thực hành. Một phần do các bạn ấy chưa nắm được tầm quan trọng của phương châm học đi đôi với hành, một phần xuất phát từ tâm lí e ngại, lười hoạt động.  – Phải biết kết hợp một cách hài hòa giữa lí thuyết và thực tiễn. Việc tuyệt đối hóa bất cứ một phương diện nào cũng sẽ phản tác dụng. Nếu quá đề cao lí thuyết, bạn sẽ rơi vào cách học máy móc, nặng nề, sách vở. Nếu thiếu những nền tảng lí thuyết cơ bản, bạn sẽ gặp nhiều khó khăn khi làm việc. 3. Bài học nhận thức và hành động – Học đi đôi với hành là phương châm giáo dục, phương pháp học tập đúng đắn. Người biết thực hiện phương châm đó một cách kiên trì sẽ gặt hái được thành công. Người chỉ biết “lí thuyết suông” sẽ học tập và làm việc không có hiệu quả, vì thế không thuyết phục được người khác  – Thực hiện “học phải đi đôi với hành”: Học nghiêm túc, biết vận dụng sáng tạo để hiệu quả học tập và công việc được nâng cao. C. Kết bài Có người đã từng nói: Mọi lí thuyết đều màu xám, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi. Tuy có phần cực đoan nhưng câu nói đó đã khẳng định đúng về giá trị của thực tiễn trong đời sống con người.  **ĐỀ 8: VĂN HÓA ĐỌC SÁCH**  **A.MỞ BÀI: Dẫn dắt, nêu vấn đề**  **B. THÂN BÀI**   1. **Văn hóa đọc sách là gì?**   Là đọc một cách có văn hóa, có tìm chọn nội dung mang tính chất văn minh. Nó vượt lên trên khái niệm đọc thông thường.  **2. Thực trạng**  - Biểu hiện, hiện trạng của vấn đề: giới trẻ hiện nay có vẻ thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách.  +Một số ít đọc theo phong trào, chưa có sự lựa chọn, chưa có mục đích đúng đắn-> việc đọc trở nên chưa thật sự có ích  + Một số lựa chọn”sách đen” để đọc → tiêm nhiễm vào đầu óc những tư tưởng thiếu trong sáng, lành mạnh  + Nhiều người cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại thông tin phát triển như vũ bão hiện nay, lên mạng đọc nhanh và dễ hơn → không mặn mà với sách  **3. Nguyên nhân**  ***- Chủ quan***  +Nhận thức chưa đúng đắn ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách. Nó không chỉ là phương tiện để giải trí, không chỉ là con đường tiếp cận tri thức mà còn để tăng khả năng tư duy mở rộng tâm hồn, để hiểu mình, hiểu người, có kĩ năng sống tốt…  ***+ Khách quan***  -Người Việt chưa có nhiều hành động để hình thành thói quen đọc sách  - Sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các kênh truyền hình có đầy ắp phim ảnh, thông tin đầy mạng xã hội  -Do sự nhộn nhịp của quán xá với bao trò chơi giải trí lôi cuốn làm người ta không có thời gian để ý đến việc đọc sách  **4. Tác hại**  -Không chăm đọc sách là bỏ quên một hình thức thư giãn, giải trí bổ ích.  -Không đọc sách là đánh mất cơ hội mở rộng vốn hiểu biết, mất cơ hội tăng cường khả năng khả năng tư duy, mở rộng tầm hồn, kĩ năng sống  **5. Giải pháp**  - Cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách để hình thành thói quen đọc sách  - Bộ văn hóa và thông tin cần có nhiều hoạt động để tạo điều kiện cho thanh niên đến với việc đọc sách nhiều hơn mở tủ sách miễn phí ở nhiều nơi  -Tổ chức ngày hội sách để giới thiệu những cuốn sách hay, giảm giá các sách, đưa phong trào đọc sách trở thành phong trào đọc sách trong cả nước.  **C. Kết bài**  Đọc sách chính là chiếc chìa khóa vạn năng để mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người. Sách là người thầy thắp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy ta biết sống đẹp, sống có ý nghĩa trong cuộc đời. Hãy biết yêu sách, chăm đọc sách và phát huy những giá trị từ sách để sách mãi là người bạn thân thiết của chúng ta!  **ĐỀ 9: VĂN HÓA THẦN TƯỢNG**   1. **Mở bài:**   - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu được ý kiến.  **B. Thân bài**  **1. Giải thích:**  - “Thần tượng”: là một con người cụ thể nào đó, có những thành công và tài năng nhất định tác động tích cực đến chúng ta, là tấm gương để chúng ta học tập và định hướng ước mơ.  - “Ngưỡng mộ”: Là thái độ tôn kính, khâm phục, sự yêu mến có chừng mực.  - “Mê muội”: Là sự say mê, cuồng tín, theo đuổi, đề cao thần tượng một cách quá mức, mù quáng. Đây là hiện tượng tâm lí không bình thường, dẫn đến những suy nghĩ và hành động lệch lạc.  (Ngoài ra các em có thể giải thích thêm “nét đẹp văn hóa”, “thảm họa”. Tuy nhiên, không cần thiết ).  => Về nội dung, ý kiến này đề cập đến tính hai mặt của việc say mê thần tượng: nếu ngưỡng mộ thần tượng một cách đúng mức sẽ mang lại nhiều điều tốt đẹp, có ý nghĩa tích cực trong cuộc sống; ngược lại ngưỡng mộ quá mức, mù quáng sẽ là một điều tiêu cực và có thể còn gây ra hậu quả khôn lường.  **2. Bàn luận:**  **a. Tại sao nói “ Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa”?**  - Bối cảnh hiện tại: Sự du nhập văn hóa, sự cởi mở trong quan niệm, đời sống; ý thức xã hội đề cao những con người nổi tiếng; nhiều người, nhất là các bạn trẻ đã thường xuyên xây dựng những hình mẫu thần tượng cho mình.  - Khẳng định “ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa”: Có những thần tượng đẹp sẽ là động lực giúp con người ta hoàn thiện bản thân, hướng tới những thành công, những nét đẹp cao cả mà thần tượng đã định hướng. Ngưỡng mộ thần tượng đúng chừng mực, không chỉ làm cho đời sống tâm hồn, văn hóa phong phú hơn mà còn làm cho con người sống có mục đích mục tiêu cao đẹp và giàu động lực phấn đấu, hoàn thiện mình.  **- Dẫn chứng:** Có thể lấy dẫn chứng về việc thần tượng những thành công của những người nổi tiếng, về lối sống đẹp của một con người cụ thể…  **b. Tại sao nói “Mê muội thần tượng là một thảm họa”?**  - Khẳng định “mê muội thần tượng là một thảm họa”: Khi đề cao thần tượng đến mức tuyệt đối, thiếu lý trí tỉnh táo hoặc lựa chọn những mẫu thần tượng lệch lạc sẽ khiến tâm lý con người không bình thường, dẫn đến những suy nghĩ lệch lạc và những hành động thiếu kiểm soát, thiếu kiềm chế hoặc sai trái.  - Dẫn chứng: có thể lấy dẫn chứng về việc chọn hình mẫu thần tượng lệch lạc, không xứng đáng; việc quá tôn sùng tuyệt đối thần tượng mà bài xích quan điểm của người khác; việc mê muội thần tượng dẫn đến những hành động sai trái…  **3. Bài học nhận thức và hành động:**  - Cần có nhận thức đúng đắn về việc ngưỡng mộ thần tượng và lường được những hậu quả của sự mê muội để có thái độ và cách ứng xử phù hợp, làm cho tâm hồn phong phú hơn, nâng tầm văn hóa cho bản thân, từ đó phấn đấu vươn tới những tầm cao của đời sống.  - Biết chế ngự những cảm xúc say mê thái quá trước thần tượng, không chạy theo thần tượng một cách mù quáng; phê phán mọi biểu hiện mê muội thần tượng trong cuộc sống hàng ngày, trước hết là trong học đường.  **C. Kết bài**  Mỗi người có một thần tượng để ước mơ và vươn tới. Cần biết tôn trọng thần tượng bằng cách có những hành động, suy nghĩ chín chắn và cao đẹp. Đó mới thực sự là ngưỡng mộ. Đừng vì quá đam mê và thần tượng hóa mà biến mình thành kẻ dị hợm, khác người không tốt cho bản thân và xã hội. Mỗi người chúng ta cần ý thức hơn về điều này để cuộc sống luôn văn minh hiện đại mà không đánh mất đi những giá trị cổ truyền tốt đẹp.  **ĐỀ 10: TÍNH ĐỐ KỊ**  Đặt vấn đề: giới thiệu vấn đề cần nghị luận: lòng ghen tị  - Giải quyết vấn đề:  + Nêu khái niệm và các biểu hiện của lòng ghen tị.  + Phân biệt giữa lòng ghen tị và sự thi đua."Giữa lòng ghen tị và sự thi đua có một khoảng xa cách như giữa tật xấu xa và đức hạnh."  + Tác hại của lòng ghen tị. “Đừng để cho con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là một con rắn độc, nó gặm mòn khối óc và làm đồi bại con tim.”  - Kết thúc vấn đề:  + Khẳng định giữa “lòng ghen tị và sự thi đua có một khoảng xa cách” và giá trị lời khuyên của A-mi-xi.  + Nêu ý thức trách nhiệm của mình trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức.  **\*THAM KHẢO 1:**  Trong xã hội hiện nay, con người chịu tác động từ nhiều yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách của chúng ta. Trong đó, có cả lòng ghen tị. Lòng ghen tị là một tật xấu và ta cũng có thể xem nó như một hiểm họa lớn đe dọa con người. Nó giống như một con rắn độc gặm mòn khối óc của con người, giết chết nhân cách, nhân phẩm của con người chúng ta.  Đời người thật ngắn ngủi phải không, vậy mà trong mỗi chúng ta dù là người tốt hay kẻ xấu tôi nghĩ cũng đôi lần bản thân mỗi chúng ta nảy nở, sinh ra trong mình lòng ghen tị.  Thật sự để nói về lòng ghen tị rất khó. Để hiểu, biết rõ về nó cũng không dễ dàng gì và để tránh xa nó lại là một vấn đề. Có thể nói lòng ghen tị sẽ ăn sâu vào con người mọi lúc, mọi nơi và nó không ngoại trừ ai cả. Bất kể ai nếu đã không chiến thắng nổi bản thân mình, dễ dàng gục ngã…đều là những nơi ở lí tưởng cho chúng trú ngụ. Lòng ghen tị cũng sẽ giống như con virut vậy, ăn dần, ăn mòn, ăn sâu vào trái tim, nhân cách của con người.  Trong chúng ta ai cũng muốn tránh xa vòng xoáy hư vô, hố đen của xã hội nhưng làm điều ấy thì thật khó. Có ai đã từng hỏi: “Lòng ghen tị xuất phát từ đâu?”. Đến nay đây vẫn là câu hỏi khó mà giải đáp chính xác. Tôi chỉ có thể nói rằng, nó từ cách bản thân ta nhìn nhận vấn đề, cách ứng xử trong các tình huống, do bản thân không biết mở rộng lòng, do sự đố kị, ghen ghét vì ai đó hơn ta cái gì… và còn nhiều nguyên nhân nữa.  Chúng ta, mỗi con người của xã hội hiện đại, những hạt mầm của đất nước phải biết nhìn nhận vấn đề này một cách thực tế. Bởi nó không hề đơn giản là lòng ghen tị mà còn sinh ra nhiều vấn đề nghiêm trọng khác nữa.  Có nhiều người cho rằng: “Giữa lòng ghen tị và sự thi đua có một khoảng cách xa như giữa tật xấu và đức hạnh.” Điều này chưa hẳn đã chính xác. Một con người khi đã mang trong mình lòng ghen tị thì họ sẽ cố gắng, bằng mọi cách, mọi giá để đạt mục đích của họ dù đó là một việc làm sai trái. Họ sẽ không nhận thức hay suy nghĩ về hậu quả của những việc họ gây ra. Mẹ con nàng Cám trong truyện cổ tích Tấm Cám là một ví dụ tiêu biểu cho lòng ghen tị. Vì lòng ghen tị mà làm biết bao nhiêu việc, gây nên bao nhiêu tội ác.  Trong thực tế cuộc sống hằng ngày, xung quanh chúng ta luôn có những lòng đố kị và đôi khi điều ấy được sinh sôi,nảy nở trong lòng ta từ bao giờ mà ta không hề hay biết. Rồi bất chợt đến một lúc nào đó ta nhận ra rằng nó đang ở trong ta và ta bối rối không biết nên dừng hay tiếp tục. Bởi con người ta một khi đã mang trong mình một lòng ghen tị thì bản thân họ rất khó phân biệt đâu là đúng và đâu là sai và đôi khi mặc dù họ biết sai nhưng vẫn làm.  Ta không thể nào thay đổi quá khứ nhưng tôi tin bản thân mỗi người chúng ta có thể nhận thức được và làm lại từ đầu. Tôi biết điều ấy không đơn giản như một câu nói nhưng tôi tin nếu chúng ta cố gắng thì chắc chắn sẽ được. Bạn không thể loại bỏ lòng ghen tị một cách nhanh bất ngờ nhưng bạn có thể dần dần loại bỏ nó và rồi một ngày nó cũng sẽ mất đi.  Cuộc sống là vậy,là con người ai cũng đôi lần nảy nở và sinh ra cho mình một lòng ghen tị nhưng cái quý là ta nhận thức được, biết điều khiển nó và loại trừ nó. Thời gian không quay lại, thực tại sẽ mãi là thực tại. Hãy sống tốt bạn nhé. Đừng để con virut, con sâu ấy ăn mòn trái tim ta. Tôi tin trên đời này không có kẻ xấu chỉ có những người không tự chủ được mình mà thôi.Tôi chỉ muốn nói với bạn rằng: “ Dẫu bạn là ai, người tôi ghét hay người tôi yêu thương, dẫu bạn đã làm gì, tôi cũng sẽ mãi luôn chờ đợi bạn với nhân cách và con người của chính bạn, đừng để lòng ghen tị giết chết nhân cách của bạn. Bạn nhé !!!”  **THAM KHẢO 2:**  Tính đố kỵ, ganh ghét từ xa xưa đã có. Trong truyện “Tam quốc diễn nghĩa” Chu Du vì ghen tức Gia Cát Lượng tài trí hơn mình đã bao lần đan tâm hãm hại mà không được, cuối cùng vì uất hận hộc máu mồm mà chết. Đó chính là một điển hình về lòng ganh ghét, đố kỵ.  Trong xã hội hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, mối quan hệ giữa người với người ngày càng phức tạp, tâm lý ganh ghét, đố kỵ càng trở nên phổ biến. Ganh ghét, đố kỵ là gì? Do đâu mà có? Khắc phục nó như thế nào? Mời các các bạn cùng tôi luận giải xem.  Người ta hay so sánh mình với những người cùng điều kiện như mình, chẳng hạn như: Bạn cùng lớp, đồng nghiệp cùng cơ quan, hàng xóm láng giềng, thâm chí anh, chị, em ruột thịt trong nhà… đối với những người càng ở gần, càng nhiều quan hệ càng dễ nảy sinh ra lòng ganh tỵ. Nếu phát hiện ra những người quen biết xung quanh mình có một vài mặt nào đó hơn mình thì thường cảm thấy trong lòng mình kém vui, sốt ruột, lo lắng, buồn bã, xấu hổ, lặng thinh, ngờ vực… rồi thì bực bội, căm ghét, thấy mình bị xúc phạm, muốn trả thù… Tất cả các tâm trạng đó tổng hợp lại thành một trạng thái tâm lý phức tạp, khó lý giải. Đó chính là tính ganh ghét, đố kỵ.  Ganh ghét và đố kỵ hầu như thể hiện ở mọi nơi, mọi lúc, mọi lĩnh vực và mọi mặt trong cuộc sống. Dễ nhận thấy nhất là khi ai đó có thành tích, địa vị, vinh dự, chuyên môn, bằng cấp, của cải, nhân duyên, gia đình hạnh phúc, thành đạt là nảy sinh ganh ghét, đố kỵ… Có người thể hiện lòng ganh ghét, đố kỵ ra ngoài, nhưng có người lại “chôn kín” ở trong lòng. Nhưng dù bất cứ hình thức nào, lòng ganh ghét, đố kỵ đều ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống và công việc.  Trước hết sự ganh ghét, đố kỵ phá hoại mối quan hệ giữa người với người, hòa khí vốn có trước đây bổng chốc vì ganh tỵ mà rạn nứt, đổ vỡ, sức mạnh đoàn kết và sự hợp tác của tập thể bị tổn thương. Thứ nữa lòng ganh ghét, đố kỵ còn cản trở con người phát triển tài năng. Trong một tập thể chỉ cần phảng phất chút lòng ganh ghét, đố kỵ là nội bộ lủng củng, mất đoàn kết, mọi người không sao sống thân thiện, thoải mái, chân tình với nhau được thì nhân tài sẽ không có môi trường thuận lợi để phát huy tác dụng.  Ngoài ra lòng ganh tỵ, có ảnh hưởng rất to lớn đến sức khỏe thể chất và tâm thần của con người. Người có tính ganh ghét, đố kỵ bao giờ cũng căng thẳng về tinh thần và tổn hại về sức khỏe. Họ luôn bị một chứng bệnh khổ sở “stress” hành hạ.  Ở cơ quan tôi có hai anh Trưởng phòng, một làm Hành chính, môt làm Nghiệp vụ. Trong công việc cũng như ngoài đời họ là cặp đôi lý tưởng, tình bạn, tình đồng nghiệp của họ những tưởng luôn bền chặt theo năm tháng. Thân thiện, chín chắn, thẳng thắn và đầy trách nhiệm, đó là những gì tốt đẹp mà cấp dưới dành cho họ. Thế rồi, vì khuyết một vị trí Phó giám đốc, một trong hai người đã được Ban giám đốc đề bạt. Chỉ vừa mới nộp hồ sơ để làm thủ tục, qui trình, trong buổi họp ở cơ quan, anh Trưởng phòng Nghiệp vụ có đôi lời trao đổi, anh Trưởng phòng Hành chính đã hét lên: “Mày chưa là Sếp tao đâu mà ra lệnh!” nói hết câu đã bỏ ra ngoài cuộc họp, để lại bao lời xì xào, bàn tán. . .  Thế rồi từ đó tình bạn rạn nứt, mấy lần anh Trưởng phòng Nghiêp vụ chủ động qua phòng anh Trưởng phòng Hành chính làm lành đều bị anh ta từ chối, bỏ ra ngoài không tiếp. Ngày anh Trưởng phòng Nghiệp vụ nhận quyết định bổ nhiệm phó giám đốc, thì cũng chính là ngày anh Trưởng phòng Hành chính nộp đơn xin từ chức. Cũng từ đó, có dịp là anh ta công kích bất luận là đúng sai, phải quấy, miễn sao trút được cơn oán giận vô cớ trong lòng mình mới thỏa mãn. Người ngoài cuộc thì lấy đó làm trò đùa để tán gẫu, người trong cuộc lại tự nhủ đó là kẻ gác cổng giúp mình biết dừng lại trước “Ba-ri-e”. Ngẫm nghĩ thật tội nghiệp!  Hơn 2500 năm trước, trong 14 điều răn, Đức Thích Ca Mâu Ni đã từng dạy chúng sinh:“Khổ tâm lớn nhất của đời người là sự ganh ghét, đố kỵ. Sai lầm lớn nhất của đời người là tự đánh mất chính mình”.  Nhà văn Pháp De Balzac cũng đã từng nói: “Người có tính ganh tỵ khổ sở hơn bất cứ một người bất hạnh nào. Bởi vì hạnh phúc của người khác càng lớn bao nhiêu thì nỗi bất hạnh trong anh ta sẽ nhân lên bấy nhiêu lần”.  **THAM KHẢO 3:**  Chân tướng của sự ganh ghét và đố kỵ ta đã biết rõ, thế muốn xóa bỏ ganh ghét, đố kỵ ta phải làm gì? Xin có mấy ý kiến sau đây:  1/ Phải nhận biết cái mà người ta có, không phải tự dưng nó đến mà phần lớn là công sức lao động, học tập kết hợp với tài năng, trí tuệ hình thành. Phải biết chấp nhận trong cuộc sống một chút tài năng và may mắn sẽ đem lại sự thành đạt cho con người. Nếu họ như ta mà họ hơn ta, tức là họ có may mắn hơn ta. Còn tại sao may mắn lại cứ đến với họ mà không đến với ta thì nên xem lại các điều kiện ngoại cảnh, các mối quan hệ, bản lãnh sống của ta. Nếu có tin vào số mệnh thì hãy tự làm chủ số mệnh của mình:“việc gì đến nó sẽ đến”.  2/ Trước sự thành công của “Đối thủ” hãy bình tĩnh, tự tin và lạc quan. Hãy nhìn sự vật một cách biện chứng trong mối quan hệ vận động và phát triển. Không nản lòng, không nhụt chí trước những điều chưa đạt được, luôn tin tưởng ở bản thân, ở tương lai chính mình, thất bại chỉ là tạm thời, đời người không ai tránh khỏi thất bại. Hãy dùng phép thắng lợi tinh thần: “thất bại là mẹ thành công” chỉ cần ta có dũng khí, đứng thẳng trên đôi chân mình thế nào cũng đi đến đích. Hồn thanh thản khi ta vào cuộc chiến đấu mới.  3/ Học cái hay cái tốt của “đối phương”để bổ sung và hoàn thiện mình. Phát huy sở trường hạn chế sở đoản tìm kiếm những giá trị mới để bù đắp. Chẳng hạn, bạn gái ghen tỵ với một người nào đó xinh đẹp hơn mình, cho dù bạn có đi giải phẫu thẩm mỹ, hoặc trang điểm, hoặc dùng hàng hiệu cỡ nào mọi người cũng không khen là bạn đẹp hơn. Sắc đẹp là trời phú, vậy thì làm sao? Tôi khuyên bạn hãy chú tâm vào những việc làm khác, chẳng hạn bạn siêng năng tập thể dục, chơi thể thao để có sức khỏe dồi dào, ít đau ốm. Mọi người nhìn bạn lúc nào cũng căng phồng đầy sức sống, sắc diện hồng hào, thân hình cân đối, dáng đi thanh nhã, gọn gàng… thêm nữa bạn hãy tập ăn nói lưu loát, nhẹ nhàng, thuyết phục… như thế chẳng phải “bằng chúng, bằng bạn”. Nhờ vào những giá trị mới này mà bạn vượt qua “đối thủ”.  4/ Cuối cùng, nếu không thể xóa bỏ được tâm lý ganh tỵ vì nó đã ăn quá sâu vào tâm trí ta, thì hãy làm cho nó có ý nghĩa tích cực hơn lên. Hãy cạnh tranh một cách lành mạnh, chính đáng. Bạn có thể so bì, ấm ức thì tại sao không biến những cái đó thành nghị lực để phấn đấu vươn lên. Hãy biến niềm kiêu hãnh của “người ta” thành liều thuốc kích thích cho chính mình. Tự đặt ra mục tiêu và tự kiên trì thực hiện, thực hiện bằng được. Nhưng đặt mục tiêu thì cần phải “biết người, biết ta thì mới trăm trận trăm thắng” và phải nhớ cho rằng: “Ước mơ càng lớn thì nghị lực càng cao”. Đó thử thách của lòng kiên trì và ý chí sắt đá của bạn.  Tóm lại: Chúng ta không vì sự ganh ghét, đố kỵ mà phải chán nản, đau khổ, buồn phiền. Càng không vì ganh tỵ mà thù oán, làm tổn thương, làm hại người mà ta ghen tức. Làm như thế chỉ tỏ ra ta là người yếu thế và tổn hại đến nhân cách ta mà thôi. Chúng ta không dấu ước mơ, hoài bão của mình, nhưng phải tỏ ra là người có ước mơ, hoài bão cao thượng và sẽ đạt được hoài bảo, ước mơ đó bằng các phương châm, phương thức và hành động đúng đắn.  Đối với tôi, tôi có chủ trương riêng không dám khuyên mọi người. Tôi sẳn sàng giúp đỡ, hợp tác, học tập kinh nghiệm của những người thành đạt để tỏ rõ bản lĩnh và giá trị đích thực của mình. Cách tôi tự khẳng định là học hỏi và nếu có thất bại thì cũng vượt qua được chính mình. (st)  **THAM KHẢO 4**:  “Trong đời sống, ta thường thấy một hiện tượng xấu là lòng đố kị. Thấy ai có chút thành tích, kẻ đố kị cảm thấy khó chịu, đau khổ như mình bị mất mát điều gì, tiếp đó nảy sinh những phản ứng bệnh hoạn.  Trong lớp, một học sinh có thành tích học tập giỏi, người có tính đố kị sẽ nói bóng gió là bạn ấy khéo làm thân với các thầy, các cô. Thấy bạn có bộ đồ mới hợp thời trang, người đố kị tìm cách dìm, bảo: “Báu gì, hành thùng ấy mà!”. Thấy một đôi vợ chồng đẹp đôi, hạnh phúc, kẻ đố kị liền nói độc miệng: “Rồi xem, được bao lâu!”.  Hiện tượng đố kị trong cuộc sống đã có từ xưa. Thời Tam Quốc có danh tướng Đông Ngô là Chu Du, nổi tiếng thao lược nhưng lại có tính đố kị. Thấy Gia Cát Lượng tài ba, Du đã nhiều lần tìm cách chứng tỏ mình là người tài “đệ nhất thiên hạ”, nhưng lần nào cũng bị thua. Lòng đố kị còn khiến Chu Du tìm kế sách hãm hại Gia Cát Lượng, nhưng lần nào Lượng cũng đoán biết và thoát hiểm. Khi nhận ra tài trí của mình không bằng Gia Cát Lượng, Du đã ngửa mặt lên trời mà than: “Trời đã sinh Du, sao còn sinh Lượng!”. Câu nói đó đã bộc lộ chân tướng của người đố kị: không chấp nhận thực tế người khác hơn mình.  Lòng đố kị có thể gắn với sự hiếu thắng, một tâm lí muốn chứng tỏ mình không thua chúng kém bạn, thậm chí hơn người. Tính hiếu thắng có thể có tác dụng kích thích người ta phấn đấu, cạnh tranh vượt lên người khác, có ý nghĩa tiến bộ nhất định. Tâm lí đố kị ngược lại, chỉ là sự biến dạng của lòng hiếu thắng. Đố kị là tâm lí của kẻ thất bại. Động cơ kích thích phấn đấu giảm sút, mà ý muốn hạ thấp, hãm hại người khác để thỏa lòng ích kỉ tăng lên. Phân tích lòng đố kị, nhà triết học Hi Lạp cổ đại A-ri-xtốt đã nói: “Người đố kị sở dĩ cảm thấy dằn vặt đau đớn không chỉ vì cảm thấy mình thua kém mà còn vì phải nhìn thấy người khác thành công”. Nhà triết học đã chỉ ra thực chất kẻ đố kị là kẻ không muốn nhìn thấy người khác thành công.  Trên thực tế, không một lòng đố kị nào có thể ngăn cản được người khác thành công, cho nên lòng đố kị chỉ có hại cho bản thân kẻ đố kị. Nó vừa làm cho kẻ đố kị không được sống thanh thản, luôn dằn vặt khổ đau vì những lí do không chính đáng, lại vừa có thể dẫn họ đến những mưu đồ xấu xa, thậm chí phạm tội ác. Kẻ đố kị không hiểu rằng “ngoài trời còn có trời” (cao hơn), “ngoài núi còn có núi” (cao hơn), mình tài còn có người tài hơn.  Lòng đố kị là một tính xấu cần khắc phục. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ”.  MỘT SỐ BÀI VIẾT THAM KHẢO  **Bài viết số 1**  **Viết một văn bản nghị luận ( không quá một trang giấy thi ) trình bày suy nghĩ về đức hi sinh.**  Gợi ý  Bàn về phẩm chất của con người thì đức hi sinh là biểu hiện cao nhất của lòng nhân ái, tình yêu thương giữa con người với con người. Bởi đức hi sinh bao gồm trong đó lòng nhân ái và tình yêu thương, tinh thần nhân đạo của con người. Nhưng đức hi sinh đòi hỏi con người phải biết san sẻ cuộc sống tinh thần và vật chất của mình cho người khác, cho đồng loại để họ có thể vượt qua khó khăn trong cuộc sống.  Lịch sử của mọi tôn giáo trên thế giới, từ Gia tô giáo, Ki tô giáo, đạo Islam...đạo Phật đều khuyên con người hãy sống nhân hậu, giữ gìn lòng nhân ái. Đạo Phật đề cao đức tính “ từ bi hỉ xả” là đề cao đức hi sinh của con người. Con người sẵn sàng xả thân vì người khác. Xả thân vì người khác là một cách tự nguyện và lấy đó làm niềm vui không một tính toán vụ lợi. Hi sinh vì người khác, xả thân vì người khác cũng có khi là một hành động không vô tư mà có tính vụ lợi, vị kỉ tức là nhằm cầu lợi cho mình. Đạo Nho cũng đề cao tinh thần vị tha, tức là hi sinh vì người khác, đề cao đức hi sinh vì người khác.  Ngày nay, nói đến đức hi sinh, không phải chỉ nói tới một hành động hi sinh cụ thể nào vì một con người cụ thể nào mà là nói tới phẩm chất đạo đức của con người. Phải xây dựng đức hi sinh thành một thái độ sống, luôn quan tâm, sẻ chia, thậm chí xả thân vì người khác. Xây dựng đức hi sinh thành một quan niệm sống, lẽ sống của con người. Xây dựng đức hi sinh ở mỗi con người phải là cả một quá trình lâu dài từ lúc tấm bé đến lúc lớn lên, trưởng thành, từ việc nhỏ thường ngày đến việc lớn trong cuộc sống, từ một hành vi nhường nhịn bạn bè đến việc hi sinh bản thân mình cho đất nước, nhân dân..  Nếu trong xã hội ai cũng biết sống nhân ái, có đức hi sinh thì cuộc đời sẽ đẹp biết bao!  **Bài văn số 2**  **Mùa hè là mùa thú vị nhất đối với lứa tuổi học trò. Em sẽ làm gì để có được một mùa hè thực sự vui tươi bổ ích. ( Viết thành một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn không quá 20 dòng )**  **Gợi ý**  Người học trò nào cũng náo nức đợi mùa hè đến từ khi những bông phượng đỏ mới thấp thoáng thắp lửa trên vòm xanh của cây lá và bầu trời, đây đó có tiếng chim chuyền ríu rít như mời gọi. Sau tiếng trống tan trường cuối cùng của một năm học, trên khắp đất nước, hàng triệu học trò đủ mọi cấp học, lớp học, như những cánh chim được sổ lồng tung bay. Tất cả như muốn cất lên tiếng hát thật to, thật vang, thật vui “ bài ca mùa hè ”. Mùa hè đem đến cho tuổi học trò bao điều thú vị, nhưng chính học trò cũng làm cho mùa hè thêm tươi vui, rộn rã, nồng nhiệt hơn, tưng bừng hơn. Đối với tôi, một học sinh lớp 9, mùa hè này vừa thú vị, vừa có những biến đổi quan trọng. Các bạn học sinh khác có thể nghỉ ngơi, đi thăm quan, đi thăm ông bà nội ngoại, tham gia các câu lạc bộ... Còn trước mắt , những ngày mới vào hè này, chúng tôi đang phải dồn sức lực và tâm trí vào kì thi “ vượt vũ môn” nho nhỏ trong đời của mình, kì kiểm tra xét tốt nghiệp Trung học cơ sở vừa qua thì kì thi tuyển sinh vào Trung học phổ thông lại tới. Gác lại mọi dự định, với tôi trước mắt là kì thi. Tôi tin là mình sẽ vượt qua kì thi một cách tốt đẹp. Đó sẽ là món quà mà tôi tặng các thầy cô đã hết lòng dạy dỗ tôi trong suốt những năm học Trung học cơ sở. Món quà tặng bố mẹ, ông bà những người thân yêu nhất đã nuôi nấng, dạy dỗ và kì vọng vào tôi.      **Bài viết số 3**  **Viết một văn bản ngắn trình bày suy nghĩ của em về việc thanh niên chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, trong đó có câu chứa thành phần phụ chú.**  **Gợi ý**  Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân vĩnh cửu của nhân loại và tuổi trẻ bao giờ cũng hướng tới tương lai. Tương lai - đó là những gì chưa có trong hôm nay, nhưng chính vì thế mà nó lại có sức hấp dẫn ghê gớm đối với con người, nếu không nói rằng nhờ có niềm hi vọng vào tương lai mà con người có thể vượt qua mọi khó khăn trở ngại để tiếp tục sống một cách có ích hơn. Con người ta, nhất là thanh niên không thể thụ động chờ đợi tương lai, càng không thể đi tới tương lai với hai bàn tay trắng, nghĩa là phải chuẩn bị cho mình một hành trang cần thiết, đặc biệt là hành trang tinh thần để có thể vững bước tới tương lai. Hành trang - ***đó là tri thức, kĩ năng, thói quen***, được coi là điều kiện cần và đủ để thanh niên có thể tự tin trước sự phát triển của khoa học kĩ thuật, của sự hội nhập kinh tế thế giới với tính kỉ luật và cường độ lao động cao.  Muốn có hành trang như vậy để bước vào thế kỉ mới, thì hơn bao giờ hết thanh niên phải là những người đi tiên phong trong học tập, học tập có hiệu quả. Nhanh chóng nắm vững tri thức và kịp thời vận dụng các tri thức ấy vào sự nghiệp cộng hoá, hiện đại hoá đất nước. Chỉ có như vậy thì đất nước chúng ta mới nhanh chóng thoát khỏi tình trạng đói nghèo, lạc hậu để hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới một cách bình đẳng, phát triển đất nước một cách bền vững. Và cũng chỉ có như vậy, thanh niên mới xứng đáng là những người chủ tương lai của đất nước.  **Bài viết số 4**  **Viết một văn bản ngắn nội dung nói về hậu quả xấu của việc gia tăng nhanh dân số của nước ta**  Gợi ý  Trong mấy thập kỉ qua, dân số thế giới đã tăng một cách kinh khủng. Việt Nam của chúng ta cũng nằm trong số đó.  Năm 1976, dân số nước ta chỉ có trên 30 triệu người. Hai mươi năm sau, dân số nước ta đã đã lên tới 74 triệu người. Nhiều gia đình ở miền núi và nông thôn có từ 4 đến 5 con. Sự bùng nổ về dân số là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra khủng hoảng về kinh tế và xã hội của nước ta trong nhiều năm qua. Việt Nam thuộc diện những nước nghèo và kém phát triển. Thu nhập quốc dân tính theo đầu người còn rất thấp. Thiếu trường học, nhất là ở miền núi và nông thôn trẻ em phải học “ ca ba”, phải học trong những phòng học dột nát thiếu an toàn. Bệnh viện xuống cấp, thiếu thuốc điều trị, thiếu giường bệnh nên gặp khó khăn trong việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Sức khoẻ bà mẹ và trẻ sơ sinh chưa được đảm bảo nhất là ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Đất đai canh tác bị thu hẹp dần để làm nhà ở. Hàng triệu thanh niên trong độ tuổi lao động thiếu việc làm, gây nên nhiều hậu quả xấu về mặt an ninh xã hội.  Sự gia tăng dân số ở nước ta có nhiều nguyên nhân. Nhận thức của người dân trong công tác dân số còn hạn chế. Đặc biệt là ở miền núi người dân còn chưa hiểu thế nào là kế hoạch hoá gia đình. Đất nước ta còn nghèo, công tác vận động tuyên truyền dân số của các cấp các nghành chưa được thường xuyên cụ thể, thiếu các hình thức tuyên truyền sinh động lôi cuốn. Các qui định của pháp luật chưa đủ mạnh để giáo dục và răn đe.  Hơn bao giờ hết, mọi người, mọi nhà và toàn xã hội phải tự giác thực hiện công tác kế hoạch hoá gia đình một cách nghiêm túc. Có như thế thì mục tiêu “ dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh” mới sớm trở thành hiện thực.  **Bài viết số 5**  **Sách là tài sản quí giá, là bạn tốt của con người. Em hãy viết một văn bản ngắn để nói lên vai trò quan trọng của sách trong cuộc sống.**  Gợi ý  \****Yêu cầu về hình thức***: Bài viết cần kết hợp nghị luận giải thích với bình luận, chứng minh để tăng thêm tính thuyết phục. Lí lẽ, lập luận cần chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu.  \****Nội dung:*** Cần vận dụng những hiểu biết của mình về tác dụng của sách đối với đời sống con người để lập luận.  - Sách là sản phẩm trí tuệ của con người, do con người sáng tạo ra từ xa xưa.  - Sách là tài sản vô cùng quí giá:  + Lưu giữ kiến thức phong phú.  + Giúp con người cập nhật thông tin một cách đơn giản, nhanh nhất và hiệu quả nhất.  + Sách đưa ta đến những chân trời kiến thức vô tận, mở rộng tầm hiểu biết của ta ở mọi lĩnh vực khác nhau trong đời sống, là chìa khoá mở ra cánh cửa tri thức.  + Đưa ta đến những cảm xúc lãng mạn, những tình cảm tốt đẹp, giáo dục ta thành người tốt.  - Dẫn chứng: nhiều người thành đạt nổi tiếng trên thế giới đều đạt nhiều thành công trong sự nghiệp nhờ đọc sách: Êđixơn, Bác Hồ, Lê nin...  - Sách là người bạn tốt, luôn cần thiết cho mọi người dù cho khoa học kĩ thuật có phát triển cao. Phải biết nâng niu, giữ gìn để sách mãi mãi là người bạn quí.  Trong cuộc sống của con người sách có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sách là tài sản quí giá, là bạn tốt của con người trong suốt cuộc hành trình dài rộng để chiếm lĩnh tri thức, làm cho tâm hồn con người phong phú hơn.  Sách là sản phẩm trí tuệ của con người, do con người sáng tạo từ rất xa xưa. Sách là tài sản vô cùng quí giá, nơi lưu giữ kiến thức phong phú của nhân loại từ xưa tới nay. Giúp con người cập nhật thông tin một cách đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả nhất. Sách đưa ta đến những chân trời kiến thức vô tận, mở rộng tầm hiểu biết của ta ở mọi lĩnh vực khác nhau trong đời sống, là chìa khoá mở ra cánh cửa tri thức. Đưa ta đến những cảm xúc lãng mạn, những tình cảm tốt đẹp, giáo dục ta thành người tốt. Sách mở ra trước mắt chúng ta những chân trời mới lạ. Có tập thơ bồi đắp tâm hồn ta, cho chúng ta cảm xúc đẹp về tình yêu và lẽ sống. Có quyển sách dẫn chúng ta đi cùng các nhân vật phiêu lưu, ru hồn ta lạc vào bao mộng tưởng kì diệu. Sách giáo khoa là người bạn thân thiết của lứa tuổi học trò. Cuộc đời sẽ vô vị biết bao nếu thiếu hoa thơm và thiếu sách, nhưng sách phải hay, phải đẹp và tốt mới có giá trị và bổ ích. Nhà văn M.Gorki đã từng nói : “ S*ách làm cho tôi gắn bó với thế giới, cuộc đời càng trở nên rực rỡ, có ý nghĩa hơn...sách làm cho khắp trái đất tràn ngập nỗi buồn nhớ cái tốt đẹp hơn* ”  Trong cuộc sống, nhiều bậc vĩ nhân, nhiều người thành đạt nổi tiếng trên thế giới đã thành công trong sự nghiệp một phần là nhờ đọc sách: nhà bác học vĩ đại Êđixơn, Bác Hồ kính yêu, lãnh tụ Cộng sản quốc tế và của nhân dân Liên Xô - Lên nin...  Hãy yêu sách! Nó là nguồn kiến thức. Chỉ có kiến thức mới là con đường sống, chỉ có nó mới có thể làm cho chúng ta trở thành những người cương nghị, chính trực, khôn ngoan, có khả năng thành thật yêu mến con người, tôn trọng lao động của con người và thành tâm khâm phục những thành quả tuyệt vời do công trình lao động vĩ đại, liên tục của con người làm nên.  Trong tất cả những gì mà con người đã và đang làm ra, trong mỗi đồ vật đều chứa đựng tâm hồn con người, cái tâm hồn thuần khiết và cao quí ấy có nhiều trong khoa học, nghệ thuật, nó lên tiếng hùng hồn nhất và dễ hiểu nhất, trong sách.  **Bài văn số 6**  **Hiện nay có một số học sinh học qua loa, đối phó, không học thật sự. Em hãy viết một văn bản ngắn phân tích bản chất của lối học đối phó để nêu lên những tác hại của nó.**  Gợi ý  **1.Thế nào là học qua loa, đối phó?**  a.Học qua loa có các biểu hiện sau: Học không có đầu có đuôi, không đến nơi đến chốn, cái gì cũng biết một tí nhưng không có kiến thức cơ bản, hệ thống sâu sắc. Học cốt là để khoe mẽ có bằng nọ bằng kia, nhưng thực ra đầu óc trống rỗng, chỉ quen “ nghe lỏm, học mót, nói dựa, ăn theo ” người khác, không dám bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề có liên quan đến học thuật.  b.Học đối phó có những biểu hiện sau: Học chỉ cốt để thầy cô không quở trách, cha mẹ không rầy la, chỉ lo giải quyết việc trước mắt như thi cử, kiểm tra không bị điểm kém. Học đối phó thì kiến thức nông cạn, hời hợt. Nếu cứ lặp đi lặp lại kiểu học này thì người học ngày càng trở nên dốt nát, trí trá, hư hỏng, vừa lừa dối người khác, vừa tự huyễn hoặc mình. Đây là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng “ tiến sĩ giấy” đang bị xã hội lên án gay gắt.  **2.Tác hại của lối học qua loa, đối phó.**  - Đối với xã hội: những kẻ học đối phó sẽ trở thành gánh nặng lâu dài cho xã hội về nhiều mặt như kinh tế, tư tưởng, đạo đức, lối sống...  - Đối với bản thân: những kẻ học đối phó sẽ không có hứng thú trong học tập và do đó hiệu quả học tập ngày càng thấp.  **Bài văn số 7**  Dựa vào văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của Lê Anh Trà hãy viết một văn bản ngắn nêu những suy nghĩ của em về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  Gợi ý  **\*Nội dung cần đạt được:**  - Cuộc đời và sự nghiệp của Bác có gì đặc biệt? Vẻ đẹp và ý nghĩa của cuộc đời , sự nghiệp ấy là gì ?  - Cuộc đời và sự nghiệp của Bác gợi cho em những suy nghĩ sâu sắc gì về lí tưởng, đạo đức, lối sống, ...?  - Bài học cho bản thân em nói riêng và thế hệ trẻ nói chung từ cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  **\*Dàn ý chi tiết.**  Có một con người mà khi nhắc đến tên, những người Việt Nam đều vô cùng kính yêu và ngưỡng mộ, đó là Hồ Chí Minh: vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới *.*  Trước hết ta thấy Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại, anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Người bôn ba khắp năm châu bốn bể tìm đường đi và tương lai cho đất nước, giải phóng dân tộc thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Người đã dẫn dắt dân tộc ta thoát khỏi đói nghèo, đi lên xây dựng chế độ xã hội tốt đẹp. Tư tưởng của Người có giá trị vô cùng to lớn đối với cách mạng Việt Nam, nhân dân Việt Nam. Người đã hy sinh cả cuộc đời vì nền độc lập tự do của dân tộc, Người yêu nước thương dân sâu sắc, bởi vậy triệu triệu người dân Việt Nam đều là con cháu của Người. Ở cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước nhưng cách đối xử của Bác đối với cá nhân từng người vô cùng thân mật và gần gũi:  *“ Bác ơi tim Bác mênh mông thế*  *Ôm cả non sông mọi kiếp người .”*  *( Tố Hữu )*  Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc Việt Nam lại có một vị lãnh tụ giản dị và gần gũi với mọi người như thế: Sống trong ngôi nhà sàn nhỏ, ăn những món ăn dân dã, mặc áo bà ba nâu và tư trang chỉ là một chiếc rương nhỏ và mấy bộ quần áo bạc màu …Có lẽ bởi vậy mà với người Việt Nam, Bác Hồ không chỉ là anh hùng giải phóng dân tộc mà còn là vị lãnh tụ vĩ đại được mọi người dân Việt Nam kính yêu và ngưỡng vọng .  Bác Hồ còn được biết đến ở cương vị một danh nhân văn hoá thế giới. Bác đã từng là chủ bút tờ báo “ *Người cùng khổ* ” ở Pháp, đã từng viết “ *Bản án chế độ thực dân Pháp*” gây tiếng vang lớn. Người còn là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam với những tập truyện ký bằng tiếng Pháp, “ *Tuyên ngôn độc lậ*p” và “ *Nhật ký trong tù* ” cùng rất nhiều những vần thơ khác nữa…Bác Hồ đã từng đi khắp các châu lục trên thế giới, thông thạo nhiều thứ tiếng, am hiểu nền văn hoá của nhiều dân tộc. Bác đã rèn giũa và tạo dựng cho mình một phong cách riêng, kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, thanh cao và giản dị, giữa tinh hoa văn hoá nhân loại và tinh hoa văn hoá Việt Nam.  Mặc dù Bác đã đi xa nhưng trong lòng mọi người dân Việt Nam Bác vẫn là người đẹp nhất:  *Tháp Mười đẹp nhất bông sen*  *Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ .*  Càng tìm hiểu về cuộc đời vĩ đại và cao đẹp của Bác, em càng kính yêu và tự hào về Bác hơn. Điều đó khơi dậy trong em mong muốn học tập, phấn đấu, tu dưỡng và rèn luyện để trở thành con người có ích cho xã hội .  Bác là tinh hoa khí phách của dân tộc, cuộc đời của Bác là một tấm gương sáng. Bởi vậy mà chúng ta cần “ *Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại* ”.  **Bài viết số 8**  **Suy nghĩ của em về tấm gương một người không chịu khuất phục số phận**  **Gợi ý**  **A.Mở bài: Giới thiệu nhân vật chính của bài văn. (Đó là ai ? Người ấy có gì đặc biệt về nghị lực vượt khó ?...)**  **B.Thân bài:**  Nêu những suy nghĩ của em về con người không chịu thua số phận được giới thiệu khái quát ở phần mở bài  - Nêu những sự việc thể hiện phẩm chất và nghị lực phi thường vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn của con người đó.  - Nêu suy nghĩ của em về những phẩm chất và nghị lực của con người được giới thiệu.  - Nêu những bài học rút ra từ tấm gương con người vượt lên số phận.  **C.Kết bài:** Nêu khái quát ý nghĩa và tác động của những tấm gương quyết tâm vượt lên số phận đối với cuộc sống, con người và bản thân em.  “ *Mỗi trang đời đều là một điều kỳ diệu* ” M.Gorki đã từng nói như thế và điều đó thật sự khiến chúng ta cảm động khi lật giở những trang đời của những con người không chịu thua số phận như anh Nguyễn Ngọc Ký, Trần Văn Thước, Nguyễn Công Hùng …  Trước hết ta phải hiểu thế nào là “ *không chịu thua số phận* ”? Đó là những con người không chấp nhận mình mãi là người tàn phế, vô dụng, không học tập, không đóng góp gì cho xã hội .  Vào năm 2005 cả nước biết đến một Nguyễn Công Hùng (xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, Nghệ An ). Từ khi sinh ra đã mắc chứng bại liệt. Anh còn bị căn bệnh viêm phổi hành hạ làm cho sức khoẻ suy kiệt. Vậy mà anh đã không gục ngã. Chàng trai 23 tuổi bại liệt, chân tay teo tóp, trọng lượng chỉ 12kg và gần như mất hoàn toàn khả năng vận động đã trở thành một chuyên gia tin học và được tôn vinh là Hiệp sỹ công nghệ thông tin năm 2005 vì những đóng góp không vụ lợi của mình cho cộng đồng. Tháng 5 -2005 anh được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đưa vào “ *Danh mục kỷ lục Việt Nam* ” về người khuyết tật bị bại liệt toàn thân đầu tiên làm giám đốc cơ sở đào tạo tin học và ngoại ngữ nhân đạo…  Điều gì khiến những con người tật nguyền ấy có thể vượt qua bệnh tật và khẳng định được bản thân mình? Họ đã tạo dựng cuộc sống từ muôn vàn khó khăn, gian khổ, thử thách bằng sự kiên trì, nhẫn nại và quyết tâm chiến thắng số phận của mình. Họ đã không mất đi niềm tin yêu vào cuộc sống, không gục ngã trước những đau đớn, họ dũng cảm, tự tin đứng lên để sống bằng nghị lực, ý chí , khát vọng và sức sống tinh thần mạnh mẽ của họ. Song bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khác. Đó chính là sự động viên, khích lệ , giúp đỡ của bạn bè, của người thân, là khát khao không muốn người thân của mình đau khổ, thất vọng và còn nhờ dòng máu kiên cường và truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam .  Những con người vượt lên số phận đứng lên bằng nghị lực, khát vọng và ý chí của mình khiến em vô cùng khâm phục. Chính những tấm gương về họ đã xây đắp những ước mơ, hoài bão trong em, dạy em phải biết vượt qua những khó khăn trong cuộc sống để thực hiện những khát khao của mình .  Những người không chịu thua số phận, những con người tàn mà không phế thực sự là những tấm gương cho lứa tuổi học sinh chúng em, khích lệ bản thân mỗi người cố gắng phấn đấu học tập, rèn luyện để trở thành những con người có ích cho xã hội .  **Bài viết số 9**  **Chất độc màu da cam mà đế quốc Mĩ đã rải xuống các cánh**  **rừng miền Nam thời chiến tranh đã để lại di hoạ nặng nề cho hàng chục vạn gia đình. Hàng chục vạn người đã chết. Hàng vạn trẻ em chịu tật nguyền suốt đời. Cả nước lập quĩ giúp đỡ các nạn nhân nhằm phần nào cải thiện cuộc sống và xoa dịu nỗi đau của họ. Em hãy nếu suy nghĩ của mình về các sự kiện đó**  **Gợi ý**  Chiến tranh đã lùi xa nhưng di hoạ mà nó để lại vẫn hàng ngày hàng giờ làm bao người Việt Nam đau đớn. Trước tình hình ấy, cả nước đã lập quỹ giúp đỡ các nạn nhân chất độc màu da cam nhằm phần nào cải thiện cuộc sống và xoa dịu nỗi đau của họ .  Chất độc màu da cam mà Đế quốc Mỹ đã rải xuống các cánh rừng miền Nam thời chiến tranh đã tạo nên nỗi kinh hoàng cho thế hệ sau của những người đã từng sống ở những khu vực đó. Những đứa trẻ vô tôi, tật nguyền,dị dạng,vừa chào đời đã phải lìa đời hoặc nếu sống được thì sức khoẻ, trí tuệ thậm chí cả hình hài đều không bình thường…Những sinh linh vô tội ấy trở thành nỗi ám ảnh, đau đớn đến tê tái của người thân, gia đình và của toàn xã hội  Trước tình hình đó nhiều chương trình ủng hộ những nạn nhân chất độc màu da cam đã được tổ chức. Biết bao người đã khóc thương cho những số phận bất hạnh, biết bao chữ ký đã được thu thập để ủng hộ cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho các nạn nhân chiến tranh.  Ngày đầu tiên Mỹ rải chất độc chết người này xuống Việt Nam: 10-8-1961 đã trở thành ngày “ *Vì nạn nhân chất độc màu da cam”*. Cả nước Việt Nam đã lập quĩ giúp đỡ các nạn nhân khốn khổ. Đó là việc làm cần thiết để giúp đỡ họ phần nào cải thiện cuộc sống và xoa dịu nỗi đau. Nhiều em bé tật nguyền, côi cút đã được chăm sóc, nhiều tổ chức chính quyền,doanh nghiệp, cá nhân đã xây dựng nhà tình nghĩa, tặng xe lăn, tiền, quà ,thăm hỏi và giúp đỡ các nạn nhân. Nhiều nhóm tình nguyện viên được thành lập để làm việc tại các trung tâm bảo trợ nạn nhân chất độc màu da cam…Dẫu biết rằng tất cả những giúp đỡ đó không thể bù đắp được những mất mát đau đớn của họ song đó thực sự là hành động đền ơn đáp nghĩa, phù hợp với truyền thống“ tương thân tương ái ”,“ uống nước nhớ nguồn ” của dân tộc Việt Nam ta .  Việt Nam đã cố gắng để xoa dịu nỗi đau chiến tranh, song “*ơn phải trả, oán phải đền*”. Chính phủ Mỹ và 37 công ty hoá chất đã cung cấp chất độc này cho quân đội Mỹ cũng phải chịu trách nhiệm về sự vô nhân đạo của mình .  Nỗi đau của những nạn nhân da cam là một nỗi ám ảnh dai dẳng, việc giúp đỡ họ cần phải làm thường xuyên và liên tục. Bởi vậy mỗi chúng ta cần nhận thức sâu sắc về vấn đề và , tích cực học tập, phấn đấu xây dựng xã hội tốt đẹp mà ở đó mọi người đều được đảm bảo quyền sống và quyền hạnh phúc .  **Bài viết số 10**  **Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn vi phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.**  Gợi ý  **1. Trò chơi điện tử đang là món tiêu khiển dẫn tới nhiều hậu quả khó lường**  - Trò chơi điện tử có mặt ở mọi nơi từ thành phố đến thôn quê.  - Số lượng cửa hàng dịch vụ trò chơi điện tử rất nhiều.  - Học sinh ham chơi điện tử quên cả học hành, kết quả giảm sút.  - Mải chơi điện tử nên cần tiền sinh ra trộm cắp, quen với bạn xấu qua mạng bị rủ rê dễ mắc tệ nạn xã hội...  **2. Nguyên nhân của những hiện tượng trên ?**  - Bản thân trò chơi điện tử rất hấp dẫn, dễ bị mê mải đến quên thời gian.  - Ý thức tự giác của các bạn học sinh chưa cao, chưa nhận ra cái tích cực cũng như mặt trái của trò chơi này.  - Nhiều gia đình quản lí và giáo dục con chưa tốt.  **3. Phương hướng giải quyết hiện tượng trên.**  - Mỗi bạn học sinh phải tự giác thực hiện qui định của gia đình về thời gian dành cho việc vui chơi, không để ảnh hưởng đến học tập. Cần tránh những trò chơi xấu không phù hợp với lứa tuổi.  - Chính quyền cần quản lí chặt chẽ hơn các điểm dịch vụ điện tử.  - Nhà trường, các tổ chức đoàn thể xã hội cần tổ chức nhiều sinh hoạt tập thể bổ ích cho các bạn trẻ.    Trò chơi điện tử vốn là một trò giải trí lành mạnh song hiện tượng đam mê trò chơi này mà sao nhãng học hành và gây nhiều hậu quả tại hại đã trở thành một vấn đề bức xúc ở lứa tuổi học sinh .  Có thể thấy ở khắp các phố phường và các nẻo đường thôn ngõ xóm những quán Intenet. Học sinh đến đó không phải để truy cập thông tin phục vụ cho việc học mà để chơi điện tử. Nhiều bạn ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình vi tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy, quên thời gian thậm chí bỏ học để chơi, trong đầu lúc nào cũng chỉ nghĩ đến các trò chơi và ham muốn chinh phục khám phá nó khiến gương mặt ngơ ngẩn như mất hồn…  Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. Do bố mẹ không quan tâm , do buồn, do bạn bè rủ rê, do không tự chủ được bản thân …Song dù lý do nào đi nữa, ham mê trò chơi điện tử cũng là một điều tai hại. Trước hết ngồi quá gần màn hình vi tính trong một thời gian dài có thể làm cho mắt bị cận thị, người mệt mỏi, sức khoẻ bị tổn hại. Không chỉ có thế, ham mê trò chơi điện tử còn dẫn đến sao nhãng nhiệm vụ chính của người học sinh là học tập. Mải chơi, bỏ tiết, trốn học, không hiểu bài, không làm bài tập, học tập sút kém dẫn đến chán học . Như vậy vô tình sự ham chơi nhất thời có thể tự huỷ hoại tương lai của chính bản thân mình. Trò chơi điện tử còn khiến tâm hồn bị đầu độc bởi bạo lực, chém giết, bắn phá, cuốn con người vào một thế giới ảo đầy những mưu mô, thủ đoạn. Hơn nữa ham chơi điện tử còn tiêu tốn tiền bạc một cách vô ích, có khi còn làm thay đổi nhân cách con người. Để có tiền chơi điện tử nhiều thói hư tật xấu bắt đầu nảy sinh như dối trá, thủ đoạn, trộm cắp tiền bạc, tài sản của gia đình, bạn bè …Và không ai có thể lường trước được những hậu quả tai hại khác nếu niềm đam mê kia vẫn còn tiếp diễn .  Trò chơi điện tử tai hại như vậy, làm thế nào để ngăn chặn nó? Đây thực sự là một việc khó song không phải là không làm được. Quan trọng nhất là bản thân phải xác định nhiệm vụ chính của mình là học tập, rèn luyện,tu dưỡng, không lãng phí thời gian, sức lực, tiền bạc vào những việc vô bổ, thậm chí là có hại. Chỉ coi trò chơi điện tử như một trò giải trí, tiếp xúc với nó có chừng mực, biết chế ngự và làm chủ bản thân, không để bản thân bị tác động bởi những trò chơi và sự rủ rê của những người bạn xấu. Bên cạnh đó cũng cần có sự quan tâm thường xuyên và sự quản lý chặt chẽ của gia đình nhằm giúp con em mình tránh xa những đam mê tai hại. Nhà trường và xã hội cũng cần có sự phối hợp giáo dục thế hệ trẻ, tạo ra những hoạt động bổ ích, những sân chơi vui tươi lành mạnh để mọi học sinh đều được tham gia. Có như vậy vấn nạn học sinh say mê trò chơi điện tử mới được giải quyết triệt để.  Ham chơi điện tử - ham muốn nhất thời mà tác hại không lường hết được. Bởi vậy vì tương lai của chính mình,chúng ta đừng để bản thân vướng vào đam mê chết người đó.  **DẪN CHỨNG NGƯỜI NỔI TIẾNG NÊN ĐƯA VÀO TRONG VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  **Những Tấm Gương Về Ý Chí, Nghị Lực**  **1. Chu Văn An**  Chu Văn An (1292- 1370)- nhà Nho, nhà hiền triết, nhà sư phạm mẫu mực cuối đời Trần, nổi tiếng cương trcj không cầu danh lợi. Ra làm quan vào đời Trần Dụ Tông (đầu thế kỉ XIV), chính sự suy đồi, nịnh thần lũng đoạn, ông dâng sớ xin chém bảy nịnh thần ( thất trảm sớ) nhưng không được chấp thuận. Ông treo ấn từ quan về quê dạy học, viết sách. Ông không vì trò làm quan to mà dựa dẫm, luôn thẳng thắn phê bình những trò thiếu lễ độ **-> TẤM GƯƠNG TRUNG THỰC, BẤT CHẤP KHÓ KHĂN VẪN CHIẾN ĐẤU VÌ LẼ PHẢI.**  **2. Nguyễn Đình Chiểu**  Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ mù yêu nước . Ông dùng ngòi bút của mình đánh giặc .Cuộc đời và sự nghiệp của ông là tấm gương tiêu biểu cho ý chí và nghị lực của con người vượt qua hoàn cảnh, số phận.Ở cương vị nào, một nhà thơ, một thầy giáo, một thầy thuốc,…ông cũng đều cống hiến hết mình **=>Ý CHÍ NGHỊ LỰC PHI THƯỜNG.**  **3. Nguyễn Thị Ánh Viên**  Nguyễn Thị Ánh Viên, 19 tuổi đến từ Cần Thơ là VĐV bơi lội. Cô nàng được nhiều người biết đến và dành tình cảm mến mộ tại SEA Games 28 vừa qua khi giành được 8 HCV và phá vỡ 8 kỷ lục bơi tại đại hội thể thao lớn nhất Đông Nam Á. Thành tích ấn tượng này khiến Ánh Viên trở thành thần tượng của giới trẻ. Cô nàng được gắn với nhiều nick name như “kình ngư vàng”, “tiểu tiên cá”, “siêu sao trên đường đua xanh”…Ánh Viên còn gây “choáng” khi trở thành Đại úy Quân nhân chuyên nghiệp trẻ tuổi nhất trong lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam ở tuổi 18 và được nhận Huân chương Lao động hạng nhì. Dù phải xa nhà từ lúc 12 tuổi, mỗi năm về thăm bố mẹ rất ít, suốt ngày chỉ có bơi lội và có một chế độ ăn uống nghiêm ngặt… nhưng Ánh Viên chưa bao giờ bỏ cuộc mà luôn cố gắng ==**>BÀI HỌC VỀ NGHỊ LỰC NUÔI DƯỠNG ƯỚC MƠ,BÀI HỌC VỀ SỰ KHIÊM TỐN,KHÉO LÉO TRONG ỨNG XỬ,THẮNG KHÔNG KIÊU,BẠI KHÔNG NẢN, NỐ LỰC KHÔNG NGỪNG DÙ ĐÃ THÀNH CÔNG,KHÔNG NGỦ QUÊN TRONG CHIẾN THẮNG.**  **4. Nhà soạn nhạc Beethoven**  Beethoven (17/12/1770 – 26/3/1827) là nhà soạn nhạc cổ điển người Đức. Hồi nhỏ, ông bị khiếm thính, sau đó bị điếc hoàn toàn. Tuy vậy, vượt qua mọi trở ngại, ông vẫn trở thành một nhà soạn nhạc vĩ đại, nổi tiếng thế giới. Ông là hình tượng âm nhạc quan trọng trong giai đoạn giao thời, từ thời kỳ âm nhạc cổ điển sang âm nhạc lãng mạn. Beethoven được coi là một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất và có ảnh hưởng tới rất nhiều nhà soạn nhạc, nhạc sỹ và khán giả về sau.  **5. Liz Murray**  Elizabeth Murray sinh năm 1980 trong một gia đình mà cả bố và mẹ đều dính căn bệnh thế kỷ AIDS. Năm 15 tuổi, mẹ qua đời vì bệnh tật, cha phải chuyển đến khu tạm trú cho những người vô gia cư. Không nhà cửa, không cha mẹ nhưng cô gái vượt lên số phận. Hàng đêm, cô vẫn tìm ra nơi có ánh sáng để đọc sách. Chăm chỉ làm việc cộng với tinh thần vượt khó, cuối cùng cô có tên trong danh sách nhập học của Đại học Harvard. Sau này cô trở thành giám đốc của một công ty.  **6. Jessica Cox**  Cô gái người Mỹ sinh năm 1983, Jessica Cox, là phi công đầu tiên trên thế giới chỉ dùng chân lái máy bay. Từ lúc sinh ra Jessica Cox đã thiệt thòi, không có tay. Tuy nhiên, sự thiếu may mắn ấy không cản nổi ý chí, quyết tâm đạt được khát vọng của mình. Từng tốt nghiệp ngành tâm lý học, biết võ Taekwondo, yêu lái xe tốc độ, Jessica còn gõ máy tính bằng chân rất nhanh: 25 từ/phút.  **7. Niu- tơn**  Niu- tơn nhà toán học, vật lí học, cơ học, thiên văn học vĩ đại người Anh. Sinh ra thiếu tháng là một đứa trẻ yếu ớt, thường phải tránh những trò chơi hiếu động của bạn bè. Do đó ông đã tự tạo ra những trò chơi cho mình và trở thành người tài năng -> CÓ THỂ CHIẾN THẮNG CÁI KHÓ KHĂN THIẾU THỐN BẰNG NGHI LỰC CỦA BẢN THÂN.  **8. Andecxen**  Sinh ra trong một gia đình nghèo ở thành phố Odense, cuộc sống nghèo khổ, không lúc nào có đủ bành mì để ăn. Đi học lại luôn bị bạn bè chê cười vì ngoại hình xấu xí. Vượt qua tất cả với ước mơ trở thành nghệ sĩ, Andecxen đã lang thang lên thành phố Copenhaghen, đóng những vai kịch tầm thường, làm quét dọn. Cuối cùng nghị lực và tình yêu nghệ thuật đã giúp ông thành công. Những câu chuyện của ông mãi mãi tồn tại trong tâm trí độc giả, mang lại cho trẻ thơ niềm hạnh phúc, thắp lên những ước mơ đẹp **-> NGHỊ LỰC VÀ ĐAM MÊ**  **Những Tấm Gương Dũng Cảm Chiến Đấu Và Hi Sinh Trong Sự Nghiệp Bảo Vệ Dân Tộc.**  **1- Anh hùng Phùng Văn Khầu**: sinh ra và lớn lên ở Trùng Khánh- Cao Bằng. Chàng thanh niên người Tày bỏ nhà tham gia quân đội khi chưa tròn 16 tuổi. Vào pháo binh, ông được biên chế vào Binh chủng Pháo binh E675. Những ngày tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, theo yêu cầu của nhiệm vụ, khẩu đội của Phùng Văn Khầu phải vào trận địa trước. Chỉ với 9 người, ông và các đồng chí phải chiến đấu gấp ba bình thường. Đồng đội lần lượt hi sinh, chỉ còn mình ông, ông đã làm thay công việc của cả tám người. Trận đánh ấy, một mình ông tiêu diệt được 5 khẩu pháo 105 ly, 6 khẩu đại liên, 4 lô cốt, 1 kho đạn của địch.  **2- Anh hùng La Văn Cầu:** Khao khát được giải phóng đất nước, La Văn Cầu mới 16 tuổi khai tăng lên 18 tuổi để được vào bộ đội. Anh đã tham gia chiến đấu 29 trận trong các cương vị chiến sĩ và chỉ huy. Tấm gương La Văn Cầu cổ vũ phong trào thi đua giết giặc lập công và thành lá cờ đầu trong phong trào thi đua sử dụng bộc phá công đồn, một hình thức chiến thuật mới quân đội ta mở ra từ chiến dịch Biên giới 1950.  **3- Anh hùng Thái Văn A:** ông quê ở quảng Bình. Trong kháng chiến chống Mĩ, là chiến sĩ trinh sát trên đảo Cồn Cỏ, nơi bị máy bay và tàu chiến đánh phá ác liệt. Chân đài quan sát bị gãy, người bị thương nhưng Thái Văn A vẫn không rời vị trí, tiếp tục quan sát, theo dõi xác định vị trí mục tiêu cho đơn vị bắn. Ông đã góp phần cùng đơn vị bắn rơi 20 máy bay Mĩ và xác định vị trí có bom chưa nổ để công binh xử lí.  **4- La Thị Tám**: vào bộ đội năm 1967. Chị luôn đứng trên một quả đồi cao, phía trái của ngã ba Đồng Lộc vào những lúc máy bay Mĩ ném bom để đếm số lượng bom. Suốt 200 ngày đêm ròng rã, chị đã đếm được và cắm tiêu 1205 quả bom.  **5- Phùng Ngọc Liêm:** Tham gia Cách mạng, anh được Ban chỉ huy Biệt động xã Bạc Liêu phân công nhiệm vụ vừa trinh sát vừa đánh địch. Năm 1968, khi bị địch tập trung vây bắt, anh đã dũng cảm giật kích mìn để tiêu diệt địch và đã anh dũng hi sinh.    **Những Tấm Gương Đồng Cảm, Sẻ Chia, Hy Sinh**    **1. Hồ Chí Minh**  Bác Hồ tự nguyện nhịn một bữa ăn vào cuối tuần để dành gạo cứu đói nhân dân trong những ngày đầu cách mạng Tháng Tám (1945), từ đấy đã dấy lên phong trào hũ gạo cứu đói trong mọi gia đình người Việt Nam lúc bấy giờ.  **2. Cậu bé Nhật và gói lương khô**  Tối hôm động đất và sóng thần xảy ra trên đất nước Nhật (11/3/2011), một phóng viên thường trú tại Nhật được phái tới một trường tiểu học phụ giúp hội tự trị ở đó phân phát thực phẩm cho người bị nạn. Trong số những người rồng rắn xếp hàng có một em nhỏ chừng 9 tuổi, trên người chỉ có chiếc áo thun và quần đùi. Trời rất lạnh mà cậu lại xếp hàng cuối cùng, sợ đến phiên của em thì chẳng còn thức ăn, anh phóng viên chạy lại hỏi thăm. Nhìn thấy cậu bé bị lạnh, anh PV cởi áo khoác trùm lên người cậu. Vô tình bao lương khô, khẩu phần ăn tối của anh bị rơi ra ngoài. Anh nhặt lên đưa cho bé và nói: “Đợi tới phiên của con chắc hết thức ăn, khẩu phần của chú đó, chú ăn rồi, con ăn đi cho đỡ đói”.  Đứa bé nhận túi lương khô, khom người cảm ơn. Tưởng cậu sẽ ăn ngấu nghiến ngay lúc đó nhưng không phải, cậu ôm bao lương khô đi thẳng lên chỗ những người đang phát thực phẩm, để bao lương khô vào thùng thực phẩm đang phân phát rồi quay lại xếp hàng. Ngạc nhiên vô cùng, anh phóng viên hỏi: “Tại sao con không ăn mà lại đem đặt vào đó?” Bé trả lời: “Bởi vì còn có nhiều người chắc đói hơn con. Bỏ vào đó để các cô chú phát chung cho công bằng chú ạ…!”  **3. Pie Curie và Marie Curie**  Ông bà Pie và Marie rất nghèo. Họ miệt mài thí nghiệm, nghiên cứu ra phương pháp điều chế Radi. Nếu giữ lại phương pháp đó và bán bản quyền cho các công ty thì sẽ thu được rất nhiều tiền. Nhưng không, Ông bà Quyri đã công bố cho toàn thế giới biết, để khoa học phát triển nhanh nhất có thể. Vì thế, ngày nay chúng ta mới có Điện nguyên tử để phục vụ thế giới này. Ông Pie chết năm 39 tuổi vì tai nạn xe ngựa. Còn bà Mari chết năm 65 tuổi vì bệnh viêm phổi. Người ta nói rằng bà ấy chết vì những năm tháng miệt mài với các thí nghiệm độc hại. Ông Pie và bà Mari đều được giải Noben về Hoá học và Vật lý.  **4. Chương trình nghệ thuật kêu gọi mọi người hỗ trợ những người khuyết tật, những em nhỏ hoàn cảnh khó khăn,…**  Tối ngày 14/5, tại Nhà hát Lớn Hà Nội, đêm nghệ thuật “Những trái tim đồng cảm” đã được tổ chức. Đây là chương trình thường niên của Tạp chí Gia đình và Trẻ em (Bộ LĐ,TB&XH) nhằm kêu gọi các tấm lòng hảo tâm hỗ trợ, giúp đỡ người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống. ban tổ chức đã nỗ lực vận động, kêu gọi được 15 tỷ đồng, nhờ đó mà rất nhiều trẻ em đã được mổ tim nhân đạo, những ngôi nhà tình thương được xây dựng khang trang cho trẻ em mồ côi, học sinh nghèo được tiếp sức đến trường …  **Những tấm gương đương đại vượt khó thành công**  **1. Công Phượng**  Công Phượng bắt đầu nổi tiếng khi thi đấu chính thức cho đội tuyển U19 Hoàng Anh Gia Lai và có những đường bóng kiến tạo đẹp mắt. Anh chàng bắt đầu được mệnh danh là “Messi của Việt Nam”. Tuy nhiên, để có được thành công này ít ai biết rằng Công Phượng đã nuôi đam mê từ nhỏ, từng bị đánh trượt tại lò luyện đào tạo Sông Lam Nghệ An nhưng vẫn không bỏ cuộc.Từ khi trở thành người nổi tiếng, Công Phượng luôn được dư luận theo dõi và không ít lần bị săm soi về đời tư, chuyện tình cảm. Trước những áp lực này, Công Phượng đều từ tốn, chọn cách im lặng để sóng gió đi qua.  **.-> THÀNH CÔNG NHỜ SỰ TỰ HỌC,NIỀM ĐAM MÊ VÀ SỰ QUYẾT TÂM THEO ĐUỔI ĐAM MÊ.QUYẾT ĐOÁN,DÁM NGHĨ DÁM LÀM.CÓ NGHỊ LỰC NUÔI DƯỠNG NIỀM ĐAM MÊ.**  **2. Dancer Lâm Vinh Hải**  Với những ai yêu thích bộ môn nhảy không thể không biết đến Quán quân cuộc thi So you think you can dance Lâm Vinh Hải. Để có được thành công như hiện tại, Lâm Vinh Hải từng phải phải vượt qua nhiều khó khăn về bệnh tật, chiến đấu với nhiều chuyện để nuôi dưỡng đam mê.  Lâm Vinh Hải từng tuyệt vọng khi bị thoát vị đĩa đệm và được bác sĩ khuyên giải nghệ. Nhưng với đam mê với nghề anh đã vượt qua tất cả.  Hình ảnh của một dancer chuyên nghiệp này bạn có thể dẫn dắt trong bài Văn NLXH bàn về việc sống đúng với đam mê, không chịu từ bỏ ước mơ, nghị lực sống mạnh mẽ…  **3. Nguyễn Thị Kim Anh – thủ khoa đại học Ngoại Thương vượt khó thành công.**  Nguyễn Thị Kim Anh quê ở xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, bởi em đã mồ côi mẹ từ khi mới 10 tuổi, bố em lại bị câm, điếc bẩm sinh, không có khả năng lao động. Là chị cả của 2 em nhỏ, Kim Anh luôn phải tự làm tất cả mọi việc trong gia đình và chăm sóc các em. Đi học về là em lại dành hết thời gian cho việc chăm sóc các em và lo nhà cửa, đồng ruộng. Còn phần thời gian ít ỏi vào buổi tối hoặc khuya em giành cho việc học để chuẩn bị bài ngày hôm sau. Những nỗ lực của Kim Anh đã được đền đáp xứng đáng khi em đạt 27 điểm trong kì thi đại học năm nay và trở thành thủ khoa Đại học Ngoại thương Hà Nội. “Em muốn trở thành một nhà kinh tế để sau này khi ra trường sẽ tự mình tìm việc dễ hơn và đấy cũng là con đường thoát nghèo của gia đình”- Kim Anh tâm sự.  **4. Nguyễn Văn Duy – một tấm gương vượt qua khó khăn điển hình.**  Duy sinh ra vốn khỏe mạnh và khôi ngô. Khi chưa tròn 8 tháng tuổi, Duy bị sốt cao, lên cơn co giật rồi biến chứng sang teo cơ, dần dần bị liệt nửa người bên trái. Gia đình đưa em đi khắp nơi, hễ nghe nơi nào có thuốc tốt là mẹ em lại lặn lội tìm đến, nhưng tất cả những nỗ lực của gia đình đều trở nên vô vọng. Nửa người bên trái của em đã bị liệt hoàn toàn, chân và tay phải cũng yếu đi.  Buổi đầu đến lớp, Duy gặp rất nhiều khó khăn và trở ngại, những ánh mắt tò mò, cười cợt của bạn bè khiến em bị tổn thương. Việc đi học và sinh hoạt của em cũng không dễ dàng. Tay em không cầm được ô hay tự lái chiếc xe lăn đi học nên phải nhờ đến bố mẹ. Nhưng không vì thế mà Duy nản chí, em luôn tự nhủ với bản thân “mình không đứng được thì phải học được, chỉ có học mới khẳng định được bản thân, thay đổi số phận và không muốn là gánh nặng của gia đình, xã hội”.  Vượt qua sự nghiệt ngã của số phận với nửa người bị liệt, Duy trở thành một sinh viên khoa Công nghệ thông tin và truyền thông của trường ĐH Hồng Đức. Năm 2009, em được nhận bằng khen của Hội Bảo trợ người khuyết tật tỉnh Thanh Hóa trong chương trình “Biểu dương những tấm gương có hoàn cảnh khó khăn trong học tập – lao động – sản xuất giỏi”. Duy còn được nhận quà của UBND tỉnh Thanh Hóa trong chương trình “Những tấm lòng nhân ái’ dành cho người khuyết tật vượt lên số phận”.  **5. Osca Pistorius**  Là một vận động viên khuyết tật,chạy bằng chân giả. Oscar Pistorius được vinh danh là “người không chân” chạy nhanh nhất hành tinh. Và không nằm ngoài mong đợi, Pistorius đã chạy thẳng vào vòng bán kết Olympic London sau khi đánh bại hàng chục vận động viên bình thường khác trước sự kinh ngạc của người hâm mộ toàn thế giới. Tạp chí Time đã bầu anh vào danh sách “100 người có ảnh hưởng nhất thế giới” cũng như có khoản thu nhập 4,7 triệu USD/năm.  **MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO**  **Câu 1:**  **MẸ NGHÈO**  Quê mình mùa lũ, trời mưa nước ngập trắng đường. Hồi đó con chập chững vào lớp một, ngày ngày vượt hai cây số đến trường. Có bữa mưa giăng đầy trời, nước ngập đến gối. Con nhìn ra rơm rớm. Mẹ bảo:  - Thôi hôm nay để mẹ cõng.  Mẹ cắp chiếc nón lá, cõng con trên lưng vượt qua dòng nước.  Con đậu Đại học, ra trường lấy được cô vợ thành đạt. Cuối tuần con đưa mẹ đến siêu thị.  - Thôi đường ngược chiều rồi. Mẹ chịu khó tự vào. Tiền nè. Con có việc phải đi.  (Theo nguồn Internet)  Hãy trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên.  **Câu 2:**  **HAI BỨC ẢNH**  Titanic là con tàu lớn nhất thế giới vào thời điểm nó ra đời (1912). Với kĩ thuật chế tạo hiện đại nhất thời ấy, Titanic được coi là con tàu “không thể chìm”. Tuy nhiên trong lần ra khơi đầu tiên, con tàu này đã va vào băng và bị chìm khiến hơn 1.500 người thiệt mạng.  Sau khi chiếc tàu Titanic bị đắm, một tờ báo xuất bản ở Anh đã đăng kề nhau hai bức ảnh minh họa có nội dung như sau:  Trong bức ảnh thứ nhất, người ta thấy chiếc tàu bị vỡ khi va vào tảng băng, bên dưới có dòng chữ: Sự yếu đuối của con người và sức mạnh của thiên nhiên.  Còn bức ảnh thứ hai, người ta lại thấy có một người đàn ông nhường chiếc phao cứu sinh của mình cho người đàn bà đang bế con trên tay. Lần này, bức ảnh được chú thích bằng dòng chữ: Sự yếu đuối của thiên nhiên và sức mạnh của con người.  (Dực theo sách Phép màu nhiệm của đời, tên chuyện do người ra đề đặt)  Em có suy nghĩ gì về những dòng chữ chú thích cho 2 bức ảnh nói trên?  **Câu 3:**  Như các buổi chiều, ông lão Cherokee ngồi kể chuyện cho lũ trẻ trong xóm. Câu chuyện hôm nay của ông kể về hai con sói:  “Một con sói xấu tính đúng như bản chất của chúng: hung dữ, hiếu chiến hiếu thắng, đố kỵ. Nó tham lam, ngạo mạn và tự kỷ, dối trá nhưng thực sự rất tự ti… Con sói kia thì trái ngược hẳn. Nó luôn luôn vui vẻ, hoà thuận, biết yêu thương, hi vọng, sống rất khiêm tốn. Nó biết chia sẻ, tốt bụng và biết cảm thông. Ðó là con sói rất hào phóng nhưng đáng tin cậy vì luôn chân thật.  Hai con sói có quá nhiều mâu thuẫn và xung đột, giữa chúng đã xảy ra những trận chiến thật quyết liệt - Ông lão nói - đó chính là những trận chiến trong lòng ông, hai con sói như những bản chất đối lập, luôn có trong ông và mỗi con người”.  Ông lão kể đến đây thì ngừng lại và quan sát. Lũ trẻ ngồi thừ ra lắng nghe. Không đợi được, một đứa hỏi: “Vậy thì con nào sẽ thắng ?”  “Ðó là con sói mà ông cho ăn và nuôi dưỡng !” - Ông lão kể chuyện từ tốn đáp.  (Nguồn: “Cửa sổ tâm hồn”, NXB Tuổi trẻ, 2008, tr. 310)  Hãy viết một bài văn khoảng ba trang giấy thi bày tỏ suy nghĩ của em về bài học cuộc sống từ câu chuyện trên.  **Câu 4:**  **HÒN ĐÁ GIỮA ĐƯỜNG**  Ngày xưa có một ông vua ra lệnh đặt một tảng đá giữa đường. Sau đó ông nấp kín để chờ xem liệu có ai dời hòn đá to ấy đi không. Một vài viên quan và những thương gia nhà giàu nhất vương quốc đi ngang, nhưng họ chỉ vòng qua tảng đá. Nhiều người lớn tiếng phiền trách đức vua không giữ cho đường sá quang quẻ, nhưng chẳng ai làm gì để hòn đá ra khỏi mặt đường. Sau đó một người nông dân đi tới, vai mang một bao rau củ nặng trĩu. Khi đến gần hòn đá, ông hạ cái bao xuống và cố đẩy hòn đá sang lề đường. Sau một hồi cố gắng hết sức, cuối cùng ông cũng làm được. Cùng lúc ấy ông nhìn thấy cái túi nằm trên đường, ngay chỗ hòn đá khi nãy. Cái túi đựng nhiều tiền vàng và một mảnh giấy ghi rõ số vàng trên sẽ thuộc về người nào đẩy hòn đá ra khỏi lối đi.  Người nông dân đã học được điều mà người khác không hiểu…  (Những tấm lòng cao cả - NXB trẻ, TP Hồ CHí Minh)  Theo em bài học mà những người khá không hiểu là bài học gì? Hãy viết một bài nghị luận (khoảng 300 từ) phát biểu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của câu chuyện trên.  **Câu 5:**  **CHIẾC LÁ**  Chim sâu hỏi chiếc lá:  - Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời của bạn cho tôi nghe đi!  - Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.  - Bạn đừng có giấu! Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ rất biết ơn bạn?  - Thật mà! Cuộc đời của tôi rất bình thường. Ngày nhỏ, tôi là một búp non. Tôi lớn dần lên thành một chiếc lá và cứ là chiếc lá như thế cho đến bây giờ.  (Trích Tuyển tập truyện ngắn Trần Hoài Dương)  Em hãy viết một đoạn văn nói về ý nghĩa tích cực của câu chuyện trên.  **Câu 6**: Nick Vujicic nhà diễn thuyết nổi tiếng người Úc từng nói: "Tìm ra mục đích sống của bạn là bước đầu tiên để sống một cuộc sống không giới hạn."  Từ câu nói trên, em hãy bàn luận về tầm quan trọng của việc xác định mục đích sống!  **Câu 7:** “Sống chậm lại, nghĩ khác đi và yêu thương nhiều hơn”.  Suy nghĩ của em về lời nhắn trên với tuổi trẻ ngày nay.  **Câu 8: (Đề thi vào 10 Chuyên Trần Phú - Hải Phòng năm 2013**).  Trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao, nhân vật ông giáo đã suy ngẫm:  “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… Toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương, không bao giờ ta thương… Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất”.  Từ ý nghĩ của nhân vật ông giáo qua đoạn văn trên, em hãy viết thành một bài văn ngắn về cách nhìn nhận với cuộc sống và con người.  **Câu 9**: Viết một bài văn nghị luận ngắn (khoảng 1 trang giấy thi), trình bày suy nghĩ của em về quan niệm sống mà Nick Vujicic đã gửi gắm qua nhan đề một cuốn sách của mình: “Đừng từ bỏ khát vọng”.  **Câu 10: Đọc câu chuyện sau :**  **ÔNG GIÀ VÀ THẦN CHẾT**  Một hôm ông già đốn củi và gánh về nhà. Đường thì xa, gánh củi thì nặng, ông già kiệt sức, đặt bó củi xuống và nói:  - Chà, giá thần chết mang ta đi có phải hơn không!  Thần Chết đến và bảo:  - Ta đây, lão cần gì nào?  Ông già sợ hãi bảo:  - Lão muốn ngài nhấc hộ bó củi lên cho lão.  (Lep Tôn-xtôi, phỏng theo truyện ngụ ngôn của Ê-Dôp)  Em suy nghĩ gì về vấn đề chứa đựng trong câu chuyện trên?  **Câu 11**: Suy nghĩ của em về mấy câu cách ngôn sau đây của người Châu Phi:  "Mỗi sáng ở Châu Phi, một con linh dương thức dậy, nó biết rằng nó phải chạy nhanh hơn cả con sư tử nhanh nhất nếu không muốn bị giết.  Mỗi sáng một con sư tử thức dậy, nó biết nó phải chạy nhanh hơn con linh dương chậm nhất hoặc nó sẽ bị chết đói.  Điều quan trọng không phải ở chỗ bạn là sư tử hay linh dương. Khi mặt trời mọc, bạn nên bắt đầu chạy."  (Dẫn theo "Thế giới phẳng" - Friedman)  **Câu 12: (Đề thi vào 10 Chuyên TP Hồ Chí Minh năm 2013).**  “Ta hỏi một con chim: Ngươi cần gì? Chim trả lời: Ta cần bay. Một con chim được ăn kê béo trong lồng sẽ trở thành một con gà bé bỏng tội nghiệp và vô dụng. Ta hỏi dòng sông: Ngươi cần gì? Sông trả lời: Ta cần chảy. Nếu một dòng sông không chảy thì chỉ là một vũng nước, khô cạn dần và biến mất. Ta hỏi con tàu: Ngươi cần gì? Con tàu trả lời: Ta cần ra khơi. Nếu con tàu không ra khơi, nó chỉ là một vật biết nổi trên mặt nước và sẽ chìm dần theo thời gian. Ta hỏi một bạn trẻ: Bạn cần gì? Bạn ấy trả lời:…”  (Nguyễn Quang Thiều - Những câu hỏi không lãng mạn)  Là một bạn trẻ, em sẽ trả lời câu hỏi cuối văn bản trên như thế nào?  **Câu 13: (Đề thi vào 10 Chuyên Amsterdam – Hà Nội).**  Một chàng trai đứng giữa thị trấn và tuyên bố trái tim mình đẹp nhất vì nó chẳng có tì vết hay rạn nứt nào. Đám đông cho rằng đó là trái tim đẹp nhất. Một cụ già xuất hiện và nói rằng trái tim mình đẹp hơn. Chàng trai và mọi người ngắm trái tim đang đập mạnh mẽ, đầy sẹo lởm chởm, rãnh khuyết,… Anh khẳng định trái tim mình hoàn hảo, còn của cụ chỉ là những mảnh chắp vá nhiều vết cắt. Cụ già nói:  - Mỗi vết cắt trong trái tim tôi tượng trưng cho một người tôi yêu… Tôi lấy một phần trái tim mình trao cho họ, thường họ cũng trao một phần tim của họ để tôi lắp vào. Nhưng những phần tim chẳng hoàn toàn giống nhau: cha mẹ trao cho tôi phần lớn hơn tôi trao cho họ, ngược lại với phần tim của tôi và con cái tôi. Không bằng nhau nên chúng tạo ra những nếp sần sùi mà tôi luôn yêu mến. Thỉnh thoảng tôi trao phần tim của mình nhưng không nhận được gì nên tim có vết khuyết. Dù đau đớn nhưng tôi luôn hy vọng ngày nào đó những rãnh khuyết sẽ được bù đắp…  Những giọt nước mắt lăn dài trên má, chàng trai bước tới, lấy một phần trái tim mình trao cho cụ. Cụ cũng lấy một phần trái tim đầy vết sẹo trao cho chàng trai. Chúng vừa nhưng không hoàn toàn khớp, tạo nên những đường lởm chởm trên trái tim chàng trai. Trái tim anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết…  (Phỏng theo Quà tặng cuộc sống, báo Tuổi Trẻ - NXB Trẻ, 2004)  Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện trên.  **Câu 14:** ***(Đề thi vào 10 chuyên Lam Sơn – Thanh Hóa năm 2013)***  "... Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó..."  (Trích "Mẹ tôi" của Et-môn-đô-đơ A-mi-xin, Ngữ văn 7, tập 1)  Hãy viết 1 bài văn nghị luận ngắn, trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.  **Câu 15**: (Đề thi HSG quận Hoàn Kiếm - Hà Nội năm 2013)  Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện dưới đây:  **HOA THƠM VEN ĐƯỜNG**  Từ năm 20 tuổi, chàng trai bắt đầu làm công việc đưa thư. Mỗi ngày, anh chạy đi, chạy lại 50km, gửi đến cho từng gia đình trong khu phố bao nhiêu tin buồn vui. Cứ thế, 20 năm trôi qua, con người, sự vật cũng trải qua mấy lần thay đổi. Duy chỉ có con đường anh qua lại hàng ngày là không hề có một cành cây, cọng cỏ mà toàn là cát bụi mù mịt. Vì thế, có đôi lần anh khó chịu nghĩ: “Hừm, ngày nào cũng phải qua lại con đường buồn tẻ này!”.  Một hôm, sau khi làm xong công việc của mình, anh vô tình đi ngang qua một tiệm hoa. Nhìn thấy những bồng hoa khoe sắc vui tươi qua khủng cửa kính, anh chợt bừng tỉnh: “Đúng rồi, chính là đây”. Thế là anh chạy ngay vào tiệm đó, mua hạt giống hoa dại, và ngay ngày hôm sau đem rải khắp ven đường. Cứ như thế, một ngày trôi qua, hai ngày, một tháng, rồi hai tháng… anh kiên trì vun đắp cho “vườn hoa” của mình.  Giờ đây, con đường buồn tẻ ngày nào đã không còn mà thay vào đó là sắc hoa rực rỡ bốn mùa.  ( Trích “Hạt giống tâm hồn”, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2013)  **Câu 16:**  “Một định lí trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: Một ánh lửa sẻ chia là một ánh lửa lan tỏa, một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng. […]”  (Trích “Hai biển hồ” trong “Qùa tặng của cuộc sống”)  Viết bài văn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về sự sẻ chia trong cuộc sống được gợi lên qua đoạn trích trên.  **Câu 17:**  Thạc sĩ Nguyễn Minh Hà (Giảng viên tâm lý của trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn) chia sẻ: “Tâm lý giới trẻ luôn mong muốn tiếp thu và bắt chước cái mới, lạ về mọi mặt, trong đó có các hành vi ứng xử, tuy nhiên, rất ít trong số đó có sự chọn lọc. Việc ứng xử như thế nào cho phù hợp thể hiện trình độ học vấn và nhận thức của mỗi học sinh, sinh viên”.  (Theo “Buồn vì văn hóa ứng xử của giới trẻ”, Thanh Lịch, khampha.vn ngày 12/11/2013)  Dựa vào lời chia sẻ trên, hãy viết một bài văn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về văn hóa ứng xử của giới trẻ (trong đó có học sinh) hiện nay.  **Câu 18:**  “Rất nhiều điều kì diệu đến từ facebook. Tuy nhiên, chính sức lan tỏa mạnh mẽ của mạng xã hội này đã khiến cho nhiều chuyện tưởng chừng chỉ là đùa tếu táo đã mang đến những hậu quả khôn lường. Những phát ngôn gây sốc, những bức hình phản cảm, những lời cười cợt thái quá… đã khiến cho không ít người bị tổn thương nghiêm trọng.” (Theo nguồn Internet)  Từ những hiểu biết về mạng xã hội facebook, em viết một đoạn văn (khoảng 01 trang giấy thi) bàn về: “Mặt tốt và mặt xấu của mạng xã hội.”  **Câu 19:**  Cho hai hình ảnh sau:  Thứ nhất, con ốc mượn hồn (một loài vật có vỏ ốc, thân cua) tuy mang vỏ ốc nhưng vẫn giữ được bản chất là một con cua.  Thứ hai, con chim nhại giọng tuy bản thân là một con chim nhưng giọng hót lại nhái mượn.  Hãy viết bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của em về lối sống của con người trong xã hội ngày nay qua hai hình ảnh trên. | | |  | |  | |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...;  **Vận dụng:**  **-** Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | 5 TN | 3TN | 2TL | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

*(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

1. Thuyết minh
2. Nghị luận
3. Tự sự
4. Biểu cảm

**Câu 2:** Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị?

1. 2 giá trị
2. 3 giá trị
3. 4 giá trị
4. 5 giá trị

**Câu 3:** Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

1. Cho bản thân
2. Cho xã hội
3. Cho bản thân và xã hội
4. Cho bản thân và gia đình

**Câu 4:** Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm?

1. Đúng
2. Sai

**Câu 5:** Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

1. Nhân hóa.
2. So sánh
3. Ẩn dụ
4. Hoán dụ

**Câu 6:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

1. Bàn về giá trị của sự sống.
2. Bàn về giá trị của sức khỏe.
3. Bàn về giá trị của thời gian.
4. Bàn về giá trị của tri thức.

**Câu 7:** Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên?

1. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
2. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
3. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
4. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

**Câu 8:** Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

1. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.
2. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.
3. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
4. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.

**Câu 9:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

**Câu 10:** Bài học em rút ra được từ văn bản trên?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **c** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể lí giải:  - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng  - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được.  - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại. | 1,0 |
| **10** | Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân ( quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...). | 1,0 |
| **II**  **-** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng. | **0,25** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Biểu cảm về người thân | **0,25** |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | **2,5** |
|  | * Giới thiệu đối tượng, * Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng:   + Ngoại hình.  + Tính cách.  + Một số kỉ niệm mà em nhớ  + Vai trò của người thân.   * Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,5** |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | **0,5** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **TRƯỜNG THCS**  NĂM HỌC 2022 - 2023 | **MA TRẬN ĐỀ ĐÁNH GIÁ HKI**  **MÔN NGỮ VĂN 7**  Phương án kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận  Thời gian kiểm tra: 90 phút |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn.  Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ)  Tùy bút, tản văn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa)  Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. |
|  |  | Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
|  |  | Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
|  |  | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **TRƯỜNG THCS**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**   |  | | --- | | **ĐỀ CHÍNH THỨC** |   *Đề gồm: 02 trang* | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ I**  *Môn: Ngữ văn 7*  *Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*  *Ngày kiểm tra:* |

**Phần I. Đọc-hiểu** *(6.0 điểm)*

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

…  *Quê hương là vàng hoa bí  
 Là hồng tím giậu mồng tơi  
Là đỏ đôi bờ dâm bụt  
 Màu hoa sen trắng tinh khôi*

*Quê hương mỗi người chỉ một  
Như là chỉ một mẹ thôi  
 Quê hương nếu ai không nhớ…*

(Trích - *Bài học đầu cho con***-** Đỗ Trung Quân)

**Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (***Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).*

**Câu 1:** Đoạn trích trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Sáu chữ

D. Tám chữ

**Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên

A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Miêu tả

**Câu 3:** Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh, liệt kê

B. So sánh, điệp ngữ

C. So sánh, điệp ngữ, liệt kê

D. So sánh, Nhân hóa, Ẩn dụ.

**Câu 4:** Hình ảnh quê hương được hiện ra qua những hình ảnh nào?

A. Vàng hoa bí, giậu mồng tơi, bờ dâm bụt, mùa hoa sen trắng, mẹ

B. Vàng hoa bí, giậu mồng tơi, bờ dâm bụt,

C. Vàng hoa bí, giậu mồng tơi, mùa hoa sen trắng

D. Vàng hoa bí, giậu mồng tơi, mẹ, mùa hoa sen trắng

**Câu 5:** Tại sao tác giả lại cho rằng quê hương mỗi người chỉ một như là chỉ một mẹ thôi

A. Vì quê hương là nơi mẹ sinh ra đời

B. Vì mỗi chúng ta chỉ có một quê hương duy nhất.

C. Vì quê hương có tuổi thơ mỗi người.

D. Vì là nơi chúng ta sinh ra đời, nuôi lớn mỗi chúng ta.

**Câu 6:** Xác định chủ đề của đoạn thơ trên

A. Tuổi thơ

B. Quê hương

C. Gia đình

D. Đất nước

**Câu 7:** Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ là cảm xúc gì?

A. Tự hào, yêu quý

B. Bất ngờ

C. Ngạc nhiên và thích thú

D. Phấn khởi

**Câu 8:** Nhận xét về các hình ảnh thiên nhiên được tác giả sử dụng trong đoạn trích trên

A. Quen thuộc, đơn sơ B. Khó thấy, đơn sơ

C. Xa lạ, cầu kì D. Mộc mạc, khó tìm

**Câu 8:**

A. Lo sợ B. Lo lắng C. Lo âu D. Lo ngại

**Câu 9** *(1.0 điểm)*:Trong hai câu thơ “*Quê hương mỗi người chỉ một/Như là chỉ một mẹ thôi”* tác giả sử dụng biện pháp tu từ gì? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.

**Câu 10** *(1.0 điểm)*:Từ câu chuyện trên, hãy viết 1 đoạn văn ngắn (từ 3-5 câu) nêu những hành động trong việc bảo vệ quê hương?

**Phần II. Làm văn** *(4.0 điểm)*

Cảm nghĩ về một người thân của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Phần I. Đọc – hiểu**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **C** | **C** | **C** | **A** | **D** | **B** | **A** | **A** |   **Mỗi câu đúng được 0.5 điểm** | | **4.0** |
| **Câu 9** | - Hình ảnh so sánh: So sánh:*Quê hương …Như là chỉ một mẹ thôi.*  - Tác dụng: Diễn tá sinh động, cụ thể *sự thiêng liêng của hình bóng quê hương đối với mỗi người cũng như tình cảm yêu mến, gắn bó của nhà thơ đối với quê hương.* | **0.5**  **0.5** |
| **Câu 10** | HS cần nêu ít nhất 3 hành động bảo vệ quê hương đất nước: học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô. Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. Luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh,…  *(HS rút ra 2 hành động hợp lí thì chấm ½ số điểm; HS rút ra từ 3-4 hành động có diễn giải hợp lí thì chấm điểm tối đa).* | **1.0** |
| **Phần II. Làm văn (4.0 điểm)** | | |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
| *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
| - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |

**…, ngày … tháng … năm 2022**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **VD thấp** | | **VD cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...;  **Vận dụng:**  **-** Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | 5 TN | 3TN | 2TL | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

*Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.*

*Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.*

*Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.*

*Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.*

*Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.*

*Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.*

*(Theo Phương Liên )*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì? (Biết)

1. Thuyết minh
2. Nghị luận
3. Tự sự
4. Biểu cảm

**Câu 2:** Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị? (Biết)

1. 2 giá trị
2. 3 giá trị
3. 4 giá trị
4. 5 giá trị

**Câu 3:** Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai? Biết)

1. Cho bản thân
2. Cho xã hội
3. Cho bản thân và xã hội
4. Cho bản thân và gia đình

**Câu 4:** Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm? (Biết)

1. Đúng
2. Sai

**Câu 5:** Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?(Biết)

1. Nhân hóa.
2. So sánh
3. Ẩn dụ
4. Hoán dụ

**Câu 6:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì? (Hiểu)

1. Bàn về giá trị của sự sống.
2. Bàn về giá trị của sức khỏe.
3. Bàn về giá trị của thời gian.
4. Bàn về giá trị của tri thức.

**Câu 7:** Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên? (Hiểu)

1. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
2. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
3. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
4. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

**Câu 8:** Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

1. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.
2. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.
3. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
4. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.

**Câu 9:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được? (Vận dụng)

**Câu 10:** Bài học em rút ra được từ văn bản trên?(Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **c** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể lí giải:  - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng  - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được.  - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại. | 1,0 |
| **10** | Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân ( quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...). | 1,0 |
| **II**  **-** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng. | **0,25** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Biểu cảm về người thân | **0,25** |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | **2,5** |
|  | * Giới thiệu đối tượng, * Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng:   + Ngoại hình.  + Tính cách.  + Một số kỉ niệm mà em nhớ  + Vai trò của người thân.   * Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,5** |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | **0,5** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử. | 5 TN | 3TN | 2TL | |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức  **Vận dung cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** | | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

1. **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) Đọc văn bản sau:**

**TRÒ CHƠI OẲN TÙ TÌ**

**a. Mục đích**

- Góp phần rèn luyện khả năng tưởng tượng và phán đoán, tính nhanh nhẹn và chấp hành tổ chức, kỉ luật… cho người chơi.

- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, đoàn kết.

- Đây là trò chơi đơn giản, dùng để mở đầu cho các trò chơi khác. Thường dùng để chọn người làm “Cái” hoặc tìm ra người được chơi trò chơi đầu tiên.

**b. Hướng dẫn cách chơi:**

- Số lượng người chơi từ 2 em trở lên, nếu đông thì chia thành nhiều nhóm; có thể đứng hoặc ngồi chơi tự do, thoải mái.

- Địa điểm chơi: trong nhà, sân lớp, sân trường… sạch sẽ, thoáng mát.

- Chuẩn bị chơi: Người chơi đứng quay mặt vào nhau, tay phải nắm chặt.

- Bắt đầu chơi:

+ Khi có hiệu lệnh, người chơi đọc lời bài hát:

*Oẳn tù tì*

*Ra cái gì?*

*Ra cái này?*

Đọc đến tiếng *“này”* thì dừng lại và đưa tay ra phía trước đồng thời mở tay ra theo các dạng sau:

Dạng 1: cả bàn tay nắm lại là cái búa

Dạng 2: cả bàn tay xòe ra, để ngửa là tờ giấy

Dạng 3: ngón trỏ và ngón giữa giơ ra, các ngón khác nắm lại là cái kéo.

+ Sau khi giơ tay ra, người chơi sẽ dùng luật chơi để xác định thắng thua. Người thắng được búng tai hoặc búng mũi người bị thua; được làm *“Cái”* hoặc được đi trước trong trò chơi tiếp theo… Người thua bị búng mũi, búng tai hoặc phải *“làm người đi bỏ khăn”* (trong trò chơi “Bỏ khăn”), làm *“mèo”* và *“chuột”* (trong trò chơi *“mèo bắt chuột”)…*

+ Nếu đông người chơi, trò chơi lại tiếp tục ván khác để xác định tiếp thứ tự người thắng thứ hai, thứ ba… và người thua cuối cùng.

**c. Luật chơi:**

Thắng – thua được quy định như sau:

- Búa thắng được kéo, thua tờ giấy. Kéo thắng được tờ giấy.

- Người chơi phải giơ tay ra kí hiệu cùng một lúc, không được ra chậm quá hoặc nhanh quá.

- Nếu ai cố ý ra chậm quá là thua hoặc phải làm lại.

*Ghi chú:* hiện nay, trẻ em hay dùng hình thức cùng hô *“1,2,3”* rồi giơ tay ra trước mặt và dùng luật chơi như *“oẳn tù tì”* để xác định thứ tự chơi.

*(In trong “100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi”, NXB Kim Đồng, 2014, trang 7, 8, 9)*

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào? (Nhận biết)

A. Theo trật tự thời gian.

B. Theo quan hệ nhân quả.

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin.

D. Theo trình tự không gian.

**Câu 2:** Văn bản *“Oẳn tù tì”* cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Nhận biết)

A. Mục đích, hướng dẫn, luật chơi.

B. Mục đích, chuẩn bị, hướng dẫn chơi.

C. Nguồn gốc, hướng dẫn chơi, luật chơi.

D. Mục đích, hướng dẫn chơi, hình thức xử phạt.

**Câu 3:** Văn bản hướng dẫn bao nhiêu dạng mở tay ra oẳn tù tì? (Nhận biết)

A. 1 dạng.

B. 2 dạng.

C. 3 dạng.

D. 4 dạng.

**Câu 4:** Ý nào **đúng** khi nói về mục đích của trò chơi oẳn tù tì? (Nhận biết)

A. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.

B. Góp phần rèn luyện khả năng tưởng tượng và phán đoán.

C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.

D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

**Câu 5: Dấu chấm lửng được sử dụng trong câu văn sau có tác dụng gì:** Người thua bị búng mũi, búng tai hoặc phải *“làm người đi bỏ khăn”* (trong trò chơi “Bỏ khăn”), làm *“mèo”* và *“chuột”* (trong trò chơi *“mèo bắt chuột”*… (Nhận biết)

A. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

C. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

D. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

**Câu 6:** Từ *“Cái”* trong cụm *“làm cái*” được sử dụng trong văn bản trên có nghĩa là gì? (Thông hiểu)

A. Người chơi đầu tiên.

B. Người chơi thứ hai.

C. Người chơi thứ ba.

D. Người chơi cuối cùng.

**Câu 7:** Trò chơi *Oẳn tù tì* mang đến cho em những trải nghiệm gì? (Thông hiểu)

A. Giúp cho người chơi biết được nhiều trò chơi hơn.

B. Giúp cho người chơi vui vẻ và trở nên nhanh nhẹn hơn.

C. Giúp cho người chơi trở nên tự tin và nhanh nhẹn hơn.

D. Giúp cho người chơi hòa đồng với mọi người.

**Câu 8.** Theo em, trò chơi dân gian có đặc điểm gì? (Thông hiểu)

1. Trò chơi dân gian chỉ dành cho lứa tuổi thiếu niên.
2. Trò chơi dân gian mang tính nghệ thuật cao.
3. Trò chơi dân gian mang tính cá nhân.
4. Trò chơi dân gian mang tính phổ biến, lành mạnh.

**Câu 9:** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

**Câu 10:** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn trình bày cảm xúc về một kỉ niệm đáng nhớ với người thân yêu. (Vận dụng cao)

-Hết -

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn - Lớp: 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài giới thiệu kỉ niệm đáng nhớ, thân bài bộc lộ cảm xúc về kỉ niệm, kết bài khẳng định lại tình cảm về kỉ niệm, rút ra điều đáng nhớ với bản thân. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Trình bày cảm xúc về kỉ niệm đáng nhớ của bản thân. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai nội dung:*  HS bộc lộ cảm xúc theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa tự sự, miêu tả, biểu cảm; sau đây là một số gợi ý:  - Miêu tả sơ nét về người mà làm nên kỉ niệm với em  - Giới thiệu kỉ niệm  - Kể lại tình huống, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện  - Diễn biến câu chuyện  - Kết thúc câu chuyện | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**ĐỀ 2:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7, BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tản văn, tùy bút | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Tản văn, tùy bút | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người/sự việc; nêu được vai trò của con người/ sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU. (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

*“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi diều ơi! Bay đi!”. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.”*

*(****Cánh diều tuổi thơ***- Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

**Câu 1:** Cho biết đoạn ngữ liệu trên thuộc thể loại văn bản nào ?

1. Tuỳ bút

B. Hồi kí

C. Truyện

D. Tản văn

**Câu 2:** Nối cột **A** tương ứng với cột **B** về đặc điểm thể loại của văn bản

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1.Tùy bút | A. Các tác phẩm tự sự nói chung có nhân vật, cốt truyện và lời kể. |
| 2. Tản văn | B. Là ghi chép lại bằng trí nhớ những sự việc đã xảy ra đối với bản thân trong quá khứ đã để lại ấn tượng mạnh. |
| 3. Truyện | C. Là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh. |
| 4. Hồi kí | D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng, đời sống thường nhật. |

**Câu 3:** Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

1. Dòng sông
2. Cánh diều
3. Cánh đồng
4. Cánh cò

**Câu 4:** Trong câu*“Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ”* có cụm từ *“một thảm nhung khổng lồ”* thuộc cụm từ nào sau đây?

1. Cụm danh từ
2. Cụm động từ
3. Cụm tính từ
4. Không phải là cụm từ loại

**Câu 5:** Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ?

1. Cánh diều mềm mại như cánh bướm
2. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.
3. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.
4. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Câu 6: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Thông qua “*Cánh diều tuổi thơ”*, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến …………….. sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

A. Khát vọng

B. Nghị lực

C. Niềm vui

D. Sức mạnh

**Câu 7:** Câu *"Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh..."* cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào?

1. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối.
2. Trẻ em hay dễ ảo tưởng.
3. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé.
4. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ.

**Câu 8:** Nhan đề văn bản nêu lên nội dung gì?

1. Nêu vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian
2. Nêu lên ý nghĩa của cánh diều đối với tuổi thơ
3. Nêu hình ảnh xuyên suốt văn bản
4. Nêu lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.

**Câu 9:** Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị. Hãy trình bày cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ em.

**Câu 10:** Em có đồng ý với ý kiến sau không: *“Cánh diều có thể khơi dậy niềm vui sướng và ước mơ của tuổi thơ”*? Hãy nêu vai trò của ước mơ trong đời sống con người.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Cảm nghĩ về mái trường của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | 1C, 2D, 3A, 4B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ em ở những ý khác nhau.  - GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm.  **Gợi ý**:  - Giới thiệu được trò chơi.  - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy. | 1,0 |
|  | **10** | - HS có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình, nhưng phải lí giải hợp lí. *(GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm)*  - Vai trò của ước mơ: (HS trình bày ngắn gọn theo ý).  + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình.  + Là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán.  + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng . | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** *(Vận dụng cao)* | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* cóMở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, Thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…, Kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai các ý cho bài văn biểu cảm.*  HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…  Sau đây là một số gợi ý:  - Bộc lộ cảm xúc chung với mái trường của em.  - Cảm nghĩ của em qua vài nét ấn tượng về vẻ đẹp của ngôn trường: Hàng phượng vĩ xanh tốt; Những dãy phòng học…  - Cảm nghĩ về những kỉ niệm sâu sắc với ngôi trường.  Ngày đầu tiên tới trường (bỡ ngỡ, rụt rè…)  Kỉ niệm với bạn bè: (chia nhau cái bánh, cái kẹo, giúp đỡ nhau học tập, gắn bó như anh em…)  Kỉ niệm với thầy cô: dạy dỗ em nên người, hình thành nhân cách, quan tâm tới học sinh, truyền đạt những kiến thức bổ ích…  - Khẳng định tình cảm, cảm xúc của em dành cho mái trường. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ) |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |
| **Tổng** | |  | | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng*  *Mấy hôm trước còn hoa Mới thơm đây ngào ngạt, Thoáng như một nghi ngờ, Trái đã liền có thật.*  *Ôi! từ không đến có Xảy ra như thế nào? Nay má hây hây gió Trên lá xanh rào rào.*  *Một ngày một lớn hơn Nấn từng vòng nhựa một Một sắc nhựa chua giòn Ôm đọng tròn quanh hột…*  *Trái non như thách thức Trăm thứ giặc, thứ sâu, Thách kẻ thù sự sống Phá đời không dễ đâu!*  *Chao! cái quả sâu non Chưa ăn mà đã giòn, Nó lớn như trời vậy, Và sẽ thành ngọt ngon.* |  |
|  | (Trích trong tập“[*Tôi giàu đôi mắt”* (1970*)*](https://ocuaso.com/tag/tap-toi-giau-doi-mat-1970-xuan-dieu), trong “Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, Xuân Diệu) | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Bảy chữ

D. Tám chữ

**Câu 2:** Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh

B. Nhân hóa và So sánh

C. Nhân hóa và Ẩn dụ

D. So sánh, Nhân hóa, Ẩn dụ.

**Câu 3:** Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.

B. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.

C. Những quả sâu non nhí nhảnh.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 4:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui

B. Đùa

C. Chơi

D. Nghịch

**Câu 6:** Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

A. Vui sướng

B. Bất ngờ

C. Ngạc nhiên và thích thú

D. Phấn khởi

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.

B. Thể hiện sự gần gũi.

C. Thể hiện sự vui đùa.

D. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A. Miêu tả quả sấu non trên cao.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho người đọc hiểu được sức sống mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau và cho biêt tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

*Trái non như thách thức  
Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
Thách kẻ thù sự sống  
Phá đời không dễ đâu!*

**Câu 10:** Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về một người thân của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Xác định được biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** So sánh:Trái non như thách thức  + Nhân hóa: Thách thức  + Ẩn dụ: Trăm thứ giặc thứ sâu - chỉ kẻ thù xâm lược  - Tác dụng: Quả sâu non không sợ loài giặc loài sâu nào cứ lên, cứ trở thành ngon ngọt. Đó là sức sống kì diệu mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho ta hiểu một chân lí lớn lao: không một loài sâu bọ, không một thứ giặc nào có thể hủy diệt hay chiến thắng sự sống. Mọi cuộc bắn phá ném bom rồi cũng sẽ thất bại, không thể phá được cuộc sống vĩ đại của dân tộc Việt Nam. | 1,0 |
| 10 | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1 | Đọc hiểu | + Thơ bốn chữ, năm chữ  + Truyện ngụ ngôn  + Nghị luận văn học  + Tản văn, tùy bút  + Văn bản thông tin | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60% |
| 2 | Viết | + Viết văn bản kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  + Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  + Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1 | 40% |
| **Tổng** | | | 15 | 5 | 25 | 15 | 0 | 30 |  | 10 | 100% |
| **Tỉ lệ (%)** | | | 20% | | 40% | | 30% | | 10% | |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | 60% | | | | 40% | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Đọc hiểu | Thơ 5 chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| 2 | Viết |  | **- Nhận biết:**  **- Thông hiểu:**  **- Vận dụng:**  **- Vận dụng cao:**  + Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.  + Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | | **3TN** | **5TN** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn : Ngữ văn - Lớp 7**

**Thời gian làm bài : 90 phút**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Chót trên cành cao vót  
Mấy quả sấu con con  
Như mấy chiếc khuy lục  
Trên áo trời xanh non.*

*Trời rộng lớn muôn trùng  
Đóng khung vào cửa sổ  
Làm mấy quả sấu tơ  
Càng nhỏ xinh hơn nữa.*

*Trái con chưa đủ nặng*

*Để đeo oằn nhánh cong.  
Nhánh hãy giơ lên thẳng  
Trông ngây thơ lạ lùng.*

*Cứ như thế trên trời  
Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non  
Giỡn cả cùng mây trắng*

*Mấy hôm trước còn hoa  
Mới thơm đây ngào ngạt,*

*Thoáng như một nghi ngờ,  
Trái đã liền có thật.*

*Ôi! từ không đến có  
Xảy ra như thế nào?  
Nay má hây hây gió  
Trên lá xanh rào rào.*

*Một ngày một lớn hơn  
Nấn từng vòng nhựa một  
Một sắc nhựa chua giòn  
Ôm đọng tròn quanh hột…*

*Trái non như thách thức  
Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
Thách kẻ thù sự sống  
Phá đời không dễ đâu!*

*Chao! cái quả sâu non  
Chưa ăn mà đã giòn,  
Nó lớn như trời vậy,  
Và sẽ thành ngọt ngon*

*.*

(Trích trong tập“[*Tôi giàu đôi mắt”* (1970*)*](https://ocuaso.com/tag/tap-toi-giau-doi-mat-1970-xuan-dieu), trong “Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, Xuân Diệu)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

1. Bốn chữ
2. Năm chữ
3. Bảy chữ
4. Tám chữ

**Câu 2:** Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

* 1. So sánh
  2. Nhân hóa và so sánh
  3. Nhân hóa và ân dụ
  4. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

**Câu 3:** Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

* 1. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.
  2. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.
  3. Những quả sâu non nhí nhảnh.
  4. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 4:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

* 1. Vì chúng ở trên cao.
  2. Vì chúng là những quả sấu non.
  3. Vì chúng chưa lớn.
  4. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

* 1. Vui
  2. Đùa
  3. Chơi
  4. Nghịch

**Câu 6:** Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

* 1. Vui sướng
  2. Bất ngờ
  3. Ngạc nhiên và thích thú
  4. Phấn khởi

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

* 1. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.
  2. Thể hiện sự gần gũi.
  3. Thể hiện sự vui đùa.
  4. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

* 1. Miêu tả quả sấu non trên cao.
  2. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.
  3. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.
  4. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho người đọc hiểu được sức sống mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau và cho biêt tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

*Trái non như thách thức  
Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
Thách kẻ thù sự sống  
Phá đời không dễ đâu!*

**Câu 10:** Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Đề : Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một người mà em thần tượng

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI**

**NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Xác định được biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** So sánh:Trái non như thách thức  + Nhân hóa: Thách thức  + Ẩn dụ: Trăm thứ giặc thứ sâu - chỉ kẻ thù xâm lược  - Tác dụng: Quả sâu non không sợ loài giặc loài sâu nào cứ lên, cứ trở thành ngon ngọt. Đó là sức sống kì diệu mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho ta hiểu một chân lí lớn lao: không một loài sâu bọ, không một thứ giặc nào có thể hủy diệt hay chiến thắng sự sống. Mọi cuộc bắn phá ném bom rồi cũng sẽ thất bại, không thể phá được cuộc sống vĩ đại của dân tộc Việt Nam.  **- Hướng dẫn chấm**:  + Trả lời được như đáp án hoặc trình bày thấy đúng và hơp lí: 1,0đ  + Trả lời chung chung, chưa cụ thể hoặc thiếu ý: 0,5đ  + Không trả lời được ý nào: 0,0đ | 1,0 |
| 10 | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.*  **- Hướng dẫn chấm**:  + HS viết được 2 🡪 3 ý : 1,0đ  + HS viết được 1 ý: 0,5đ  + HS không trả lời: 0,0đ | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là thần tượng và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thần tượng | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thần tượng*  \* Giới thiệu được thần tượng và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về thần tượng:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của thần tượng và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và thần tượng, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với thần tượng  **Hướng dẫn chấm:**  - Trình bày đầy đủ các ý, diễn đạt mạch lạc, suy nghĩ sâu sắc: 2,0 🡪 2,5đ  - Trình bày được ¾ số ý, diễn đạt mạch lạc : 1,0 🡪 1,5đ  - Trình bày được ½ số ý hoặc kể chung chung: 0,25đ 🡪 0,75đ  - Không kể được sự việc: 0,0đ | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt: 0,5 điểm  **-** Còn sai một số lỗi chính tả, ngữ pháp: 0,25 điểm  - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |
| **TỔNG** | | | **10,0 đ** |

1. *Tử đồng: vốn là tên một huyện ở Trung Quốc, nơi thờ Đế quân Văn Xương, trông coi về văn học, thường có tục cầu tiên giáng bút. ở đây tác giả chỉ dùng với nghĩa là nơi ở của Đế quân.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Lã Mông Chính là người đời Tống, thi đỗ trạng nguyên. Khi nghe tin Mông Chính đỗ, Hồ Đán Phủ phàn nàn rằng: "Thôi thế là sang năm ta đỗ, lại phải sau hắn một thẻ rồi". Quả nhiên sang năm Hồ đỗ thật* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Hạ hầu Thắng là một danh nho đời Hán. Ông thường nói: "Kẻ sĩ chỉ sợ không sáng nghĩa kinh, nếu sáng thì lấy áo xanh áo tía dễ dàng như lặt cỏ rác ở dưới đất vậy".* [↑](#footnote-ref-3)